*Ngày soạn: T3./19/10/2021*

*Ngày dạy: T5/ 21/10 /2021*

**Buổi 1: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ: KỈ NIỆM TUỔI THƠ**

**(TÔI ĐI HỌC, TRONG LÒNG MẸ)**

**I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp h/s: Củng cố kiến thức về văn bản “Tôi đi học”- Thanh Tịnh; “Trong lòng mẹ”- Nguyên Hồng.

- HS hiểu và cảm nhận được tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của nhân vật “tôi” trong buổi tựu trường đầu tiên trong đời qua áng văn hồi tưởng giàu chất thơ của Thanh Tịnh.

- Hiểu được tình cảnh đáng thương và nỗi đau tinh thần của nhân vật bé Hồng đồng thời cảm nhận được tình thương yêu mãnh liệt của em dành cho mẹ mình.

- Hiểu được thể văn hồi ký và đặc sắc của thể văn này qua ngòi bút thấm đượm chất trữ tình của hai nhà văn.

- Rèn kỹ năng thực hành bài văn nghị luận kết hợp yếu tố tự sự và miêu tả.

**II. THIẾT BI VÀ HỌC LIỆU:**

1.Giáo viên: Soạn bài, tìm hiểu các tài liệu tham khảo.

2.Học sinh: ôn tập.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG LÊN LỚP:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

**b.Tổ chức thực hiện: Gv yêu cầu h/s thảo luận nhóm bàn**

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv yêu cầu h/s củng cố kiến thức 2 văn bản Tôi đi học (Thanh Tịnh) , Trong Lòng mẹ (Nguyên Hồng)

* Nêu những hiểu biết của em về tác giả và tác phẩm?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s thảo luận theo 2 nhóm

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhân định**

**Gv nghe, nhận xét, đánh giá**

**Sản phẩm dự kiến**

**Văn bản 1: Tôi đi học**

1, Tác giả:

Thanh Tịnh (1911 - 1988), tên khai sinh là Trần Văn Ninh.

- Quê quán: xóm Gia Lạc, ven sông Hương, ngoại ô thành phố Huế

+ Những sáng tác của Thanh Tịnh toát lên vẻ đằm thắm, tình cảm trong trẻo, êm dịu

2. Tác phẩm

Hoàn cảnh sáng tác: “Tôi đi học” là truyện ngắn in trong tập Quê mẹ, xuất bản năm 1941

**Văn bản 2: Trong lòng mẹ**

1, Tác giả:

- Nguyên Hồng (1918- 1982), tên khai sinh là Nguyễn Nguyên Hồng

- Quê quán: Nam Định

- Phong cách sáng tác: Ông được mệnh danh là nhà văn của những người cùng khổ

2. Tác phẩm: - Trong lòng mẹ là chương thứ IV của tác phẩm Những ngày thơ ấu (gồm 9 chương), tập hồi kí về tuổi thơ ít niềm vui, nhiều cay đắng của tác giả.

GV chốt, bổ sung văn bản 1.

**1. Tác giả.**

- Thanh Tịnh (1911- 1988) Tên khai sinh là Trần Văn Ninh. Trước năm 1946 ông vừa dạy học, vừa làm thơ. Ông có mặt ở trên nhiều lĩnh vực: Thơ, truyện dài, ca dao, bút ký... nhưng thành công hơn cả là truyện ngắn.

- Truyện ngắn của ông trong trẻo mà êm dịu. Văn của ông nhẹ nhàng mà thấm sâu, mang dư vị man mác buồn thương, vừa ngọt ngào, vừa quyến luyến

- Ông để lại sự nghiệp đáng quý.

+ Về thơ: Hận chiến trường, sức mồ hôi, đi giữa mùa sen. ..

+ Truyện: Ngậm ngải tìm trầm, Xuân và Sinh...

**2. Tác phẩm:** *Tôi đi học* in trong tập truyện ngắn *Quê mẹ* (1941) thuộc thể loại hồi ký ghi lại những kỷ niệm đẹp của tuổi thơ trong buổi tựu trường.

***\* Nội dung chính:*** Bằng giọng văn giàu chất thơ, chất nhạc, ngôn ngữ tinh tế và sinh động, tác giả đã diễn tả những kỉ niệm của buổi tựu trường đầu tiên. Đó là tâm trạng bỡ ngỡ mà thiêng liêng, mới mẻ mà sâu sắc của nhân vật “tôi” trong ngày đầu tiên đi học.

***\* Kết cấu:*** Truyện được kết cấu theo dòng hồi tưởng của nhân vật “tôi”. Dòng hồi tưởng được khơi gợi hết sức tự nhiên bằng một khung cảnh mùa thu hiện tại và từ đó nhớ lại lần lượt từng không gian, thời gian, từng con người, cảnh vật với những cảm giác cụ thể trong quá khứ.

Văn bản 2.

**1.** **Tác giả**

- Nguyên Hồng ( 1918 – 1982 ) tên đầy đủ là Nguyễn Nguyên Hồng, quê ở Nam Định, nhưng trước cách mạng, ông sống chủ yếu trong một xóm lao động nghèo ở Hải Phòng.

- Thời thơ ấu với cuộc sống cay đắng, vất vả đã ảnh hưởng lớn đến sáng tác của ông. Ngay từ tác phẩm đầu tay, ông đã viết về những người lao động nghèo khổ gần gũi một cách chân thực và xúc động với một tình yêu thương thắm thiết.

- Sau cách mạng tháng Tám 1945, nhà văn đi theo cách mạng và tiếp tục sáng tác cho đến cuối đời.

- Ông đã để lại một sự nghiệp sáng tạo đồ sộ, có giá trị, với nhiều tác phẩm nổi bật như: ***Bỉ vỏ*** ( tiểu thuyết, 1938), ***Những ngày thơ ấu*** (hồi kí, 1938), ***Trời xanh*** ( tập thơ, 1960), ***Cửa biển*** ( bộ tiểu thuyết gồm 4 tập, 1961 – 1976), ***Núi rừng Yên Thế*** ( bộ tiểu thuyết đang viết dở ),...

**2. Hồi kí “Những ngày thơ ấu”**.

- Hồi kí là một thể văn được dùng để ghi lại những chuyện có thật đã xảy ra trong cuộc đời một con người cụ thể, thường là của chính người viết. Hồi kí thường được những người nổi tiếng viết vào những năm tháng cuối đời.

- “***Những ngày thơ ấu***” là một tập hồi kí gồm 9 chương viết về tuổi thơ cay đắng của chính Nguyên Hồng, được đăng báo năm 1938 và xuất bản lần đầu năm 1940.

**3.** **Đoạn trích “Trong lòng mẹ”**.

***a. Khái quát:***

*\* Xuất xứ:* Đoạn trích thuộc chương IV của tập hồi kí “***Những ngày thơ ấu***”.

*\* Nội dung chính:* Kể lại quãng đời tuổi thơ cay đắng của bé Hồng khi phải sống với bà cô cay nghiệt, nhưng dù trong cảnh ngộ xa mẹ, cậu bé ấy vẫn có được sự tỉnh táo để hiểu mẹ, yêu thương mẹ vô bờ và có một niềm khao khát cháy bỏng được sống trong tình mẹ.

*\* Kết cấu:* Truyện được kết cấu theo diễn biến tâm lí nhân vật. Cụ thể:

- Những suy nghĩ của bé Hồng trong cuộc trò chuyện với bà cô.

- Cảm xúc của bé Hồng khi gặp mẹ và được ngồi trong lòng mẹ.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

1. **Mục tiêu:** Giúp h/s tóm tắt, củng cố nội dung, nghệ thuật của 2 văn bản : Tôi đi học và Trong lòng mẹ
2. **Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (yêu cầu thảo luận cặp đôi)**

**- H/s tóm tắt văn bản**

- Nêu nghệ thuật và nội dung của văn bản Tôi đi học và Trong lòng mẹ

**Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**

**- H/s** vận dụng kiến thức đã học khái quát lại, trả lời

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**H/s trả lời, gv nhận xét, đánh giá, chốt**

**Sản phẩm dự kiến**

**I.Kiến thức cần nhớ của 2 văn bản**

**Văn bản 1: Tôi đi học**

**1 Tóm tắt:**

Hằng năm cứ vào cuối thu, khung cảnh thiên nhiên lại làm cho tác giả nhớ đến những kỉ niệm về ngày đầu tiên đi học. Nhân vật tôi được mẹ đưa đến trường trong lòng tràn ngập cảm giác mới lạ: Hôm nay tôi đi. Cậu tự nhiên thấy muốn tự mình cầm bút thước, thấy những trò quậy phá rong ruổi với đám bạn đã xa tít tắt. Khi tới trường, quan sát những học sinh cậu thấy họ như những con chim non còn bỡ ngỡ trong những cử chỉ hành động gần như trở nên thừa thãi. Khi thầy Đốc trường Mĩ Lí điểm danh cho học sinh xếp hàng vào lớp, ai cũng hồi hộp, lo âu, không biết phải làm gì nhưng sau câu nói của thầy mọi chuyện đều ổn. Lớp học bắt đầu với dòng chữ đầu tiên thầy viết lên bảng đó là bài tập viết: Tôi đi học!

**2. Giá trị nghệ thuật:**

+ Bố cục theo dòng hồi tưởng cảm nghĩ của nhân vật tôi theo trình tự thời gian buổi tựu trường.

+ Dòng cảm xúc của nhân vật đan xen yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm.

+Nghệ thuật so sánh tạo hiệu quả diễn đạt cao, kết hợp các từ láy, tính từ,. động từ giàu hình ảnh và sinh động.

+ Ngôn ngữ hình ảnh trong sáng, giàu chất thơ, nhẹ nhàng phù hợp với tâm trạng ngây thơ, rụt rè của những đứa trẻ trong buổi tựu trường đầu tiên.

**3. Giá trị nội dung:** Truyện kể về những kỉ niệm trong sáng, hồn nhiên của buổi tựu trường đầu tiên qua sự hồi tưởng của nhân vật tôi

**Văn bản 2: Trong lòng mẹ (Nguyên Hồng)**

**1. Tóm tắt**

Bé Hồng sinh ra là kết quả của cuộc hôn nhân miễn cưỡng giữa người bố nghiện ngập và người mẹ trẻ trung luôn khao khát có được tình yêu thương nhưng đành ngậm ngùi chôn vùi tuổi xuân bên người chồng nghiện ngập. Khi bố Hồng mất, người mẹ bỏ hai anh em Hồng lại để đi tha hương cầu thực, anh em Hồng luôn sông trong sự ghẻ lạnh của nhà nội. Nhất là bà cô, luôn gieo rắc vào đầu Hồng những rắp tâm tanh bẩn để Hồng ghét bỏ mẹ của mình. Nhưng Hồng không những không ghét mẹ mà còn thông cảm và yêu mẹ nhiều hơn, em căm thù những hủ tục đã đày đọa mẹ mình. Chiều hôm đó khi vừa tán học, em thoáng thấy bóng dáng mẹ, em liền gọi theo với hi vọng và giọng bối rối. Khi mẹ em quay đầu lại, Hồng sà vào lòng mẹ, trong lòng mẹ, Hồng chẳng còn mảy may đến những lời nói thâm độc của bà cô mà chỉ cảm nhận được tình mẫu tử thiêng liêng, chan chứa.

**2. Giá trị nghệ thuật:**

- Lời văn nhẹ nhàng, tình cảm, giàu hình ảnh và chan chứa cảm xúc

- Mạch truyện, mạch cảm xúc tự nhiên, chân thực

- Kết hợp lời văn kể chuyện với miêu tả, biểu cảm

- Khắc họa thành công hình tượng nhân vật bé Hồng thông qua lời nói, hành động, tâm trạng sinh động chân thật.

**3. Giá trị nội dung:**  Đoạn văn “Trong lòng mẹ” trích hồi kí “Những ngày thơ ấu” của Nguyên Hồng đã kể lại một cách chân thực và cảm động những cay đắng và tủi cực cùng tình yêu thương cháy bỏng của nhà văn thời thơ ấu đối với người mẹ bất hạnh, đáng thương của mình

**Hoạt động 3 : Luyện tập**

a) Mục tiêu: Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV đặt câu hỏi :** GV y/c HS luyện đề đọc hiểu

- G tổ chức cho H luyện đề đọc hiểu

**Phiếu học tập số 1(Đề 1) :**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

"Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường.

Tôi không thể nào quên được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường, lòng tôi lại tưng bừng rộn rã.

Buổi sáng mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học.

   ( Trích Ngữ văn 8- Tập 1)

**Câu 1:** Đoạn trích trên được trích trong văn bản nào? Của ai?

**Câu 2:** Văn bản mà em vừa kể trên thuộc thể loại gì? Bằng một câu văn, hãy nêu nội dung cơ bản của văn bản đó.

**Câu 3:** Chỉ ra những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn.

**Câu 4:** Trong câu văn mở đầu, tâm trạng của nhân vật “tôi” được thể hiện qua từ ngữ nào?

**Câu 5:** Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: “Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng”.

**Câu 6:** Tìm các từ thuộc một trường từ vựng và đặt tên cho trường từ vựng ấy?

**Câu 7:** Kể tên một văn bản mà em đã học trong chương trình Ngữ văn 8 cùng thể loại. Nêu tên tác giả.

**Câu 8:** Viết đoạn văn cảm nhận về hình ảnh so sánh có trong đoạn trích.

Phiếu học tập số 2 (Đề 2)

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

1. Xe chạy chầm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tay tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo:
2. - Con nín đi! Mợ đã về với con rồi mà.”

**Câu 1:** Đoạn văn trên trích trong văn bản nào ? Của ai? Đoạn văn kể về việc gì?

**Câu 2:** Chỉ ra các từ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn trên và nêu tác dụng của việc sử dụng các từ đó trong đoạn văn?

**Câu 3:** Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích và nêu tác dụng?

**Câu 4:** Xác định chủ ngữ và vị ngữ trong câu văn: “ Con nín đi! Mợ đã về với con rồi mà” ?

**Câu 5:** Cảm nhận về nhân vật “tôi” trong đoạn trích trên bằng một đoạn văn ngắn từ 5-7 câu trong đó có dùng một từ láy?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

- GV lắng nghe

**Bước 3. Báo cáo thảo luận**

- Báo cáo kết quả

- HS khác nhận xét về cách đọc hiểu của các bạn

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

-Giáo viên nhận xét, cho điểm

- GV chốt , h/s chữa bài

**Sản phẩm dự kiến**

**III.Luyện tập**

**Phiếu học tập số 1**

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Những câu văn trên được trích trong văn bản “ Tôi đi học” của tác giả Thanh Tịnh.

**Câu 2:** Văn bản mà em vừa kể trên thuộc thể loại Truyện ngắn trữ tình.(đậm chất hồi kí)

Nêu nội dung cơ bản : Những hồi ức của tác giả về những kỉ niệm trong sáng của ngày tựu trường.

**Câu 3:** Phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả, biểu cảm

**Câu 4:** Trong câu văn mở đầu, tâm trạng của nhân vật “tôi” được thể hiện qua từ “ nao nức”.

**Câu 5:**

- BPTT So sánh " những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng"-> Hình ảnh “ mấy cành hoa tươi tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng" là hình ảnh thiên nhiên tươi sáng, đẹp đẽ và tinh khôi. Những cảm giác của buổi tựu trường đầu tiên được tác giả so sánh với những hình ảnh đó nhằm diễn tả những cảm xúc, những rung động tự nhiên thật đẹp đẽ, thật đáng yêu, đáng trân trọng và mãi tươi mới, vẹn nguyên trong buổi tựu trường đầu tiên.

- BPTT nhân hóa : cành hoa tươi mỉm cười-> diễn tả niềm vui, niềm hân hoan của nhân vật “tôi”.

**Câu 6:** Trường từ vựng: sương, gió, đám mây, bầu trời-> Tên trường từ vựng “ thien nhiên”.

**Câu 7:** Văn bản “ Lão Hạc” của tác giả Nam Cao.

**Câu 8:**

**\*Câu mở đoạn:** Nêu vấn đề

Đoạn trích trên trích trong văn bản “Tôi đi học” của tác giả Thanh Tịnh đã rất thành công trong việc sử dụng hình ảnh so sánh “Tôi không thể nào quên được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.”

**\* Các câu thân đoạn:**

- Hình ảnh so sánh “ cành hoa tươi” biểu trưng cho cái đẹp, cái tinh hoa, tinh túy, cái đáng yêu, đáng nâng niu của tạo hóa ban cho con người. Dùng hình ảnh “ cành hoa tươi” tác giả nhằm diễn tả những cảm giác, những rung động trong buổi đầu tiên đi học thật đẹp đẽ, đáng yêu vô cùng.

- Vẻ đẹp ấy không chỉ sống mãi trong tiềm thức, kí ức mà luôn tươi mới vẹn nguyên.

- Phép nhân hóa “ mỉm cười” diễn tả niềm vui, niềm hạnh phúc tràn ngập và cả một tương lai đẹp đẽ đang chờ ở phía trước.

- Rõ ràng những cảm giác, cảm nhận đầu tiên ấy sống mãi trong lòng «  tôi » với bao hy vọng về tương lai.

**\* Câu kết đoạn :** Khẳng định lại vấn đề**:** Chỉ bằng một đoạn văn ngắn đó đã làm cho ta cảm nhận được tấm lòng mãi mãi biết ơn, yêu quý thầy cô, mái trường, bè bạn của nhà văn Thanh Tịnh, cách diễn tả ấy thật hay, thật đặc sắc và giàu chất thơ.

**Phiếu học tập số 2(Đề 2)**

**Gợi ý:**

**Câu 1:** - Đoạn văn trên trích từ văn bản" Trong lòng mẹ"-( Trích hồi kí " nhưng ngày thơ ấu" của Nguyên Hồng )

- Đoạn văn kể về cảm xúc của bé Hồng khi bất ngờ gặp mẹ.

**Câu 2:**

- Từ tượng hình: Chầm chậm.

* Từ tượng thanh: Hồng hộc, nức nở, sụt sùi**.**
* Tác dụng: Đoạn văn cho ta thấy được sự xúc động và cảm giác hạnh phúc của hai mẹ con bé Hồng khi gặp lại nhau sau thời gian xa cách**.**

**Câu 3:** Biện pháp liệt kê được sử dụng trong câu “Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại.” là biện pháp liệt kê, thể hiện mong mỏi, khát khao gặp mẹ và niềm hạnh phúc khi được gặp mẹ của chú bé Hồng.

**Câu 4:** “ Con/ nín đi! Mợ /đã về với con rồi mà” ?

**Câu 5:**

- Về hình thức : Một đoạn văn có dung lựơng giới hạn, có dùng môt từ láy.

- Về nội dung: Cảm nhận về cảm xúc của bé Hồng khi gặp mẹ.

**\* Câu mở đoạn:** giới thiệu tác giả, văn bản, đoạn trích, nội dung cả đoạn trích.

**- Tham khảo câu mở đoạn:** Đọan trích trên trích trong văn bản “ trong lòng mẹ “ "- Trích hồi kí " những ngày thơ ấu" của tác giả Nguyên Hồng đã rất thành công trong việc thể hiện cảm xúc của Bé Hồng khi bất ngờ gặp mẹ.

**\*Thân đoạn( khoảng 3- 5 câu):** Cảm xúc của bé Hồng được thể hiện:

- Như một cảnh dào dạt niềm vui, xe chạy chầm chầm, hành động vội vã cuống quýt đuổi theo xe mẹ, thở hồng hộc, ríu ca chân lại, òa khóc nức nở...nhịp văn nhanh, gấp mừng vui, hờn tủi và vẫn rất trẻ con nũng nịu, nhỏ bé trước tình mẹ bao la.

- Đây là những giọt nước mắt bị dồn nén bấy lâu nay, là những giọt nước mắt hạnh phúc.

+ Những cảm nhận sâu sắc, tinh tế, niềm khao khát tình mẹ: Khi “thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo”, chú bé đã gọi bối rối, thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, ríu cả chân lại. Hàng loạt động từ đã cho thấy khao khát gặp mẹ mãnh liệt của Hồng.

**\* Kết đoạn( 1 câu):** Có thể nói, với cách sử dụng từ láy, biện pháp nghệ thuật liệt kê, đoạn trích đã diễn tra một cách cảm động và chân thực cảm xúc của bé Hồng khi mới gặp mẹ.

**\*\*Từ láy :** “ nũng nịu”, “ hồng hộc”

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu :

Bài tập 1.Cho câu chủ đề sau: “ Học tập là chìa khóa mở ra tương lai tươi sáng”. Hãy viết một đoạn văn theo cách diễn dịch( 6-8 câu) sau đó biến đổi đoạn văn thành đoạn văn qui nạp.

Bài tập 2 : Qua học tập đoạn trích Trong lòng mẹ (Nguyên Hồng).Viết đoạn văn suy nghĩ của em về tình mẫu tử khoảng 10- 15 câu?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc cá nhân, trình bày

- GV lắng nghe

**Bước 3. Báo cáo thảo luận**

- GV gọi h/s trình bày

- Các h/s khác nhận xét bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- HS nhận xét

- GV chốt động viên khuyến khích bằng lời khen.

**Sản phẩm dự kiến**

**Bài tập 1 :**

**- Về hình thức:** Dung lượng từ 6-8 câu, viết theo kiểu diễn dịch, sau đó biến đổi thành kiểu đoạn văn quy nạp.

**- Về nội dung:** Làm rõ câu chủ đề đã cho: “Học tập là chìa khóa mở ra tương lai tươi sáng”. Cụ thể như sau:

**\* Câu mở đoạn** ( câu chủ đề): Học tập là chìa khóa mở ra tương lai tươi sáng.(1)

**\* Các câu thân đoạn:**

- Học tập giúp chúng ta giàu có về mặt tri thức cả về tự nhiên và xã hội.(2)

- Nó giúp ta tích tụ được nhiều kiến thức trong quá trình học tập.(3)

- Học tập giúp chúng ta biết sống, biết yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ mọi người.(4)

- Học tập giúp chúng ta trưởng thành hơn về mặt nhân cách.(5)

- Học tập giúp chúng ta biết tuân thủ đúng luật, giúp chúng ta rèn luyện đạo đức tốt đẹp(6)

**\* Câu kết đoạn:** Vì vậy, để có tương lai tươi sáng, tốt đẹp hơn, điều quan trọng bay giờ là chúng ta phải học tập.(7)

Bài tập 2: **\* Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề nghị luận.

**Tham khảo câu mở đoạn**: Tình mẫu tử là một trong những tình cảm rất đỗi thiêng liêng của mỗi người.

**\* Thân đoạn: ( từ 10-12 câu)**

a) Giải thích: Tình mẫu tử là tình cảm yêu thương, gắn bó giữa mẹ và con.

b) Bàn luận

+ Biểu hiện của tình mẫu tử:

- Mẹ yêu thương, che chở, hi sinh tất cả vì con.

- Con kính trọng, yêu thương, biết ơn mẹ.

( Lấy dẫn chứng trong văn học và thực tế làm dẫn chứng)

+ Sức mạnh của tình mẫu tử.

- Là tình cảm thiêng lieng, cao quý, giúp hình thành nhân cách cho con, dạy con biết yêu thương, sống có lòng biết ơn.

- Là nguồn sức mạnh tinh thần vô giá tiếp sức cho cả mẹ và con trên đường đời để có thể vượt qua nhiều trở ngại, khó khăn.

- Là niềm an ủi, vỗ về, chở che, bao dung khi con vấp ngã hay mắc sai lầm.

c)Đánh giá, mở rộng vấn đề.

- Đánh giá: Tình mẫu tử là tình cảm tự nhiên, thiêng liêng và bất diệt.

- Mở rộng vấn đề

+ Phê phán những kẻ không biết trân trọng tình cảm này.

+ Cảm thông với những người bất hạnh không được sống trong tình mẫu tử.

d) Bài học

- Chúng ta cần giữ gìn và trân trọng tình cảm thiêng liêng này.

- Làm một người con hiếu thảo, học tập và rèn luyện, trở thành người có ích, để báo đáp công ơn của mẹ.

- Liên hệ bản thân

**\* Kết đoạn:** Khẳng định lại vấn đề

Có thể nói, tình mẫu tử là điểm tựa vững chắc trong cuộc đời mỗi con người.

- Gv tổng kết, củng cố lại bài học.

- Dặn dò: Bài tập về nhà.

Viết bài văn ngắn (không quá 40 dòng) làm sáng tỏ niềm khao khát tình mẹ và cảm giác vui sướng cực điểm của nhân vật bé Hồng ở trong lòng mẹ qua đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng (SGK Ngữ văn 8, tập 1)

- Hình thức: Viết đúng hình thức đoạn văn theo yêu cầu. Đảm bảo độ dài đoạn văn theo yêu cầu. Lập luận chặt chẽ. Văn phong trong sáng, giàu cảm xúc, linh hoạt, sáng tạo.

- Nội dung:

+ Những cảm nhận sâu sắc, tinh tế, Niềm khao khát tình mẹ: Khi “thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo”, chú bé đã: gọi bối rối, thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, ríu cả chân lại. Hàng loạt động từ đã cho thấy khao khát gặp mẹ mãnh liệt của Hồng. Nhưng do cuộc gặp gỡ quá sung sướng, bất ngờ nên Hồng nghĩ “mình đã lầm”. Nếu người quay lại đó không phải thì thật là một điều tủi cực, thất vọng lớn cho Hồng. “không khác nào người bộ hành sắp gục ngã giữa sa mạc mênh mông bắt gặp ảo ảnh của bóng râm và dòng suối...” Từ đây ta thấy được tâm trạng hồi hộp, niềm khát khao cháy bỏng mong được gặp mẹ của Hồng

- Cảm giác vui sướng cực điểm của nhân vật bé Hồng ở trong lòng mẹ: Khi biết đó chính là mẹ, cậu bé òa khóc nức nở. Đây là những giọt nước mắt bị dồn nén bấy lâu nay, là những giọt nước mắt hạnh phúc. Cậu nằm trong lòng mẹ và cảm nhận hơi ấm từ mẹ sang mình.

- Cảm nhận của Hồng thật gần gũi, thân quen lại vừa có gì đó mới mẻ, lạ lẫm: “vạt áo nâu”, “gương mặt tươi sáng với đôi mắt trong” vẫn thật ấm áp, quen thuộc. Nhưng từ hơi quần áo đến hơi thở của mẹ đều “thơm tho lạ thường”. Những cảm giác của tình mẫu tử bao lâu nay mất đi thì bỗng lại mơn man khắp da thịt: “để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng”. Lúc này chỉ còn tình mẹ con, tình mẫu tử thiêng liêng tồn tại còn bao nhiêu lời nói, ý nghĩ cay độc của bà cô đều tan biến hết thảy.

-Chuẩn bị buổi 2: Ôn tập tính thống nhất về chủ đề trong văn bản; bố cục của văn bản

Ngày soạn T7/23/10/2021

Ngày dạy: Buổi 2

ÔN TẬP TÍNH THỐNG NHẤT VỀ CHỦ ĐỀ TRONG VĂN BẢN.

BỐ CỤC CỦA VĂN BẢN.

**I. MỤC TIÊU:**

– Giúp hs ôn tập và nâng cao những kiến thức :*Tính thống nhất về chủ đề và bố cục văn bản.*

– Rèn kĩ năng trình bày miệng, viết những kiến thức trọng tâm.

– GD ý thức hoc tập bộ môn.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Gv:** Tập hợp tài liệu tham khảo, soạn bài

2.H/s : Ôn tập 2 bài: Tính thống nhất về chủ đề và bố cục văn bản.

**III.TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a.Mục tiêu : Tạo được không khí thoải mái**

**b.Tổ chức thực hiện.**

**B1.Chuyển giao nhiệm vụ**

**-**H/s làm việc cá nhân

**H: Em hiểu thế nào là chủ đề văn bản? Những điều kiện để có đảm bảo tính thống nhất về chủ đề?Một văn bản thường gồm mấy phần?**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s dùng kĩ thuật động não 1p để trả lời

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

H/s trình bày cá nhân , h/s khác nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Gv lắng nghe, nhận xét và đánh giá, chốt.

Sản phẩm dự kiến

-Chủ đề văn bản là đối tượng và vấn đề chính mà văn bản muốn biểu đạt

-Tính thống nhất về chủ đề của văn bản là một trong những đặc trưng quan trọng tạo nên văn bản, nó làm cho văn bản mạch lạc và liên kết chặt chẽ hơn.Vậy thế nào là tính thống nhất về chủ đề của văn bản? Mà ta biết văn bản thường phải có 3 phần: MB-TB-KB và chức năng, nhiệm vụ của chúng. Bởi vậy bài học này nhằm ôn tập lại kiến thức đã học, đồng thời đi sâu hơn tìm hiểu cách sắp xếp tổ chức nội dung phần TB-phần chính của văn bản. Việc sắp xếp ảnh hưởng trực tiếp đến việc tiếp thu của người đoc như thế nào? Cần sắp xếp văn bản ra sao cho người đọc dễ tiếp thu nhất và việc trình bày tiết kiệm nhất, ít trùng lặp nhất ta sẽ tìm hiểu qua bài học hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a.Mục tiêu**: tìm hiểu về tính thống nhất của chủ đề trong văn bản. Bố cục của văn bản

**b.Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

**Gv yêu cầu h/s thảo luận cặp đôi**

1. Muốn thể hiện chủ đề của văn bản phải có những yếu tố nào ? Vậy thế nào là tính thống nhất về chủ đề cuả văn bản ? Các phương diện để biểu hiện của chủ đề là gì ?

2. Có mấy cách trình bày đoạn văn (Viết đoạn văn trình bày theo các kiểu nào?), vẽ mô hình các hình thức trình bày đó?

3.Bố của văn bản là gì? Có mấy phần? Nêu nhiệm vụ của từng phần?

**B2.Thực hiện nhiệm vụ**

H/s thảo luận theo cặp đôi, đại diện từng cặp trả lời.

**B3.Báo cáo thảo luận.**

Đại diện từng cặp trả lời, cặp khác nhận xét, bổ sung

**B4.Kết luận, nhận định**

Gv lắng nghe, nhận xét, đánh giá, chốt.

**Sản phẩm dự kiến**

**I.Tính thống nhất về chủ đề trong văn bản**

1.Muốn thể hiện chủ đề của văn bản phải có những yếu tố nào ?

– Chủ đề muốn thể hiện phải có các yếu tố góp sức như nhan đề, bố cục, từ ngữ, câu văn.

Vậy thế nào là tính thống nhất về chủ đề cuả văn bản ?

– Chủ đề được biểu đạt xác định không xa dời hay lạc sang chủ đề khác.

Các phương diện để biểu hiện của chủ đề là gì ?

-Phương diện giúp thể hiện chủ đề là nhan đề, bố cục, từ ngữ, câu văn.

2. Có mấy cách trình bày đoạn văn (Viết đoạn văn trình bày theo các kiểu nào?), vẽ mô hình các hình thức trình bày đó?

Có 3 cách: trình bày theo cách diễn dịch, quy nạp, song hành

Diễn dịch Quy nạp

C 1 2 ( … )

1 2 (….) C (câu chủ đề)

C (câu chủ đề)

(1), (2), (…) là các câu triển khai ý tưởng (1), (2), (…) là các câu triển khai ý tưởng

Song hành

1

2

Suy ra câu chủ đề

…

Chỉ có các câu triển khai ý tưởng Tổng phân hợp

Có cách trình bày theo Tổng phân hợp sau này học; C

1 2 …

1.Diễn dịch: Là cách trình bày đi từ ý chung, khái quát đến các ý chi tiết cụ thể làm sáng tỏ ý chung, ý khái quát đó. Câu mang ý chung, khái quát đứng ở đầu đoạn văn có tư cách là câu chốt của đoạn.

Vd: Viết đoạn văn diễn dịch diễn tả tình yêu thương mẹ của bé Hồng (Trích trong văn bản “Trong lòng mẹ” – Trích “Những ngày thơ ấu” của Nguyên Hồng)

Gợi ý:

Đoạn văn diễn dịch: Tình thương mẹ đã khiến Hồng trở nên già dặn. Dù còn ít tuổi nhng Hồng đã biết thông cảm với mẹ, hiểu mẹ không có tội gì mà chỉ vì nợ nần cùng túng phải đi tha hơng cầu thực, vì thế mà Hồng cũng trở nên khôn ngoan hơn, biết cảnh giác trước thái độ của người cô. Em đã cố giấu đi tình cảm thực, không chỉ từ chối chuyến đi Thanh Hoá mà còn hỏi vặn để người cô không thực hiện được âm mưu. Hồng hiểu nỗi đau khổ của mẹ là do những cổ tục phong kiến gây ra nên hình dung những cổ tục đó là mẩu gỗ, cục đá và em muốn chiến đấu xoá bỏ chúng ( nhai, nghiến cho kì nát vụn mới thôi). Những cảm xúc, suy nghĩ ấy có thể có được ở một đứa trẻ ngây thơ không ?

**2.**Quy nạp: Là cách trình bày đi từ chi tiết, cụ thể đến khái quát. Câu mang ý chung, ý khái quát đứng ở cuối đoạn văn và có tư cách là câu chốt của đoạn.

Vd: Viết đoạn văn quy nạp nói về mái trường của mình.

Gợi ý:

Ngôi trường của tôi là một ngôi trường mới, khang trang và đẹp đẽ với những dãy nhà cao tầng được sơn màu vàng, được lợp mái tôn đỏ tươi. Từng phòng học lúc nào cũng vang lên lời giảng ân cần của thầy cô, tiếng phát biểu dõng dạc trước lớp hay tiếng cười nói hồn nhiên, trong sáng của những bạn học sinh. Sân trường rộng rãi thoáng mát nhờ những hàng cây xanh tươi xào xạc lá và những cơn gió nhè nhẹ. Và nơi đây cũng lưu giữ bao kỉ niệm đẹp đẽ về những người thầy cô, những bạn bè mà tôi yêu quý. Tôi yêu nhất mái trường cấp hai – nơi tôi đang học - đơn giản bởi chính nơi đây tôi đã và đang lưu giữ được nhiều cảm xúc thiêng liêng nhất."

**3.**Song hành: Là cách trình bày các ý có vai trò bình đẳng nhau trong việc thể hiện nội dung chính của đoạn văn. Không có hiện tượng ý này bao quát ý kia, ý này móc nối ý khác. Đây là đoạn văn không có câu chốt. Đoạn văn song hành (Không có câu chủ đề): Đây là đoạn văn có các câu triển khai nội dung song song nhau, không nội dung nào bao trùm lên nội dung nào. Mỗi câu trong đoạn văn nêu một khía cạnh của chủ đề đoạn văn, làm rõ cho nội dung đọan văn

VD: “Mặt trời nhô lên cao dần, gió bắt đầu mạnh. Gió lên, nước biển càng giữ khoảng mênh mông ầm ĩ, càng lan rộng mãi vào. Bãi Vẹt đã ngập lưng lưng. Biển cả như muốn nuốt tươi con đò mỏng manh như con cá mập đớp con cá chim nhỏ bé”. (Chu Văn)

4.Đoạn tổng – phân – hợp là đoạn văn phối hợp diễn dịch với qui nạp. Câu mở đầu đoạn nêu ý khái quát bậc một, các câu tiếp theo triển khai cụ thể ý khái quát. Câu kết đoạn là ý khái quát bậc hai mang tính chất nâng cao, mở rộng. ... để từ đó đề xuất nhận định đối với chủ đề, tổng hợp, khẳng định, năng cao vấn đề.

VD:Thế đấy, biển luôn luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm, như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt, nặng nề. Trời ầm ầm dông gió, biển đục ngầu giận dữ…Như một con người biết buồn vui, biển lúc tẻ nhạt, lạnh lung, lúc sôi nổi, hả hê, lúc đăm chiêu, gắt gỏng.(Vũ Tú Nam)

**II.Bố cục của văn bản**

3.Bố của văn bản là gì? Có mấy phần? Nêu nhiệm vụ của từng phần?

***Là sự tổ chức các đoạn văn để thể hiện chủ đề***

– BC của văn bản thườnh gồm ba phần: Mở- Thân- Kết

– Bố cục trong vb là sự tổ chức các đoạn văn thể hiện chủ đề.

– VB thường bố cục gồm 3 phần: MB, TB, KB. Mỗi phần có nội dung riêng nhưng các nội dung đó có quan hệ với nhau trong vb.

+ MB: nêu ra chủ đề sẽ nói trong vb.

+ TB: có 1 số đoạn nhỏ trình bày các khía cạnh của chủ đề. Nội dung được trình bày theo 1 thứ tự mạch lạc tuỳ thuộc vào kiểu vb, chủ đề, ý đồ giao tiếp của người viết. Nhìn chung, nội dung ấy thường được sắp xếp theo trình tự thời gian, không gian, theo sự phát triển của sự việc hay theo mạch suy luận, sao cho phù hợp với sự triển khai của chủ đề và sự tiếp nhận của người đọc.

+ KB: tổng kết chủ đề của vb.

+ Nêu nhiệm vụ của từng phần?

+ Qua thực tế vẫn làm, em rút ra được những kinh nghiệm gì về các phần  trong  bố cục một văn bản.

**\*Mở bài:**

-Là phần bắt đầu của văn bản, có nhiệm vụ gợi sự chú ý, kích thích hứng thú và định hướng sự

tiếp nhận của người đọc. Mở bài cho mỗi kiểu văn bản có thể có những

cách thức riêng, nhưng cần đảm bảo một số nội dung chính như: Nêu đối tượng và

vấn đề chính của văn bản ( Đặt vấn đề )

**\*Thân bài:**

-Là phần chính của văn bản. Nội dung đi vào giải quyết vấn đề (đối tượng) chi tiết hơn .TB lần

lượt triển khai thành các ý lớn, ý nhỏ, sắp xếp theo hệ thống, trình tự hợp lí, lô gíc (có kèm

theo những dẫn chứng cụ thể)

– Về hình thức, thân bài thường được tách ra thành một số đoạn văn. Các đoạn văn liên

kết với nhau, cùng hướng về một nội dung thống nhất.

**\*Kết bài:**

Là phần có nhiệm vụ đánh dấu sự kết thúc của văn bản. KB khái quát lại vấn đề,nhấn

mạnh nội dung trọng tâm và có thể nêu cảm xúc đặc biệt ( kiểu kết khép) hoặc khơi gợi cho người đọc những suy nghĩ, cảm xúc tiếp theo (kiểu kết thúc mở )

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu**: Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv yêu cầu h/s thảo luận cặp đôi, thảo luận nhóm bàn

Bài tập 1 : Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi ?

Quê hương- hai tiếng thân thương mà tha thiết, giản dị mà thiêng liêng. Từ khi còn thơ ấu, tôi đã luôn tự hỏi: “quê hương là gì hả mẹ/ Mà cô giáo dạy phải yêu?”. Và đến bây giờ khi đã trưởng thành hơn, tôi nhận ra quê hương đối với tôi hay bất cứ ai trên cõi đời này đều có vai trò vô cùng quan trọng. Đó là chiếc nôi nơi tôi sinh ra, cất tiếng khóc chào đời và tập những bước đi chập chững đầu tiên. Làm sao quên được nơi chôn rau cắt rốn ấy, nơi đã chứa đựng biết bao kỉ niệm buồn vui của tuổi thơ tôi hồn nhiên, vô tư, êm đềm chẳng còn thắm lại. Quê hương là niềm tự hào mà tôi luôn sướng danh thật to để bạn bè mọi miền của tôi được biết về. Với tôi, quê hương là hình ảnh mẹ cha tần tảo vác cuốc ra đồng, là cánh diều biêng biếc chúng tôi kéo trên lưng trâu, là làn khói lam những chiều đông lạnh cả lũ xô nhau sưởi ấm quanh bếp đất tự làm, là tiếng đám bạn gọi nhau í ới đi học đi chơi, và cả những trận đòn roi khi trốn học ra sông bắt cá…. Chính những dòng sữ ngọt ngào thân thương ấy của quê hương đã nuôi dưỡng tâm hồn tôi, chắp cánh cho tôi bay đến muôn nơi. Những câu ca dao, những lời ru à ơi, những câu chuyện cổ… tất cả đều từ những mái nhà quê hương tỏa ra mà tô thắm cuộc đời những đứa trẻ chúng tôi. Chẳng nơi đâu chan chứa tình thương và sẵn lòng chào đón ta trở về như quê hương của ta. Vì thế mỗi chúng ta hãy nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với ân tình quê hương và làm giàu đẹp thêm cho quê mình.

Câu 1 : Chủ đề của đoạn văn trên là gì ?

Câu 2 : Phân tích tính thống nhất về chủ đề trong đoạn văn trên ?

**Bài tập 2** :

Cho câu chủ đề: “Nhà văn Ngô Tất Tố đã miêu tả thật chính xác bản chất ác thú, không còn tính người của những tên tay sai mạt hạng trong cái guồng máy tàn bạo của bọn quan lại lúc bấy giờ.” Hãy triển khai thành một đoạn văn diễn dịch hoặc quy nạp có độ dài khoảng 8 câu.

**Bài tập 3** : . Hãy lập dàn ý cho đề bài sau:

“Phân tích lòng thương mẹ của chú bé Hồng trong đoạn trích : Trong lòng mẹ”.

**Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ**

H/s thảo luận cặp đôi, nhóm bàn.

**Bước 3 : Báo cáo, thảo luận**

Đại diện từng cặp, từng bàn trả lời

**Bước 4 : Kết luận, nhận định**

**Gv lắng nghe, nhận xét, đánh giá, bổ sung**

**Sản phẩm dự kiến**

**Bài tập** 1: Tùy vào từng đoạn văn của HS để phân tích tính thống nhất:

Tập trung vào các từ ngữ tả quê hương, các từ nói về vai trò của quê hương (vd: nơi chôn rau cắt rốn, nơi nuôi dưỡng tâm hồn ta, nơi ai đi xa cũng nhớ nhiều, nơi ta tự hào nhắc về trong lí lịch…)

Các câu liên kết thể hiện rõ chủ đề vai trò quê hương như thế nào?

**Bài tập** 2; Gợi ý

- Cai lệ và người nhà lí trưởng xuất hiện bất ngờ, đột ngột trong tình cảnh bối rối của gia đình chị Dậu. Anh Dậu vừa tỉnh lại run rẩy cất bát cháo kề vào miệng định cố ăn, như cố níu kéo chút hơi tàn của cuộc sống thì cai lệ, người nhà lí trưởng sầm sập tiến vào với roi song, tay thước dây thừng. Chúng hệt như những con quỷ dữ từ âm phủ hiện về.

- Vừa vào tới nhà, hắn đã quát mắng, chửi bới, đe doạ chị Dậu. Lời lẽ, cách xưng hô của cai lệ thật thô tục: “Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à...” . Hắn doạ “dỡ nhà”, doạ “trói cổ” anh Dậu điệu ra đình.

- Hành động của hắn còn tàn bạo hơn. Hắn “giật phắt cái thừng trong tay người nhà lí trưởng, sầm sập đến chỗ anh Dậu”. Trắng trợn, tàn bạo hơn nữa, tên ác quỷ ấy đã đánh chị Dậu: hắn bịch vào ngực chị Dậu mấy bịch, rồi “tát vào mặt chị một cái đánh bốp”. Hắn hung hăng chẳng khác nào một con thú dữ, hắn không còn lắng nghe, thấu hiểu được lời nói tha thiết của chị Dậu, người phụ nữ đáng thương ấy nữa.

- Thảm hại thay cho kết cục của kẻ cậy thế, cậy quyền, mượn uy danh lũ thống trị ức hiếp người dân song thực chất chỉ là một lũ yếu hèn xấu xa : tên cai lệ bị chị Dậu “đẩy ngã chỏng quèo trên mặt đất” còn tên người nhà lí trưởng bị chi “ấn dúi ra ngoài cửa”

→ Cai lệ và người nhà lí trưởng chính là những tên tay sai mạt hạng, là bọn đầu trâu mặt ngựa, là công cụ bỉ ổi của XH tàn bạo lúc bấy giờ.

Bài tập 3: H/s xây dựng bố cục

***a. Mở bài***

+ Nguyên Hồng là nhà văn hiện thực xuất sắc với giọng văn trữ tình, đằm thắm yêu thương.

+ “Những ngày thơ ấu” là cuốn hồi kí cảm động về chính cuộc đời thơ ấu tác giả.

+ Tiêu biểu là đoạn trích “Trong lòng mẹ” đã thể hiện trọn vẹn tình yêu thương mẹ thiêng liêng, cảm động của bé Hồng.

***b. Thân bài***

**\*. Giới thiệu về hoàn cảnh của bé Hồng:**

- Chú bé Hồng - nhân vật chính của truyện lớn lên trong một gia đình sa sút. Người cha sống u uất, trầm lặng, rồi chết trong nghèo túng, nghiện ngập. Người mẹ có trái tim khao khát yêu đương đành chôn vùi tuổi thanh xuân trong cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Sau khi chồng chết, người phụ nữ đáng thương ấy vì quá cùng quẫn phải bỏ con đi tha hương cầu thực và bị người đời gán cho cái tội "*chưa đoạn tang chồng mà đã chửa đẻ với người khác*". Bé Hồng phải sống trong gia đình người cô giàu có mà cay nghiệt. Chịu những nỗi đau giằng xé về tinh thần.

**\* Phân tích:**

**Ý 1. Tuy đau khổ, sống xa mẹ nhưng bé Hồng vẫn dành cho mẹ những tình cảm yêu thương trọn vẹn.**

**\* Trong cuộc đối thoại với bà cô:**

- Tình cảm mãnh liệt của đứa con đã giúp bé Hồng vượt qua những lời lẽ xúc xiểm, những dụng ý xấu xa mà người cô cố tình gieo rắc vào lòng cậu bé. Với trái tim nhạy cảm, sự thông minh tinh ý, Hồng đã nhận ra phía sau lời nói thản nhiên, điệu cười rất kịch của cô là những rắp tâm tanh bẩn muốn bé khinh miệt và ruồng rẫy mẹ mình.

- Em chỉ biết khóc, nước mắt chan hoà. Giọt nước mắt vì uất ức, tủi cực và thương mẹ sâu sắc vì nghĩ mẹ không đáng bị sỉ nhục như thế.

- Không chỉ thế, bé Hồng còn nhận thức sâu sắc nguyên nhân nỗi đau khổ của đời mẹ. Em căm tức những thành kiến tàn ác đã khiến mẹ phải xa lìa con thơ.

- Lòng thương mẹ mãnh liệt tới mức: “Giá những cổ tục...mới thôi”. Hàng loạt các động từ mạnh được nhà văn sử dụng theo chiều hướng tăng tiến: vồ, cắn, nhai, nghiến...đã thể hiện thái độ kiên quyết bảo vệ mẹ trước những cổ tục độc ác của xã hội cũ.

- Như vậy, dù hơn một năm trời, mẹ không gửi cho một lá thư, không một lời hỏi thăm, không cho đồng quà, lại bị bủa vây bởi những lời cay độc của bà cô nhưng bé vẫn không nghĩ xấu về mẹ. Trái lại, em cảm thông và thương mẹ đến tột cùng.

=>Ở bé Hồng, ta thấy ngời sáng lên vẻ đẹp của một tâm hồn trẻ thơ thánh thiện, sự bao dung và lòng hiếu thảo.

**Ý 2: Tình thương, nỗi nhớ mong, khao khát được gặp mẹ và niềm hạnh phúc vô biên khi được sống trong tình yêu thương của mẹ:**

- Bé Hồng luôn khao khát được sống trong tình thương của mẹ. Chỉ thoáng thấy bóng người giống mẹ mình, bé đã chạy theo gọi rối rít: “Mợ ơi!”. Tiếng gọi tha thiết của bé Hồng khuấy động cả không gian, gửi trọn tình yêu thương và nỗi khát khao tình mẹ luôn thường trực, cồn cào trong trái tim non nớt. Điều này đã được cụ thể hoá trong hình ảnh so sánh: mẹ như dòng nước trong mát còn con như người bộ hành sắp gục ngã giữa sa mạc.

- Khi được ngồi lên xe cùng mẹ, bé Hồng oà khóc và cứ thế nức nở. Nếu khi khóc với bà cô là tiếng khóc tủi hờn, uất ức thì khi gặp mẹ đó lại là tiếng khóc của niềm hạnh phúc. Trong đôi mắt của tình yêu thương Hồng thấy mẹ đẹp như một thiên thần: gương mặt tươi sáng, đôi mắt trong, nước da mịn, hơi thở thơm tho...Em như huy động mọi giác quan để tận hưởng và đón nhận tình mẹ.

- Trong lòng mẹ, mọi đau khổ đều tan biến, bé Hồng mê man trong hạnh phúc “mẹ êm dịu vô cùng”, “Tôi không nhớ mẹ đã hỏi tôi và tôi đã trả lời mẹ những gì”

=> Cả một thế giới như đang bừng nở, hồi sinh, ăm ắp tình mẫu tử thiêng liêng và cảm động.

**\*. Khái quát về nội dung và nghệ thuật**

- Đoạn trích là bài ca đẹp về tình mẫu tử thiêng liêng mà cao quý, mang giá trị nhân đạo sâu sắc.

- Những trang văn miêu tả tâm lí nhân vật chân thực, cảm động đã ghi lại “những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại”.

- Giọng văn chứa chan cảm xúc, thể hiện rõ phong cách Nguyên Hồng: “Những gì tôi viết ra là những gì thương yêu nhất của tôi, những ước mong nhức nhối của tôi”

***3. Kết bài***

+ Đoạn trích làm ngời sáng tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.

+ Giá trị của đoạn trích “Trong lòng mẹ” nói riêng và tác phẩm “những ngày thơ ấu” nói chung sẽ trường tồn mãi cùng thời gian bởi nó chứa đựng tình cảm nhân văn sâu sắc, thấm thía triết lí về tình cảm gia đình, thấm được chất thơ giữa cuộc đời cay cực.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Gv yêu cầu h/s luyện viết bài cho đề bài đã xây dựng bố cục ở phần luyện tập

“Phân tích lòng thương mẹ của chú bé Hồng trong đoạn trích : Trong lòng mẹ”.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s viết bài

**Bước 3: Báo cáo thảo luận.**

H/s trình bày cá nhân.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Gv lắng nghe, nhận xét, đánh giá, chốt.

Gv củng cố, dặn dò: về nhà học và làm bài (nếu chưa xong)

Chuẩn bị buổi 3: Ôn tập văn học hiện thực phê phán VN trước 1945

**Ngày soạn T4/27/10/2021**

**Ngày dạy T6/29/10/2021 Buổi 3**

**ÔN TẬP VĂN HOCH HIỆN THỰC PHÊ PHÁN TRƯỚC NĂM 1945**

**I. MỤC TIÊU:**

**1.Kiến thức**

- Cảm nhận được bộ mặt tàn bạo của chế độ thực dân nửa phong kiến trước CMT8. Đồng thời thấy được tình cảnh đáng thương, khốn cùng của người ND trong XH ấy. Thấy được sức sống tiềm tàng của người phụ nữ ND nghèo trong XH cũ. Hiểu được tình cảm nhân đạo của nhà văn.

- Thấy được những nét đặc sắc trong nghệ thuật viết truyện của tác giả: nghệ thuật tả người, tả việc, khắc hoạ tính cách nhân vật, tương phản, kết hợp TS-MT- BC trong văn bản Tức nước vỡ bờ của Ngô Tất Tố.

**2. Kĩ năng:**

Rèn kĩ năng đọc, hiểu VB, phân tích tâm trạng của nhân vật .

**3. Thái độ**:

- Xác định đúng đắn động cơ học tập.

- Biết cảm thông chia sẻ với những cuộc đời bất hạnh.

**4. Năng lực hướng tới:** Giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, giao tiếp, thưởng thức văn học.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

1. GV: Kế hoạch bài dạy, Tài liệu tham khảo.
2. HS: ôn bài.

**III.TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

**b.Tổ chức thực hiện: Gv yêu cầu h/s thảo luận nhóm bàn**

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv yêu cầu h/s củng cố kiến thức văn bản Tức nước vỡ bờ của Ngô Tất Tố

* Nêu những hiểu biết của em về tác giả và tác phẩm? Tóm tắt đoạn trích Tức nước vỡ bờ?

**Bước 2.Thực hiện nhiệm vụ**

H/s nêu hiểu biết về tác giả tác phẩm, tóm tắt văn bản.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

H/s lần lượt trình bày, h/s khác nhận xét

Bước 4. Kết luận, nhận định

Gv lắng nghe, nhận xét , đánh giá và chốt

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a.Mục tiêu :** H/s củng cố, ghi nhớ về tác giả, tác phẩm, tóm tắt và nắm được giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của văn bản, hiểu ý nghĩa nhan đề.

**b.**Tổ chức thực hiện.

**H/s ghi bài.**

**Gv hướng dẫn h/s ghi nhớ các kiến thức cơ bản**

**Sản phẩm dự kiến**

**I. Tác giả, tác phẩm**

***1. Tác giả:***

- Ngô Tất Tố sinh năm 1893 mất năm 1954.

- Quê huyện Từ Sơn - Bắc Ninh ( nay thuộc Đông Anh, ngoại thành Hà Nội).

- Xuất thân trong một gia đình nhà nho gốc nông dân.

- Là nhà văn xuất sắc, nhà báo tiến bộ, đồng thời là một học giả có nhiều công trình khảo cứu về triết học.

- Năm 1996 ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng HCM về Văn học nghệ thuật.

- Tác phẩm chính : các tiểu thuyết *Tắt đèn* (1939), *Lều chõng* (1940); các phóng sự *Tập án cái đình* (1939), *Việc làng* (1940).

***2. Tác phẩm:*** Ra đời 1939, trích trong chương 18 của tiểu thuyết *Tắt đèn.*

- *Tắt đèn* là tác phẩm có giá trị tiêu biểu trong sáng tác của ông.

- *Tắt đèn* là một bức tranh chân thực về cuộc sống cùng quẫn, thê thảm của người nông dân bị áp bức bóc lột nặng nề; là một bản án đanh thép đối với xã hội thực dân phong kiến đầy rẫy cái ác, cái xấu. Giá trị nhân đạo đặc sắc của tác phẩm là khẳng định, ca ngợi phẩ chất đẹp đẽ của người phụ nữ nông dân. đặc sắc nghệ thuật Tắt đèn là đã xây dựng đựơc nhiều *tính cách điển hình* trong *hoàn cảnh điển hình*.

- *Tức nước vỡ bờ* là đoạn trích trong chương XVIII của tiểu thuyết Tắt đèn, kể lại việc chị Dậu chống trả quyết liệt tên cai lệ và ng/ười nhà lí trưởng để bảo vệ chồng.

**II. Đoạn trích Tức nước vỡ bờ**

**1. Tóm tắt:** Anh Dậu đang ốm cũng bị bọn tay sai xông đến đánh trói, lôi ra đình cùm kẹp vì chưa đủ tiền nạp sưu. Bị hành hạ, đánh đập tưởng chết, người ta cõng anh về trả cho chị. Nhờ bà lão hàng xóm cho bát gạo, chị nấu cho anh húp. Vừa run rẩy kề bát cháo vào đến miệng, cai lệ và người nhà lý trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng đòi tiền sưu. Anh Dậu hoảng quá, lăn đùng ra. Chị Dậu cũng hoảng, run run van xin chúng kho khất. Nhưng chúng không nghe, quát với giọng hầm hè và chuận bị đánh anh Dậu. Chị Dậu xám mặt, van xin tha cho chồng. Cai lệ đấm chị và sấn đến trói anh Dậu thì chị tức quá không chịu được, liều mạng cự lại. Hắn vẫn nhảy vào anh Dậu thì chị tức quá không chịu được, liều mạng cự lại. Hắn vẫn nhảy vào anh Dậu sau khi chị bị tát. Lúc này chị thay đổi cách xưng hô (xưng bà), đánh lại tên cai lệ và người nhà lí trưởng với sức mạnh của tình yêu thương chồng và một tinh thần phản kháng tiềm tàng. Khi bị đẩy tới "đường cùng", chị đã vùng dậy chống trả quyết liệt, với thái độ bất khuất.

**2. Giá trị nghệ thuật:**

**-**Xây dựng tình huống gay cấn hấp dẫn để làm nổi bật chủ đề tác phẩm

- XD nhân vật chân thực, sinh động; vẻ đẹp nhân vật hiện lên qua ngoại hình, ngôn ngữ và tâm lí

- Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật bằng nghệ thuật liệt kê, tăng tiến.

- Đan xen giữa ngôn ngữ nhân vật( lời ăn tiếng nói của nhân dân) với ngôn ngữ tác giả tạo sự chân thực, gần gũi.

- Cốt truyện kịch tính, mâu thuẫn được đẩy lên đỉnh điểm nhưng cách giải quyết mâu thuẫn nhanh gọn, giọng điệu hả hê, hài hước khi miêu tả sức mạnh của chị Dậu và sự nhục nhã của 2 tên tay sai.

**3. Giá trị nội dung:**

**-Giá trị hiện thực**: phản ánh hiện thực thuế khóa nặng nề, cuộc sống cơ cực của người nông dân trong XHTDPK; phản ánh bộ mặt tàn ác, bất nhân của 2 tên tay sai- tầng lớp thống trị.

**-Giá trị nhân đạo**:

+ Lên án, tố cáo sự tàn ác, bất nhân của 2 tên tay sai- tầng lớp thống trị- không quan tâm đến người dân

+ Bộc lộ lòng thương cảm của t/giả cho số phận của những người “ thấp cổ bé họng”

+ Ca ngợi, trân trọng vẻ đẹp phẩm chất và sức sống tiềm tàng của người phụ nữ nông dân.

+ Mở đường cho người dân đấu tranh…

**4. Ý nghĩa nhan đề:**

***+ Nghĩa đen***: 1 hiện tượng tự nhiên khi nước quá nhiều làm bờ ngăn nước bị vỡ.

***+ Nghĩa bóng***: phản ánh quy luật tất yếu của cuộc sống: Có áp bức thì có đấu tranh. Hành động vùng lên của chị Dậu thể hiện sức mạnh tiềm tàng, tinh thần bất khuất kiên cường của người nông dân Việt Nam nói chung, của người phụ nữ Việt Nam nói riêng.

- Hành động ấy phản ánh một quy luật xã hội: ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh.

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu**: Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv yêu cầu h/s thảo luận cặp đôi, thảo luận nhóm bàn

**Bài tập 1: Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*“Chị Dậu nghiến hai hàm răng:*

*- Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!*

*Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.*

*Người nhà lí trưởng sấn sổ bước đến, giơ gậy trực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được đầu gậy của hắn, hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gây ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ kêu khóc om sòm. Kết cục anh chàng “hầu cận ông lí” yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm”.*

(Sách Ngữ văn 8 tập 1 - NXB Giáo dục)

1.Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào? Của ai?

2.Giải thích ý nghĩa nhan đề của văn bản?

3.Tìm 1 trường từ vựng có trong đoạn trích và đặt tên?

4.Cho câu chủ đề sau: “Chị Dậu là người phụ nữ vừa giàu tình yêu thương, vừa có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ”. Em hãy viết một đoạn văn quy nạp khoảng 10 câu để làm sáng tỏ nhận xét trên.

5.Một trong những phẩm chất cao đẹp của con người chính là đức hi sinh. Bằng đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy thi), em hãy trình bày suy nghĩ của mình về phẩm chất cao đẹp nói trên

**Phiếu bài tập 2:** Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*“ Rồi chị túm cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.”*

**Câu 1:** Đoạn trích trên tích trong văn bản nào? Của tác giả nào?

**Câu 2:** Nêu phương thức biểu đạt và nội dung chính của đoạn trích?

**Câu 3:** Tìm trường từ vựng chỉ “ bộ phận của con người” và “hoạt động của con người”?

**Câu 4:** Tìm từ từ tượng thanh, tượng hình và nêu tác dụng?

**Câu 5:** Cho câu chủ đề: "Chị Dậu là người phụ nữ hết lòng yêu thương chồng con". Hãy viết thành đoạn văn theo lối diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp. Nêu cách chuyển đổi.  
**B2.Thực hiện nhiệm vụ**

H/s thảo luận cặp đôi, nhóm bàn hoàn thành bài tập

**B3.Báo cáo thảo luận**

H/s đại diện từng cặp, nhóm bàn trình bày., nhóm khác nhận xét.

**B4.Kết luận, nhận định**

**Gv lắng nghe, nhận xét, đánh giá, chốt**

**Sản phẩm dự kiến**

Gợi ý Bài tập 1:

C1.Tác phẩm nằm trong văn bản: Tức nước vỡ bờ (Tiểu thuyết: Tắt đèn)

- Tác giả: Ngô Tất Tố

C2.Tức nước vỡ bờ: Nghĩa đen của thành ngữ này là nước lớn, nhiều thì ắt sẽ vỡ bờ. Trong đoạn trích này kinh nghiệm dân gian được thể hiện trong thành ngữ bắt gặp sự khám phá đời sống của cây bút hiện thực Ngô Tất Tố. Đoạn trích chẳng những làm toát lên cái lô-gic hiện thực: tức nước vỡ bờ, có áp bức có đấu tranh, mà còn toát lên cái chân lí: Con đường sống của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh để tự giải phóng, không có con đường nào khác.

C3.Trường từ vựng chỉ bộ phận cơ thể: hàm răng, cổ, miệng, đầu, tóc.

C4.a) Chị Dậu hết lòng thương yêu chăm sóc chồng.

- Anh Dậu bị chúng đánh đập ngất xỉu và trả cho chị Dậu, được hàng xóm cứu giúp, anh Dậu tỉnh lại.

- Chị nấu cháo dỗ dành chồng ăn cho lại sức, cử chỉ lời nói âu yếm, thiết tha.

*b) Chị Dậu là người phụ nữ tiềm tàng tinh thần phản kháng.*

- Chị xin khất tiền sưu với thái độ van xin tha thiết, lời lẽ khẩn thiết, nhịn nhục.

- Bị cai lệ đánh, chồng sắp bị trói bắt đi, chị cự lại bằng lí lẽ và thách thức, cách xưng hô thay đổi: *ông - cháu, ông - tôi*và cuối cùng:*mày - bà.*

=> Nhận xét:

*- “Con giun xéo mãi cũng quằn”*, chị Dậu cũng vậy, bị áp bức dã man, tính mạng bị đe doạ, chị đã vùng lên đánh trả một cách dũng cảm. Nhà văn Nguyên Tuân đã có một nhận xét rất thú vị *"Trên cái tối trời, tối đất của cái xã hội ngày xưa, hiện lên một chân dung lạc quan của chị Dậu...bản chất của chị Dậu rất khoẻ, cứ thấy lăn xả vào bóng tối mà phá ra...".* Ngô Tất Tố rất hả hê khi tả cảnh chị Dậu cho tên cai lệ và người nhà lí trưởng một bài học thích đáng. Ông đã chỉ ra một quy luật trong xã hội *"Có áp bức, có đấu tranh".*

- Tính cách của chị Dậu hiện lên nhất quán với diễn biến tâm lí thật sinh động. Chị Dậu mộc mạc, hiền dịu đầy vị tha, giàu tình yêu thương, sống khiêm nhường biết nhẫn nhục chịu đựng nhưng không hoàn toàn yếu đuối, chỉ biết sợ hãi mà trái lại, chị vẫn có một sức sống tiềm tàng mạnh mẽ, một tinh thần phản kháng tiềm tàng.

Ví dụ:

Đọc "tức nước vỡ bờ", bạn đọc không khỏi ấn tượng với hình ảnh chị Dậu. Chị Dậu là một người mẹ, một người vợ trong gia đình nghèo khó "nhất nhì trong hạng cùng đinh". Sưu cao thuế nặng, chồng lại đau ốm, con cái nheo nhóc, chị tháo vát quán xuyến mọi việc trong nhà. Dù ruột đau như cắt, chị cũng đành phải bán đi cái Tí - đứa con gái đầu lòng chị hết mực yêu thương. Chị không còn lựa chọn nào khác bởi không có tiền nộp sưu, chồng chị bị người ta hành hạ khốn khổ. Thấy chồng thân đã ốm rề rề lại còn bị đánh đập, chị rón rén bưng bát chào cho chồng. Chị nhẹ nhàng khuyên lơn để chồng gắng ăn lấy miếng cháo. Vậy mà anh Dậu mới kề bát chào vào miệng, cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập xông vào. Hạ mình van xin chẳng được, chị bùng dậy xưng bà - mày, ấn dúi tên cai lệ ra cửa, đẩy ngã người nhà lí trưởng ra thềm. Như vậy, Chị Dậu là người phụ nữ vừa giàu tình yêu thương, vừa có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ.

**Câu 5.**

**1. Mở bài**

- Đức tính hi sinh là một trong những phẩm chất đạo đức cao quý của con người.

- Vậy đức tính hi sinh có giá trị tinh thần như thế nào trong xã hội của chúng ta?

**2. Thân bài**

a. Giải thích:

- Hi sinh là gì? => Đó là những suy nghĩ, hành động vì người khác bất chấp tính mạng của mình.

b. Biểu hiện của sự hi sinh:

Người có đức tính hi sinh là người như thế nào?

Đó là người có tấm lòng nhân ái, đặt quyền lợi chung lên trên quyền lợi cá nhân.

Tại sao chúng ta phải có đức tính hi sinh vì người khác?

+ Bởi vì nó thể hiện phẩm chất đạo đức cao đẹp cần có ở mỗi chúng ta.

+ Người có đức tính hi sinh luôn là người được mọi người yêu mến, tin cậy, quý trọng.

+ Thể hiện sự dũng cảm của bản thân.

+ Dẫn chứng: Trong gia đình, cha mẹ hi sinh cho con cái được đầy đủ, sung sướng. Ngoài xã hội, có những học sinh hi sinh bản thân mình để cứu lấy mạng sống của bạn bè mình. Trong y học, nhiều tấm gương hi sinh bản thân mình cho các thí nghiệm, phát minh để tìm ra các loại thuốc mới, giúp ích cho đời. Tiêu biểu hơn cả ta cần nhắc đến vị Bác Hồ kính yêu của dân tộc Việt Nam. Bác hi sinh cả đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

c. Bàn bạc, mở rộng vấn đề

– Nhiều người sống ích kỉ, nhẫn tâm trước sự sống chết của người khác.

**3. Kết bài**

- Đức tính hi sinh là truyền thống quý báu của dân tộc ta từ bao đời nay.

- Cần rèn luyện, trau dồi nhân cách, phẩm giá để góp phần làm cho cuộc sống ngày càng có ý nghĩa hơn.

Ví dụ:  
Đức hi sinh là một đức tính cao đẹp của dân tộc Việt Nam nói riêng và của toàn thế giới nói chung. hi sinh là hành động sống vì người khác, không vì lợi ích riêng của bản thân, bằng sự yêu thương, quý trọng,… để làm cho người khác có cuộc sống tốt đẹp hơn, lấy đó làm niềm vui, làm động lực cho mình.

Đức hi sinh được thể hiện ở nhiều thời điểm, nhiều nơi, nhiều khía cạnh khác nhau. Có thể thấy trong các cuộc chiến tranh, sự hi sinh là vô cùng nhiều, được thể hiện ở các chiến sĩ vì lý tưởng cách mạng, vì tự do dân tộc đã lần lượt, nối tiếp nhau ngã xuống ở chiến trường bom đạn, các bà mẹ Việt Nam anh hùng đã phải hi sinh đứa con dứt ruột đẻ ra, không sợ hiểm nguy bảo vệ các chiến sĩ, đối mặt với giặc, với cái chết cũng vì một mục đích là hòa bình dân tộc,… Không chỉ trong thời chiến mà trong cuộc sống ngày nay, những thanh niên tình nguyện đã hi sinh bao giọt máu, bao bộ phận trên cơ thể,… để đổi lấy sự sống cho nhiều trẻ em, nhiều cụ già, mang lại hạnh phúc cho họ. Hay nhiều người, nhiều thế hệ hi sinh bản thân, trí tuệ để góp phần đưa đất nước phát triển.

Trong mỗi gia đình, hình ảnh những người cha, người mẹ tần tảo sớm hôm, thức khuya dậy sớm, không quản khó nhọc gánh hàng ra chợ bán kiếm vài đồng bạc lẻ, gom góp đủ tiền để lo cho con cái ăn học, đầy đủ mọi thứ bằng bạn, bằng bè, bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, giữa trưa nắng gắt mà vẫn cặm cụi ngoài đồng chỉ để kiếm bát cơm, manh áo cho con, mong con được no đủ. Những người anh, người chị sẵn sàng nghĩ học để có tiền cho em được đến trường, tất cả những sự hi sinh của cha mẹ, anh chị,… thật cao cả biết bao. Đức hi sinh là một đức tính vô cùng cao đẹp, nó giúp cho xã hội ngày càng tốt đẹp, quan hệ giữa con người với con người trở lên gắn bó, khăng khít hơn, qua đó còn thể hiện sự quan tâm, lòng yêu thương với người được ta hi sinh, thể hiện sự cao thượng, vĩ đại của bản thân mình. hi sinh là một hành động cao cả, vì vậy mà chúng ta phải biết trân trọng sự hi sinh mà người khác dành cho mình, bên cạnh đó còn phải biết sống hi sinh vì người khác, không được ích kỉ, vô tâm.

Là học sinh, được sống trong sự bao bọc, che chở của gia đình và xã hội, chúng ta phải quý trọng tình cảm của mọi người dành cho ta, phải biết sống cho người khác, sống vì người khác, có như vậy thì ta mới đền đáp lại được sự hi sinh cao cả mà người khác đã dành cho mình. Hãy biết hi sinh lợi ích riêng vì xã hội, vì mọi người các bạn nhé!

**Phiếu bài tập 2**: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“ Rồi chị túm cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.”

**Câu 1:** Đoạn trích trên tích trong văn bản nào? Của tác giả nào?

**Câu 2:** Nêu phương thức biểu đạt và nội dung chính của đoạn trích?

**Câu 3:** Tìm trường từ vựng chỉ “ bộ phận của con người” và “hoạt động của con người”?

**Câu 4:** Tìm từ từ tượng thanh, tượng hình và nêu tác dụng?

**Câu 5:** Cho câu chủ đề: "Chị Dậu là người phụ nữ hết lòng yêu thương chồng con". Hãy viết thành đoạn văn theo lối diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp. Nêu cách chuyển đổi.  
**Câu 1:** Đoạn trích trên tích trong văn bản “ Tức nước vỡ bờ” của tác giả Ngô Tất Tố.

**Câu 2:**

**-** Phương thức biểu đạt: Tự sự

- Nội dung chính : Kể về sự việc chị Dậu quật ngã tên cai lệ.

**Câu 3:**

- Trường từ vựng chỉ hoạt động của con người: túm, dúi, ấn, xô, đẩy, chạy, ngã, thét.

- Trường từ vựng chỉ bộ phận của con người: miệng, cổ.

**Câu 4:**

- Từ tượng thanh: nham nhảm.

- Tượng hình : lẻo khoẻo, chỏng quèo

=> Tác dụng: Làm nổi bật hình ảnh, bộ dạng hết sức thảm hại và hài hước của tên tay sai khi bị chị Dậu đánh bại.

**Câu 5:** Đoạn văn cần đảm bảo các ý sau :

- Chồng chị bị chúng đánh đập ngất xỉu và trả về cho chị, được hàng xóm cứu giúp anh mới tỉnh lại.

- Chị nấu cháo, dỗ dành chồng ăn cho lại sức: cử chỉ, lời nói âu yếm thiết tha.

- Chị vô cùng đau đớn khi nghe tiếng hai đứa trẻ gào khóc.

- Chính vì lòng yêu chồng, thương con, để bảo vệ chồng, bảo vệ con, bảo vệ gia đình chị đã đánh lại tên cai lệ và người nhà lí trưởng, cũng là vùng lên chống lại cường quyền bạo lực.

→ Người vợ hiền dịu, sống rất tình nghĩa, thương chồng, thương con. Đó là nét đẹp trong tính cách của người phụ nữ Việt Nam.

\* *Cách chuyển đổi:* Dựa vào đặc điểm của các kiểu đoạn văn, em có thể trả lời được. Và qua bài tập này, em thấy rõ: có thể diễn đạt ý, xây dựng đoạn linh hoạt tuỳ theo dụng ý của người viết.

Đoạn diễn dịch

Chị Dậu là người phụ nữ hết mực yêu thương chồng con , biết nhẫn nhục ,chịu đựng ,là người vô cùng yêu thương chồng. Chị là một người phụ nữ hiền lành, chăm chỉ, chịu thương chịu khó. Chị là một người yêu thương chồng con, chăm sóc gia đình chu đáo. Khi thấy chồng bị đánh bất tỉnh, chị đã nấu cháo, đút cho chồng, săn sắt chồng những lúc ốm đau. Dường như mỗi cử chỉ, hành động của anh Dậu đều có ánh mắt lo lắng của chị Dậu dõi theo. Chính vì giàu tình yêu thương ấy mà trong chị luôn tiềm ẩn sức sống mạnh mẽ để khi bọn cai lệ tiến vào đòi bắt và đánh anh Dậu, chị đã đứng dậy phản kháng. Lúc đầu chị đã hết sức nhẫn nhục, chịu đựng để giải thích và van xin bọn cai lệ tha cho gia đình mình. Sau khi nhẫn nhục, chịu đựng không có hiệu quả, chị đã đứng dậy đấu tranh, sức sống mãnh liệt trong chị được bùng cháy. Chị "túm cổ tên cai lệ, ấn dúi ra cửa... lẳng người nhà lí trưởng ngã nhào ra thềm". Con giun xéo mãi cũng quằn, chị Dậu cũng vậy, bị áp bức dã man, chị đã vùng lên đánh trả một cách dũng cảm.

Đoạn văn quy nạp

Trước hết, tình yêu thương chồng của chị thể hiện qua việc chị hết lòng chăm sóc chồng. Chị bằng mọi cách cứu chữa cho chồng trong cơn nguy kịch. Được bà hàng xóm cho vay bát gạo, chị vội vã nấu cháo, múc cháo, quạt cho cháo nguội rồi rón rén bên đến anh Dậu mời: Thầy em cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột". Chỉ lf bát cháo nhưng nó chất chứa bao tình cảm nồng ấm, sâu nặng của chị với chồng. Không chỉ vậy, việc chị lo lắng bế cái Tỉu cố ý ngồi xuống xem chồng mình ăn có ngon không đã thể hiện sự chăm sóc, yêu thương rất mực của người vợ dành cho chồng mình. Từng lời nói, cử chỉ, hành động với chồng trong cơn hoạn nạn chứa đựng biết bao tình yêu thương, sự an ủi vỗ về, mong chồng sớm bình phục. Không chỉ vậy, tình yêu thương chồng của chị Dậu còn thể hiện qua hành động chị chống lại bọn cường hào để bảo vệ chồng. Tình yêu ấy đã giúp chị có sức mạnh để đương đầu với bọn cai lệ và người nhà lý trưởng. Vì người chồng đau yếu của mình, chị đã hết lòng van xin rồi cự lại bằng lí lẽ. Khi thấy tính mạng của người chồng đang bị đe dọa thì chị đã đánh lại bọn chúng trong sự sợ hãi của anh chồng. Về nghệ thuật, tác giả đã xây dựng tình huống truyện gay cấn, ngôn ngữ đối thoại đặc sắc, miêu tả tâm lí nhân vật, từ tượng hình tượng thanh phong phú và nghệ thuật tương phản tăng cấp. Từ đó ta thấy được nhà văn Ngô Tất Tố đã khắc họa thành công chị Dậu là người phụ nữ hết lòng yêu thương chồng con trong đoạn trích "Tức nước vỡ bờ".

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hãy viết một đoạn văn ngắn chứng mình ý kiến của Vũ Ngọc Phan: "Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với cai lệ là một đoạn tuyệt khéo". Sau đó phân tích các phương tiện liên kết đoạn văn em sử dụng.

**Bước 2.Thực hiện nhiệm vụ**

H/s làm việc cá nhân, trình bày.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận.**

Cá nhân trình bày.

**Bước 4.Kết luận, nhân định**

Gv lắng nghe, nhận xét, chốt.

**Sản phẩm dự kiến**

**H/s tham khảo**

Nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan nhận định: "Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với cai lệ là một đoạn tuyệt khéo", đây là một trong những đoạn trích đặc sắc nhất đúng với tên gọi "Tức nước vỡ bờ".

Đầu tiên, tác giả xây dựng nên tình huống truyện đặc sắc tái hiện không khí thu thuế ngột ngạt ở vùng quê nghèo Đông Xá trong đó gia đình chị Dậu thuộc vào cảnh cùng đường lại còn phải đóng thêm suất sưu thuế cho người em chồng đã mất. Chính vì thế chị Dậu phải bán con bán cả đàn chó để lo tiền đóng sưu, anh Dậu bị trói đánh tới ngất đi, vừa về nhà thì bọn cai lệ đã hùng hổ xông tới. Chúng sầm sầm tiến vào nhà roi song, tay thước định trói anh Dậu. Chị Dậu khẩn thiết van xin khất sưu nhưng với bản tính hung hãn của những kẻ lòng lang dạ thú chúng "bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch", ‘tát một cái đánh bốp". Không thể chịu nhịn, chị Dậu "nghiến hai hàm rằng", túm lấy cổ tên cai lệ rồi ấn dúi hắn ra cửa. Hắn ngã chỏng quèo nhưng miệng vẫn thét trói vợ chồng chị Dậu. Người nhà lý trưởng sấn sổ bước tới giơ gậy đánh chị nhưng cũng bị chị túm cổ lẳng ra ngoài thềm. Đây là đoạn cao trào nhất trong tác phẩm: một người phụ nữ cam chịu nay đã biết đứng lên phản kháng, đó cũng là sức mạnh tiềm tàng của những con người nhỏ bé bị áp bức trong xã hội thực dân phong kiến cũ.

Như vậy, "cái tuyệt khéo" ở đây khi tác giả thành công trong việc miêu tả tâm lý nhân vật, tạo dựng ngôn ngữ của tác giả, đối thoại… Đoạn trích tô đậm thêm phẩm chất của người phụ nữ nông dân đảm đang, thương chồng con đồng thời luôn cháy trong mình tinh thần phản kháng mạnh mẽ trước bạo tàn, bất công.

Gv củng cố, dặn dò.

**Về nhà học và soạn bài: Ôn luyện xây dựng đoạn văn trong văn bản**

**Ngày soạn T3/2/11/2021**

**Ngày dạy T4/3/11/2021 Buổi 4**

**ÔN LUYỆN XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh củng cố khái niệm đoạn văn, từ ngữ chủ đề, câu chủ đề, quan hệ giữa các câu trong một đoạn văn.

- Học sinh ôn lại kiểu bài tự sự đã học ở lớp 6, có kết hợp với kiểu bài biểu cảm đã học ở lớp 7, về cách dùng từ, đặt câu, về liên kết, bố cục, mạch lạc trong văn bản.

**2. Kĩ năng:**

- Nhận biết được từ ngữ chủ đề, câu chủ đề, quan hệ giữa các câu trong một đoạn văn đã cho.

- Hình thành chủ đề, viết các từ ngữ và câu chủ đề, viết các câu liền mạch theo chủ đề và quan hệ nhất định.

- Trình bày một đoạn văn theo kiểu quy nạp, diễn dịch, song hành, tổng hợp.

- Viết được các đoạn văn mạch lạc đủ sức làm sáng tỏ một nội dung nhất định

- Rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn hoàn chỉnh theo các yêu cầu về cấu trúc và ngữ nghĩa.

**3. Thái độ:**

- Tự giác học tập.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực tự quản lí bản thân, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực giao tiếp Tiếng Việt, năng lực cảm thụ văn học.

**II. THIẾT BI VÀ HỌC LIỆU:**

1.Giáo viên: Soạn bài, tìm hiểu các tài liệu tham khảo.

2.Học sinh: ôn tập.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG LÊN LỚP:**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

**b.Tổ chức thực hiện: Gv yêu cầu h/s thảo luận nhóm bàn**

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ (h/s) trình bày cá nhân**

? Thế nào là đoạn văn?

? Thế nào là từ ngữ chủ đề và câu chủ đề?

? Thế nào là trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch?

? Thế nào là trình bày đoạn văn theo cách quy nạp?

? Thế nào là trình bày đoạn văn theo cách song hành?

? Thế nào là trình bày đoạn văn theo cách móc xích?

? Nêu các bước xây dựng đoạn văn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh trả lời một câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Mỗi học sinh trả lời một câu hỏi, học sinh khác nhận xét, đánh giá

Bước 4: Kết luận, nhận định.

Gv lắng nghe, nhận xét, đánh giá

Sản phẩm dự kiến.

Gv chốt kiến thức yêu cầu học sinh ghi vào vở.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

a.Mục tiêu: củng cố kiến thức về đoạn văn, từ và câu chủ đề, các cách trình bày đoạn văn.

b.Tổ chức thực hiện; gv yêu cầu h/s ghi nhớ những nội dung cần thiết.

**Nội dung kiến thức cần nhớ:**

**1. Đoạn văn**:

- Là một phần của văn bản được tính từ chỗ viết hoa lùi đầu dòng đến chỗ chấm xuống dòng. Đoạn văn thường diễn đạt tương đối hoàn chỉnh một ý hoặc một nội dung nào đó.

- Đoạn văn thường do nhiều câu tạp thành.

- Đoạn văn thường có từ ngữ chủ đề và câu chủ đề.

- Ý chính của đoạn văn là ý bao trùm, ý chung mà tất cả các câu trong đoạn đều tập trung thể hiện.

**2. Từ ngữ chủ đề và câu chủ đề.**

- Từ ngữ chủ đề là các từ ngữ được dùng để làm đề mục hoặc các từ ngữ được lặp đi lặp lại nhiều lần nhằm duy trì đối tượng được nói đến.

- Câu chủ đề của đoạn văn là câu nêu lên ý chính, ý khái quát của cả đoạn. Câu chủ đề thường có cấu tạo tương đối ngắn gọn, đầy đủ thành phần chứa nhiều từ ngữ có nội dung khái quát, có thể là câu khẳng định, phủ định hoặc nghi vấn, câu chủ đề có thể đứng ở đầu, ở cuối hoặc cả hai vị trí này trong đoạn văn.

**3. Cách trình bày nội dung đoạn văn.**

**3.1. Diễn dịch**: Là cách trình bày đi từ ý chung, khái quát đến các ý chi tiết cụ thể làm sáng tỏ ý chung, ý khái quát đó. Câu mang ý chung, khái quát đứng ở đầu đoạn văn có tư cách là câu chốt của đoạn.

VD: “Có đọc văn thơ mới biết trăng là một cái gì đẹp và quý lắm. Trăng là cái liềm vàng giữa đồng sao. Trăng là cái đĩa bạc như tấm thảm lưng da trời. Trăng toả sáng xuống trần gian. Trăng tuôn suối mát để những hồn khao khát ngụp lặn” (Nam Cao)

**3.2. Quy nạp:** Là cách trình bày đi từ chi tiết, cụ thể đến khái quát. Câu mang ý chung, ý khái quát đứng ở cuối đoạn văn và có tư cách là câu chốt của đoạn.

VD: Bình Ngô Đại Cáo có bố cục chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc tiêu biểu. Giọng văn khi sâu lắng nghĩ suy, khi sôi sục căm hờn, khi hào hùng sảng khoái, khi thiết tha xúc động hấp dẫn người đọc từ đầu đến cuối. Tác phẩm đúng là “một áng thiên cổ hùng văn”.

**3.3. Song hành**: Là cách trình bày các ý có vai trò bình đẳng nhau trong việc thể hiện nội dung chính của đoạn văn. Không có hiện tượng ý này bao quát ý kia, ý này móc nối ý khác. Đây là đoạn văn không có câu chốt.

VD: “Mặt trời nhô lên cao dần, gió bắt đầu mạnh. Gió lên, nước biển càng giữ khoảng mênh mông ầm ĩ, càng lan rộng mãi vào. Bãi Vẹt đã ngập lưng lưng. Biển cả như muốn nuốt tươi con đò mỏng manh như con cá mập đớp con cá chim nhỏ bé”. (Chu Văn)

**3.4. Móc xích:** Đoạn văn có mô hình kết câu móc xích là đoạn văn mà ý các câu gối đầu lên nhau, đan xen nhau và được thể hiện cụ thể bằng việc lặp lại một vài từ ngữ ở câu trước trong câu sau.

Ví dụ: Muốn làm nhà thì phải có gỗ. Muốn có gỗ thì phải trồng cây gây rừng. Trồng cây gây rừng thì phải coi trọng chăm sóc, bảo vệ để có nhiều cây xanh bóng mát. Nhiều cây xanh bóng mát thì cảnh quan thiên nhiên đẹp, đất nước có hoa thơm trái ngọt bốn mùa, có nhiều lâm thổ sản để xuất khẩu. Nước sẽ mạnh, dân sẽ giàu, môi trường sống được bảo vệ.

**4. Các bước xây dựng đoạn văn.**

B1: Xác định chủ đề (viết về ai, sự việc gì)

B2: Viết câu chủ đề

B3: Chọn cách trình bày nội dung.

B4: Viết câu triển khai ý cho câu chủ đề.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu**: Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

2**. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (Gv chia nhóm làm bài tập), chia 4 nhóm, mỗi nhóm 1 câu.

- GV đặt câu hỏi : GV y/c HS luyện viết đoạn văn

Câu 1.Viết một đoạn văn (khoảng 10 câu ) nêu suy nghĩ của em về ý kiến sau: Nói chuyện riêng trong giờ học vừa vi phạm nội quy nhà trường ,vừa thể hiện hành vi thiếu văn hóa

. **Câu 2:** Đọc câu chuyện sau:

**BÀN TAY YÊU THƯƠNG**

Trong một tiết dạy vẽ, cô giáo bảo các em học sinh lớp 1 vẽ về điều gì làm các em thích nhất trong đời. Cô thầm nghĩ: “Chắc rồi các em cũng lại vẽ những gói quà, những ly kem hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh”. Thế nhưng cô đã hoàn toàn ngạc nhiên trước một bức tranh lạ của em học sinh tên Douglas: bức tranh vẽ một bàn tay.

Nhưng đây là bàn tay của ai? Cả lớp bị lôi cuốn bởi hình ảnh đầy biểu tượng này. Một em đoán: “Đó là bàn tay bác nông dân”. Một em khác cự lại: “Bàn tay thon thả thế này phải là bàn tay của một bác sĩ phẫu thuật…”. Cô giáo đợi cả lớp bớt xôn xao dần rồi mới hỏi tác giả. Douglas cười ngượng nghịu:

- “Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ!”

Cô giáo ngẩn ngơ. Cô nhớ lại những phút ra chơi thường dùng bàn tay để dắt Douglas bước ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không được xinh xắn như các trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm cảnh ngặt nghèo. Cô chợt hiểu ra tuy cô vẫn làm điều tương tự với các em khác nhưng hóa ra đối với Douglas bàn tay cô lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của *tình yêu thương*.

(Trích “Quà tặng cuộc sống”)

Hãy viết đoạn văn ngắn (12 đến 15 câu) nêu suy nghĩ của em về vấn đề đặt ra trong câu chuyện trên.

***Câu 3: Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:***

(1)*“*Thế giới cần nâng niu quá đỗi. Ta sống đời lại thô tháp làm sao. Ta làm tổn thương những dòng sông. Ta làm tổn thương những mặt đầm. Ta làm tổn thương những mảnh vườn. Ta làm tổn thương những mùa hoa trái. Ta làm tổn thương những bình minh yên ả. Ta làm tổn thương những canh khuya trong vắng. Ta làm đau những niềm người quá đỗi mong manh...

(2) Mặt đất ngàn đời quen tha thứ. Đại dương bao la quen độ lượng. Cánh rừng mênh mông quen trầm mặc. Những dòng sông quen chảy xuôi. Những hồ đầm quen nín lặng. Những nẻo đường quen nhẫn nhịn. Những góc vườn quen che giấu. Những thảm rêu vốn không biết dỗi hờn. Những đoá hoa không bao giờ chì chiết. Những giấc mơ chỉ một mực bao dung. Những yêu thương không bao giờ trả đũa… Và ta cứ yên chí đi qua thế giới này với bước chân quen xéo lên cỏ hoa. Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu*”.*

(Chu Văn Sơn, *Nên bị gai đâm*)

**a**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**b**. Em hãy cho biết chủ đề của đoạn văn (1).

**c**. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong đoạn văn (2).

**d**. Theo em, tại sao tác giả lại cho rằng: *“Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu*.*”?*

e. Từ nội dung ở phần đọc – hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ, tương đương 20 – 25 dòng) nêu suy nghĩ của em về lòng vị tha.

**Câu 4**: Từ đoạn trích Trong lòng mẹ, hãy viết đoạn văn về tình yêu thương của em với mẹ mình?

Câu 5.Viết một đoạn văn theo cách diễn dịch với câu chủ đề :"học tập là nghĩa vụ thiêng liêng của học sinh "

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

N1: câu 1, N2: câu , N3: câu 3, N4: câu 4

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày, nhóm khác lắng nghe nhận xét và đánh giá.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Gv lắng nhe, nhận xét, đánh giá, chốt.

Sản phẩm dự kiến

Câu 1: Cách 1.

Tình trạng nói chuyện riêng trong các giờ học của học sinh hiện nay diễn ra nhiều và ngày càng gia tăng. Các em có biết rằng nó ảnh hưởng không nhỏ đến bản thân và những người xung quanh.Chúng ta không lạ gì với việc hai ba bạn học sinh ngồi chung một bàn hay ngồi bàn trên bàn dưới, thậm chí ngồi cách xa mấy bàn tán với nhau một bạn, một sự việc nào đó, hay chỉ đơn giản nói về đôi giầy của bạn nam, chiếc nơ buộc tóc của bạn nữ… Những câu chuyện không thành chuyện đó vẫn xảy ra hàng ngày trong các tiết học, nhiều em coi đó là bình thuờng lại ẩn chứa những tác hại nghêm trọng.Nói chuyện riêng trong lớp tác hại đầu tiên là các em đã đánh mất lợi ích của cá nhân mình, vì nó khiến các em các em không thể tiếp thu hết kiến thức trên lớp mà thầy cô giảng. Bởi bộ não của con người chỉ hoạt động có mức độ và phạm vi nhất định, nên ta không thể vừa nghe giảng lại vừa hăng say nói chuyện riêng được. Nếu các em không hiểu bài trên lớp thì về nhà không làm bài tập được, vì thế lực học giảm sút, dần sẽ mất gốc khiết thức. Mà một khi kiến thức mất gốc thì việc học lên cao là không thể, nhiều em quay ra học lại nhưng việc đó tốn rất nhiều thời gian, tiền bạc của bố mẹ mà hiệu quả lại không cao.

Cách 2.

Nói chuyện riêng trong giờ học vừa vi phạm nội quy nhà trường ,vừa thể hiện hành vi thiếu văn hóa. Thật vậy, theo tôi, điều đó là hoàn toàn đúng. Ngay từ buổi đầu đi học, các bạn học sinh đã được trang bị đầy đủ về nội quy của trường lớp. Trong đó có nội dung không được nói chuyện riêng trong giờ học. Nhiều bạn còn thắc mắc với cô giáo là tại sao không được nói chuyện riêng? Bởi lẽ nói chuyện có thể làm không khí lớp học bớt căng thẳng và giúp các bạn vượt qua "bài ca trù" của giáo viên. Đó chắc hẳn là suy nghĩ của rất nhiều bạn học sinh. Vậy tại sao các bạn lại có suy nghĩ như vậy? Đó là bới các bạn chưa ý thức được hành vi của mình. Nói chuyện riêng là một hành vi xấu, mang tính tiêu cực. Bởi lẽ khi bạn nói chuyện, bạn sẽ gây ảnh hưởng cho người ngồi cạnh bạn đang nghe giảng thậm chí ảnh hưởng trực tiếp tới tâm lí của giáo viên đang giảng dạy. Chẳng có giáo viên nào hay học sinh nào có thể học nổi khi lớp ào ào nói chuyện như chợ vỡ. Hơn hết, hành động ấy còn chứng tỏ bạn không tôn trọng giáo viên, thiếu văn hóa với giáo viên. Cũng chính bởi nguyên nhân này mà nhiều giáo viên tỏ ra bực tức và có khi còn không kiểm soát nổi hành động của bản thân. Gây ra nhiều hậu quá khó lường. Chính bởi vậy, là học sinh, các bạn hãy tự giác, nghiêm chỉnh chấp hành nội quy của nhà trường. Tuyệt đối không được nói chuyện riêng trong giờ học.

**Câu 2:**

Yêu cầu về hình thức:

- Bài viết ngắn ngọn, rõ ràng, đúng yêu cầu về số lượng câu.

- Không sai lỗi chính tả, lỗi diễn đạt.

- Viết có: - Mở đoạn: Dẫn dắt vấn đề

- Thân đoạn: Triển khai các ý.

- Kết đoạn: Phương hướng, trách nhiệm...

Yêu cầu về nội dung:

Học sinh cần xác định được vấn đề cần bàn luận: Tình yêu thương

- Tình yêu thương là tình cảm tốt đẹp nhất của con người  tình gia đình, tình thầy trò, tình bạn …

- Nêu được biểu hiện của vấn đề

->dẫn chứng trong văn bản truyện, gia đình, nhà trưòng, thôn xóm …

->sự quan tâm, chở che, đùm bọc…, ý thức trách nhiệm đối với mọi người.

- Con người không thể sống mà không có tình yêu thương

->tình yêu thương tạo nên sự đoàn kết, thân ái trong cộng đồng…

- Nêu biểu hiện ngược lại của vấn đề

- Nêu phương hướng, trách nhiệm của bản thân

Câu 3:

a.Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.

b.Chủ đề đoạn văn: Con người ta quá vô tình trước những tội lỗi, tổn thương do chính mình gây nên đối với thế giới tự nhiên và người khác.

c Biện pháp nghệ thuật nổi bật: Điệp từ (quen), điệp cấu trúc câu (Những … quen …).

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh sự vô tư, bao dung, rộng lượng, tha thứ và sẻ chia của tự nhiên đối với con người.

+ Tạo cho đoạn văn giàu tính nhạc.

d. Vì con người ta quá vô tư trước những tổn thương mà mình gây ra cho kẻ khác vì vậy mà bản thân chúng ta cũng nên bị “thương” để hiểu được tổn thương người khác cũng chính là làm đau chính mình và mọi người, tổn thương chính là rỉ máu.

- Lúc ấy ta sẽ biết yêu thương, chia sẻ; ta sẽ hòa vào thế giới này bằng trái tim độ lượng, bao dung, sẽ biết thấu hiểu, trân trọng, nâng niu thiên nhiên, đồng loại, dẹp bỏ đi thói vị kỉ, vô tâm, thờ ơ vô cảm để quan tâm nhiều hơn đến mọi người.

e. - Giải thích khái niệm: Vị tha là biết quan tâm, chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác mà hi sinh lợi ích của cá nhân mình. Lòng vị tha ở con người chứng tỏ một tinh thần vô cùng bao dung, nhân ái.

- Biểu hiện của lòng vị tha: thể hiện ở thái độ vô tư, không mưu toan tính toán khi giúp đỡ người khác làm một việc gì đó. Sẵn sàng giúp đỡ bạn bè, biết cảm thông giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, sẵn sàng tha thứ cho lỗi lầm của người khác, biết quan tâm đến những người xung quanh, sống hoà mình với mọi người, biết yêu thương đồng bào, đồng loại....

- Vai trò của lòng vị tha: đối với bản thân, con người sẽ cảm thấy thanh thản trước cuộc đời bởi thấy rằng mình có ích, được mọi người mến yêu, quý trọng. Đối với mọi người: lòng vị tha giúp người khác thấy cuộc có ý nghĩa, góp phần làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

- Mở rộng: Phê phán thái độ sống ích kỉ, chỉ biết quan tâm đến lợi ích bản thân, có khi vì mình mà làm hại cho tập thể, cho dân, cho nước.

- Bài học: Lòng vị tha là đức tính quý báu cần có của mỗi con người. Sống vị tha mỗi người sẽ cảm thấy thêm yêu cuộc sống, có động lực để sống tốt hơn trong cuộc đời này.

Ví dụ:

Vị tha là một đức tính quý giá của con người, ai có được lòng vị tha chắc hẳn sẽ được rất nhiều người yêu quý. Vị tha là biết quan tâm, chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác mà hi sinh lợi ích của cá nhân mình. Lòng vị tha ở con người chứng tỏ một tinh thần vô cùng bao dung, nhân ái.

Hãy thử nghĩ xem cuộc sống của chúng ta sẽ ra sao nếu không có lòng vị tha . Chắc chắn nó sẽ chẳng có ý nghĩa gì cả. Bởi vì con người không biết tha thứ cho nhau, trở nên chấp nhặt. Bất kỳ một lỗi nhỏ nào cũng có thể làm cho con người ta bị ghét bỏ, mọi việc sẽ rất khó được giải quyết ổn thoả. Nhưng ngược lại, khi đã có lòng vị tha, con người với con người có thể tha thứ cho nhau những sai lầm dù là nhỏ cho đến lớn. Cuộc sống vì thế mà có ý nghĩa hơn, mỗi người chúng ta lại thêm yêu đời. Chẳng thế mà khi xưa người con gái đẹp Vũ Nương đã sống hạnh phúc bên người chồng tính tình cả ghen, đa nghi. Vũ Nương là người con gái tính đã thuỳ mị, nết na lại thêm tư dung tốt đẹp, xong nàng lại lấy phải người chồng rất hay ghen tuông, đối với vợ phòng ngừa quá sức. Sống với 1 người luôn theo dõi mình từng cử chỉ, từng hành động như thể một người giám sát như vậy nhưng Vũ Nương chưa bao giờ kêu than nửa lời. Nàng luôn bỏ qua những việc làm sai trái của chồng đối với mình và ứng xử khôn khéo, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hoà. Đó chẳng phải là một tấm gương sáng về lòng vị tha hay sao ?

Trong thực tế cũng vậy, nếu như nước Việt nam chúng ta không có lòng vị tha đối với các nước đã từng xâm lược bờ cõi, đất đai như Pháp, Mĩ, ... thì làm sao ta có thể kết giao tình hữu nghị với các nước trên thế giới và làm sao chúng ta có thể phát triển được đất nước như ngày hôm nay.

Tóm lại, vị tha là một điều vô cùng cần thiết đối với mỗi người chúng ta. Chúng ta nên rèn luyện đức tính quý giá này để được mọi người yêu quý và kính trọng . Hơn nữa, cuộc sống của chúng ta cũng sẽ dễ dàng và có ý nghĩa hơn.

Câu 4: Hạnh phúc nhất của bạn khi trở về nhà là gì? Với tôi, là được nhìn thấy bóng dáng mẹ trong căn bếp nhỏ xinh, cảm giác ấy thật bình yên và ấm áp. Bao năm qua, mẹ không quản ngại gian nan và vất vả, nuôi dưỡng tôi nên người. Dù công việc bận rộn đến đâu, mẹ cũng không quên quan tâm từng miếng ăn, giấc ngủ, việc học hành của tôi mỗi ngày. Mẹ còn luôn tâm sự cùng tôi những chuyện về bạn bè, cuộc sống, mẹ dạy tôi phải biết ứng xử và yêu thương mọi người. Với tôi, mẹ luôn là điểm tựa bình an, là bờ vai tin tưởng, là người bạn thân thiết nhất để tôi chia sẻ mọi tâm tư buồn vui. Mẹ đã cho tôi cuộc sống và tôi luôn trân trọng hạnh phúc thiêng liêng đó. Nếu có một điều ước, tôi mong mẹ mãi mạnh khỏe và có nhiều niềm vui, không phải lo lắng muộn phiền. Mỗi khi đi đâu xa, tôi luôn ước ao được trở về, gối đầu lên vai mẹ để được mẹ vuốt ve và chở che như những ngày thơ bé. Có thể con không tài giỏi nhưng con hứa sẽ luôn luôn cố gắng học tập và tu dưỡn thật tốt để mẹ luôn tự hào về con. Từ đáy lòng, tôi luôn muốn được nói với mẹ: "Mẹ ơi! Con yêu mẹ nhiều lắm và tình yêu ấy mãi vẹn nguyên trong trái tim con."

C5.

Học tập là nghĩa vụ thiêng liêng của học sinh.Đúng vậy!Học tập là một quá trình dài, là một cách để con người tiếp cận tri thức, nâng cao trình độ, mở mang trí óc để khám phá những điều hay lẽ phải. Học là việc cần thiết suốt đời bởi tri thức nhân loại là một kho tàng vô cùng phong phú, nó như biển cả mênh mông mà sự hiểu biết của con người lại có hạn.Kết quả của một quá trình học tập sẽ chẳng bao giờ là vô ích cả vì việc học của học sinh thời nay là vô cùng cần thiết. Với xu thế hội nhập, học sinh ngày càng phải trau dồi vốn kiến thức hiểu biết của mình. Hành trang để vào đời chính là những kiến thức mà chúng ta tích luỹ được từ thuở ấu thơ, nó sẽ là vô giá nếu chúng ta tranh thủ học nhưng củng sẽ là vô nghĩa nếu chúng ta mải chơi, lười học.Nếu không chịu khó học tập kiếm được bằng cấp thì hậu quả gây ra từ việc đó dẫn đến nhiều vấn đề nảy sinh như không hiểu biết nhiều, khó kiếm việc làm cũng có thể là thất nghiệp, cuộc sống không ổn định,tệ nạn xã hội,... Vì vậy hãy học đii Nếu không coi trọng việc học thì chúng ta sẽ không thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của đất nước trong giai đoạn mới.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (gv giao về nhà)**

- GV yêu cầu :

Bài tập 1.Cho câu chủ đề sau: “ Học tập là chìa khóa mở ra tương lai tươi sáng”. Hãy viết một đoạn văn theo cách diễn dịch( 6-8 câu) sau đó biến đổi đoạn văn thành đoạn văn qui nạp.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

H/s về nhà làm.

GV củng cố, dặn dò

Soạn B5: Ôn tập văn học hiện thực phê phán trước 1945 (TT)

Ngày soạn T5/11/11/2021

Ngày dạy T6/12/11/2021 Buổi 5

**ÔN TẬP VĂN HỌC HIỆN THỰC PHÊ PHÁN TRƯỚC 1945 (TT)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1.Kiến thức**

- Cảm nhận được bộ mặt tàn bạo của chế độ thực dân nửa phong kiến trước CMT8. Đồng thời thấy được tình cảnh đáng thương, khốn cùng của người ND trong XH ấy.

***-*** Giới thiệu cơ bản về tác giả Nam Cao

- Củng cố kiến thức chung về văn bản “Lão Hạc”

**2. Kỹ năng:** Vận dụng phân tích nhân vật qua đối thoại, cử chỉ và hành động, tình huống truyện. Rèn kỹ năng thực hành theo 4 cấp độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao.

**3. Thái độ, phẩm chất:** Giáo dục tình cảm yêu quý, trân trọng, cảm thông với người nông dân. Biết yêu những tác phẩm văn học giai đoạn hiện thực phê phán.

**4. Năng lực:** Năng lực đọc – hiểu, tự học, cảm thụ văn học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, năng lực tư duy sáng tạo, tạo lập văn bản, thuyết trình.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

1. GV: Kế hoạch bài dạy, Tài liệu tham khảo.
2. HS: ôn bài.

**III.TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

**b.Tổ chức thực hiện: Gv kiểm tra kiến thức: yêu cầu h/s thảo luận nhóm bàn**

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ**

? Nêu những hiểu biết của em về tác giả Nam Cao -tác phẩm Lão Hạc ( Xuất xứ, thể loại, PTBĐ, Chủ đề, ngôi kể, bố cục, tóm tắt, nội dung chính)

**Bước 2: Tổ chức thực hiện**

Nhóm 1: Nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm (xuất xứ, thể loại)

Nhóm 2: Nêu phương thức biểu đạt, ngôi kể, bố cục

Nhóm 3: Tóm tắt

Nhóm 4: Nêu nội dung chính

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Đại diện nhóm lên trình bày, nhóm khác nhận xét, đánh giá

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Gv: lắng nghe, nhận xét, đánh giá, chốt.**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

1. **Mục tiêu:** giúp h/s củng cố kiến thức, nắm vững tác giả, tác phẩm : Xuất xứ

thể loại, PTBĐ, Chủ đề, ngôi kể, bố cục, tóm tắt, nội dung chính)

1. Tổ chức thực hiện: H/s ghi những kiến thức cần nhớ

|  |
| --- |
| **I. Hệ thống kiến thức văn bản: Lạo Hạc - Nam Cao:**  **1. Tác giả Nam Cao:**  - Tên khai sinh là Trần Hữu Tri, ông sinh năm 1917 hi sinh năm 1951, quê làng Đại Hoàng, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.  - Tác phẩm viết về hai đối tượng: người nông dân nghèo bị áp bức và người trí thức nghèo sống mòn mỏ i trong xã hội cũ.  - Được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật đợt I năm 1996.  - Tác phẩm chính của Nam Cao: viết về đề tài nông dân (*Chí Phèo*; *Một bữa no*; *Mò sâm banh*...) viết về đề tài trí thức (tiểu thuyết *Sống mòn*; truyện ngắn *Đời thừa*; ). Sau cách mạng tháng Tám 1945 ông viết *Nhật kí ở rừng*; *Đôi mắt*.  **2. Văn bản Lão Hạc:**  - Xuất xứ: Truyện ngắn “Lão Hạc” xuất hiện lần đầu tiên trên tuần báo “Tiểu thuyết thứ bảy” số 434 ra ngày 23/10/1943. *Lão Hạc* là một trong những truyện ngắn xuất sắc của Nam Cao viết về người nông dân.  - Thể loại: Truyện ngắn  - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự  - Chủ đề: Hình ảnh người nông dân trước cách mạng tháng 8.  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất. Nhân vật “tôi” (ông giáo) là người kể. Việc lựa chọn ngôi kể hợp lí đã đem lại hiệu quả nghệ thuật lớn cho tác phẩm:  + Ông giáo là người gần gũi, tin cậy của lão Hạc, chứng kiến toàn bộ cảnh đời của Lão Hạc nên câu chuyện do “tôi” thuật lại có tính khách quan và chân thực.  + Việc trần thuật từ ngôi thứ nhất khiến cho mạch kể linh hoạt, cốt truyện được dẫn dắt một cách tự nhiên, có thể linh hoạt dịch chuyển không gian, thời gian, có thể kết hợp giữa tự sự với miêu tả và biểu cảm.  + Với việc lựa chọn ngôi kể như trên, nhà văn có thẻ sử dụng nhiều loại giọng điệu khác nhau khiến cho câu chuyện diển ra tự nhiên và sâu sắc.  + Đặc biệt, để cho ông giáo vừa dẫn chuyện, vừa đan xen bày tỏ suy nghĩ cảm xúc, thái độ về lão Hạc, về người vợ, về chính bản thân mình, tác giả đã tạo nên chất triết lí sâu sắc cho tác phẩm.  - Bố cục:  + Phần 1: Từ đầu đến “có làm gì được đâu”: Những việc làm của lão Hạc trước khi chết.  + Phần 2: Đoạn còn lại: Cái chết của lão Hạc.  - Tóm tắt: Lão Hạc có một hoàn cảnh gia đình bất hạnh: vợ lão mất sớm, còn một người con trai thì anh ta vì phẫn chí mà bỏ đi cao su. Lão Hạc còn lại một mình với một mảnh vườn và một con chó vàng. Con chó ấy là của anh con trai để lại, lão cưng chiều nó như con, luôn miệng gọi “cậu Vàng”. Nhưng cuộc sống khốn khó, lão bán chó để dành mảnh vườn cho con dù vô cùng đau khổ, dằn vặt. Lão mang tiền dành dụm được gửi ông giáo và nhờ ông trông coi mảnh vườn. Không muốn phiền đến mọi người, lão từ chối hết thảy sự giúp đỡ của ông giáo. Một hôm, lão xin Binh Tư một ít bả chó nói là muốn bẫy một con chó lạc. Ông giáo rất thất vọng khi nghe chuyện ấy. Nhưng rồi lão Hạc bỗng nhiên chết - cái chết thật dữ dội, đau đớn. Ông giáo hiểu ra tất cả, vô cùng đau đớn nghĩ về cái chết của lão Hạc và chiêm nghiệm về cuộc đời.  -. Giá trị nghệ thuật: Nam Cao đã thể hiện tài năng nghệ thuật của mình trong việc miêu tả tâm lí nhân vật, cách kể chuyện giản dị, tự nhiên chân thực, giọng điệu linh hoạt và tình huống đôc đáo.  -. Giá trị nội dung: Qua đoạn trích tác giả đã thể hiện sự chân thực và cảm động về số phận đau thương của người nông dân trong xã hội phong kiến cũ và ca ngợi những phẩm chất cao quí của họ. Đồng thời cũng cho thấy sự yêu thương trân trọng của Nam Cao đối với những người nông dân như thế.  -. Ý nghĩa nhan đề  + Nhan đề ngắn gọn nhưng có ý nghĩa sâu xa  + Tên nhan đề cũng là tên nhân vật chính. Nội dung chính của tác phẩm xoay quanh số phận nghèo khổ của Lão Hạc  + Nhan đề gợi sự đồng cảm của người đọc với thân phận người nông dân đồng thời gợi sự căm phẫn với ách thống trị của chế độ thực dân phong kiến.  - Nội dung chính:  **1. Những việc làm của lão Hạc trước khi chết:**  **\* Bán chó:**  - Tình cảm của lão Hạc đối với Vàng: thương yêu, cưng nựng như đứa cháu.  - Tâm trạng của lão Hạc khi quyết định bán chó: đắn đo, suy nghĩ, phân vân.  - Tâm trạng lão Hạc sau khi bán chó: day dứt, dằn vặt, đau khổ; tự trách mình nỡ lừa một con chó; tự lên án hành động của mình.  = > Sử dụng những từ ngữ tượng hình, tượng thanh độc đáo để diễn tả hình dáng bên ngoài và bản chất bên trong của lão Hạc. Lão lương thiện, hiền lành, nhân hậu, có lối sống ân nghĩa, thủy chung.  **\* Nhờ cậy ông Giáo:**  - Việc thứ nhất: Lão nhờ ông Giáo giữ hộ 3 sào vườn cho thằng con trai lão; khi nào nó về thì sẽ nhận lại.  - Việc thứ hai: Lão gửi tiền nhờ ông giáo lo việc hậu sự để khỏi phiền cho hàng xóm  - Luôn mấy hôm, lão Hạc chỉ ăn khoai, khoai cũng hết.  - Từ đấy, lão chế được món gì, ăn món nấy: hôm thì lão ăn củ chuối, sung luộc, rau má, củ ráy, bữa trai, bữa ốc...  => Hoàn cảnh cùng cực đẩy lão Hạc tới chỗ phải lựa chọn: Tiếp tục kéo dài sự sống tàn để trở thành kẻ báo hại con hay là chết đi để trọn đạo làm cha. Một người cha thương con rất mực như lão tất yếu sẽ tìm đến cái chết để giữ mảnh vườn cho con.  **2.** **Cái chết của lão Hạc:**  **\* Nguyên nhân:**  - Nguyên nhân cái chết của lão Hạc :  + Tình cảnh đói khổ túng quẫn đã đẩy lão Hạc đến cái chết như một hành động tự giải thoát.  + Cái chết tự nguyện này xuất phát từ lòng thương con âm thầm mà lớn lao, từ lòng tự trọng đáng kính.  - Suy nghĩ về cái chết của lão Hạc :  + Cái chết dữ dội, chết bằng bả chó, dường như lão muốn tự trừng phạt mình.  + Cái chết là lời tố cáo chế độ xã hội tàn ác khiến người lương thiện bị đẩy vào bế tắc không còn con đường sống.  + Cái chết khẳng định nhân cách cao thượng của lão Hạc.  + Cái chết làm người đọc thương cảm, tin vào cái thiện, tin vào nhân cách con người.  **\* Diễn biến:**  **\* Ý nghĩa:**  **3. Vẻ đẹp và số phận của lão Hạc:**  **\* Vẻ đẹp:**  - Người nông dân hiền lành, lương thiện:  - Người giàu lòng yêu thương: thương loài vật, thương con.  - Người giàu lòng tự trọng:  **\* Số phận:**  - Nghèo khổ:  - Cô đơn:  - Chết đau đớn, dữ dội:  **4. Nhân vật ông giáo:**  - Là người kể chuyện:  - Là tri thức nghèo, quan tâm, chia sẻ cùng lão Hạc:  - Là người chuyên chở triết lí nhân sinh của nhà văn Nam Cao:  + Lần thứ nhất: *"Chao ôi! Đối với ....*  + Lần thứ hai: *“Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn”*  + Lần thứ ba: *“Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn những lại đáng buồn theo một nghĩa khác.”* |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

1. **Mục tiêu:**

**a) Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

Bước **1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Bài tập 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi: “ Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác......................Binh Tư hiểu.

Câu 1: Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào? Của ai?

Câu 2: Nêu nội dung và phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên?

Câu 3: Chỉ ra những từ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn và nêu ngắn gọn tác dụng của các từ đó trong việc thể hiện nội dung đoạn trích?

Câu 4: Vì sao lão Hạc tìm đến cái chết ? Cái chết của lão Hạc gợi cho em những suy nghĩ gì ?

Câu 5: Tại sao tác giả lại miêu tả cái chết của lão Hạc dữ dội và đau đớn đến như vậy?

Câu 6: Thái độ và tình cảm của nhân vật “ tôi” đối với lão Hạc như thế nào qua đoạn kết trên?

Câu 7: Viết một đoạn văn theo mộ hình tổng hợp - phân tích - tổng hợp (Từ 10 đến 15 câu) trình bày cảm nhận cua em về nhận vật lão Hạc trong truyện ngắn Lão Hạc của Nam Cao.

Câu 8: Suy nghĩ của em về tình phụ tử bằng một đoạn văn quy nạp khoảng 10- 15 câu.

Bài tập 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc.”

Câu 1: Nêu xuất xứ đoạn trích. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: Chỉ ra và nêu tác dụng của yếu tố miêu tả, biểu cảm có trong đoạn trích.

Câu 3: Chỉ ra các từ thuộc một trường từ vựng có trong đoạn trích. Gọi tên trường từ vựng đó và nêu tác dụng của nó.

Câu 4: Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 10- 15 câu, nêu tác dụng của tình đồng cảm và chia sẻ trong cuộc sống.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s thực hiện

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

H/s trình bày, cá nhân khác báo cáo.

**Bước 4: kết luận, nhận định**

Gv lắng nghe, nhận xét, đánh giá, kết luận.

**Sản phẩm dự kiến**

Bài tập 1:

**Câu 1:** Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm “ Lão Hạc” của nhà vă Nam Cao.

**Câu 2:**

**- N**ội dung: Những suy nghĩ của ông giáo và cái chết đau đớn của Lão Hạc.

- Phương thức biểu đạt chính : Tự sự.

**Câu 3**

- Từ tượng hình: Mải mốt, xồng xộc, vật vã, rũ rượi, xộc xệch, ( long) sòng sọc, tru tréo.

- Từ tượng thanh: nhốn nháo, xôn xao.

-> Tác dụng: Giúp việc kể về cái chết của Lão Hạc trở nên sinh động, người đọc được chứng kiến sự việc ngay trước mắt.

**Câu 4:**

- Nguyên nhân cái chết của lão Hạc :

+ Tình cảnh đói khổ túng quẫn đã đẩy lão Hạc đến cái chết như một hành động tự giải thoát.

+ Cái chết tự nguyện này xuất phát từ lòng thương con âm thầm mà lớn lao, từ lòng tự trọng đáng kính.

- Suy nghĩ về cái chết của lão Hạc :

+ Cái chết dữ dội, chết bằng bả chó, dường như lão muốn tự trừng phạt mình.

+ Cái chết là lời tố cáo chế độ xã hội tàn ác khiến người lương thiện bị đẩy vào bế tắc không còn con đường sống.

+ Cái chết khẳng định nhân cách cao thượng của lão Hạc.

+ Cái chết làm người đọc thương cảm, tin vào cái thiện, tin vào nhân cách con người.

**Câu 5:**

**-** Tạo ra hình ảnh cụ thể, sinh động về một cái chết thê thảm và dữ dội giúp người đọc cảm nhận đầy đủ hơn, sâu sắc hơn bi kịch của người nông dân trước cách mạng.

- Tố cáo xã hội tàn ác đối với con người.

- Gợi niềm cảm thương sâu sắc trong lòng người đọc.

**Câu 6:**  Qua đoạn kết rong văn bản lão Hạc của Nam Cao nhân vật “tôi” đã bày tỏ sự đồng cảm, xót xa trước cái chết của lão Hạc, đồng thời thể hiện sự trân trọng trước nhân cách cao đẹp của lão Hạc.

**Câu 7:**

- Về kĩ năng :

+ Biết viết và trình bày đúng đoạn văn tổng hợp - phân tích - tổng hợp. Đảm bảo số lượng câu như yêu cầu.

+ Diễn đạt rõ ràng, dùng từ đặt câu đúng.

- Về nội dung : Trình bày được những cảm nhận về nhân vật lão Hạc.

+ Cuộc sống đói nghèo cơ cực, số phận bi thảm.

+ Phẩm chất tốt đẹp : Yêu thương con, giàu đức hi sinh, sống lương thiện trong sạch, giàu lòng tự trọng.

+ Là điển hình cho người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, cuộc sống khốn cùng tăm tối nhưng vẫn ngời sáng những phẩm chất tốt đẹp.

**Câu 8:**

**\* Mở đoạn**: Giới thiệu vấn đề nghị luận

**Tham khảo câu mở đoạn:** Tình phụ tử là một trong những tình cảm rất đỗi thiêng liêng của mỗi con người.

**\* Thân đoạn**:

- Giải thích: Tình phụ tử là tình cảm yêu thương, gắn bó giữa cha và con.

- Bàn luận:

+ Biểu hiện của tình phụ tử

. Cha yêu thương, che chở, hi sinh tất cả vì con.

. Con kính trọng, yêu thương , biết ơn cha.

( Lấy ví dụ trong văn học và thực tế để làm rõ)

- Sức mạnh của tình phụ tử

. Là tình cảm thiêng liêng, cao quí, giúp hình thành nhân cách cho con, dạy con biết yêu thương, sống có lòng biết ơn.

. Là nguồn sức mạnh tinh thần vô giá tiếp sức cho cả cha và con trên đường đời để có thể vượt qua nhiều trở ngại, khó khăn.

. Là niềm an ủi, vỗ về, chở che, bao dung khi con vấp ngã hay mắc sai lầm.

- Đánh gíá, mở rộng:

+ Đánh giá: Tình phụ tử là tình cảm tự nhiên, thiêng liêng và bất diệt.

+ Cảm thông với những người bất hạnh không được sống trong tình phụ tử.

- Bài học:

+ Chúng ta cần giữ gìn và trân trọng tình cảm thiêng liêng này.

+ Làm một người con hiếu thảo, học tập và rèn luyện, trở thành người có ích, để báo đáp công ơn của cha .

+ Liên hệ bản thân.

**\* Kết đoạn( Câu chốt)**: Khẳng định lại vấn đề nghị luận.

**Tham khảo câu kết đoạn:** Tóm lại, tình phụ tử là điểm tựa vững chắc trong cuộc đời mỗi người.

**Bài tập 2: Gợi ý:**

**Câu 1:** - Đoạn trích thuộc văn bản ***Lão Hạc*** của Nam Cao

- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2:**

- Yếu tố miêu tả: *cười như mếu, đôi mắt ầng ậng nước,*

- Yếu tố biểu cảm: *tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc, tôi không xót xa, tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc.*

- Tác dụng: Yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp lời kể trở nên sinh động, hấp dẫn.

**Câu 3:**

- Trường từ vựng tâm trạng( cảm xúc của con người): vui vẻ, muốn òa khóc, xót xa, ái ngại.

*HS có thể chỉ ra các từ thuộc trường từ vựng khác, miễn là hợp lí.*

- Tác dụng: giúp người đọc thấy rõ được tâm trạng lão Hạc sau khi bán chó và sự cảm thông của ông giáo trước nỗi đau của lão Hạc.

**Câu 4:**

**\* Yêu cầu hình thức**: Đảm bảo đúng hình thức của một đoạn văn ( bắt đầu bằng chữ cái viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng), dung lượng 10 - 15 câu.

**\* Yêu cầu kĩ năng**: Đoạn văn nghị luận các câu liên kết chặt chẽ, lô gic làm sáng vấn đề.

**\* Yêu cầu về nội dung:** Đoạn văn đảm bảo những nội dung sau:

**Mở đoạn:** Học sinh đưa dẫn vấn đề từ câu nói của nhà văn Nam Cao trong truyện Lão Hạc để khẳng định đồng cảm và chia sẻ rất cần trong cuộc sống.

**Thân đoạn:**

*- Giải thích đồng cảm và chia sẻ:* Là chung một cảm nghĩ, một tấm lòng. Là sự đồng cảm, luôn thấu hiểu và quan tâm đến người khác. Giúp đỡ họ khi họ không có khả năng thực hiện

- Vai trò, ý nghĩa của tình yêu thương trong cuộc sống:

+ Tình yêu thương có ý nghĩa và sức mạnh lớn lao. Tình yêu thương đem đến cho con người niềm vui, hạnh phúc, cao hơn là mang lại sự sống, sự cảm hoá kì diệu, tiếp thêm sức mạnh để con người vượt qua mọi thử thách, khó khăn. (Dẫn chứng)

+ Người cho đi tình yêu thương cũng cảm thấy thanh thản, hạnh phúc trong lòng. (Dẫn chứng)

+ Tình yêu thương làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, là lực hấp dẫn kéo gần con người lại với nhau. Đáng sợ biết bao khi thế giới này chỉ có hận thù, chiến tranh.

- Bàn luận (Mở rộng):

+ Phê phán những kẻ sống ích kỉ, thơ ơ vô cảm trước nỗi đau đồng loại

+ Tuy nhiên tình yêu thương không phải là thứ có sẵn trong mỗi người, chỉ có được khi con người có ý thức nuôi dưỡng, vun trồng.

+ Tình yêu thương cho đi phải trong sáng, không vụ lợi có thể nó mới có ý nghĩa.

+ Hãy biến yêu thương thành hành động, yêu thương đúng cách, không mù quáng...

- Rút ra bài học nhận thức và hành động: Sống yêu thương, trân trọng tình yêu thương của người khác dành cho mình và cũng cần biết san sẻ tình yêu thương với mọi người.

**\* Kết đoạn:** Khẳng định lại vấn đề: tình yêu thương là thứ tình cảm không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi con người.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (gv yêu cầu về nhà)**

**Đề bài: Nếu là người được chứng kiến cảnh lão Hạc kể chuyện bán chó với ông giáo trong truyện ngắn của Nam Cao thì em sẽ ghi lại câuchuyện đó ntn?**  
Bước 2: Tổ chức thực hiện: Gv yêu cầu h/s về nhà làm (Gv gợi ý)  
***Hướng dẫn:***

* Kể lại việc lão Hạc đã bán con vàng như thế nào, chứ không phải chép lại đoạn văn trong truyện ngắn của Nam Cao.
* - Người kể phải ở ngôi thứ nhất, số ít, xưng “tôi”( người kể trong truyện của Nam Cao là ông giáo.)
* Suy nghĩ tình cảm của bản thân về câu chuyện và các nhân vật trong truyện như ông giáo, lão Hạc....

***Lập dàn ý:***

**A.  Mở bài**

* Giới thiệu ngôi kể thứ nhất (tôi) có mặt trong câu chuyện như người thứ 3 ngoài lão Hạc với ông giáo.(phân biệt với người kể ở trong truyện của Nam Cao chính là ông giáo.
* Giới thiệu hoàn cảnh lão Hạc sang nhà ông giáo để kể chuyện bán chó. Ở đó có ông giáo và người kể

**Tham khảo:** Hôm nay là một ngày khá là đẹp, mặt trời chiếu những tia nắng xen qua kẽ lá. Tôi đang lụi hụi nấu ăn, còn chồng thì chăm chú ngồi đọc sách. Chợt từ xa, lão Hạc với dáng vẻ buồn bã từ từ tiến lại gần nhà tôi, không biết có chủ ý gì mà lão qua đây. Tò mò tôi ló đầu ra hóng chuyện.

**B. Thân bài**

**1. Kể lại diễn biến câu chuyện mà lão Hạc kể lại việc bán chó cho ông giáo**

- Vừa gặp ngay đầu cửa, lão nói với chồng tôi là: “Bán rồi”.

- Chồng tôi thắc mắc: “Bán thật rồi à, nó cho bắt à ?”.

- Lão nói với giọng bùi ngùi, gương mặt lão cố tỏ ra vui vẻ nhưng thật ra trong lòng đau đớn đến tột cùng.

- Lão cười, cười một cách quái dị, lão cười mà cứ như mếu. Trên đôi mắt ngân ngấn nước, đỏ hoe.

- Lão bắt đầu khóc, lão khóc hu hu như một đứa trẻ, khóc như chưa từng được khóc. Nước mắt chan hòa với nỗi đau khiến lòng lão quặn lại, tim đau từng hồi.

- “Khốn nạn...ông giáo ơi!... Nó có biết gì đâu”. Lão kể lại.

- “Ông giáo à! Ngay cả tôi cũng không hiểu vì sao mình bằng tuổi này rồi mà lại nhẫn tâm đi lừa một con chó, phản bội người bạn thân duy nhất của mình. Tôi thấy ân hận quá!”.

- Lão vừa nói vừa đấm thình thịch vào ngực mình, nước mắt cứ thế mà rơi trên gương mặt xương xương, gầy gầy.

**2. Miêu tả biểu cảm của ông giáo và tâm trạng của lão Hạc**

- Lão Hạc: nét mặt đau khổ của lão Hạc, nỗi ân hận của lão Hạc về việc bán chó, chua chát kết thúc việc bán chó.

- Ông giáo: nét mặt của ông giáo khi nhận được tin, thái độ ân cần hỏi han, chia sẻ, an ủi,…đồng cảm với tâm trạng day dứt của lão Hạc, muốn xoa dịu nỗi đau của một thân phận khốn khổ kiếp người, tạo niềm lạc quan cho ông bạn già và chính mình bằng cách pha trò, thấu hiểu nhân cách cao đẹp  của lão Hạc bằng tấm lòng tri âm, tri kỉ.

**3. Cảm nghĩ của bản thân**

- Suy nghĩ về bản thân về câu chuyện: Xót thay cho những thân phận khốn khổ trong xã hội, không biết cậu Vàng  đi rồi, lão Hạc sẽ sống chuỗi ngày còn lại như thế nào, ai sẽ quấn quýt bên lão,…

- Suy nghĩ về các nhân vật trong chuyện: Tôi thấy thương lão Hạc biết bao, Lão Hạc quả là một con người đáng thương, ông có một tấm lòng yêu thương con trai và yêu con vật như yêu chính bản thân. Một con người sống có tình có nghĩa như lão thật đáng trân trọng biết bao. Đồng thời ông giáo cũng là người có nhân cách cao cả khi đã ở bên động viên, an ủi người bạn già của mình bằng tấm lòng tri âm, tri kỉ,….

**C.  Kết bài**: Nhắc lại sự việc bán chó. Đặc biệt là khi sự việc kết thúc. Nhận định, đánh giá chung về sự việc đó. Trở lại hoàn cảnh thực tại của mình.

**Tham khảo:** Chứng kiến toàn bộ cảnh lão Hạc kể chuyện bán chó với chồng mình đã để lại cho tôi cảm xúc khó tả, giúp tôi thấm thía, cảm nhận được những nỗi đau của lão Hạc cũng như những người nông dân thời xưa phải trải qua, họ phải sống trong tầng lớp nghèo khổ, bị khinh miệt rất đáng thương. Và tôi thầm ao ước một ngày nào đó, những con người khốn khổ bần cùng như lão Hạc sẽ vơi bớt khổ đau.

**GV củng cố, dặn dò**

***Ôn luyệnTiếng Việt: từ tượng hình từ tượng thanh; từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội; trường từ vựng***

Ngày soạn : T4/17/11/2021

Ngày dạy :T7/20/11/2021 **Buổi 6:**

**ÔN LUYỆN TIẾNG VIỆT**

**Từ tượng hình từ tượng thanh; từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội; trường từ vựng**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức.**

- Củng cố kiến thức cho HS về Từ tượng hình, từ tượng thanh, từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội; trường từ vựng

**2. Kĩ năng.**

- Rèn kĩ năng sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh, từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội; trường từ vựng trong khi nói, viết.

**3. Thái độ.**

- Yêu thích tìm hiểu sự phong phú của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Gv: Kế hoạch bài dạy, Tài liệu tham khảo**

**2.H/s:** Ôn tâp các kiến thức từ tượng hình, từ tượng thanh, từ ngữ địa phươn...

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

b. Tổ chức thực hiện: H/s làm việc nhóm

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

N1. Thế nào là từ tượng hình, từ tượng thanh? Lấy ví dụ, nêu tác dụng?

N2. Từ ngữ địa phương là gì? Lấy ví dụ

N3. Biệt ngữ xã hội là gì? Lấy ví dụ

N4. Trường từ vựng là gì? Lấy ví dụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Các nhóm thảo luận

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

-Gv lắng nghe, nhận xét, đánh giá, kết luận

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

a.Mục tiêu: từ hoạt động mở đầu, gv củng cố, giúp h/s nắm vững các kiến thức: Từ tượng hình, từ tượng thanh, từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội; trường từ vựng.

b. Tổ chức thực hiện.

Gv chốt , h/s ghi vào vở :

**A.KIẾN THỨC CẦN NHỚ**

**I.Từ tượng hình, từ tượng thanh.**

**1.Từ tượng hình.**

- Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.

Ví dụ: Móm mém, xộc xệch, vật vã, rũ rượi, thập thò...

**2.Từ tượng thanh** :

- là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên của con người.

Ví dụ: Hu hu, ư ử, róc rách, sột soạt, tí tách...

**3. Tác dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh**

->Phần lớn các từ tượng hình, từ tượng thanh là từ láy.

- Từ tượng hình, từ tượng thanh gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao, thường được dùng trong văn miêu tả và tự sự.

Ví dụ:

Đường phố bỗng rào rào chân bước vội

Người người đi như nước sối lên hè

Những con chim lười còn ngủ dưới hàng me

Vừa tỉnh dậy, rật lên trời, ríu rít...

Xe điện chạy leng keng vui như đàn con nít

Sum sê chợ Bưởi, tíu tít Đồng Xuân..

( Tố Hữu)

**II. Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội.  
1. Từ địa phương.**- Từ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ử một ( hoặc một số) địa phương nhất định.  
Ví dụ: O (cô gái) chỉ dùng ở Nghệ Tĩnh.  
Hĩm ( bé gái) chỉ dùng ở Thanh Hoá.  
 **2. Biệt ngữ xã hội.**- Biệt ngữ xã hội chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định.  
Ví dụ: Thời phong kiến vua tự xưng là trẫm.  
 3. Lưu ý: Khi sử dụng từ địa phương và biệt ngữ xã hội phải thực sự phù hợp với tình huống giao tiếp, nhằm tăng thêm sức biểu cảm.

***Chú ý:***

*- Sử dụng từ ngữ đp trong hoàn cảnh gt phù hợp. Ko nên lạm dụng chúng vì có thể gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe. Đặc biệt không nên dùng những từ ngữ này trong văn bản khoa học, vb hành chính.*

*- Muốn không lạm dụng từ ngữ đp và bnxh, cần tìm những từ ngữ toàn dân tương ứng để sử dụng khi cần thiết.*

*- Từ ngữ đp và bnxh có thể được sử dụng trong các tác phẩm văn học nghệ thuật nhằm thể hiện rõ tình cảm, tô đậm ý đồ nghệ thuật của tác giả và làm cho tác phẩm trở nên chân thật, sống động hơn.*

**III. Trường từ vựng.**1. Trường từ vựng.  
- Trường từ vựng là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.  
2. Khi sử dụng trường từ vựng cần lưu ý những gì?  
\* Lưu ý:  
- Tuỳ theo ý nghĩa khái quát mà một ttrường từ vựng có thể bao hàm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn.  
Ví dụ: Trường từ vựng tay bao gồm các trường nhỏ hơn.  
+ Bộ phận của tay: Cánh tay, cẳng tay, khuỷu tay, bàn tay, ngón tay...  
+ Hoạt động của tay: Chặt, viết, ném, cầm...  
+ Đặc điểm của tay: Dài, ngắn, to, nhỏ, khéo, vụng...  
- Các trường từ vựng nhỏ trong trường từ vựng lớn có thể thuộc nhiều từ loại khác nhau.  
Ví dụ:  
+ Bộ phận của tay: Cánh tay, cẳng tay, khuỷu tay, bàn tay, ngón tay...( danh từ)  
+ Hoạt động của tay: Chặt, viết, ném, cầm...( động từ)  
+ Đặc điểm của tay: Dài, ngắn, to, nhỏ, khéo, vụng...( tính từ)  
- Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau.  
Ví dụ.  
Trường mùi vị : Chua, cay, đắng, Chua ngọt...  
Trường âm thanh: chua, êm dịu, ngọt, chối tai...  
**3. Tác dụng của trường từ vựng.**- Trong khi nói, viết sử dụng cách chuyển trường từ vựng thường nhằm mục đích tăng thêm tính nghệ thuật của ngôn từ ( các biện pháp tu từ nhân hoá, ẩn dụ, so sánh...)

***Ví dụ: Trong đoạn thơ sau, tác giả đã chuyển từ trường từ vựng nào sang trường từ vựng nào? Nêu tác dụng của hiện tượng đó.***

**Chị** tre **chải tóc** bên ao

**Nàng** mây áo trắng ghé vào **soi gương**

**Bác** nồi đồng **hát** bùng boong

**Chị** chổi loẹt quẹt **lom khom** trong nhà*.*

*( Trần Đăng Khoa, " Buổi sáng nhà em")*

**-> BL***:*

Các từ in đậm là các từ xưng hô chỉ người và các động từ chỉ hoạt động của người đều thuộc trường nghĩa người. T/g đã chuyển các từ đó từ trường nghĩa người sang trường nghĩa sự vật( tre, mây, nồi đồng, chổi).

-> Tác dụng: Khiến cho các sự vật được miêu tả như những sinh thể có linh hồn, sống động, đáng yêu*.*

**Hoạt động 3 : Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Bài tập 1: Tìm các từ tượng hình trong đoạn thơ sau đây và cho biết giá trị gợi cảm của mỗi từ.**

Bác Hồ đó, ung dung châm lửa hút

Trán mênh mông, thanh thản một vùng trời

Không gì vui bằng mắt Bác Hồ cười

Quên tuổi già, tươi mãi tuổi đôi mươi!

Người rực rỡ một mặt trời cách mạng

Mà đế quốc là loài dơi hốt hoảng

Đêm tàn bay chập choạng dưới chân Người

( Tố Hữu)

Bài tập 2:

? Trong đoạn văn sau đây, những từ nào là từ tượng hình? Sử dụng các từ tượng hình trong đoạn văn Nam Cao muốn gợi tả đặc điểm nào của nhân vật?  
 Anh Hoàng đi ra. Anh vẫn bước khệnh khạng, thong thả bởi vì người khí to béo quá, vừa bước vừa bơi cánh tay kềnh kệnh ra hai bên, những khối thịt ở bên dưới nách kềnh ra và trông tủn ngủn như ngắn quá. Cáidáng điệu nặng nề ấy, hồi còn ở Hà Nội anh mặc quần áo tây cả bộ, trông chỉ thấy là chững chạc và hơi bệ vệ.

Bài tập 3. Cho đoạn trích:

Ai vô thành phố

Hồ Chí Minh

Rực rỡ tên vàng.

Tìm và nêu rõ tác dụng của từ địa phương mà tác giả sử dụng?

Bài tập 4.Các từ sau đây đều nằm tròng trường từ vựng động vật, em hãy xếp chúng vào những trường từ vựng nhỏ hơn.  
- gà, trâu, vuốt, nanh, đực, cái, kêu rống, xé, nhai, hót, gầm, đầu, mõm, sủa, gáy, lơn, mái, bò, đuôi, hú, rú, mổ, gấu, khỉ, gặm, cá, nhấm, chim, trống, cánh, vây, lông, nuốt.

Bài tập 5. Tìm các từ thuộc các trường từ vựng sau: Hoạt động dùng lửa của người; trạng thái tâm lí của người; trạng thái chưa quyết định dứt khoát của người; tính tình của người; các loài thú đã được thuần dưỡng.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s làm việc thảo luận cặp đôi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Từng cặp đôi đại diện trình bày, nhóm đôi khác nhậ xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Gv nghe, nhận xét, đánh giá, chốt**

**SẢN PHẨM DỰ KIẾN**

**Bài tập 1:**

- Từ tượng hình: Ung dung, mênh mông, thanh thản, rực rỡ.

-> Các từ tượng hình trên được đặt trong ngữ cảnh gắn liền với sự vật, hành động làm cho sự vật hành động trở nên cụ thể hơn, tác động vào nhận thức của con người mạnh mẽ hơn.

**Bài tập 2:**   
- Từ tượng hình: Khệnh khạng, thong thả, khềnh khệnh, tủn ngủn, nặng nề, chững chạc, bệ vệ.  
-> Sử dụng từ tượng hình trong đoạn văn trên tác giả muốn lột tả cái béo trong dáng điệu của nhân vật Hoàng.

**Bài tập 3:**  
- Tác giả lấy tư cách là người miền Nam tâm tình với đồng bào ruột thịt của mình ở thành phố Hồ Chí Minh.  
Từ vô là từ địa phương miền Nam, do đó dùng từ vô để tạo sắc thái thân mật, đầm ấm.

**Bài tập 4:**   
- Trường từ vựng giống loài: gà, lợn, chim, cá, trâu, bò, khỉ, gấu.  
- Trường từ vựng giống: đực, cái, trống, mái.  
- Trường từ vựng bộ phận cơ thể của động vật: vuốt, nanh, đầu, mõm, đuôi, vây, lông.  
- Trường từ vựng tiếng kêu của động vật: Kêu, rống, gầm, sủa, gáy, hí, rú.  
- Trường từ vựng hoạt động ăn của động vật: xé, nhai, mổ, gặm, nhấm, nuốt.

Bài tập 5:   
- Hoạt động dùng lửa của người: châm, đốt, nhen, nhóm, bật, quẹt, vùi, quạt, thổi, dụi...  
- Trạng thái tâm lí của người: vui, buồn, hờn, giận...  
- Trạng thái chưa quyết định dứt khoát của người: lưỡng lự, do dự, chần chừ...  
- Tính tình của người: vui vẻ, cắn cảu, hiền, dữ...  
- Các loài thú đã được thuần dưỡng: trâu, bò, dê, chó...

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Viết một đoạn văn ngắn trong đó có sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh ?

Viết một đoạn văn ngắn (tầm 1 trang, tối thiểu hơn nửa trang) thuật lại cuộc trò chuyện giữa em và một người bạn cùng lớp nói về một bài kiểm tra hoặc 1 bài học nào đó trên lớp, trong đó có sử dụng: từ tượng hình, từ tượng thanh, từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s làm việc cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

H/s trình bày, các bạn khác nhận xét, đánh giá

**Bước 4; kết luận, nhận định**

Gv nghe, đánh giá, chốt

Gv yêu cầu h/s nghe bài tham khảo

Những chiếc lá bên thềm rơi xào xạc ,chợt nhận ra thu đang thỏ thẻ trở về.Cái ngày này năm ngoái vẫn mưa tuôn xói xả ,nắng hè vẫn làm cho những chú ve kêu râm ran ,năm nay thời tiết trái chiều như đang dóng lên hồi chuông cảnh báo mùa mưa lũ bất thường .Mấy cô cậu chuồn chuồn cứ ve vẩy giữa sân trường đòi được du lịch một chuyến giữa ban trưa đây chăng ,còn ông mặt trời thì lờ đờ gửi chùm nắng nhạt cho nhân gian,bọn cá rô phi nhảy tom tóp ,cứ như đang ngứa ngáy lắm nên muốn chạy khỏi cái ao thu lạnh lùng của cụ Khuyến ngày xưa đây !

Tượng thanh :xào xạc,thỏ thẻ,xối

Tượng hình : dóng lên hồi chuông cảnh báo,cô câu chuồn chuồn đòi đựoc đi du lịch,ông mặt trời lờ đờ gửi chùm nắng nhạt cho nhân gian,bọn cá rô muốn chạy khỏi ,,,

Gv củng cố, dặn dò

**Học, chuẩn bị buổi 7.**

**Ngày soạn T7/20/11/2021**

**Ngày dạy T2/22/11/2021 Buổi 7**

**ÔN TẬP VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI**

**( CÔ BÉ BÁN DIÊM VÀ ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ ).**

**I. MỤC TIÊU:**

- Củng cố, mở rộng và nâng cao kiến thức về một số văn bản nước ngoài : Cô bé bán diêm, đánh nhau với cối xay gió (t1)

- Rèn các KN: nhận diện yêu cầu các dạng đề bài, lập dàn ý, viết đoạn và viết bài NL hoàn chỉnh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. GV: Kế hoạch bài dạy, TLTK Hệ thống bài tập đọc hiểu.

2. HS: ôn 2 bài.

**III.** **TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

1. **Mục tiêu:**  Giúp h/s củng cố lại tác giả, tác phẩm , xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt, ngôi kể, tóm tắt, giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật
2. **Tổ chức thực hiện.:**  H/s lmf việc theo nhóm

**Nhóm 1:**  Văn bản 1: Em bé bán diêm (An-đéc –xen)

**Nhóm 2:** Đánh nhau với cối xay gió ( Xéc-Van-tec )

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

* Trình bày hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm (xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, phương thức biểu đạt, ngôi kể, tóm tắt, giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật ) của văn bản Cô bé bán diêm và Đánh nhau với cối xay gió.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s làm việc theo nhóm

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, đánh giá, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Gv lắng nghe, nhận xét, đánh giá, chốt

**Sản phẩm dự kiến**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a.Mục tiêu: Gv yêu cầu h/s ghi nhớ các kiến thức cơ bản**

**b.Tổ chức thực hiện:**

**Giao nhiệm vụ : H/s ghi kiến thức cơ bản**

1. **Văn bản : Cô bé bán diêm (An- Đéc- Xen)**

**1, Tác giả:**

- An- đéc- xen (1805- 1875) tên đầy đủ là Christian Andersen

- Quê quán: nhà văn người Đan Mạch

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:

+ Ông là nhà văn nổi tiếng với thể loại truyện dành cho trẻ em, nhiều truyện ông biên soạn lại từ truyện cổ tích nhưng có nhiều truyện là của ông.

+ Năm 1835, ông bắt đầu sáng tác truyện kể nhan đề Chuyện kể cho trẻ em tại Ý

+ Từ đó ông thường xuyên cho ra đời các câu truyện như Nàng tiên cá, Bộ quần áo mới của Hoàng đế, Chú vịt con xấu xí…

- Phong cách sáng tác:

+ Phong cách giản dị đan xen giữa mộng tưởng và hiện thực, những câu truyện ông viết hầu hết dành cho trẻ em.

**2. Văn bản:** - Văn bản được viết vào năm 1845, khi tên tuổi của tác giả lừng danh thế giới với trên 20 năm cầm bút. Tài liệu Thu Nguyễn

**a. Hoàn cảnh sáng tác:**

**b. Thể loại:** Truyện cổ tích

**- PTBĐ:** Tự sự

**- Ngôi kể:** thứ 3

**\*\* Tóm tắt:** Đêm giao thừa, trời rét mướt. Một cô bé bán diêm nghèo, mồ côi mẹ, đầu trần, chân đất, bụng đói dò dẫm đi trong bóng tối. Em không dám về nhà vì sợ bố đánh, vì em không bán được que diêm nào. Ngồi nép một góc tường, em quẹt một que diêm sưởi ấm. Quẹt que diêm đầu tiên, em tưởng như ngồi trước lò sưởi, vừa duỗi chân ra sưởi thì diêm vụt tắt. Que diêm thứ hai, em thấy bàn ăn thịnh soạn...rồi diêm vụt tắt. Que diêm thứ ba thấy cây thông Nô-en, em với tay về phía cây... diêm tắt. Que diêm thứ tư, thật kì diệu, em nhìn thấy người bà hiền hậu độc nhất với em, nhưng bà đã chết từ lâu. Rồi diêm vụt tắt, em quẹt hết cả bao diêm để níu bà. Rồi em cùng bà bay lên cao. Sáng hôm sau, người ta đã thấy một cô bé bán diêm chết vì giá rét, má hồng và đôi môi mỉm cười.

**d. Giá trị nghệ thuật:**  Với cách kể chuyện hấp dẫn chân thực, diễn biến tâm lí nhân vật sâu sắc, tác giả còn sử dụng thành công biện pháp tương phản nhằm tạo điểm nhấn về một số phấn bất hạnh nhưng em luôn cháy lên khát vọng sống tốt đẹp và những ước mơ tươi sáng.

**e. Giá trị nội dung:**   Qua câu chuyện nhà văn đã đưa đến chúng ta một thông điệp ý nghĩa: Lòng thương cảm trước số phận của trẻ thơ bất hạnh, hãy phấn đấu vì một tương lai cho tuổi thơ tốt đẹp tràn đầy hạnh phúc.

**II. Văn bản: Đánh nhau với cối xay gió (Xéc- van- tét)**

**1. Tác giả Xéc- van- tét**

- Xéc- van- tét (1547- 1616) tên đầy đủ là Miguel de Cervantes Saavedra

- Quê quán: là nhà văn người Tây Ban Nha

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:

+ Ông được sinh ra trong một gia đình quý tộc nhỏ và sa sút

+ Khi 22 tuổi, ông đến Ý, đúng vào thời kỳ Phục Hưng và làm người hầu cho một Hồng y giáo chủ- đây là một cơ hội để ông có thể đọc sách và học tập.

+ Ông bị bắt giam ở An- giê từ năm 1575 đến năm 1580 và sống nghèo túng

+ Tác phẩm tiêu biểu: Tiểu thuyết kiểu mẫu, Hành trình đến Parnassus nhưng thành công hơn cả là tiểu thuyết hiệp sĩ Đôn-ki-ho-te

**2. Tác phẩm Đánh nhau với cối xay gió**

**a. Hoàn cảnh sáng tác**

- Văn bản trích từ chương 8, 9 của tiểu thuyết Đôn Ki-hô-tê

**b. Bố cục**

- Phần 1: (từ đầu đến “bọn khổng lồ”): thấy và nhận định về những chhiếc cối xay gió

- Phần 2: Tiếp đến “con Rô-xi-nan-tê cũng bị toạc nửa vai”: Thái độ và hành động của mỗi người.

- Phần 3: Còn lại: Quan niệm và cách xử sự của mỗi người khi bị đau đớn, chung quanh chuyện ăn; chuyện ngủ. Tài liệu Thu Nguyễn

**c. Giá trị nội dung**

- Qua văn bản tác giả chế giễu tàn dư của lí tưởng hiệp sĩ phong kiến lỗi thời, qua tính cách của hai nhân vật bộc lộ khi đối mặt với cối xay gió. Sự tương phản giữa Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan- xa đã tạo nên một cặp nhân vật bất hủ. Qua đó tác giả còn muốn báo trước sự xuất hiện của thời đại Phục Hưng với những con người mới, những tính cách mới nghị lực mới và sáng ngời chủ nghĩa nhân văn. Tài liệu Thu Nguyễn

**d. Giá trị nghệ thuật**

- Thành công khi xây dựng được cặp nhân vật tương phản

- Có giọng điệu hài hước, phê phán

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Làm bài tập : Văn bản Cô bé bán diêm**

Bài tập 1: **Đọc phần trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*... Thế là em quẹt những que diêm còn lại trong bao. Em muốn níu bà em lại! Diêm nối nhau chiếu sáng như giữa ban ngày. Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này. Bà cụ cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa. Họ đã về chầu thượng đế.*

*Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên cao, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt.(...)Trong buổi sáng lãnh lẽo ấy, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì đói rét trong đêm giao thừa.* (Ngữ văn 8, tập 1, NXB GD 2010)

**Câu 1:** Đoạn trích rên trích trong văn bản nào?Của tác giả nào? Nêu phương thức biểu đạt chính của phần trích?

**Câu 2:** Vận dụng kiến thức vềphép tu từ, chỉra sựkhác nhau trong cáchviết của hai câu văn được gạch chân? Hiệu quả nghệ thuật của các cách viết đó?

**Câu 3:** Nêu ý nghĩa của hình tượng ngọn lửa- diêm trong đoạn trích “ Cô bé bán diêm”

**Câu 4:** Cho câu chủ đề: "đã thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn An-dec-xen đối với một em bé bất hạnh, viết một đoạn văn dến dịch khoảng 8 câu làm rõ ý diễn dịch của câu chủ đề trên.

Bài tập 2: **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi**:

“ Bà ơi! Em bé reo lên, cho cháu đi với! Cháu biết rằng diêm tắt..........đâu”

**Câu 1:** Đoạn trích rên trích trong văn bản nào?Của tác giả nào?

**Câu 2:** Hãy tìm 2 tình thái từ có trong đoạn trích trên?

**Câu 3:** Hãy xác định các vế câu và mối quan hệ ý nghĩa giưã chúng trong câu sau: Nếu cháu ngoan ngoãn, cháu sẽ được gặp lại bà.

**Câu 4:** Gia đình là nơi để trở về, hãy viết đoạn văn từ 6-8 câu, trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên trong đó có sử dụng trợ từ.

**Làm bài tập văn bản: Đánh nhau với cối xay gió**

**Cảm nhận vẻ đẹp nhân vật Đôn Ki-hô-tê trong đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió?**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**H/s làm bài**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Cá nhân trình bày, các bạn nhận xét, đánh giá

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Gv nghe, nhận xét, đánh giá , chốt

**SẢN PHẨM DỰ KIẾN**

**Văn bản : Cô bé bán diêm**

**Bài tập 1:**

**Câu 1:**

- Đoạn văn trên trích trong văn bản “ Cô bé bán diêm” của nhà văn An-đec-xen

**-** Phương thức biểu đạt chính : tựsự

**Câu 2:**

\*Sự khác nhau trong cách viết của 2 câu văn đã cho

Câu 1( Họ đã về chầu thượng đế.): Dùng cách nói giảm, nói tránh.

Câu 2( Em đã chết vì đói rét trong đêm giao thừa): Không dùng cách *nói giảm nói tránh*

\*Hiệu quả của cách viết đó:

- Câu 1: Tránh sự nặng nề, tạo cảm giác nhẹ nhành, phù hợp với tâm lí và khát khao của nhân vật, sự thấu hiểu và tinh tế của nhà văn.

- Câu 2: Nổi bật bi kịch, tăng tiếng nói tố cáo, bức thông điệp gửi

**Câu 3:**

**-** Đọc truyện “ Cô bé bán diêm”, ta thấy hình tượng ngọn lửa là hình tượng lấp lánh nhất. Đó là ngọn lửa của ước mơ tuỏi thơ về mái ấm gia đình, về ấm no hạnh phúc, được ăn ngon, mặc đẹp, được vui chơi và sống rong tình thương. Từ những ngọn lửa diêm đã hóa thành những ngô sao trên trời... để soi đường cho em bé bay lên ở với bà nội trên Thượng đế.

- Qua ngọn lửa và ngôi sao, An-đec-xen đã cảm thông, trân trọng, ngợi ca những ước mơ hoặc bình dị, hoặc kì diệu của tuổi thơ. Vẻ đẹp nhân văn của truyện được thể hiện tài tình qua hình tượng ngọn lửa ấy.

**Câu 4:**

**\*\* Câu mở đoạn**( Câu chủ đề) là câu đề bài đã cho.

**\*\* Câu thân đoạn:** Các câu khai triển:

- Dưới ngòi bút của An-déc-xen, người đọc thấy thương xót cho số phận của cô bé bán diêm giao thừa, đói rét khong nhà, không cửa, không người thân.

- Không chỉ vậy, người đời đối xử rất tàn nhẫn với em kể cả đến lúc chết em cũng chỉ nhận được những ánh nhìn lạnh nhạt của người qua đường.

- Chao ôi!hoàn cảnh của cô bé mới đáng thương làm sao!

- Truyện cũng thể hiện lòng thương cảm của tác giả đối với cô bé bất hạnh.

- Nhà văn không những đồng cảm những ước mơ giản dị của cô bé mà còn day dứt, xót xa trước cái chết thương tâm của cô bé.

- Đặc biệt là phần kết thúc gợi được niềm thương cảm sâu sắc của người đọc đối với cô bé.

**\*\* Câu kết đoạn:** Phải chăng sự đồng cảm đó có được không chỉ nhờ giá trị hiện thực sâu sắc mà còn là lòng nhân đạo cao cả của nhà văn Đan Mạch.

Bài tập 2:

**Câu 1:** Đoạn trích rên trích trong văn bản Cô bé bán diêm của nhà văn An-đéc-xen

**Câu 2:** 2 tình thái từ có trong đoạn trích trên là “ với”, “ biết bao”

**Câu 3:** Nếu cháu // ngoan ngoãn, cháu // sẽ được gặp lại bà.

QHT CN1 VN1 CN2 VN2

- Quan hệ ý nghĩa: vế 1- vế 2 là: giả thiết- kết quả.

**Câu 4: Yêu cầu đoạn văn:**

**- Về hình thức:** Dung lượng 6-8 câu, có sử dụng một trợ từ.

**- Về nội dung:** Viết về vai trò của gia đình đối với mỗi người. Cụ thể như sau:

**\* Câu mở đoạn:** Gia đình là nơi lưu luyến khi ta đi và là nơi ôm ấp trái tim khi ta trở về

**\* Các câu thân đoạn:**

- Đó chính là nơi ta sinh ra và lớn lên.

- Nó mang lại cho ta niềm vui, hạnh phúc khi ở bên gia đình.

- Để có được sự thành công như ngày hôm nay chúng ta không thể nào quên được sự chăm sóc, nuôi nấng của những người trong gia đình mình.

- Gia đình như một liều thuốc bổ đem lại cho ta tiếng cười sảng khoái và còn là nơi nuôi dưỡng tâm hồn con người chúng ta.

- Tình cảm gia đình là thứ tình cảm thiêng liêng và đáng quý, nó luôn được khắc sâu trong trái tim ta.

**\* Câu kết đoạn:** Vì vậy, chúng ta cần phải giữ gìn và bảo vệ thứ tình cảm ấy mãi mãi tươi đẹp và trong trong sáng, đừng để một thứ gì đó cản trở làm rạn nứt gia đình.

**Văn bản 2: Đánh nhau với cối xay gió.**

**Dàn ý bài văn**

**I. Mở bài:**

– Giới thiệu tác giả, tác phẩm: Tiểu thuyết “Đôn Ki-hô-tê” là tác phẩm tiêu biểu nhất của nhà văn Xéc-van-téc, nhà văn nổi tiếng của văn học Tây Ban Nha.

– Giới thiệu và khái quát nhân vật: Qua đoạn trích “Đánh nhau với cối xay gió”, nhân vật chính – Đôn Ki-hô-tê hiện lên với những phẩm chất của một người hiệp sĩ giang hồ dù đó chỉ là sự ngô nghê, ảo tưởng, hão huyền.

**II. Thân bài:**

**1. Nguồn gốc xuất thân và ngoại hình:**

– Đôn Ki-hô-tê là một lão quý tộc nghèo vì quá say mê truyện hiệp sĩ nên muốn trở thành hiệp sĩ giang hồ.

– Ngoại hình: gầy gò, cao lênh khênh, cưỡi trên lưng một con ngựa còm Rô-xi-nan-tê.

**2. Phẩm chất, tính cách:**

***\* Lòng dũng cảm của một hiệp sĩ giang hồ trừ gian diệt ác, cứu người lương thiện:***

– Khi gặp những chiếc cối xay gió, Đôn Ki-hô-tê đã mường tượng chúng thành những kẻ khổng lồ xấu xa. Vì vậy ông đã quyết tâm một mình lao vào “giao chiến giết hết bọn chúng” và “quét sạch cái giống xấu xa này khỏi mặt đất”.

– Trên con đường phiêu lưu của mình, Đôn Ki-hô-tê luôn chọn những con đường có nhiều nguy hiểm bởi lẽ trên những con đường ấy mới có thể “gặp nhiều chuyện phiêu lưu khác nhau”.

– Sau khi thất bại ở cuộc chiến với cối xay gió, Đôn Ki-hô-tê dùng luôn 1 cành cây khô gắn cái mũi sắt để làm thành ngọn giáo, sẵn sàng chuẩn bị cho cuộc chiến tiếp theo.

*⇒ Lòng dũng cảm, sẵn sàng đương đầu với khó khăn dù những điều đó chỉ là Đôn Ki-hô-tê tự tưởng tượng mà ra.*

***\* Coi khinh những điều tầm thường, thực dụng của con người:***

– Dù bị thương sau trận chiến, Đôn Ki-hô-tê vẫn không kêu than, rên rỉ bơi theo ông, hiệp sĩ giang hồ sẽ chẳng hề gì mấy vết thương đau đớn thể xác, dù “xổ cả gan ruột ra ngoài”. Đây có lẽ là điều ông đã học tập được từ các hiệp sĩ giang hồ trong những truyện phiêu lưu ông đã đọc.

– Đặc biệt, Đôn Ki-hô-tê không lấy việc ăn uống, rượu chè làm thích thú. Bởi đó chỉ là những nhu cầu của những con người tầm thường, thực dụng.

*⇒ Đôn Ki-hô-tê coi thường những nhu cầu tầm thường của con người.*

***\* Tình yêu say đắm và tấm lòng thủy chung:***

– Đôn Ki-hô-tê say đắm một phụ nữ nông dân, thậm chí còn ban cho chị ta cái tên công nương Đuyn-xi-nê-a.

– Trong trận chiến với cối xay gió, Đôn Ki-hô-tê vẫn nghĩ đến người phụ nữ trong lòng ông và cầu mong nàng cứu giúp cho ông khỏi hiểm nguy. Dù trong lúc nguy nan nhất, Đôn Ki-hô-tê vẫn nghĩ đến người yêu và lấy đó làm động lực để chiến đấu mạnh mẽ hơn.

– Suốt đêm không ngủ để nghĩ tới nàng Đuyn-xi-nê-a của lão.

– Không cần ăn uống vì chỉ nghĩ đến người yêu cũng thấy no.

*⇒ Mặc dù chỉ là do lão tự tưởng tượng theo truyện hiệp sĩ nhưng cũng có thể thấy, Đôn Ki-hô-tê là một người yêu say đắm, chung thủy.*

**III. Kết bài:**

– Khái quát lại nhân vật: Đôn Ki-hô-tê dù có những phẩm chất tốt nhưng lại là nhân vật đại diện cho những con người mơ mộng, ảo tưởng, hão huyền, không thực tế.

– Liên hệ, đánh giá sự thành công trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn nổi tiếng Xéc-van-téc

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

b**) Tổ chức thực hiện**:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Trong xã hội hiện đại ngày nay, đâu đó chúng ta vẫn bắt gặp tiếng rao chào mời của những cô bé, cậu bé lang thang bán rong trên các ngả đường. Thế nhưng, đáp lại điều đó lại là sự vô cảm, thờ ơ, thậm chí xua đuổi của một bộ phận người dân. Em hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 2/3 trang giấy thi nêu suy nghĩ của em về hiện tượng vô cảm trên.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

H/s làm đoạn văn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

H/s trình bày đoạn văn

Bước 4; Kết luận, nhận định

Đoạn văn đảm bảo cấu trúc: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.

\* Đoạn văn có luận điểm rõ ràng.

\* Đoạn văn đáp ứng  những ý cơ bản sau:

**– Mở đoạn**

Khái quát về tình huống xã hội và vấn đề nghị luận: sự vô cảm.

**– Thân đoạn**

Nêu được các ý sau:

+ Khái niệm vô cảm: Vô cảm là thái độ sống thờ ơ, dửng dưng  với tất cả sự việc và con người xung quanh.

+ Biểu hiện của sự vô cảm: hành động ích kỉ, không quan tâm đến mọi người xung quanh. Sự thờ ơ trước mọi nỗi đau của xã hội, thậm chí thờ ơ với chính người thân của mình.

(Dẫn chứng)

+ Nguyên nhân của sự vô cảm: ý thức, lí tưởng sống lệch lạc, tiêu cực cùng những tham vọng ích kỉ của con người. Đó là sự tác động của xã hội, của đám đông vào tâm lí của họ. Và cả nguyên nhân từ sự thiếu quan tâm của gia đình, người thân. Tất cả đều khiến cho họ trở nên trơ lỳ về cảm xúc.

+ Hậu quả của sự vô cảm: lối sống vô cảm vẫn là mối lo ngại của xã hội. Nó làm tha hóa, mai một về nhân cách con người. Không những vậy, nó còn ảnh hưởng đến xã hội, đến sự đoàn kết của tập thể.

**– Kết đoạn**

+ Bài học nhận thức và hành động rút ra.

+ Liên hệ bản thân.

Gv củng cố, dặn dò: Chuẩn bị buổi 8

Ngày soạn T7/27/11/2021

Ngày dạy T5/2/12/2021 Buổi 8

ÔN LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ YẾU TỐ MIÊU TẢ

VÀ BIỂU CẢM

**I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

- Ôn tập lại văn bản tự sự, văn bản miêu tả, biểu cảm

- Kiến thức củng cố, nâng cao:

- Xây dựng đoạn văn, văn bản tự sự có kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm

**-** Luôn có ý thức vận dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự

- Rèn luyện kỹ năng viết văn tự sự có đan xen yếu tố miêu tả và biểu cảm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Gv:** kế hoạch bài dạy, tham tài liệu, chuẩn bị các dạng bài tập

**2.H/s: Ôn bài :**

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**Hoạt động 1: Khởi động**

a.Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

b. Tổ chức thực hiện: H/s thảo luận cặp đôi

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

? Nêu khái niệm miêu tả , biểu cảm và vai trò của yếu tố miêu tả và biểu cảm

? Nêu các bước để xây dựng một đoạn văn tự sự có sử dụng các yếu tô miêu tả và biểu cảm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

H/s thảo luận cặp đôi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đại diện từng cặp trình bày, h/s khác nhận xét, đánh giá

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV lắng nghe, nhận xét, đánh giá, chốt.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a.Mục tiêu : H/s hiểu được khái niệm và vai trò của yếu tố miêu tả và biểu cảm, các bước để xây dựng một đoạn văn tự sự có sử dụng các yếu tô miêu tả và biểu cảm.

b. Tổ chức thực hiện: H/s ghi nhớ các kiến thức cơ bản

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

**I .CÁC KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA YẾU TỐ MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM**

–   Miêu tả là dùng ngôn ngữ hay một phương thức nghệ thuật diễn tả 1 cách chi tiết để người đọc hoặc người xem có thể hình dung và cảm nhận được sự vật, hiện tượng đó ở ngay trước mắt. Trong văn bản tự sự miêu tả không đóng vai trò chính, nhưng có thể giúp cho câu chuyện được diễn ra sinh động hơn.

–  Biểu cảm là bộc lộ tình cảm của bản thân trước 1 hiện tượng hoặc sự vật nào đó, yếu tố biểu cảm có tác dụng làm cho bài văn bớt khô khan và có chiều sâu cảm xúc.

Yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự có điểm giống nhau là: dùng để miêu tả hay biểu đạt tình cảm trạng thái của người viết. Còn khác nhau về mục đích của mỗi văn bản. Ví dụ: Văn miêu tả dùng để miêu tả cho hay, cho rõ sự vật hiện tượng. Văn biểu cảm mục đích chính là bày tỏ thái độ và tình cảm của người viết. Văn tự sự dùng để kể chuyện cho sinh động và hấp dẫn.

Tính hiệu quả trong việc sử dụng văn biểu cảm và văn miêu tả trong văn bản tự sự được thể hiện qua sự hấp dẫn của những từ ngữ, âm thanh, hình ảnh, màu sắc có giá trị gợi tả, gợi cảm cao với người đọc, người nghe.

Vậy yếu tố quan trọng để làm bài văn biểu cảm và văn miêu tả trong văn bản tự sự là các em cần phải: Liên tưởng – Quan sát – Tưởng tượng. Mục đích của việc quan sát sẽ giúp các em hiểu rõ và nhìn nhận rõ sự vật, hiện tượng. Mục đích của sự liên tưởng là từ sự việc, hiện tượng nào đó mà nghĩ đến những sự việc có liên quan. Còn mục đích của tưởng tượng là cách tạo ra những tâm trí hình ảnh của những cái chưa hề có trước mắt hay chưa hề được gặp.

**II.** **CÁC BƯỚC ĐỂ XÂY DỰNG MỘT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ SỬ DỤNG CÁC YẾU TỐ MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM.**

Các bước để xây dựng một đoạn văn tự sự có sử dụng các yếu tô miêu tả và biểu cảm.

+ Trong văn bản tự sự rất ít khi các tác giả chỉ thuần kể ng­ười, kể việc (kể chuyện) mà khi kể thư­ờng đan xen các yếu tố miêu tả và biểu cảm

+ Các yếu tố miêu tả và biểu cảm làm cho việc kể chuyện sinh động sâu sắc hơn.

+ Muốn xây dựng một văn bản tự sự có sử dụng các yếu tố và biểu cảm có thể theo 5 b­ước sau đây:

B­ước 1: Xác định sự việc chọn kể

B­ước 2: Chọn ngôi kể cho câu chuyện

B­ước 3: Xác định trình tự kể (Câu chuyện bắt đầu từ đâu, diễn ra thế nào và kết thúc ra sao)

B­ước 4: Xác định các yếu tố miêu tả và biểu cảm dùng trong đoạn văn tự sự sẽ viết (ở vị trí nào trong tryện)

B­ước 5: Viết thành văn bản

**Lưu ý: Dàn ý của bài văn tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả và biểu cảm:**

- Mở bài: Giới thiệu sự việc và nhân vật.

- Thân bài: Kể diễn biến của sự việc (có kết hợp miêu tả và biểu cảm)

- Kết bài: Kết quả của sự việc có bộc lộ suy ngh

**III.  NHỮNG ĐIỀU CÁC EM CẦN PHẢI LÀM**

**1.Quan tâm và tìm hiểu cuộc sống con người và bản thân mình**

Khi chúng ta quan sát và tìm hiểu kĩ về cuộc sống của con người xung quanh, cũng như bản thân mình thì việc miêu tả và bộc lộ cảm xúc sẽ thành công hơn và bài văn sẽ mang tính thực tế và có hồn hơn rất nhiều.

**2.Chú ý quan sát, liên tưởng tưởng tượng**

Sự liên tưởng và tưởng tượng sẽ giúp cho bài văn tự sự trở nên hấp dẫn và có giá trị nghệ thuật cao. Ví dụ khi nhắc đến mùa thu các em có thể liên tưởng đến những chiếc lá rụng vàng. Với những thứ chúng ta chưa từng được gặp thì tưởng tượng sẽ giúp tạo ra trong tâm trí hình ảnh của cái không hề có ở trước mắt, hoặc chưa hề gặp.

**3.Xem xét các yếu tố có phục vụ đắc lực cho mục đích tự sự hay không để đánh giá hiệu quả**

Điều này sẽ giúp đánh giá xem phương pháp biểu cảm và miêu tả có giúp cho bài văn tự sự toát lên được toàn bộ nội dung và sức truyền cảm hay không.

**4.Hiểu được phương pháp đối với từng bài**

Với mỗi phương pháp miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự, các em học sinh nên hiểu được phương pháp làm của từng dạng để khi làm bài các em sẽ không bị luống cuống và sai trọng tâm. Khi đề bài yêu cầu phân tích yếu tố miêu tả và biểu cảm thì trước tiên các em cần làm theo các bước lần lượt:

–   Đọc kĩ lại toàn bộ văn bản để nắm được nội dung

–   Tóm tắt những sự việc chính của câu chuyện

–   Nhận xét về tác dụng của miêu tả và biểu cảm trong việc khắc hoạ chân dung nhân vật, khung cảnh, bộc lộ thái độ tình cảm của tác giả, của nhân vật.

**Ví dụ 1:** Chiều hôm ấy, một buổi chiều mùa hè với cái nắng chói chang và gay gắt, sau giờ tan học, em cắp sách vở rảo bước về nhà. Nhưng lúc gần về tới nhà, em bỗng nhìn thấy một bà cụ, mái tóc bạc trắng, da nhăn nheo đang đứng chống gậy bên đường với nét mặt căng thẳng và đầy lo lắng. Bà cụ nhìn dòng người vội vã tấp nập trở về nhà, đôi chân nhấp nhửng như muốn qua đường. Em vội đi tới, dừng lại bên cạnh bà cụ và hỏi:

– Cháu chào bà ạ. Sao bà lại đứng ở đây ạ?

Bà cụ quay đầu nhìn em bằng ánh mắt ấm áp, hiền hòa ôn tồn nói:

– Bà đang muốn qua đường nhưng xe đông quá, bà muốn qua đường mà đứng mãi từ nãy giờ không có ai qua để đi cùng cả. Bà lo quá, trời lại sắp mưa nữa rồi, thế này thì bà về nhà tối muộn mất.

Nghe những lời bà cụ nói và nhìn bà cụ lúc này, em muốn làm một việc gì đó giúp cho cụ, em vội cầm lấy bàn tay của cụ và lễ phép nói:

– Thưa bà, để cháu dắt bà qua đường ạ!

Nét mặt bà cụ lúc này rạng rỡ hẳn lên, bà nắm lấy bàn tay bé nhỏ của em. Hai bà cháu dắt nhau qua con đường dưới cái nắng gắt của mùa hạ. Lúc qua đường, hai bà cháu nắm tay nhau thật chặt và thỉnh thoảng nhìn nhau nở một nụ cười thật ấm áp. Em cảm thấy rất vui và hạnh phúc vì đã giúp được bà cụ.

Ví dụ 2 :Cho sự việc và nhân vật sau đây: Sau khi bán chó, lão Hạc sang báo cho ông giáo biết. Học sinh đóng vai ông giáo viết một đoạn văn kế lại giây phút lão Hạc sang báo tin bán chó với vẻ mặt và tâm trạng đau khổ.

*Trả lời:*

Vừa trông thấy tôi đang ngồi bên bàn nước, lão cố tỏ ra vui vẻ. Rồi sau đó, lão tiếp ngay câu chuyện:

– Cậu Vàng đi đời rồi ông giáo ạ.

Tôi hỏi lại:

– Cụ bán rồi sao?

Nét mặt lão đượm buồn, lão nói:

– Bán rồi, họ vừa bắt xong.

À! Thì ra lão vừa bán cậu Vàng – con chó mà lão yêu quý nhất. Lão không dấu nổi cảm xúc của mình nữa, mặt lão đột nhiên co rúm lại, khuôn mặt nhăn nhúm ép cho nước mắt chảy ra. Rồi lão bật khóc nức nở. Tôi xót xa và thương lão đến vô cùng nhưng không giúp gì được cho lão.

**Hoạt động 3 : Luyện tập**

a) Mục tiêu: Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: kĩ thuật động não suy nghĩ, làm việc cá nhân**

**- GV đặt câu hỏi :** Nếu là người được chứng kiến cảnh lão Hạc kể chuyện bán chó với ông giáo trong truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao thì em sẽ ghi lại câu chuyện đó như thế nào**?**

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s làm việc cá nhân

**Bước 3. Báo cáo thảo luận**

H/s trình bày, h/s khác nhận xét, đánh giá.

Bước 4. Kết luận, nhậ định

Gv nghe, nhận xét, đánh giá, chốt

**SẢN PHẨM DỰ KIẾN**

Dàn ý:

1. Mở bài: Hoàn cảnh được chứng kiến câu chuyện (tôi ngồi với ông giáo – đang trò chuyện...)

2. Thân bài:

\* Lão Hạc xuất hiện. Hình ảnh lão Hạc qua ấn tượng của “tôi”.

\* Câu chuyện giữa lão Hạc với ông giáo.

- Lão Hạc kể chuyện bán chó.

+ Nội dung lời kể.

+ Ngoại hình và tâm trạng lão Hạc.

(Phần này sử dụng tác phẩm, chỉ thay đổi ngôi kể cho phù hợp)

- Ông giáo khi nghe kể chuyện (qua cảm nhận của “tôi”).

+ Tả ngoại hình để thể hiện tâm trạng nhân vật.

+ Lời an ủi, cảm thông của ông giáo với lão Hạc...

- Suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi’.

+ Về lão Hạc.

+ Về cuộc sống.

3. Kết bài

- Lão Hạc về nhà.

- tâm trạng của ông giáo và “tôi”.

Bài tham khảo

Tôi choàng tỉnh giấc, dậy từ khi mặt trời còn chưa treo ngọn tre. Đó là một thói quen bình thường của người làm nghề nông. Cả cái làng Vũ Đại này, có ai không làm nghề nông chỉ trừ ông Bình giáo ra. Ông ấy là người học rộng lại hiểu sâu, chính vì vậy mà tôi định đến nhà ông giáo để viết một số giấy tờ nhà đất.

Con đường làng dài và hẹp. Gió thổi vi vu khiến cho những rặng tre xào xạc, đung đưa. Quanh nhà ông giáo, những hàng râm bụt lá vàng úa vẫn còn tồn tại sau trận bão khủng khiếp. Vừa thấy tôi, ông giáo liền nói: "Chào bác". Tôi đáp lại:

- Vâng, chào anh! Hôm nay tôi sang đây là muốn nhờ anh viết một số giấy tờ đất đai!

- Vậy mời bác vào nhà nhà xơi nước cái đã!

Ông giáo mời tôi ngồi trước thềm nhà, chúng tôi đang bàn bạc thì bỗng đâu có tiếng nói hớt hải vọng tới:

- Cậu Vàng đi đời rồi ông giáo ạ!

A! Thì ra là lão Hạc, lão mặc bộ quần áo xộc xệch, đầu tóc rồi bù trông có vẻ kham khổ lắm. Lão là người hàng xóm của tôi. Vợ lão chết, con lão thì đi làm đồn điền cao su không biết khi nào về. Lão cứ sống như vậy cô đơn, thui thủi một mình ngày này qua ngày khác. Nhưng có điều khiến tôi thấy rất lạ. Hôm trước, tôi còn sang xin nhà lão mấy củ gừng về pha nước thì thấy lão cưng nựng con chó lắm kia mà; Một điều "Cậu" này, hai điều "cậu" nọ. Khi ăn thỉnh thoảng lão còn gắp thức ăn cho con chó của lão. Vậy mà giờ lại phải bán nó đi sao? Ông giáo hỏi:

- Thế nó cho bắt à?

- Lúc bấy giờ thì mắt lão Hạc đã ầng ậc nước. Những nếp nhăn sô vào với nhau, ép cho nước mắt chảy ra, trông lão giờ già đi đến hơn chục tuổi.

- Khốn nạn! nó có biết gì đâu ông giáo ơi! Nó thấy tôi gọi thì chạy ra. Cùng lúc đó thì chúng nó tóm gọn con chó rồi lôi đi xềnh xệch.

Tôi bắt đầu hiểu ra câu chuyện của lão Hạc và mườn tượng cảnh thằng Mục, thằng Xiên dốc ngược con chó lên, trói chân, trói tay nó lại rồi mang đi. Lão Hạc mếu máo nói:

- Lúc đấy thì cu cậu mới biết là cu cậu chết! Mắt nó long sòng sọc rồi dại đi. Nó cứ ăng ẳng nhìn tôi như thể nó nói: A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão thế nào mà giờ lão xử tôi như vậy hả.

- Cụ cứ khéo tưởng tượng đấy chứ nó có biết gì đâu. Vả lại! Ai nuôi chó mà chẳng để giết thịt. Ta giết nó chính là hóa kiếp cho nó đấy chứ! ông giáo nói.

Lão Hạc chua chát bảo:

- Ông giáo nói phải! Ta hóa kiếp cho nó để nó được đầu thai thành kiếp khác may ra có là kiếp người. Như ông với tôi chẳng hạn!

Tôi nghe mà không kìm được nước mắt. Tôi cảm thấy đau khổ và xót thương cho lão Hạc quá! Lão chỉ có mỗi con chó để bầu bạn hằng đêm. Có con chó đó cũng đỡ buồn và bù đắp được cho sự thiếu thốn tình cảm của lão. Vậy mà giờ lão phải bán nó đi để lấy tiền để dành cho con sao! Lão Hạc quả là một con người tốt và có tình thương yêu con sâu sắc mà hiếm ai có được. Ông giáo nói:

- Không có kiếp gì là sướng cả!Để tôi vào nhà pha ấm nước chè rồi ba ông con mình vừa rít thuốc lào vừa uống, thế là sướng!

- Ông giáo dạy phải! nhưng giờ tôi có việc gấp phải đi bây giờ ông giáo ạ!

- Còn sớm mà, cụ hẵng ở lại chơi với chúng tôi cái đã!

- Ông giáo cho tôi xin khất chứ hôm nay thì nhất quyết không được.

Vậy là lão Hạc lại lạng chạng ra về trong sự ái ngại của tôi và ông giáo. Thuốc lào đã được vo viên mà không ai thèm đụng đến. Tôi nghĩ đến lão Hạc, một con người đầy tình thương và giàu lòng tự trọng. Một người vì con mà sẵn sàng bán đi thứ yêu quý nhất, kỷ vật của mình. Một người mà đã mếu máo, khóc hu hu như trẻ con vì nỡ lừa một con chó. Một người đáng kính như vậy mà phải sống khổ, sống sở như vậy sao? Cuộc đời thật bất công đối với những con người tốt, chỉ toàn khổ đau, bất hạnh. Tôi từ biệt ông giáo đi về mà lòng đau như cắt.

Tôi, ông giáo và lão Hạc, những người nông dân nghèo khổ, bị xã hội dồn đến đường cùng mà vẫn phải sống, vẫn phải tồn tại trên cái thế giới này. Cảm ơn lão Hạc, lão đã cho tôi hiểu được tình thương và lòng tự trọng quý giá của một con người. tôi sẽ mãi khắc sâu bài học này trong tâm can và ý chí của mình đến cuối đời!

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu :

? Em có phương hướng gì để có sự kết hợp các yếu tố ấy hiệu quả nhất trong bài

viết của mình?

?Yêu cầu học sinh sưu tầm và tìm đọc những đoạnvăn tự sự có kết hợp miêu tả và biểu cảm.

? Ghi lại những tình kỉ niệm đẹp về tình bạn tuổi học trò.

- HS hoàn thành các bài tập vào vở.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: H/s về nhà hoàn thành.

Ngày soạn: T4/8/12/2021

Ngày dạy: T5/9/12/2021 Buổi 9

**ÔN TẬP TỪ LOẠI: TRỢ TỪ, THÁN TỪ, TÌNH THÁI TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức: Gv củng cố, giúp h/s**

- Hiểu được thế nào là trợ từ và thán từ, tình thái từ

- Nắm được tác dụng của trợ từ, thán từ , tình thái từ trong văn bản.

**2. Kĩ năng**

- Biết dùng trợ từ và thán từ , tình thái từ trong nói, viết..

**3. Định hướng phát triển năng lực**

-- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân, ra quyết định: sử dụng trợ từ, thán từ phù hợp với tình huống giao tiếp.

- Năng lực giao tiếp, sử dụng tiếng Việt: trình bày suy nghĩ, ỹ tưởng, thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm cá nhân về cách sử dụng trợ từ, thán từ, tình thái từ Tiếng Việt.

**4. Thái độ**: Có ý thức dùng chính xác trợ từ, thán từ, tình thái từ

Giáo dục cho HS lòng yêu mến tiếng mẹ đẻ, ý thức bảo vệ sự giàu đẹp và trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

+ Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo.

+ Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiế.

**2. Học sinh:**

+ Đọc kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan.

+ Soạn bài , ôn bài và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên.

**III.TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

**b.Tổ chức thực hiện**: Gv yêu cầu h/s làm việc nhóm

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ**

* Nêu khái niệm trợ từ, thán từ, tình thái từ?Nêu vị trí và phân loại thán từ, tình thái từ? (Nhóm 1: Trợ từ; N2: Thán từ; N3: Tình thái từ ).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s làm việc theo nhóm

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Gv lắng nghe, nhận xét, đánh giá, chốt.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a.Mục tiêu:** Giúp h/s củng cố các khái niệm, vị trí , phân loại trợ từ, thán từ, tình thái từ

**b.Tổ chức thực hiện:** Gv yêu cầu h/s ghi nhớ

**SẢN PHẨM DỰ KIẾN**

**1, Thế nào gọi là trợ từ?**

- Trợ từ là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh, để đưa đẩy hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.

Ví dụ:

+ Trợ từ để nhấn mạnh: Những, cái, thì, mà, là...

( Ăn **thì** ăn những miếng ngon; Làm **thì** , chọn việc cỏn con mà làm( Tục ngữ))

+ Trợ từ dùng để biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc: có, chính, ngay, đích, thị...

***\*L­ưu ý***:

Trợ từ thư­ờng do các từ loại khác chuyển thành. Do đó, cần phân biệt hiện t­ượng đồng âm khác loại này.

Chẳng hạn:

+ Trợ từ *chính* do tính từ *chính* chuyển thành.

+ Trợ từ *có* do động từ *có* chuyển thành.

+ Trợ từ *những* do l­ượng từ *những* chuyển thành.

***Ví dụ 1***:

\_ *Lão Hạc là nhân vật* ***chính*** *trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao*. (1)

\_ ***Chính*** *tôi cũng không biết điều đó*. (2)

=> *chính* (1) là tính từ.

*chính* (2) là trợ từ.

***Ví dụ 2***:

\_ *Anh* ***đến*** *chỗ tôi ngay chiều nay nhé!* (1)

\_ *Anh ấy mua cái áo cũng phải mất* ***đến*** *ba trăm ngàn đồng*. (2)

=> *đến* (1) là động từ.

*đến* (2) là trợ từ.

**2, Thế nào gọi là thán từ?**

\* GV giải thích:

***Trong tiếng Hán***: *Thán* nghĩa là thốt lên để biểu thị:

+ sự đau khổ.

+ sự sung s­ớng, thú vị.

***Trong tiếng Việt***: *Thán* đ­ược hiểu là *than*, là biểu thị sự đau khổ.

a, Thế nào là thán từ? Thán từ là những từ dùng làm dấu hiệu để bộc lộ tình cảm, cảm xúc, thái độ của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Tài liệu Thu Nguyễn

***Ví dụ 1***:

***Ôi*** *Kim Lang!* ***Hỡi*** *Kim Lang!*

***Thôi thôi*** *thiếp đã phụ chàng từ đây!*

( “***Truyện Kiều***” – Nguyễn Du )

***Ví dụ 2***:

***Ô hay****! Buồn v­ương cây ngô đồng*

*Vàng rơi! Vàng rơi... thu mênh mông*.

( “***Tì bà***” – Bích Khê )

b, Vị trí của thán từ trong câu:

\_ Thán từ có khi tách ra làm thành một câu đặc biệt.

\_ Thán từ th­ường đứng ở đầu câu; nh­ưng có khi đứng ở giữa câu hoặc cuối câu.

***Ví dụ 1***:

***Chao ôi****! Mong nhớ!* ***Ôi*** *mong nhớ!*

*Một cánh chim thu lạc cuối ngàn*.

( “***Xuân***” – Chế Lan Viên )

***Ví dụ 2***:

*Nhóm bếp lửa nghĩ th­ương bà khó nhọc*

*Tu hú* ***ơi****! Chẳng đến ở cùng bà*

*Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?*

( “***Bếp lửa***” – Bằng Việt )

c, Phân loại: Thán từ được chia làm hai loại:

a. ***Thán từ biểu lộ tình cảm, cảm xúc***: *a, ái, ơ, ôi, ô, than ôi, chao ôi,*...

***Ví dụ1***:

***Than ôi****! Thời oanh liệt nay còn đâu?*

( “***Nhớ rừng***” – Thế Lữ )

***Ví dụ 2***:

***Chao ôi*** *là h­ương cốm*

*Rối lòng ta thế ­?*

*Th­ương bạn khi nằm xuống*

*Sao trời ch­a sang thu.*

(“***Khi ch­a có mùa thu***”\_Trần Mạnh Hảo)

b. ***Thán từ gọi - đáp***: *này, ơi, vâng, dạ, ừ,.*..

***Ví dụ***:

Ta thư­ờng bắt gặp trong ca dao, nh­ư:

+ *Ai* ***ơi*** *b­ưng bát cơm đầy*

*Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần*.

+ *Ai* ***ơi*** *đừng bỏ ruộng hoang*

*Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu*.

+ *Trâu* ***ơi****, ta bảo trâu* ***này***

*Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta*.

\* ***Những l­ưu ý***:

a. Sau thán từ th­ường có dấu chấm than; nhất là lúc thán từ đ­ược tách ra thành câu đặc biệt.

***Ví dụ***:

***Chao****! Cái quả sấu non*

*Ch­a ăn mà đã giòn*

*Nó lớn nh­ư trời vậy,*

*Và sẽ thành ngọt ngon.*

( “***Quả sấu non trên cao***” – Xuân Diệu)

b. Thán từ và trợ từ có chung những đặc tính ngữ pháp – ngữ nghĩa sau đây:

\_ Không làm thành phần câu.

\_ Không làm thành phần trung tâm và thành phần phụ của cụm từ.

\_ Không làm ph­ương tiện liên kết các thành phần của cụm từ hoặc thành phần của câu.

\_ Biểu thị mối quan hệ giữa ng­ười nói với điều đư­ợc nói đến ở trong câu.

**3/ Tình thái từ.**

*a.Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để tạo thành các kiểu câu theo mục đích nói( câu nghi vấn, câu cảm thán, câu cầu khiến) và để biểu thị thái độ của người nói.*

VD: Cô bé hát.( Câu trần thuật)

Cô bé hát đi !( Câu cầu khiến)

Cô bé hát chứ?( Câu nghi vấn)

*b.Phân loại: Có thể chia tình thái từ thành 2 loại*:

+ Loại dùng để tạo các kiểu câu theo mục đích nói:

. Tình thái từ nghi vấn: à, ư, hả, chăng, chứ, nhỉ,...

. Tình thái từ cầu khiến: đi, vào, với, nhé,...

. Tình thái từ cảm thán: thay, sao,...

+ Tình thái từ bộc lộ sắc thái tình cảm: ạ, cơ, mà, nhé,...

- *Có những từ có hình thức như tình thái từ nhưng không phải là ttt.*

VD: Cô ấy đang ở ngoài **kia**.( **kia** không phải là ttt)

Cô ấy muốn gặp anh **kia**!( **kia** là ttt)

***Lưu ý: Sử dụng tình thái từ***:

Tình thái từ tạo nên sắc thái biểu cảm rất rõ. Do đó, lúc nói hoặc viết cần phải cân nhắc thận trọng, cần căn cứ vào vị thế xã hội, gia đình và hoàn cảnh giao tiếp để sử dụng một cách hợp lí. Tránh vô lễ, thô lỗ hoặc vụng về đáng chê.

**Ví dụ:**

Hãy quên đi sự lo âu, mẹ **nhé**

Đừng buồn phiền quá đỗi về con

Mẹ chớ đi đi lại lại trên đường

Khoác tấm áo choàng xưa cũ nát” ( Thư gửi mẹ- Ê-xê-nin, Nga)

“ Ờ…đã chín năm rồi đấy **nhỉ**

Kháng chiến ba nghìn ngày không nghỉ

Bắp chân đầu gối vẫn săn gân…”( Ta đi tới- Tố Hữu)

* **GV HD HS phân biệt trợ từ, thán từ, tình thái từ**

**Giống nhau** :

-Đều không thuộc từ loại chính

-Đều biểu thị tình cảm của người nói

**Khác nhau** :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Từ loại | Trợ từ | Thán từ | Tình thái từ |
| Vị trí trong câu | Thường đứng giữa câu | Thường đứng đầu câu | Thường đứng cuối câu |
| Khả năng kết hợp | Không có khả năng độc lập tạo thành câu | Có khả năng tách ra tạo thành câu riêng biệt | Không có khả năng độc lập tạo thành câu |

**Hoạt động 3 : Luyện tập**

a) Mục tiêu: Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Bài tập 1: Xác định và nêu ý nghĩa trợ từ, thán từ có trong những đoạn sau:**

a) Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch.

b) Các em đừng khóc. Trưa nay các em được về nhà cơ mà. Và ngày mai lại được nghỉ cả ngày nữa.

c) Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời.

**Bài 2. Phân biệt từ loại của các từ in đậm trong các câu sau. Cho biết đó là hiện tượng gì ?**

a 1) Chị Dậu là nhân vật chính của tác phẩm “Tắt đèn”

a 2) Chính tôi là người đã làm việc ấy.

b 1) Mấy năm trời, ở vùng này không có lấy một cơn mưa.

b 2) Đôn Ki-hô-tê cầm lấy ngọn giáo xông vào những chiếc cối xay gió.

c 1) Những bông hoa cúc vàng rực rỡ như nhuộm cả mùa thu.

c 2) Tối nay tôi đã hoàn thành những năm bài tập toán

Bài tập 3 :

1/ Chỉ ra các tình thái từ và nêu ý nghĩa của chúng trong các câu sau:

a/ Con nín đi! Mợ đã về với các con rồi mà.

b/ Bà ơi! Cho cháu đi với!

c/ Mình không thích học Toán đâu, mình thích học Văn kia.

d/ Nó chăm chỉ đấy chứ?

e/ Bức tranh ấy của bác ạ?

**Bài 4:** Cho các trợ từ: *thực ra, chỉ là, chính, đến là*. Hãy điền các trợ từ đó vào chỗ trống cho thích hợp.

\_ *Đó /.../ chuyện vặt*.

\_ /.../ *tôi không có ý từ chối*.

\_ *Lũ trẻ con xóm này /.../ nghịch*.

\_ /.../ *tôi cũng không biết nó đi đâu*.

**Bài 5:** Đặt 3 câu có dùng trợ từ *chính, đích, ngay* và nêu tác dụng của việc dùng 3 trợ từ đó.

**Bài 6:** Tìm thán từ trong những câu sau và cho biết chúng đư­ợc dùng để làm gì?

a. *Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn*.

( Ngô Tất Tố )

b. *Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại!*

( Ngô Tất Tố )

c. *Chao ôi, có biết đâu rằng: hung hăng, hống hách láo chỉ tổ đem thân mà trả nợ cho những cử chỉ ngu dại của mình thôi*.

( Tô Hoài )

d. *Ha ha! Một l­ưỡi g­ươm!*

( Sự tích Hồ Gư­ơm )

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s làm việc cá nhân, dùng kĩ thuật động não 1p

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Từng h/s trình bày, h/s khác nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Gv lắng nghe, nhận xét, đánh giá, chốt

**Bài 1**

a) – Trợ từ: cả (nhấn mạnh vào thời gian); vẫn (nhấn mạnh vào sự bền bỉ của chiếc lá).

b) Không có

c) Thán từ: ơi

**Bài 2.**

a 1) chính: tính từ

a 2) chính: trợ từ

b 1)lấy: trợ từ

b 2) lấy: dộng từ

c 1) những: lượng từ ;c 2) những: trợ từ

Bài tập 3:

a/ đi-> ttt biểu thị ý cầu khiến, đề nghị cùng tham gia thực hiện.

b/ với-> ttt biểu thị ý cầu khiến, đề nghị cùng tham gia thực hiện.

c/ kia-> ttt biểu thị ý đòi hỏi.

d/ chứ-> ttt biểu thị ý hỏi và yêu cầu sự đồng tình.

e/ ạ-> ttt biểu thị ý hỏi và bày tỏ sự kính trọng.

**Bài 4:** Điền như­ sau:

\_ *Đó* ***chỉ là*** *chuyện vặt*.

\_ ***Thực ra*** *tôi không có ý từ chối*.

\_ *Lũ trẻ con xóm này* ***đến là*** *nghịch*.

\_ ***Chính*** *tôi cũng không biết nó đi đâu*.

**Bài 5:** Đặt câu:

\_ *Nói dối là tự làm hại* ***chính*** *mình*.

\_ *Tôi đã gọi* ***đích*** *danh nó ra*.

\_ *Bạn không tin* ***ngay*** *cả tôi nữa à?*

=> Tác dụng:

Nhấn mạnh đối t­ượng đ­ược nói đến là: *mình, nó, tôi*.

**Bài 6:**

a. *Này*: dùng để gọi.

b. *Khốn nạn*: dùng để bộc lộ cảm xúc.

c*. Chao ôi*: dùng để bộc lộ cảm xúc.

d. *Ha ha*: dùng để bộc lộ cảm xúc.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: H/s về nhà làm**

**Bài 1.** Viết đoan văn (khoảng 10 -12 câu) với chủ đề: “Vẻ đẹp của người nông dân Việt Nam qua truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao”, trong đó có sử dụng các trợ từ, thán từ, tình thái từ (chỉ ra các từ dó).

- HS có thể hướng đến những ý sau:

+ Giới thiệu về nhà văn Nam Cao và truyện ngắn *Lão Hạc*.

+ Trình bày vẻ đẹp của nhân vật lão Hạc: giàu tình yêu thương, giàu lòng tự trọng, luôn giữ gìn nhân phẩm.

+ Cảm xúc trước vẻ đẹp nhân vật.

Sau khi viết xong đoạn văn, HS chỉ ra trợ từ, thán từ, tình thái từ được sử dụng trong đoạn văn.

Trong văn bản" Lão Hạc" của Nam Cao, lão Hạc là hình ảnh điển hình cho những người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng 8 có cuộc sống nghèo khổ nhưng phẩm chất vô cùng cao đẹp. Lão là 1 người giàu lòng yêu thương, sống nhân hậu và có lòng tự trọng cao. Tuy vậy nhưng lão có cuộc sống nghèo khỗ, cô đơn. Vợ lão mất sớm, con trai duy nhất thì phẫn chí bỏ đi đồn điền cao su, sống cô đơn với 1 con chó để bầu bạn, tải sản chỉ có 1 mảnh vườn và 1 ít tiền. Sau khi bán cậu Vàng - người bạn duy nhất khi về già, lão thấy hối hận, sống day dứt, dằn vătt, đau xót tột cùng. Lão Hạc là người có ý thức cao về lẽ sống nên sau khi gửi số tiền ít ỏi cho ông giáo thì lạo từ chối tất cả cái gì mà ông giáo cho. Vì là người có lòng tự trọng nên sau khi chết lão ko muốn lảm phiền tới hàng xóm,nhờ ông giáo lấy số tiền đó để làm ma chay. Mọi người trong làng ko ai hiểu nguyên nhân tại sao lão chết, chỉ có Binh Tư và ông giáo hiểu. Trong xã hội thực dân phong kiến, lão Hạc như ngọn đèn lay lắt trước gió. Qua văn bản "Lão hạc", tác giả đã cho ta thấy phẩm giá tốt đẹp và nhân cách trong sạch của lão Hạc nói riêng cũng như những người nông dân nói chung.

**Bài tập 2:** Viết đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm kể kết thúc khác của truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng có sử dụng* các tình thái từ. (h/s về nhà làm)

Xem đoạn văn: Những chiếc lá vàng chao nghiêng bên thềm xào xạc , những cơn gió heo may mang theo chút se lạnh chợt nhận ra mùa thu đang thỏ thẻ trở về. **Thu về thật đấy ư?(tình thái từ).**Vào ngày này năm ngoái trời vẫn hanh hao với nắng hè, với những chú ve kêu râm ran …. Vậy mà năm nay mùa thu đã sớm gõ cửa. Những chòm mây mùa hạ đang nhường lối cho nàng thu đi qua. Dưới cái nắng vàng nhạt dường như lòng người cũng bâng quơ, xao xuyến hơn. Mùa thu cũng là mùa tựu trường, mùa xây dệt những ước mơ, kế hoạch cho một năm học mới. Thu về các bạn có vui **không**? **(tình thái từ).**

**Gv củng cố, dạn dò: Soạn Buổi 10 Ôn tập văn học nước ngoài : Chiếc lá cuối cùng**

Ngày soạn T2/20/12/2021

Ngày dạy T3/21/12/2021 Buổi 10

ÔN TẬP VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI (TT)

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài dạy giúp học sinh

***1.Định hướng phát triển năng lực và kiến thức***

- Năng lực nói và viết.

- Năng lực hiểu và cảm thụ : Ôn tập kiến thức về văn học nước ngoài (tiếp ). Hiểu và cảm thụ được vẻ đẹp của tình yêu thương, tấm lòng nhân ái trong các tác phẩm, cụ thể là văn bản Chiếc lá cuối cùng của O-Hen-ri

- Năng lực tạo lập văn bản, viết đoạn văn ; kỹ năng viết văn bản bản tự sự

- Hoạt động giao tiếp.

***2. Phẩm chất và thái độ***

- Giúp các em tự tin trong học tập và giao tiếp.

- Bồi dưỡng lòng nhân ái, tình yêu thương chia sẻ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: Sgk, sgv. KHBD, nghiên cứu tài liệu.

2. Học sinh: soạn bài theo câu hỏi trong sgk, gv hướng dẫn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**Hoat động 1: Mở đầu**

a.Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

b.Tổ chức thực hiện: Gv yêu cầu h/s làm việc cá nhân

Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ

C1. Nêu những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm ?

C2.Tóm tắt truyện ngắn: Chiếc lá cuối cùng- Ohenri. Đặc sắc về nghệ thuật và nội dung truyện.

C3. Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s làm việc theo nhóm

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, đánh giá, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Gv lắng nghe, nhận xét, đánh giá, chốt

**Sản phẩm dự kiến**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

a.Mục tiêu: Gv yêu cầu h/s ghi nhớ các kiến thức cơ bản

b.Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ : H/s ghi kiến thức cơ bản

**I.Tác giả -Tác phẩm**

**1, Tác giả:** O’Hen-ri sinh năm 1862, mất năm 1910, tên thật của ông là William Sydney Porter.

Quê quán: là nhà văn người Mỹ.

Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:

+ Ông sinh ra trong một gia đình có cha là thầy thuốc, mẹ ông qua đời khi ông mới lên ba tuổi. Ông bỏ dở việc học tập năm 15 tuổi do gia cảnh nghèo khó. Ông đi nhiều nơi và làm nhiều nghề khác nhau: nhân viên, kế toán, thủ quỹ ngân hàng. . .

Cũng chính bởi lớn lên trong hoàn cảnh đó, mà nhà văn luôn hướng ngòi bút của mình, dành sự thương cảm và sự yêu mến đối với tầng lóp dân nghèo.

+ Sau này, khi bắt đầu với sự nghiệp văn chương, ông trở thành một nhà văn chuyên viết truyện ngắn. Nhiều truyện của ông đã để lại dư âm trong lòng bạn đọc như: *Căn gác xép, Tên cảnh sát và gã lang thang, Qùa tặng của các đạo sĩ*. . .

-Phong cách sáng tác: Những sáng tác của ông nhẹ nhàng nhưng toát lên tinh thần nhân đạo cao cả.

**2. Văn bản:**

**a. Hoàn cảnh sáng tác:** “Chiếc lá cuối cùng” (The last Leaf) là truyện ngắn xuất sắc bậc nhất của 0’Hen-ri. Tác phẩm được in trong tập *Cây đèn thanh mảnh* (The Trimmed Lamp) xuất bản năm 1907.

**b. Thể loại:**

**c. Bố cục:**

**\*Tóm tắt:** Xiu và Giôn-xi là hai nữ họa sĩ trẻ sống trong một khu nhà trọ. Cụ Bơ-men, một họa sĩ già cũng sống ở đó với họ, cả đời cụ khao khát vẽ một kiệt tác nhưng chưa thoả ý. Chẳng may, mùa đông năm ấy, Giôn-xi bị bệnh sưng phổi rất nặng. Bệnh tật khiến cô tuyệt vọng và nghĩ rằng khi chiếc lá thường xuân cuối cùng rụng xuống là sẽ là lúc mình lìa đời. Xiu vô cùng lo lắng và hết lòng chạy chữa cho bạn nhưng vô ích, Giôn-xi vẫn bi quan như vậy. Cô gái tội nghiệp âm thầm đếm từng chiếc lá.

Biết được ý nghĩ điên rồ đó của Giôn-xi, cụ Bơ-men bộc lộ sự không tán thành, nhưng sau đó lại âm thầm thức suốt đêm mưa gió bão bùng để vẽ chiếc lá thường xuân. Chiếc lá cuối cùng giống như thật. Nó đã không rụng trong đêm bão lớn khiến Giôn- xy suy nghĩ lại, cô hi vọng và muốn được sống, được sáng tạo. Giôn-xi từ cõi chết trở về nhưng cụ Bơ-men lại chết vì bệnh sưng phổi sau đêm sáng tạo kiệt tác chiếc lá cuối cùng để cứu Giôn-xi. Xiu lặng lẽ đến bên Giôn-xi báo cho bạn về cái chết của cụ Bơ-men và bí mật của chiếc lá cuối cùng.

**d. Giá trị nghệ thuật:**

-Thành công của “Chiếc lá cuối cùng” phải kể đến tài năng viết truyện điêu luyện của 0’Hen-ri đặc biệt là nghệ thuật đảo ngược tình huống hai lần và việc kể, tả tâm trạng nhân vật.

-0’Hen-ri đã rất khéo léo trong việc lựa chọn ngôi kể thứ ba để có thổ kể hết câu chuyện của nhân vật một cách khách quan, biểu thị thái độ đánh giá, bộc lộ các khía cạnh khác nhau của từng nhân vật.

-Truyện được xây dựng theo kiểu có nhiều tình tiết hấp dẫn, sắp xếp chặt chẽ và khéo léo khiến người đọc bị lôi cuốn vào câu chuyện một cách say mê, hứng thú.

-Kết thúc truyện thật bất ngờ khiến cho người đọc phải ngẫm nghĩ rất nhiều về sự hi sinh cao cả của cụ Bơ-men mà Giôn-xi lại không phản ứng gì thêm, tạo sự dư âm cho truyện ngắn đặc sắc này.

**e. Giá trị nội dung:**  Đoạn trích “Chiếc lá cuối cùng” đã khiến cho bạn đọc phải trải qua biết bao nhiêu cung bậc cảm xúc từ hồi hộp theo dõi chiếc lá rụng trên tường, thắt lòng lo lắng cho số phận của Giôn -xi từng ngày. Và cũng vui sướng khi thấy Giôn-xi lấy lại được hi vọng nhưng cũng xót thương cho cụ Bơ-men một họa sĩ già đã ngã xuống sau khi sáng tạo ra một kiệt tác nghệ thuật duy nhất trong đời.

-Tuy cái chết khiến ai cũng chất chứa nỗi buồn nhưng chính nó lại thắp lên ngọn lửa cho tình yêu cuộc sống, niềm tin vào sức mạnh mà cái đẹp có thổ tạo ra. Chiếc lá - một kiệt tác được vẻ lên bằng tâm hồn, bằng tấm lòng yêu quý, bằng cả mạng sống, sự tâm huyết của nghệ sĩ già đến với cuộc đời này.

-Truyện ngắn chứa đựng giá trị nhân văn sâu sắc, câu chuyện nói về tình bạn, tình yêu thương giữa những con người với nhau. Qua đó, nhà văn mang tới một bức thông điệp: Hãy luôn thắp sáng ngọn lửa của khát khao hi vọng hãy luôn yêu thương, mang nghệ thuật phục vụ con người, nghệ thuật chân chính lâu bền nhất là nghệ thuật hướng tới con người và vì con người.

d.**Ý nghĩa nhan đề:** Đó là chiếc lá thường xuân sinh động như thật do cụ Bơ-men đã vẽ với mong muốn truyền thêm niềm tin và hi vọng để Giôn-xi chiến thắng bệnh

- Đó là một tác phẩm nghệ thuật bởi một người nghệ sĩ tâm huyết, ông đã vẽ bằng cả tấm lòng.

- Chiếc lá cuối cùng là hình tượng nghệ thuật, xuyên suốt tác phẩm văn học - là biểu tượng của lòng nhân ái, vị tha cao cả.

Ta có thể nhận thấy "Chiếc lá cuối cùng" là một tiêu đề vô cùng ấn tượng, nó để lại dấu ấn tốt đẹp trong lòng người đọc. Đây cũng là hình ảnh thể hiện chủ đề của chuyện, gắn liền với diễn biến tâm trạng của cả ba nhân vật.

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv phân chia theo nhóm (3 nhóm lớn)**

**Nhóm 1:**

**Bài tập 1**

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi: “ Chị có chuyện này ...đã rụng”.

Câu 1: Cho biết nhân vật chị và em trong đoạn trích trên là ai?

Câu 2: Tìm một từ tượng hình có trong đoạn trích và nêu tác dụng?

Câu 3: Hãy chỉ ra một trợ từ, thán từ có trong đoạn trích?

Câu 4: Trong đoạn trích trên, nhà văn đã bỏ qua không kể sự việc cụ Bơ-men vẽ chiếc lá trên tường trong đêm mưa tuyết. Em hãy hình dung và kể lại sự việc đó bằng một vài câu văn.

Câu 5: Xiu cho rằng chiếc lá cụ Bơ-men vẽ là một kiệt tác, em có đồng ý không? Hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về điều ấy?

Nhóm 2:

Bài tập 2 **Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

**“** *Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.*

(Chiếc lá cuối cùng- O Hen-ri)

**Câu 1:** Chỉ rõ thán từ trong đoạn văn trên và nêu tác dụng?

**Câu 2:** Tìm các từ cùng trường từ vựng trong câu văn sau và nêu tác dụng của trường từ vựng đó: Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.

**Câu 3:** Theo em, bức tranh chiếc lá thường xuân mà họa sĩ già trong văn bản có đoạn trích trên vẽ có xứng đáng là một kiệt tác không? Vì sao? Từ đó, em hiểu thế nào về quan điểm nghệ thuật của tác giả?

**Câu 4:** Nêu ý nghĩa của hình tượng chiếc lá trong đoạn văn trên.

**Câu 5:** Từ ý nghĩa đoạn trích trên, hãy trình bày suy nghĩ về nghị lực sống của con người bằng một đoạn văn diễn dịch khoảng 10-12 câu.

Nhóm 3:

**Bài tập 3**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu :**

*“Đó là chiếc lá cuối cùng”, Giôn-xi nói, “Em cứ tưởng là nh ất định trong đêm vừa qua nó đã rụng. Em nghe thấy gió thổi. Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết”.*

*“Em thân yêu, thân yêu!”, Xiu nói, cúi khuôn mặt h ốc hác xuống gần gối, “Em hãy nghĩ đến chị, nếu em không còn muốn nghĩ đến mình nữa. Chị sẽ làm gì đây?”.*

*Nhưng Giôn-xi không trả l ời. Cái cô đơn nh ất trong khắp th ế gian là m ột tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình. Khi những dây ràng buộc cô với tình bạn và v ới thế gian cứ l ơi lỏng dần từng sợi một, ý nghĩ kì quặc ấy hình như càng choán lấy tâm trí cô mạnh mẽ hơn.*

*Ngày hôm đó trôi qua và ngay cả trong ánh hoàng hôn, họ vẫn có thể trông thấy chiếc lá thường xuân đ ơn đ ộc níu vào cái cuống của nó trên t ường. Thế rồi, cùng với màn đêm buông xuống, gió bấc lại ào ào, trong khi mưa vẫn đập mạnh vào cửa sổ và rơi lộp độp xuống đất từ mái hiên thấp kiểu Hà Lan…*

(O. Hen-ri, *Chiếc lá cuối cùng* )

**Câu 1:** Xác định ngôi kể và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2:** Cụm từ in nghiêng trong câu “Cái cô đơn nhất trong kh ắp thế gian là m ột tâm h ồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho *chuyến đi xa xôi bí* *ẩn* của mình.” có sử dụng biện pháp tu từ nào? Cụm từ đó có ý nghĩa gì?

**Câu 3:** Phân tích c ấu tạo và cho biết quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép *“Hôm nay* *nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết.”*.

**Câu 4:** Kết thúc truy ện, Xiu đã nói với Giôn-xi rằng chiếc lá thường xuân cuối cùng ở trên tường là kiệt tác của cụ Bơ-men. Vì sao?

**Câu 5:** Theo em, sự yếu đuối buông xuôi, chờ đón cái chết của Giôn-xi đáng thương hay đáng trách? Hãy trình bày ý kiến của em.

**Câu 6:** Chỉ rõ nghệ thuật đảo ngược tình huống 2 lần trong truyện và nêu tác dụng?

**Câu 7:** Từ văn bản có đoạn trích trên và bằng hiểu biết của mình, em hãy viết một đoạn văn diễn dịch khoảng 10-12 câu nói về tình yêu thương con người .

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**H/s làm bài**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Cá nhân trình bày, các bạn nhận xét, đánh giá

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Gv nghe, nhận xét, đánh giá , chốt

**SẢN PHẨM DỰ KIẾN**

**Bài tập 1**

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Nhân vật chị và em trong đoạn trích trên là Xiu và Giôn-xi.

**Câu 2:** Tìm một từ tượng hình : rung rinh-> Cho thấy một sự chuyển động nhẹ của một vật nào đó.

**Câu 3:** Một trợ từ: Cụ ốm **chỉ** có hai ngày.

Thán từ : **Ồ**, em thân yêu.

**Câu 4:** Tối hôm đó là một đêm mưa to, gió lớn, cụ Bơ-men mang theo những thứ cần thiết để vẽ bức vẽ của mình. Mặc dù phải vẽ trong hoàn cảnh rất khó khăn nhưng cụ vẫn cố gắng để hoàn thành bức tranh. Cụ tỉ mỉ vẽ từng chi tiết một và cuối cùng trên bức tường đối diện với cưả sổ phòng Giôn-xi bức vẽ chiếc lá thường xuân cuối cùng cũng hoàn thành. Cụ trở về nhà trong bộ quần áo mưa ướt sũng. Cụ lên giường và thiếp đi. Tài liệu Thu Nguyễn

**Câu 5:** Tôi đồng ý với ý kiến của Xiu khi cô cho rằng chiếc lá cuối cùng là một kiệt tác của cụ Bơ-men. Chiếc lá mà cụ đã vẽ rất sinh động và nó hoàn toàn giống như một chiếc lá thật. Chiếc lá đó không được vẽ trong một căn phòng có đầy đủ tiện nghi hay đơn thuần là trong điều kiện tốt mà là trong một hoàn cảnh vô cùng đặc biệt- trong một đêm mưa gió rất khó khăn. Không những thế, kiệt tác ấy còn được vẽ bởi một người có tấm lòng cao thượng, hi sinh và lao động đến quên bản thân mình. Nó được Xiu coi như một kiệt tác. Có lẽ cũng bởi vì chính chiếc lá đó đã đem lại niềm tin cho Giôn- Xi. Chiếc lá như có một sức mạnh tiềm tàng tiếp thêm nghị lực về sự sống cho cô gái trẻ. Đối với tôi, chiếc lá như thay mặt cho cụ Bơ-men trao niềm tin cho Giôn- xi.

**Bài tập 2**

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Thán từ: ô kìa -> thể hiện sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên khi thấy chiếc lá cuối cùng dũng cảm vẫn đeo bám ở trên tường

**Câu 2:** - Trường từ vựng màu sắc: xanh sẫm, vàng úa.

1. Tác dụng: Miêu tả chiếc lá giống như thật: một chiếc lá thường xuân vừa trải qua một đêm mưa gió tưởng như sắp rụng vẫn dũng cảm đeo bám vào cành.

**Câu 3:**

- Bức tranh xứng đáng là một kiệt tác. Vì:

+ Trước hết, nó giống thật đến mức hai người họa sĩ không nhận ra.

+ Không chỉ vậy, bức tranh ấy còn cứu sống một mạng người, mang lại niềm tin, hi vọng sống cho Giôn-xi.

+ Chiếc lá ấy còn được vẽ bởi tình yêu thương, sự hi sinh của cụ Bơ-men giành cho Giôn-xi.

- Quan niệm nghệ thuật cả tác giả: một tác phẩm nghệ thuật chân chính là khi nó được sinh ra để phục vụ con người.

**Câu 4:** Ý nghĩa của hình tượng chiếc lá trong đoạn văn trên:

- Tác dụng trong việc xây dựng tình huống truyện (thắt nút, mở nút bất ngờ mà hứng thú).

- Gợi nhiều liên tưởng:

- Gợi liên tưởng đến số phận con người. Vì nghèo đói và bệnh tật mà Giôn-xi

tuyệt vọng, bi quan về cuộc sống.

- Chiếc lá còn gợi liên tưởng đến ý chí, nghị lực của con người.

- Đặc biệt, chiếc lá cuối cùng là hình tượng đẹp thể hiện tình yêu thương giữa những người nghèo khổ.

**Câu 5:**

a. *Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận*:

*Mở đoạn*: giới thiệu được vấn đề.

*Thân đoạn:* triển khai được vấn đề.

*Kết đoạn:* khái quát được vấn đề.

b. *Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* Nghị lực sống của con người

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Triển khai luận điểm theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; dụng tốt thao tác lập luận để làm rõ luận điểm; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải phù hợp, cụ thể sinh động . Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau:

***- Giới thiệu tác giả và vấn đề nghị luận***

***- Nghị luận về đoạn trích***: Đoạn trích làm hiện lên hình ảnh chiếc lá cuối cùng trên cây thường xuân. Trước sự dữ dội của thiên nhiên, chiếc lá vẫn kiên cường treo bám vào cành. Từ sức sống mãnh liệt ta nghĩ về nghị lực của con người trong cuộc sống.

***- Nghị luận về nghị lực sống của con người***

Nghị lực sống của con người chính là bản lĩnh, ý chí, sự cố gắng để vượt lên tất cả những khó khăn, dám nghĩ, dám làm, dám sống

- Vai trò, ý nghĩa của nghị lực sống:

+ Tạo cho ta bản lĩnh và lòng dũng cảm, tự tin trong cuộc sống

+ Ứng phó và cải biến được khó khăn, thử thách

+ Ngoài trí tuệ và tài năng, tình cảm và nhiệt huyết thì nghị lực sống là một nhân tố quan trọng, là động lực giúp cho con người thành công trong cuộc sống.

+ Nghị lực sống là thước đo phẩm chất con người

(Nêu và phân tích những tấm gương cụ thể trong đời sống trên các mặt: vượt khó để học tập, lập nghiệp, lao động và sáng tạo…)

- Phê phán những biểu hiện tiêu cực: thiếu nghị lực, bản lĩnh, chỉ biết sống trong sự bao bọc, chở che, không dám đối diện với khó khăn, thử thách

- Rút ra bài học:

+ Rèn luyện nghị lực sống để vượt qua khó khăn, gian khổ và vượt qua chính mình

+ Kiên định mục đích sống của mình, không chán nản, bi quan, bỏ cuộc

**Bài tập 3: Gợi ý:**

**Câu 1**

- Ngôi kể: ngôi thứ ba.

- Phương thức biểu đạt chính: tự sự.

**Câu 2:**

- Biện pháp tu từ: nói giảm, nói tránh.

- Ý nghĩa cụm từ *“chuyến đi xa xôi bí* *ẩn”:* chết

**Câu 3:**

*“Hôm nay* *nó / sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em / sẽ chết.”*.

c v c v

- Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu: quan hệ đồng thời.

**Câu 4** : HS trả lời theo ý mình, có nhiều cách diễn đạt khác nhau nhưng cần đủ các ý sau:

* Chiếc lá được vẽ rất đẹp, giống y như thật.
* Chiếc lá được vẽ trong một hoàn cảnh đặc biệt.
* Chiếc lá được vẽ bằng tình yêu thương, sự hi sinh cao thượng, đã cứu sống Giôn-xi.

**Câu 5 :** Hs tự trình bày ý kiến cá nhân.

**Câu 6:**

+ Giôn- xi bị viêm phổi luôn bi quan và phó mặc cuộc sống của mình cho chiếc lá thường xuân, chiếc lá rụng là cô sẽ chết. Nhưng nhờ bức tranh CLCC giống y như thật cô lại dần hồi sinh và khỏe mạnh trở lại.

+ Cụ Bơ-men đang khỏe mạnh vì thương Giôn – xi nên quyết định vẽ bức tranh CLCC trong đêm mưa tuyết, do đó chết vì bệnh sưng phổi.

* Kết cấu đảo ngược tình huống 2 lần gây hứng thú cho người đọc, tạo nên kết thúc bất ngờ và góp phần làm rõ chủ đề truyện, làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của các nhân vật.

**Câu 7:**

*\* Về hình thức:* viết đoạn văn diễn dịch từ 10 – 12 câu.

*\* Về nội dung:* Cần đảm bảo các ý sau:

- Giải thích “Tình yêu thương con người” là gì: Yêu thương con người là biết quan tâm, sẻ chia, thấu hiểu, cảm thông,... với những người xung quanh.

- Biểu hiện của tình yêu thương con người.

+ Trong gia đình là tình yêu thương của ông bà đối với con cháu, của cha mẹ đối với các con, gia đình luôn kề vai sát cánh vượt qua mọi khó khăn.

1. ....

+ Xã hội tình yêu thương là sự quan tâm, chia sẻ với những mảnh đời bất hạnh.

- Lòng yêu thương con người trong xã hội hiện đại là vô cùng cần thiết, quan trọng:

+ Làm cho mối quan hệ giữa con người với con người tốt đẹp hơn.

+ Cuộc sống cũng vì thế mà trở nên ấm áp, hạnh phúc hơn.

+ Làm cho tâm hồn ta luôn thanh thản, hạnh phúc, trong sáng.

- Dẫn chứng về lòng yêu thương con người: hoạt động nhân đạo, giúp đỡ người nghèo, người khuyết tất,…

- Lòng yêu thương con người là một nghĩa cử cao đẹp, cần nhân rộng hơn nữa trong xã hội hiện đại.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

b) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giôn –Xi trước mộ của cụ Bơ –Men

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s viết bài

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

H/s trình bày, các bạn khác nhận xét, đánh giá

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Gv nghe, nhận xét, đánh giá, chốt

**Sản phẩm dự kiến**

**Giôn xi trước mộ của cụ Bơ-Men**

**I- Mở bài:**

**Giôn – xi giới thiệu về mình**: Tôi là Giôn – xi, nhân vật trong truyện ngắn “chiếc lá cuối” cùng của O Hen – ri, là họa sĩ, sống cùng phòng với người bạn tên Xiu, lớn tuổi hơn 1 chút và cũng là họa sĩ nghèo. Mùa đông năm ấy, tôi bị sưng phổi nặng . Bệnh tật và nghèo túng khiến tôi trở nên tuyệt vọng không muốn sống nữa. Tôi đếm từng chiếc lá còn lại trên cây thường xuân, chờ khi nào chiếc lá cuối cùng rụng nốt thì tôi cũng buông xuôi, lìa đời.. Tôi được cụ Bơ – men cứu sống nhưng rồi cụ đã qua đời do bệnh viêm phổi. Sau khi khỏi bệnh, tôi mong muốn được ra thăm mộ cụ Bơ – men để tạ ơn.

**II- Thân bài:**

*1- Một buổi sáng mùa xuân ( tả vài nét) sau khi tôi đã khỏe hẳn nên cùng Xiu ra thăm mộ cụ Bơ – men*

*- Tả vài nét về quang cảnh nơi yên nghỉ của cụ Bơ – men*: Men theo con đường đất đỏ là đến một quả đồi cao ráo nơi cụ Bơ – men yên nghỉ, cỏ mọc xanh tốt, trên tấm bia có khắc ghi rất rõ dòng chữ họa sĩ Bơ – men. Xiu và tôi đã đặt bó hoa tươi lên mộ, kính cẩn nghiêng mình, tưởng niệm người quá cố. Không khí lặng im, quang cảnh trang nghiêm tôi nghe rất rõ tiếng gió thì thào trong lá cây.

**2- Giôn – xi hồi tưởng nhớ lại:**

*a, Nhớ về tình trạng bệnh tật và nỗi tuyệt vọng*

- Đứng trước mộ cụ Bơ – men, tôi nhớ lại những ngày vật lộn với căn bệnh quái ác và nỗi tuyệt vọng nghĩ đến cái chết. Ngày đó do bị bệnh viêm phổi rất nặng, cuộc sống lại nghèo đói, không có tiền chữa trị nên tôi trở nên tuyệt vọng. Nhìn lá thường xuân cứ rụng dần tôi bỗng nghĩ rằng khi chiếc lá cuối cùng kia rụng thì mình cũng sẽ lìa đời cho dù Xiu hết lòng săn sóc, động viên, an ủi nhưng tôi không thoát được nỗi tuyệt vọng đó. Thế rồi sau một đêm mưa to gió lớn khi kéo tấm rèm lên, cứ đinh ninh rằng chiếc lá cuối cùng đã rụng và mình sẽ chết, nhưng kì lạ là chiếc lá vẫn còn bám trên cuống. Tôi thấy mình nghĩ đến cái chết là có tội, sau đó là đòi ăn, uống sữa, soi gương, muốn được đi vẽ ở vịnh Na – Phơ. Bác sĩ đến khám thông báo bệnh của tôi đã đỡ nhiều.

- Điều đáng buồn là cụ Bơ – men không còn nữa bởi vì chính cụ đã đem tính mạng của mình để giành giật lấy sự sống cho tôi.

**b- Nhớ hình ảnh và việc làm của cụ Bơ - men**

- Giờ đây nhìn dòng chữ họa sĩ Bơ – men trên tấm bia mộ tôi bỗng nhớ lại hình ảnh của cụ khi còn sống. Những hình ảnh ấy vẫn còn in rõ trong tâm trí tôi, đó là một họa sĩ già, râu xồm thích uống rượu trông khó tính, dữ dằn chỉ hay chê bai những người yếu đuối nhưng tốt bụng, có lòng nhân từ.

- Nhớ nhất là những lời kể của Xiu về việc làm âm thầm vẽ chiếc lá cuối cùng thay cho chiếc lá đã rụng để cứu tôi thoát khỏi tình trạng tuyệt vọng bởi ý nghĩ vớ vẩn cho dù không được chứng kiến việc làm đó mà chỉ được nghe lại qua lời kể của xiu nhưng tôi hình dung ra rất rõ việc làm của cụ Bơ – men trong đêm mưa to gió lớn chiếc lá ấy đã cứu tôi khỏi tay lưỡi hái của tử thần, đối lại cụ Bơ – men bị viêm phổi do nhiễm lạnh và đã qua đời.

**3- Suy nghĩ cảm xúc Giôn – xi**

- Cụ Bơ – men đã hết lòng cứu mình, việc làm ấy thật cao cả, cụ đã hi sinh thầm lặng vì người khác đây quả thật là 1 con người có trái tim nhân hậu.

- Tôi ân hận và trách mình quá yếu đuối vẩn vơ không chỉ làm hại bản thân mình mà còn khiến cụ Bơ – men phải lo lắng đem tính mạng để dành giật sự sống cho tôi, giá như tôi không sống như thế thì giờ đây cụ Bơ – men không ra nông nỗi này.

- Mọi chuyện cũng đã xảy ra, không làm lại được nữa, tôi thầm mang ơn và tiếc thương cụ biết bao nhiêu

**- Suy nghĩ về tác phẩm của cụ**: là kiệt tác

- **Suy nghĩ về cuộc đời của cụ**: là 1 họa sĩ chân chính đầy tài năng, tâm huyết rất đáng cảm phục ngưỡng mộ:

- **Lời thầm hứa** . giờ đây cụ không còn nữa, thầm hứa với cụ “cụ Bơ – men ơi! cháu hứa với cụ là không bao giờ yếu đuối phải có nghị lực và quý giá sự sống, học tập, phấn đấu theo tấm gương của cụ”.

**III -Kết bài:**

- Khi mặt trời đã đứng bóng thì tôi cùng Xiu ra về, lòng tôi buồn rười rượi tôi cảm thấy tiếc thương cụ Bơ – men và thấy trống vắng vô cùng,/

- Tự nhủ trong lòng, không bao giờ quên cụ Bơ – men thường xuyên ra thăng viếng mộ cụ...

Ngày soạn T5/23/12/2021

Ngày dạy T6/24/12/2021 Buổi 11

**ÔN LUYỆN CÁC BPTT: NÓI GIẢM, NÓI TRÁNH, NÓI QUÁ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

-Giúp hs củng cố, khắc sâu kiến thức về BPTT: Nói giảm, nói tránh, nói quá

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kĩ năng thực hành, vận dụng lý thuyết vào các bài tập cụ thể.

**3. Thái độ, phẩm chất**

- Phê phán những lời nói khoác, nói sai sự thật.

- Biết nhận ra những phẩm chất tốt đẹp của các nhân vật văn học để áp dụng vào cuộc sống.

**4. Định hướng năng lực**

- Năng lực tự học

- Năng lực giải quyết vấn đề

-Năng lực sáng tạo

-Năng lực giao tiếp

-Năng lực hợp tác.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

1. Giáo viên: Nghiên cứu tài liệu, thiết kế kế hoạch bài dạy, bảng phụ.

2. Học sinh: đọc, xem lại trong sgk.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

**1.Mục tiêu: Giúp h/s củng cố kiến thức về biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh, nói quá.**

**2. Tổ chức thực hiện:H/s làm việc cá nhân**

**Bước 1; chuyển giao nhiệm vụ**

Thế nào là nói giảm, nói tránh. Nêu tác dụng của nói giảm, nói tránh, nói quá ; các cách nói giảm, nói tránh, nói quá . Các trường hợp sử dụng nói giảm, nói tránh, nói quá?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s làm việc cá nhân, h/s khác nhận xét, bổ sung

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**H/s báo cáo**

**Bước 4: kết luận, nhận định**

Gv lắng nghe, nhận xét, đánh giá và chốt

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

a.Mục tiêu: Yêu cầu h/s ghi nhớ các kiến thức cơ bản

b. Tổ chức thực hiện: H/s ghi bài

**Sản phẩm dự kiến**

**I.Nói giảm, nói tránh**

1. ***Thế nào là nói giảm, nói tránh.***

Nói giảm nói tránh là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển.

2. ***Tác dụng của nói giảm nói tránh***:

\_ Tránh cảm giác đau buồn, ghê sợ, nặng nề.

***Ví dụ 1***:

*Cha nó* ***chết****, mẹ nó* ***lấy chồng khác***. (Cảm giác đau buồn ).

\_ *Cha nó* ***mất****, mẹ nó* ***đi b­ước nữa***. ( Tránh cảm giác quá đau buồn ).

***Ví dụ 2***:

\_ *Em bé bị* ***ỉa chảy***. ( Cảm giác ghê sợ ).

\_ *Em bé bị* ***đi ngoài***. ( Tránh cảm giác ghê sợ )

\_ Tránh sự thô tục, thiếu lịch sự.

***Ví dụ***:

\_ *Con dạo này* ***l­ười lắm***. ( Thiếu tế nhị )

\_ *Con dạo này* ***ch­ưa đ­ược chăm lắm***. ( Tế nhị, nhẹ nhàng, tránh nặng nề ).

3. ***Các cách nói giảm nói tránh***:

a. Sử dụng từ đồng nghĩa, đặc biệt là các từ Hán Việt.

Chẳng hạn:

+ *chết: từ trần, tạ thế, quy tiên,...*

+ *chôn: mai táng, an táng,...*

***Ví dụ***:

*Ông cụ đã* ***chết*** *rồi*.

=> *Ông cụ đã* ***quy tiên*** *rồi*.

b. Dùng cách nói phủ định từ trái nghĩa.

Chẳng hạn:

*Xấu: ch­ưa đẹp, ch­ưa tốt,...*

***Ví dụ***:

*Bài thơ của anh* ***dở*** *lắm*.

=> *Bài thơ của anh* ***ch­ưa đ­ược hay*** *lắm*.

c. Dùng cách nói vòng:

***Ví dụ***:

*Anh còn* ***kém lắm***.

=> *Anh* ***cần phải cố gắng hơn nữa***.

d. Dùng cách nói trống (tỉnh lư­ợc).

***Ví dụ 1***:

*Anh ấy* ***bị th­ương nặng*** *thế thì không* ***sống*** *đ­ược lâu nữa đâu chị ạ*.

=> *Anh ấy (...) thế thì không (...) đ­ược lâu nữa đâu chị ạ*.

***Ví dụ2***:

*Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tẩm ngẩm thế, nh­ng cũng (...) ra phết chứ chả vừa đâu: lão xin tôi một ít bả chó [...].*

4. ***Các tr­ường hợp sử dụng nói giảm nói tránh***:

\_ Khi muốn tránh cảm giác đau buồn, ghê sợ, thô tục, thiếu lịch sự.

***Ví dụ***:

*Anh ấy bị* ***thổ huyết***. (Tránh cảm giác ghê sợ )

\_ Khi muốn tôn trọng ngư­ời đối thoại với mình ( ng­ười có quan hệ thứ bậc xã hội, tuổi tác cao hơn)

***Ví dụ***:

*Khuya rồi, mời bà* ***đi nghỉ***.

\_ Khi muốn nhận xét một cách tế nhị, lịch sự, có văn hoá để ngư­ời nghe dễ tiếp thu ý kiến góp ý.

***Ví dụ***:

*Bài thơ của anh* ***ch­ưa đ­ược hay lắm***.

5. ***Các tình huống không nên nói giảm nói tránh***:

\_ Khi cần phê bình nghiêm khắc, nói thẳng, nói đúng mức độ sự thật.

\_ Khi cần thông tin chính xác, trung thực.

6. ***Cảm thụ cái hay (giá trị nghệ thuật ) của cách nói giảm nói tránh trong tác phẩm văn học***:

\_ Đặt nó trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể (quan hệ thứ bậc xã hội, tuổi tác, tâm trạng của ng­ười nói, ng­ười nghe,...).

\_ Xem xét trong văn bản, tác giả đã tạo ra phép nói giảm nói tránh bằng những từ ngữ nào, bằng cách nào.

\_ Đối chiếu với những cách nói thông th­ường có thể dùng trong trư­ờng hợp giao tiếp đó để thấy đ­ược tác dụng của cách diễn đạt này và dụng ý của tác giả.

**II.Nói quá**

1. ***Định nghĩa***:

Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật hiện tư­ợng đ­ược miêu tả so với hiện thực khách quan.

2. ***Tác dụng của nói quá***:

\_ Tr­ước hết nói quá có chức năng nhận thức, làm rõ hơn bản chất của đối tu­ợng. Nói quá không phải là nói sai sự thật, nói dối. Đây là một biện pháp tu từ.

***Ví dụ***:

*Trên đầu những rác cùng rơm*

*Chồng yêu chồng bảo hoa thơm rắc đầu*.

( Ca dao )

=> Cách nói này nhằm biểu hiện một sự thật: Sự đam mê mù quáng đã làm cho con ng­ười nhìn nhận sự việc không chính xác, thậm chí làm cho ng­ời ta nhìn nhận, suy nghĩ, hành động khác hẳn mọi ng­ời.

\_ Nói quá còn có tác dụng nhấn mạnh, gây ấn t­ượng, tăng sức biểu cảm.

***Ví dụ***:

*Chí ta lớn như­ biển Đông tr­ước mặt*.

( Tố Hữu )

=> Sức mạnh của cách nói quá ở đây chính là gây đ­ược ấn t­ượng, xúc cảm về ý chí, về quyết tâm giải phóng đất nước của nhân dân ta.

3. ***Các tr­ường hợp sử dụng nói quá***:

\_ Nới quá thu­ờng đu­ợc dùng trong thơ văn châm biếm, trào phúng.

***Ví dụ***:

*Lỗ mũi m­ười tám gánh lông*

*Chồng yêu chồng bảo tơ hồng trời cho*.

( Ca dao )

\_ Nói quá cũng có thể gặp trong văn thơ trữ tình, để nhấn mạnh mức độ tình cảm.

***Ví dụ***:

*Bát cơm chan đầy n­ước mắt*

*Bay còn giằng khỏi miệng ta*.

( Nguyễn Đình Thi )

\_ Trong lời nói th­ường ngày, cũng có những cách nói quá để khẳng định một điều nào đó.

***Ví dụ***:

*Nhớ, nhớ. Chết xuống đất cũng không quên*.

( Nguyễn Địch Dũng )

4. ***Phân biệt nói quá và nói khoác***:

- Giống nhau ở cách nói : đều là nói phóng đại về mức độ, quy mô và tính chất của sự vật, hiện tượng.

- Khác nhau : Dù có ý muốn nhấn mạnh gây ấn tượng nhưng nói quá vẫn dựa trên cơ sở là sự thật. Còn nói khoác là bịa đặt ra những điều không đúng, không có cơ sở, không thể có trong thực tế.

+ Nói quá : mục đích nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.

+ Nói khoác: làm người nghe tin vào những điều không có thật.

***Ví dụ***:

\_ *Có sức ng­ười sỏi đá cũng thành cơm* ( Nói quá ).

\_ *Nó có thể biến hòn đá kia thành một bát cơm nóng và một khúc cá kho thơm phức* (Nói khoác ).

\_ *Tay ng­ười nh­u có phép tiên – Trên tre nứa cũng dệt nghìn bài thơ* ( Nói quá ).

\_ *Nó sáng tác đ­ược một nghìn bài thơ trong vòng nửa tiếng đồng hồ* ( Nói khoác ).

**Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv yêu cầu h/s làm bài tập

**Bài 1:** Tìm biện pháp nói giảm nói tránh trong các câu sau. Giải thích ý nghĩa của các cách nói đó.

a. *Bà lão láng giềng lại lật đật chạy sang:*

*\_ Bác trai đã khá rồi chứ?*

( Ngô Tất Tố )

b. *Nó ( Rùa Vàng ) đứng nổi trên mặt n­ớc và nói: “Xin bệ hạ hoàn g­ơm lại cho Long Quân”*.

( Sự tích Hồ G­ơm )

**Bài 2:** Phát hiện phép nói tránh trong đoạn trích sau đây và cho biết vì sao chị Dậu lại nói như­ vậy.

*Chị Dậu vừa nói vừa mếu:*

*\_ Thôi u không ăn để phần cho con. Con chỉ đư­ợc ăn ở nhà bữa nay nữa thôi. U không muốn ăn tranh của con. Con cứ ăn thật no, không phải nh­ờng nhịn cho u*.

( Ngô Tất Tố )

**Bài 3:** Gạch chân dư­ới những cách nói thay cho “***chết***” trong các câu sau:

a. *Chỉ đến lúc thân tàn lực kiệt, trả xác cho đời, Thị Kính mới đ­ược minh oan và đ­ược đức Phật đón về miền vĩnh cửu, trong niềm xót th­ương, nuối tiếc của muôn ng­ười*.

( Trần Lâm Biền )

b. *Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi th­ương lắm. Vừa th­ương vừa ăn năn tội mình*.

( Tô Hoài )

c. *Bỗng loè chớp đỏ*

*Thôi rồi, L­ợm ơi!*

( Tố Hữu )

d. *Chẳng bao lâu, ng­ười chồng mất*.

( Sọ Dừa )

e. *[...] tr­ước kia khi bà ch­ưa về với Th­ượng đế chí nhân, bà cháu ta đã từng sung s­ướng biết bao*.

( An-đéc-xen )

g. *Cách mấy tháng sau, đứa con lên sài lại bỏ đi để chị ở một mình*.

( Nguyễn Khải )

**Bài 4:** Thay các từ in đậm trong những câu dư­ới đây bằng các từ ngữ nói giảm nói tránh:

a. *Tôi* ***cấm*** *cậu:* ***không*** *đến chỗ đó*.

b. *Bố mẹ nó* ***bỏ nhau*** *từ ngày nó còn bé*.

c. *Bà đã* ***già***.

**Phần 2: Nói quá**

**Bài 1:** Phân tích hiệu quả của các tr­ường hợp sau đây do phép nói quá mang lại.

a. *Ng­ười say r­ượu mà đi xe máy thì tính mạng ngàn cân treo sợi tóc*.

b. *Tiếng hát át tiếng bom*.

**Bài 2:** Tìm các thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá để diễn đạt các ý sau. Đặt câu với mỗi thành ngữ đó.

a. Chắt lọc, chọn lấy cái quý giá, cái tốt đẹp, tinh tuý trong những cái tạp chất khác.

b. Cả gan hay làm điều gì kém cỏi, vụng về tr­ước ng­ười hiểu biết, tinh thông, tài cán hơn mình.

c. Sợ hãi, khiếp đảm đến mức mặt tái mét.

d. Luôn kề cạnh bên nhau hoặc gắn bó chặt chẽ, khăng khít với nhau.

e. Gan dạ, dũng cảm, không nao núng tr­ước khó khăn, nguy hiểm.

g. Giống hệt nhau, đến mức t­ưởng chừng như­ cùng một thể chất.

**Bài 3:** Tìm một số trư­ờng hợp nói quá th­ường dùng trong sinh hoạt hằng ngày

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s làm việc nhóm đôi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

H/s trình bày

**Bước 4; Kết luận, nhận định**

**Sản phẩm dự kiến**

**I.Nói giảm, nói tránh**

**Bài 1:**

a. *khá* ( tình trạng sức khoẻ ).

b. *hoàn* ( trả lại ).

**Bài 2:** Đáng lẽ chị Dậu phải nói: “*U đã bán con cho nhà cụ Nghị để lấy tiền nộp s­ưu rồi*”, nh­ưng vì sự thật quá phũ phàng đối với đứa con nên chị phải nói tránh: “*Con chỉ đ­ược ăn ở nhà bữa nay nữa thôi*”.

**Bài 3:** a. *Chỉ đến lúc thân tàn lực kiệt, trả xác cho đời, Thị Kính mới đ­ược minh oan và đu­ợc đức Phật đón về miền vĩnh cửu, trong niềm xót th­ơng, nuối tiếc của muôn ng­ười*.

( Trần Lâm Biền )

b. *Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi th­ương lắm. Vừa thư­ơng vừa ăn năn tội mình*.

( Tô Hoài )

c. *Bỗng loè chớp đỏ*

*Thôi rồi, L­ượm ơi!*

( Tố Hữu )

d. *Chẳng bao lâu, ng­ười chồng mất*.

( Sọ Dừa )

e. *[...] tr­ước kia khi bà ch­a về với Thư­ợng đế chí nhân, bà cháu ta đã từng sung s­ướng biết bao*.

( An-đéc-xen )

g. *Cách mấy tháng sau, đứa con lên sài lại bỏ đi để chị ở một mình*.

( Nguyễn Khải )

**Bài 4:**

a. *Tôi* ***khuyên*** *cậu:* ***không******nên*** *đến chỗ đó*.

b. *Bố mẹ nó* ***chia tay nhau*** *từ ngày nó còn bé*.

c. *Bà đã* ***có tuổi***.

**II.Nói quá**

**Bài 1:** Phân tích hiệu quả của các tr­ường hợp sau đây do phép nói quá mang lại.

a. *Ng­ười say r­ượu mà đi xe máy thì tính mạng ngàn cân treo sợi tóc*.

b. *Tiếng hát át tiếng bom*.

**Bài 2:** Tìm các thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá để diễn đạt các ý sau. Đặt câu với mỗi thành ngữ đó.

a. Chắt lọc, chọn lấy cái quý giá, cái tốt đẹp, tinh tuý trong những cái tạp chất khác.

b. Cả gan hay làm điều gì kém cỏi, vụng về tr­ước ng­ười hiểu biết, tinh thông, tài cán hơn mình.

c. Sợ hãi, khiếp đảm đến mức mặt tái mét.

d. Luôn kề cạnh bên nhau hoặc gắn bó chặt chẽ, khăng khít với nhau.

e. Gan dạ, dũng cảm, không nao núng tr­ước khó khăn, nguy hiểm.

g. Giống hệt nhau, đến mức t­ưởng chừng như­ cùng một thể chất.

**Bài 3:** Tìm một số trư­ờng hợp nói quá th­ường dùng trong sinh hoạt hằng ngày

Phần gợi ý

**Bài 1:**

a. Sử dụng “*ngàn cân treo sợi tóc*” là cách nói hình ảnh phi thực tế để giúp ng­ời đọc nhận thức mức độ nguy hiểm một cách cụ thể nhất.

b. Đây là cách nói quá bằng hình ảnh để diễn tả niềm tin, sự lạc quan, sự sống, sự chiến thắng vư­ợt lên trên gian khổ hi sinh trong chiến đấu.

**Bài 2:**

a. *Chi bằng anh em tôi cứ tranh thủ giờ nghỉ đi bới mấy đống sắt vụn,* ***đãi cát tìm vàng***.

( Lâm Phư­ơng )

b. *ồ làm gì cái vặt ấy. Hiểu dụ cho dân nghe, chứ đâu dám* ***đánh trống qua cửa nhà sấm***.

( Nguyễn Công Hoan )

c. *Chỉ cần ba hơi lặn ngắn, anh đã trồi lên tr­ước mặt Thuý – một khuôn* ***mặt cắt không còn giọt máu****, cái miệng nhỏ cứ há ra ngậm lại, mắt nhắm nghiền*.

( Chu Lai )

( Hoặc: ***Mặt cắt không ra máu*** )

d. *Thôi cũng đ­ược và bắt đầu từ giờ phút này, lão phải theo ta* ***như­ hình với bóng***.

( Thu Bồn )

e. *Trong tập hồ sơ dày hàng gang ở cơ quan công an, bút tích của cha Hoan còn đó chứng tỏ ông ta chẳng phải tay* ***gan vàng dạ sắt*** *gì.*

( Chu Văn )

g. *Hai đứa giống nhau* ***như­ hai giọt nư­ớc***.

( Thu Bồn )

**Bài 3:**

\_ *Tóc tai cậu ấy tốt nh­ư rừng*.

\_ *Gặp ng­ười nghiện ma tuý tớ sợ hết cả hồn*.

\_ *Nhiều kẻ bán trời không văn tự*.

. **Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

B1.Chuyển giao nhiệm vụ:

* Viết đoạn văn thuyết minh có dùng nói giảm, nói tránh

Chuột là một loài động vật có ở mọi nơi: nhà, ống cống, ruộng đồng, lòng đất,… Mỗi con chuột khoác lên mình một lớp da mỏng màu xám, đôi khi ta bắt gặp những con chuột bạch lông có màu trắng. Chuột đa dạng về kích cỡ: có loài to bằng bắp chân, có loài chỉ nhỏ bàng nắm tay mà thôi, có khi chỉ bằng cây nến chẳng hạn. Người ta thường bảo, chuột không được thơm tho và sạch sẽ , nói vậy là đúng bởi lẽ nó luôn đi đây đi kia, bị gặp các kí sinh trùng bám vào cơ thể, nên thường gây hại. Hiện nay, nhiều người hay bẫy chuột để chuột không gây hại đến cuộc sống, vì thế số lượng chuột đã giảm dần. Tuy bảo vệ cuộc sống chúng ta, nhưng đừng quên là không được làm tuyệt chủng nó.

**II. Cách làm bài:**

**Bước 1:**

+ Đọc kĩ đề, gạch chân các từ ngữ quan trọng để xác định rõ yêu cầu của đề bài.

+ Tìm nội dung chính của câu, đoạn văn thơ chứa phép tu từ.

**Bước 2:**

+ Tìm những phép tu từ được sử dụng trong câu, đoạn thơ văn.

+ Xác định từ ngữ có phép tu từ đó.

( Ví dụ: ẩn dụ được thể hiện ở từ, cụm từ nào? Nhân hoá thể hiện ở từ ngữ nào?)

**Bước 3:**

+ Chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ trong việc thể hiện nội dung tư tưởng của đoạn văn, thơ.

+ Trong đó, phân tích kĩ biện pháp nào là hay, đặc sắc nhất, gợi nhiều ấn tượng, cảm xúc cho người đọc.

Vận dụng vốn sống, vốn cảm thụ của bản thân về Ngữ văn liên quan đến nội dung văn bản và kiến thức về biện pháp tu từ để phân tích, trình bày những suy nghĩ, liên tưởng cảm nhận của riêng mình về giá trị biểu đạt, biểu cảm....của biện pháp tu từ, hiệu quả việc sử dụng các phép tu từ của tác giả để diễn đạt thành công một nội dung cụ thể nào đó trong văn bản.

**Chú ý:** Có thể đặt các câu hỏi để tìm ý như sau:

*Nếu câu, đoạn sử dụng phép nói quá:*

- Phép nói quá đã phóng đại mức độ, qui mô, tính chất của sự vật, sự việc, hay hiện tượng ?

- Phép nói quá nhằm nhấn mạnh điều gì? tăng sức biểu cảm như thế nào?

*Nếu câu, đoạn sử dụng phép nói giảm, nói tránh:*

- Từ ngữ nào được dùng theo phép nói giảm, nói tránh?

- Nói giảm, nói tránh dùng để giảm nhẹ mức độ khi phải đề cập đến những chuyện đau buồn, ghê sợ hay để biểu lộ thái độ lịch thiệp, tránh thô tục?

*Nếu câu, đoạn sử dụng câu hỏi tu từ:*

- Câu hỏi tu từ nhằm để khẳng định hay phủ định?

- Câu hỏi tu từ dùng để biểu lộ tâm tư hay tình cảm, cảm xúc?

**Bước 4:**

Viết đoạn văn, hoặc bài văn ngắn phân tích tác dụng của biện pháp tu từ.

***Hình thức***: Trình bày thành một đoạn văn hay bài văn tùy theo yêu cầu của đề.

\* Viết đoạn văn:

Đoạn văn có thể được triển khai theo một trong các cách mà các em đã học: diễn dịch, qui nạp, tổng- phân - hợp...

\* Viết bài văn ngắn:

Bài văn ngắn có bố cục ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.

***Cách viết***

*a,* *Mở đoạn (hoặc mở bài)*: Giới thiệu đoạn văn thơ có chứa phép tu từ, nội dung chính của đoạn.

( Có thể viết 1 đến 2 câu)

*b, Phát triển đoạn( hoặc thân bài):*

Gồm các câu tiếp theo, số câu tùy người viết hoặc theo yêu cầu của đề bài.

- Chỉ ra, phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ trong việc thể hiện nội dung tư tưởng của đoạn thơ(văn). Làm theo gợi ý ở bước 2, 3 .

- Có thể so sánh, liên tưởng với những trường hợp tương tự khác để thấy rõ hơn nét riêng, độc đáo, sáng tạo của tác giả trong văn bản đó.

*c, Kết đoạn(hoặc kết bài):*

Khẳng định lại giá trị của các biện pháp tu từ trong đoạn thơ (văn), ấn tượng, cảm xúc của người viết.

(Có thể viết 1 đến 2, 3 câu tùy đó là đoạn hay bài)

Ngày soạn T7/25/12/2021

Ngày dạy T2/27/12/2021 Buổi 12

**ÔN TẬP CHUNG VỀ VĂN THUYẾT MINH**

1. **Mục tiêu cần đạt:**
2. **Kiến thức:**

Trình bày được:

- Đặc điểm của văn bản thuyết minh

- Ý nghĩa, phạm vi sử dụng của văn bản thuyết minh.

- Yêu cầu của bài văn thuyết minh

***2. Kỹ năng:***

- Nhận biết văn bản thuyết minh, phân biệt văn bản thuyết minh và các kiểu văn bản đã học

- Trình bày các tri thức có tính chất khách quan, khoa học thông qua những tri thức của môn Ngữ văn và các môn học khác.

- Kĩ năng sống: Giao tiếp: Trình bày ý tưởng về đặc điểm bài văn thuyết minh.

**3. Thái độ, phẩm chất:**

* Đảm bảo khách quan, chân thật khi làm văn thuyết minh.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

**4. Năng lực**:

-Năng lực chung: tự học và tự chủ, giải quyết vấn đề và sáng tạo, …

- Năng lực chuyên biệt: NL sử dụng ngôn ngữ, tạo lập văn bản thuyết minh, …

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Gv: Soạn bài, phiếu học tập**

**2.H/s: Ôn bài : Tìm hiểu chung về văn thuyết minh**

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**Hoạt động 1: Khởi động**

a.Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

b. Tổ chức thực hiện: H/s thảo luận cặp đôi

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Văn thuyết minh là gì? Nêu mục đích của văn thuyết minh? Văn thuyết minh có tính chất và ngôn ngữ như thế nào?

- Nêu các bước làm bài văn thuyết minh? Có mấy phương pháp thuyết minh?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s nghe hướng dẫn, tham gia chơi và trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

H/s trả lời, giáo viên lắng nghe, gọi h/s khác bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Gv nhận xét, đánh giá , chốt.**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a.Mục tiêu:** Giúp h/s củng cố văn thuyết minh, mục đích, tính chất, ngôn ngữ, cách làm và phương pháp, các dạng đề thuyết minh.

**b.Tổ chức thực hiện: Gv yêu cầu h/s ghi nhớ các kiến thức cơ bản**

1. ***Khái niệm văn thuyết minh***.

Văn thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,... của các hiện t­ượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng ph­ương thức trình bày, giới thiệu, giải thích. tài liệu Thu Nguyễn

2. ***Mục đích của văn bản thuyết minh***.

Đem lại cho con ngư­ời những tri thức chính xác, khách quan về sự vật, hiện t­ượng để có thái độ, hành động đúng đắn.

3. ***Tính chất của văn bản thuyết minh***.

Tri thức chuẩn xác, khách quan, hữu ích

4. ***Ngôn ngữ của văn bản thuyết minh***.

Có tính chính xác, cô đọng, chặt chẽ, sinh động.

5. ***Các b­ước làm bài văn thuyết minh***.

\_ Xác định đối t­ượng thuyết minh.

\_ Tìm hiểu kĩ đối tư­ợng thuyết minh bằng cách quan sát trực tiếp hoặc tìm hiểu qua sách báo, vô tuyến truyền hình hay các ph­ương tiện thông tin đại chúng khác.

\_ Xác định rõ phạm vi, tri thức khách quan, khoa học về đối t­ượng cần đ­ược thuyết minh đó.

\_ Lựa chọn ph­ơng pháp thuyết minh.

\_ Tìm bố cục thích hợp cho bài thuyết minh.

6. ***Các ph­ương pháp thuyết minh***:

\_ Ph­ương pháp nêu định nghĩa, giải thích:

Là ph­ương pháp chỉ ra bản chất của đối tư­ợng thuyết minh, vạch ra phư­ơng pháp lô gíc của thuộc tính sự vật bằng lời lẽ rõ ràng, chính xác, ngắn gọn. Trong ph­ương pháp nêu định nghĩa thư­ờng sử dụng từ *là*.

\_ Phư­ơng pháp liệt kê:

Là phư­ơng pháp lần l­ượt chỉ ra đặc điểm, tính chất của đối tư­ợng theo một trật tự nào đó.

\_ Ph­ương pháp nêu ví dụ:

Là ph­ương pháp thuyết minh sự vật bằng cách nêu dẫn chứng thực tế. Dùng cách này ta có thể thuyết minh, giải thích rõ ràng hơn, tạo ấn t­ượng cụ thể cho ng­ười đọc.

\_ Ph­ương pháp dùng số liệu:

Là ph­ương pháp dẫn con số cụ thể để thuyết minh về đối tư­ợng. Bài văn thuyết minh càng có thêm tính khoa học chính là nhờ vào phư­ơng pháp này.

\_ Ph­ương pháp so sánh:

Là cách đối chiếu hai hoặc hơn hai đối t­ượng để làm nổi bật bản chất của đối tư­ợng cần thuyết minh. Có thể dùng so sánh cùng loại hoặc so sánh khác loại nh­ng điểm đến cuối cùng là nhằm để người đọc hình dung rõ hơn về đối t­ượng đ­ược thuyết minh. tài liệu Thu Nguyễn

\_ Ph­ương pháp phân loại, phân tích:

Là cách chia đối tư­ợng ra từng loại, từng mặt để thuyết minh.

***7. Các dạng văn thuyết minh***.

***Dạng 1***:

Thuyết minh về một thứ đồ dùng.

***Ví dụ***:

+ Giới thiệu về chiêc kính.

***Dạng 2***:

Thuyết minh về một cách làm.

***Ví dụ***:

Giới thiệu cách làm món nộm.

***Dạng 3***:

Thuyết minh về một thể loại văn học.

***Ví dụ***:

+ Thuyết minh về thể thơ thất ngôn bát cú Đư­ờng luật.

+ Thuyết minh về thể thơ thất ngôn tứ tuyệt

***Dạng 4***:

Thuyết minh về một tác giả, tác phẩm văn học.

***Ví dụ***:

Giới thiệu về tác giả Nguyễn Trãi.

***Dạng 5***:

Thuyết minh về một di tích văn hóa, danh lam thắng cảnh.

***Ví dụ***:

+ Giới thiệu về vịnh Hạ Long.

+ Giới thiệu về chùa Một Cột.

+ Giới thiệu về đền Hùng.

+ Giới thiệu về hồ Hoàn Kiếm.

+ Giới thiệu về động Phong Nha.

**Dạng 6.** Thuyết minh về con vật nuôi có ích.

**\* Cách làm các dạng văn thuyết minh**

1. ***Cách làm bài văn thuyết minh về một thứ đồ dùng***.

**a. Mở bài:** Giới thiệu khái quát về đồ dùng.

**b. Thân bài:** Lần lượt trình bày nội dung:

**-** Lịch sử, nguồn gốc của đồ dùng.

**-** Cấu tạo của đồ dùng: hình dáng, chất liệu, các bộ phận,…

**-** Tính năng hoạt động.

**-** Cách lựa chọn, cách sử dụng, cách bảo quản.

**-** Lợi ích của đồ dùng.

**c. Kết bài:** Nhấn manh tầm quan trọng, tiện ích của đồ dùng trong cuộc sống.

**Lưu ý:** Khi viết thành bài văn cần chú ý cách diễn đạt: cụ thể, chi tiết, có số liệu chính xác...Dùng các phương pháp thuyết minh phù hợp. Ngôn ngữ, văn phong trong sáng, khoa học. Có sử dụng yếu tố miêu tả nhưng tránh sa vào làm văn miêu tả.

**Hoạt động 3 : Luyện tập**

a) Mục tiêu: Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

***Đề*** : Thuyết minh về chiếc bút bi.

Đề 2: Thuyết minh về bộ đồng phục học sinh

Đề 3: Thuyết minh cuốn sách giáo khoa Ngữ văn 8

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s làm theo nhóm (mỗi nhóm 1 câu): N1 câu 1, N2 câu 2, N3 câu 3

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Các nhóm trình bày, nhóm này nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm kia

**Bước 4; Kết luận, nhận định**

Gv nghe, đánh giá, chốt

**Sản phẩm dự kiến**

Dàn ý chi tiết:

**1. MỞ BÀI**

Giới thiệu khái quát về cây bút bi (là phát minh quan trọng, vai trò to lớn trong viết và rèn chữ,...).

**2. THÂN BÀI**

\* Giới thiệu nguồn gốc của bút bi:

- Người phát minh: nhà báo Hungari Lazo Biro.

- Thời gian phát minh: những năm 1930.

- Lý do phát minh: phát hiện loại mực dùng in giấy rất nhanh khô, nghiên cứu để làm ra loại bút sử dụng loại mực này.

\* Cấu tạo cơ bản của bút bi: Chiếc bút bi có cấu tạo rát đơn giản, hình trụ, thon nhỏ ở phần dầu bút dài khoảng từ 14-18 cm, đừng kính khoảng 0,5 cm. Bút bi được cấu tạo bởi hai bộ phận chính: vỏ bút và ruột bút.

- Vỏ bút: Là bộ phận bên ngoài được làm từ chất liệu nhựa cứng để bảo vệ bộ phận bên trong và cho người sử dụng dễ cầm, nắm, để thu hút được sự chú ý của người dùng. Nhà sản xuất thường tạo ra nhiều mẫu mã đa dạng, nhiều màu sắc phong phú. Trên vỏ bút được trang trí bằng những họa tiết, hoa văn đẹp và có. Vỏ bút hình ống trụ, dài14-15 cm. Đầu trên của bút còn có một chiếc quai cài thường dùng để cài vào túi áo hoặc sách vở cho tiện.

- Phần quan trọng hơn của chiếc bút là ruột bút. Ruột bút được làm từ chất liệu nhựa dẻo, chứa mực đặc hoặc mực nước. Gắn với ống mực là ngòi bút. Ngòi bút được làm bằng kim loại không gỉ. Trên đầu ngòi bút được gắn một viên bi nhỏ. Mỗi khi viết, viên bi lăn tròn đẩy mực ra ngoài làm cho mực đều đặn hơn khi viết.

\* Có hai loại bút bi phổ biến là bút bi có nắp đậy và bút bi có lò xo. Với loại bút bi có lò xo thì bộ phận không thể thiếu trong ruột bút là lò xo và nút bấm. Có thể coi nút bấm là bộ phận điều khiển khi muốn hoặc không muốn sử dụng. Khi sử dụng thì chỉ cần bấm nút để lò xo ấn xuống đẩy bút ra ngoài. Khi không sử dụng thì bấm bút để ngòi thụt vào và bảo vệ ngòi bút.

\* Công dụng:

- Bút bi dùng để viết chữ, nó được nhiều người ưa chuộng vì nó nhẹ trơn, viết rất nhanh,nét bút đều đặn, rõ ràng không gây bẩn. Hơn nữa, giá thành bút bi lại rẻ( khoảng từ 3-5 nghìn đồng một chiếc). Khi hết mự dễ thay ngòi phù hiowpj với túi tiền của mọi người nhất là học sinh.

- Bút bi còn có thể được dùng làm món quà tặng hay vật kỉ niệm nhỏ gọn và ý nghĩa.

\* Cách bảo quản:

- Mỗi lần viết xong ta phải đậy nắp lại hay bấm cho ngòi bút thụt vào để tránh làm bút khô mực.

- Khi hết mực có thể thay nguyên phần ngòi, phần vỏ giữ lại và không được vứt bừa bãi ra môi trường.

- Những ngày trời lạnh, bút thường hay bị khô mực, cần ngâm vào nước ấm là sẽ viết được bình thường.

- Khi dùng tránh để bút rơi xuống đất vì lúc đó mực sẽ bị tắc hoặc bị rò mực.

**3. KẾT BÀI:**

- Bút bi là người bạn nhỏ luôn đồng hành với mọi người. Chúng ta học tập và làm việc đều cần đến bút bi. Nó là người bạn đồng hành, đáng tin cậy nhất.

BÀI THAM KHẢO

Trong cuộc sống xung quanh chúng ta, có một vật dụng mà chúng ta sử dụng hằng ngày nhưng lại không để ý nhiều đến nó. Đó chính là cây bút bi. Hôm nay, tòi sẽ giới thiệu với các bạn vật dụng này.

Chúng ta đều mua và sử dụng bút bi như thế nhưng ít ai biết được nguồn gốc, xuất xứ của nó. Người xin cấp bằng sáng chế bút bi đầu tiên trên thế giới là một người thợ thuộc da người Mĩ tên là John Loud vào năm 1888 nhưng không được khai thác thương mại. Mãi cho đến năm 1938, một biên tập viên người Hungari tên là Laszlo Biro vì quá chán nản với việc sử dụng bút mực nên ông đã sáng chế ra cây bút bi viết bằng mực in báo khô nhanh và ngày 15 tháng 6, ông được cấp bằng sáng chế của Anh Quốc. Từ khi ra đời đến nay, bút bi không ngừng được cải tiến để phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng. Với các thương hiệu nổi tiếng như “Ba”, “Hoover", “Xeros” và đặc biệt là thương hiệu “Bic Cristal”. Từ năm 1940. ngày sinh nhật của Biro ngày 29 tháng 9 đã trở thành ngày của những nhà phát minh ra bút bi. Bây giờ thì các bạn đã biết ai là người phát minh ra bút bi và được ra đời vào năm nào rồi chứ? tài liệu Thu Nguyễn

Để hiểu rõ hơn về bút bi, tôi sẽ nói qua về cấu tạo của nó. Nếu cây bút bi của bạn tháo ra được, bạn sẽ thấy được bên trong có một ống ruột. Trong ống ruột có một đoạn mực đặc. Phần dưới đầu bút có một viên bi rất nhỏ, chỉ từ không phẩy bảy đến một mi-li-mét. Viên bi này chuyển động lăn giúp mực in lên giấy khô và nhanh. Bút bi có rất nhiều loại khác nhau, có loại làm bằng nhựa cứng, có loại làm bằng kim loại màu,...và nhiều nguyên liệu khác. Loại làm bàng nhựa cứng thường được dùng một lần, đến hết mực rồi bỏ. Còn loại kim loại màu có giá thành cao hơn nhưng lại được thay mực và sử dụng lại nhiều lần. Nắp bút hi cùng rất đa dạng. Có dạng nắp rời ra, khi dùng tháo nắp gắn lên đầu, dùng xong đậy lại. Còn dạng nắp gắn liền với thân, khi dùng bấm nút để đẩy ngòi bút ra, không dùng bấm nút đẩy ngòi ngược vào trong. Bên cạnh đó, bút bi còn có rất nhiều kiểu khác, như là nắp bút xoay,...

Mỗi năm, vào dịp chuẩn bị cho năm học mới, các hãng sản xuất bút bi ớ Việt Nam như “Thiên Long”, “Bến Nghé" lại đưa ra nhiều mẫu mã mới từ đơn giản đến cầu kì để đáp ứng cho người tiêu dùng.

Muốn sử dụng bút bi bền lâu, ta cần phải biết cách sử dụng và bảo quản bút bi. Khi viết, chúng ta phải để bút hơi nghiêng từ 40 đến 60°, đặc biệt tránh vừa nằm vừa viết. Khi dùng xong, cần phải đậy nắp lại ngay để tránh bút rớt làm hư đầu bi. Vì đầu bi là bộ phần quan trọng nhất của bút nên nếu hư đầu bi thì bút sẽ không dùng được. Phải để bút luôn nằm ngang để mực luôn lưu thông trong ống. Tôi sẽ chỉ cho các bạn một mẹo nhỏ để sử dụng bút bi. Khi để bút lâu không dùng mực trong ống sẽ bị khô, đừng vội bỏ cây bút mà hãy bỏ bút vào một lượng nước nóng vừa phải ngâm từ mười đến mười lăm phút. Cây bút của bạn sẽ được phục hồi.

Như chúng ta đều biết, bút bi đã đi vào cuộc sống của ta một cách quen thuộc. Nó vừa rẻ tiền lại vừa tiện dụng. Chúng ta có thế thấy nó nằm ở trên bàn, trong túi hay trong xe hơi,... Những nơi nào cần viết sẽ có sự hiện diện của bút bi. Ngoài ra. bút bi còn được dùng tặng miễn phí như một dạng quảng cáo. Gần đây, còn xuất hiện hình xăm bằng bút bi,...

Ý nghĩa của cây bút bi rất quan trọng đối với học sinh chúng ta, chúng ta dường như sử dụng nó mỗi ngày. Bút bi là một vật vô tri, nó không những tạo ra những con chữ đầy ý nghĩa mà còn, nếu chúng ta sử dụng một cách chuyên cần, bút bi sẽ tạo ra những bài văn hay, những trang viết đẹp. Để trở thành người chủ "tài hoa" của bút bi, học sinh chúng ta cần phải giữ vở sạch, rèn luyện chữ đẹp, trao đổi kiến thức. Hãy biến bút bi - cây bút vô tri của bạn trở thành một công dụng cần thiết, một trợ thủ đắc lực trong công việc học tập bạn nhé!

***Đề 2***: Thuyết minh về bộ đồng phục.

Lập dàn ý chi tiết:

1. **Mở bài**

* Mỗi ngành nghề đều có đồng phục. Nhìn bộ đồng phục đó họ biết làm nghề gì, ở đâu.
* Học sinh cũng đêu có đồng phục, tôi tự hào vơí bộ đồng phục của mình.

1. **Thân bài**

**\*Nguồn gốc**

- Trên thế giới học sinh mặc đồng phụcđã trở thành thói quen từ xa xưa.

- Ở miền Bắc nước ta khoảng từ năm 1985 việc mặc đồng phục mới được đặt ra và ngày nay mới trở thành thói quen của học sinh.

**\* Cấu tạo**

- Đồng phục trường tôi mang hai màu truyền thống là trắng- kẻ caro đen trắng và xanh tím than có sự phối màu rất trang nhã.

- Là trường ở miền Bắc nên đồng phục trường tôi có bộ mùa hè và mùa đông.

- Đồng phục mùa hè có áo sơ mi trắng( dài tay và cộc tay), áo được may bằng vải cô-tông mềm mại thấm mồ hôi; cổ áo may kiểu Đức, có chân cổ nên quàng khăn đỏ rất đẹp.

+ Áo nam may có túi trước ngực, áo tay ngắn, may suôn, tay dài, cổ tay cài măng- séc.

+ Áo nữ may dài ngang hông không có túi trước ngực và sát người hơn.

- Quần: Nam may ống đứng dài vừa phải, có hai túi bên sườn tiện cho việc để chìa khóa.

- Quần nữ may gọn hơn, hợp với dáng để mặc.

- Đồng phục mùa đông: chỉ thêm một lớp bu-dông, hai lớp rộng khoác ra ngoài áo len, áo vải vùa ấm, vùa gọn gàng, áo nam và áo nữ giống nhau chỉ khác về kích cỡ. Áo kéo khóa kín đến tận cằm , tay áo và gấu áo có may chun rất gọn gàng.

- Thân áo và tay áo màu xanh ở dưới, màu trắng ở trên.

- Điểm chung của đồng phục mùa đông và mùa hè là ở tay áo bên trái gần vai có thêu lô-gô của trường. Lô-gô hình ảnh cách điệu của trang sách rộng mở và ngọn đuốc sáng nổi bật trên nền màu xanh da trời, phía dưới là tên trường có màu đỏ.

- Phù hiệu rất đơn giản nhưng lại là lời nhắc nhở sâu sắc tới học sinh( nhắc nhở cái gì?)

**\* Ý nghĩa**

- Nhà trường quy định tất cả các ngày trong tuần học sinh đều mặc đồng phục,.

- Đồng phục khiến chúng tôi ngăn nắp, gọn gàng hơn chứ không ăn mặc tùy tiện được.

- Đồng phục tạo nên sự bình đẳng: ai cũng mặc giống nhau chỉ khác là ai cẩn thận giữ gìn sạch sẽ hơn thôi.

- Đồng phục rèn cho chúng tôi có ý thức hơn bởi vì nhìn vào đồng phục mọi người biết học sinh đó ở trường nào.

**\* Cách bảo quản**

- Sau mỗi ngày đi học về cần giặt sạch sẽ, phơi khô, gấp ngăn nắp để vào tủ quần áo.

- Khi mặc cần giữ gìn sạch sẽ đặc biệt tránh để mực dây vào áo sẽ khó giặt.

**3.Kết bài**: Nói tóm lại, chúng ta cần nhận thức được những giá trị của chiếc áo đồng phục đem lại. Từ đó trân trọng giữ gìn nó, đó cũng là cách chúng ta thể hiện tình cảm của mình với thầy cô, với mái trường và với những kỷ niệm thân thương.

***Đề 3:*** Giới thiệu quyển sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 1

**Dàn ý chi tiết:**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về quyển sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 1

**2. Thân bài**

\* Hình thức :

- SGK Ngữ văn 8 tập 1 do nhà xuất bản giáo dục phát hành và dưới sự cho phép của bộ Giáo dục và đào tạo.

- Kích thước 17x24cm.

- Cầm cuốn sách trên tay ta có thể nhìn thấy dòng chữ “ Ngữ văn 8 tập 1” nổi bật trên nền màu hồng. Phía góc trên bên trái của cuốn sách là dòng chữ màu đen: Bộ Giáo dục và đào tạo.

- Giữa quyển sách có hình những bông hoa thủy tiên màu vàng, góc dưới cùng bên phải là loogo và tên của nhà xuất bản.

- Lật bìa sau của cuốn sách, ta thấy hình ảnh huân chương Hồ Chí Minh thể hiện chất lượng và uy tín của sách.

\* Nội dung( Cấu tạo)

- Cũng giống như loại sgk khác sgk Ngữ văn 8 tập 1 cũng có phần mục lục giúp cho học sinh dễ dàng tìm các bài học mà mình cần.

- Sách được chia thành 17 bài học, mỗi bài tương ứng với 4 tiết văn một tuần ở trên lớp.

- Cấu trúc mỗi bài được sắp xếp khoa học và hợp lý: phần đầu của mỗi văn bài là khung kết quả cần đạt. Nó dùng để thâu tóm những nội dung mà học sinh cần phải học và nắm chắc. Sau đó là nội dung từng phần của bài, mỗi bài luôn bao gồm đỉu các nội dung văn bản, tiếng việt và tập làm văn. tài liệu Thu Nguyễn

+ Văn bản: Thể loại của văn bản lớp 8 tập 1 là văn bản tự sự và văn bản nhật dụng, ngoài ra còn học một số văn bản thơ giai đoạn 1900-1945.

+ Tiếng việt: Phần Tiếng việt của sgk Ngữ văn 8 tập 1 tiếp tục cung cấp cho học sinh kiến thức về các biện pháp tu từ( nói quá, nói giảm- nói tránh), rèn cách sử dụng từ chính xác, biểu cảm( từ tượng hình, từ tượng thanh, trường từ vựng), phần ngữ pháp giúp các bạn hiểu cấu trúc của câu ghép, công dụng của các laoij dấu câu… đặc biệt là các ví dụ và các bài tập đều được lấy từ các văn bản đã học, giúp học sinh khắc sâu kiến thức và vận dụng tốt.

+ Tập làm văn:

. Tập trung vào hai nội dung cơ bản là văn tự sự và văn thuyết minh.

. Văn tự sự ở lớp 8 yêu cầu cao hơn: học sinh phải biết hóa thân vào nhân vật hoặc kể chuyện theo một ngôi kể mới đồng thời phải biết đưa các yếu tố miêu tả và biểu cảm để bài văn thêm sinh động hơn.

. Văn bản thuyết minh là một thể loại văn bnar mới giúp mở mang kiến thức của học sinh trên nhiều phương diện.

* Ý nghĩa
* Sgk Ngữ văn 8 tập 1giúp ta phát triển các kĩ năng trong cuộc sống:

. Kĩ năng Đọc- hiểu: học sinh đọc văn bản hiểu được nội dung văn bản từ đó nắm được mục đích và ý nghãi mà tác giả muốn phản ánh.

. Kĩ năng viết( tạo lập văn bản)

. Kĩ năng giao tiếp: hằng ngày chúng ta nói chuyện với rất nhiều người nhưng mà nói sao cho lưu loát, nói sao cho có duyên.

* Bồi dưỡng tâm hồn: giúp ta sống tốt hơn, biết cảm nhận của cuộc sống nhiều điều xung quanh, biết yêu thương và chia sẻ, xây dựng cho chúng ta lòng kiên trì và nghị lực để vượt qua thử thách trên đường đời.

\* Sử dụng và bảo quản:

- Thể hiện thái độ đối với sách: luôn mang theo đi học và khong được vứt ở nhà, không vẽ bậy lên sách, không xé sách để làm việc riêng. Chúng ta cần bọc sách cẩn thận để bảo vệ sách không bị ướt, rách, bẩn sách.

- Học tốt môn ngữ văn là cách thể hiện lòng trân trọng đối với nó.

**3. Kết bài:** Cảm nghĩ về quyển sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 1

- Cuốn sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 1 là tài sản của tri thức nhân loại, thấm đượm mồ hôi và công sức của biết bao giáo sư, tiến sĩ, nhà giáo cho những học sinh học tập nên người.

**Tham khảo bài viết:**

Sách là người bạn đồng hành quen thuộc với con người. Trong suốt sự học cả đời của mỗi người, sách chính là trợ thủ đắc lực nhất. Một trong những cuốn sách đến với chúng ta đầu tiên khi còn đi học là sách giáo khoa. Nói về sách giáo khoa, bạn biết gì về sách Ngữ văn 8 tập 1 mà chúng mình vẫn học?

Sách Ngữ Văn 8 – Tập 1 là một trong bộ sách giáo khoa đưa vào giảng dạy chính cho môn Ngữ Văn lớp 8 trong học kỳ một. Nhà xuất bản Giáo dục phát hành sách dưới sự cho phép của Bộ Giáo dục và đào tạo. Sách được tái bản nhiều lần qua các năm để thay đổi phù hợp hơn với chương trình học. Sách ra đời có nội dung hoàn chỉnh phải trải qua nhiều công đoạn công phu. Đó là kết quả nghiên cứu mệt mài của rất nhiều giáo sư, tiến sĩ hàng đầu trong chuyên ngành và sự góp sức của các thầy cô dạn dày kinh nghiệm trên cả nước. Nổi bật trong số đó phải kể đến Nguyễn Khắc Phi (tổng chủ biên), Nguyễn Hoành Khung (Chủ biên phần Văn), Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên phần Tiếng Việt), Trần Đình Sử (Chủ biên phần Tập làm văn)...Chế bản do Công ty cổ phần thiết kế và phát hành sách giáo dục đảm nhận.

Sách gồm 176 trang, được in theo khổ giấy 17 x 24 cm, độ dày gáy 0.5cm. Bên trong sách được in với loại giấy nâu sẫm không phản quang rất thân thiện, dễ nhìn. Bên trong sách bao gồm nội dung của chương trình học và một số hình ảnh minh họa. Các tranh ảnh đều in trắng đen, chủ yếu là các hình vẽ minh họa. Bao bọc lấy cả cuốn sách là bìa. Bìa trước nổi bật dòng chữ Ngữ Văn 8, tập 1 được tô màu xanh dương trên nền bìa hồng phấn. Với kích thước các chữ cái và màu sắc hài hòa, bìa sách dễ gây ấn tượng, phù hợp với tuổi khám phá mộng mơ của lứa tuổi học trò. Thân bìa được trang trí thêm hoa, lá vàng, xanh đầy sinh động. Đầu trang bìa là dòng chữ: Bộ giáo dục và Đào tạo. Bên phải phía cuối bìa là Logo Nhà xuất bản Giáo dục.

Bìa sau của sách có nền trắng đơn giản. Phía trên cùng lần lượt in hình Huân chương Hồ Chí Minh và Vương miện kim cương chất lượng quốc tế, biểu tượng cho tinh thần cao quý của dân tộc và chất lượng sách. Phía dưới in tên các loại sách thuộc các môn học trong chương trình lớp 8 bằng màu đen: Ngữ Văn 8 (tập một, tập hai), Lịch sử 8, Địa lí 8, Giáo dục công dân 8, Âm nhạc và Mĩ thuật 8, Toán 8 (tập một, tập hai),…, Tiếng nước ngoài (Tiếng Anh 8, Tiếng Nga 8…). Góc phải dưới cùng dán tem đảm bảo và giá bán. Góc trái là mã vạch sản phẩm. Cả cuốn sách trang trí đơn giản mà rất sinh động.

Sách Ngữ Văn 8 tập 1 là quyển sách nối tiếp từ[lớp 6](https://download.vn/hoc-tap-lop6), [lớp 7](https://download.vn/hoc-tap-lop7) với hệ thống 17 bài, tương ứng với 17 tuần học. Mỗi bài lại gồm 4 bài nhỏ cung cấp tri thức phong phú, hoàn thiện. Về nội dung, sách có cấu tạo 3 phần gồm Văn bản, Tiếng Việt và làm văn. Ngoài ra còn có phần giới thiệu và phần lí luận văn học.

Phần cơ bản nhất là phần Văn bản, là hệ thống các văn bản văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945, văn bản văn học nước ngoài, văn bản nhật dụng. Văn bản văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945 được lựa chọn các tác phẩm “Tôi đi học” (Thanh Tịnh), “Trong lòng mẹ” (trích “Những ngày thơ ấu” – Nguyên Hồng), “[Lão Hạc](https://download.vn/truyen-ngan-lao-hac-40896)” (trích “Lão Hạc”– Nam Cao), “Tức nước vỡ bờ” (trích “Tắt đèn” – Ngô Tất Tố), “Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác” (Phan Bội Châu), “Đập đá ở Côn Lôn” (Phan Chu Trinh), “Muốn làm thằng cuội” (Tản Đà), “Hai chữ nước nhà” (Trần Tuấn khải). Văn học giai đoạn này ra đời giai đoạn trước Cách mạng tháng 8 nên đó là những câu chuyện về đời sống của nhân dân Việt Nam, khát khao sống và chiến đấu. Mỗi tác phẩm lại có một giá trị riêng, nhưng tổng kết lại nó đều bồi đắp thêm tình yêu thương con người, tình yêu cuộc sống, tinh thần yêu nước cho mỗi học sinh.

Phần văn bản văn học nước ngoài là các tác phẩm xuất sắc của các nhà văn nổi tiếng thế giới, của nền văn học nhân loại như: “Cô bé bán diêm” (Andecxen), “Đánh nhau với cối xay gió” (trích Đôn-ki-hô-tê) – Xecvantec, “[Chiếc lá cuối cùng](https://download.vn/truyen-ngan-chiec-la-cuoi-cung-41062)” (Trích) – O.Henri, “Hai cây phong” (trích “Người thầy đầu tiên”) – Ai-ma-tốp. Đó là những câu chuyện được lựa chọn từ những tác phẩm văn học đồ sộ thế giới mang những màu sắc khác nhau của cuộc sống. Qua nhân vật và câu chuyện của nhân vật, mỗi tác phẩm sẽ gửi gắm một thông điệp riêng, đem đến bài học nhân sinh sâu sắc. Học sinh thấu hiểu, cảm thông và biết trân trọng giá trị con người hơn. Từ đó nghe thấy tiếng nói chung của con người trên khắp thế giới về đấu tranh và bảo vệ quyền sống. tài liệu Thu Nguyễn

Phần văn bản nhật dụng đề cập đến những vấn đề gần gũi, nóng bỏng trong cuộc sống hiện nay như môi trường, tệ nạn xã hội, dân số. Bao gồm: Thông tin về ngày trái đất năm 2000, Ôn dịch thuốc lá, Bài toán dân số. Các văn bản được đưa vào sách với mục đích nâng cao nhận thức cho học sinh về các vấn đề đang xảy ra xung quanh, định hướng hành động thực tiễn cho các em.

Nội dung tiếp theo là phần Tiếng Việt. Cấu trúc phần này gồm: Cấp độ khái quát của từ ngữ, Trường từ vựng, Từ tượng hình – Từ tượng thanh, Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội, Trợ từ – Thán từ, Tình thái từ, Chương trình địa phương (Phần Tiếng Việt), Nói quá, Nói giảm – Nói tránh, Câu ghép, Dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm, Dấu ngoặc kép, Ôn luyện về dấu câu,… Những bài học nối tiếp từ lớp 7 có vai trò nâng cao khả năng về ngôn từ, ngữ pháp cho học sinh để vận dụng vào viết văn là giao tiếp hàng ngày. Đồng thời giúp các em hiểu thêm sự giàu đẹp của tiếng Việt và bồi đắp thêm tình yêu tiếng nói dân tộc.

Ở phần làm văn, học sinh được rèn luyện, củng cố một số kĩ năng tạo lập văn bản như: xây dựng bố cục, xây dựng đoạn văn, liên kết đoạn văn. Chương trình Tập làm văn 8 nâng cao hơn lớp 7 trên nhiều phương diện. Các phương thức biểu đạt được học trước trở thành tiền đề cho phương thức biểu đạt thuyết minh – kỹ năng quan trọng của phần làm văn lớp 8. Thuyết minh không xuất hiện nhiều trong lĩnh vực văn chương nhưng lại hết sức thông dụng trong các lĩnh vực đời sống. Chính vì thế, nó giúp học sinh hình thành và rèn luyện phương pháp thuyết minh một sự vật, hiện tượng trong cuộc sống theo tri thức khoa học chính xác và khách quan. Bên cạnh đó, phần làm văn còn nâng cao kỹ năng kể chuyện, nghị luận về các tác phẩm văn học. Các em sẽ có khả năng thể hiện tình cảm, cảm xúc tốt hơn qua những câu văn. Từ đó hình thành nền tảng ngôn ngữ và lý luận sắc bén Đây cho các bài văn nghị luận văn học khi lên lớp 9.

Sách Ngữ văn lớp 8 có vai trò, tác dụng lớn trong quá trình học tập môn ngữ văn của học sinh. Sách giúp học sinh tiếp cận với những tác phẩm văn học nổi tiếng được truyền qua nhiều thế hệ để thấy được giá trị của nghệ thuật. Học văn, tình cảm được bồi đắp, tâm hồn bay bổng, thanh thản, nhẹ nhàng hơn làm dịu đi những áp lực căng thẳng của cuộc sống. Đặc biệt, sách có ý nghĩa giáo dục to lớn, rèn luyện cho ta nhiều kiến thức trong việc giao tiếp hàng ngày dù là thể hiện dưới mọi hình thức. Bồi đắp thêm những tình cảm, đức tính tốt đẹp như yêu thương và cảm thông với con người. Từ đó biết trân trọng những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống của mình hơn.

“Sách là ngọn đèn bất diệt của trí tuệ”. Sách Ngữ văn 8 tập 1 cũng là một ngọn đèn soi sáng trí tuệ chúng ta. Hãy bảo quản, giữ gìn sách khi sử dụng để có được hành trang cho chặng đường tiếp thu, chiếm lĩnh tri thức.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu :

**Hãy viết một đoạn văn thuyết minh thực trạng gia tăng dân số hiện nay.**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (về nhà làm)**

Bùng nổ dân số đang là vấn đề cấp thiết của nhân loại. Vậy, bùng nổ dân số là gì? Nó có tác động như thế nào tới đời sống của chúng ta? Đây là một khái niệm chỉ sự gia tăng nhanh và đột biến (trên 2.1%) của dân số, xảy ra do tỉ lệ sinh quá cao. Hiện tượng này đã và đang để lại rất nhiều tác động tiêu cực tới các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Trước hết, nó gây nên áp lực lớn tới hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, y tế, giáo dục cũng như phúc lợi xã hội. Đồng thời, khi chưa đủ điều kiện kinh tế, sinh nhiều con sẽ khiến đứa trẻ không được đáp ứng đủ các nhu cầu cần thiết để có thể phát triển toàn diện. Sự bùng nổ dân số cũng kéo theo nhu cầu sử dụng đất, tài nguyên thiên nhiên lớn hơn, gây ra ô nhiễm môi trường, thiếu nước ngọt trầm trọng cũng như gia tăng nguy cơ bùng phát dịch bệnh ở những nơi chất lượng y tế dự phòng chưa cao. Đứng trước hiện trạng này, giải pháp được đặt ra là gì? Đó là thúc đẩy tuyên truyền, vận động về kế hoạch hóa gia đình tới từng hộ ra đình đi đôi với thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân. Còn đối với học sinh việc cần làm là trau dồi kiến thức về bùng nố dân số, tham gia cổ động, vẽ tranh trong các chiến dịch như: “Ngày hội gia đình: Không sinh con thứ ba”… Một khi có sự chung tay của cộng đồng, chúng ta có thể ngăn chặn và giảm thiểu tác động của hiện tượng bùng nổ dân số, hướng tới một cuộc sống tốt đẹp hơn cho tất cả.

**. Đề về nhà: Giới thiệu cái phích nước**

\*Mở bài: Giới thiệu chung về cái phích nước.

\*Thân bài:

+ Nguồn gốc của phích nước:

- Phích nước được nhà vật lý học người Anh Sir james Dewar phát minh vào năm 1892.

- Vào năm 1904, chiếc phích nước xuất hiện đầu tiên ở Đức.

- Hiện nay phích nước được dùng phổ biến trong mọi gia đình.

+ Các loại phích nước.

- Phích có nhiều loại tùy theo kiểu dáng và kích cỡ. Có loại to, loại nhỏ, loại cao, loại thấp. Loại to có thể chứa 2,5 lít nước, loại nhỏ có thể chứa 0,5 lít nước.

+ Cấu tạo của phích nước.

-Vỏ phích được làm bằng nhựa hoặc sắt và được trang trí nhiều màu sắc với các hình thù khác nhau.

- Thân phích được làm bằng nhựa, phích thông thường có chiều cao khoảng 50cm.

- Quai phích thường có chất liệu cùng với vỏ phích.

-Tay cầm được gắn vào thân phích thường được làm bằng chất liệu cùng với vỏ phích.

- Nút phích được làm bằng chất liệu giữ nhiệt như bấc hoặc nhựa. Nút được dùng để giữ nhiệt và giúp an toàn khi chứa nước sôi.

- Ruột phích được cấu tạo bởi hai lớp thủy tinh, ở giữa là khoảng chân không. Có núm nhỏ. Lòng phích tráng bạc có tác dụng ngăn sự truyền nhiệt ra ngoài và giữ cho nước trong phích luôn nóng.

+ Công dụng của phích nước: Phích được dùng chủ yếu để giữ cho nước luôn nóng trong thời gian nhất định. Tuy nhiên cũng có loại phích có công dụng giữ cho nước luôn lạnh.

+ Cách sử dụng và bảo quản phích nước.

- Cần rửa sạch phích nước khi sử dụng lần đầu tiên.

- Khi mới dùng, cần ngâm nước ấm khoảng 30 phút cho bền. Vì nếu đổ nước nóng vào ngay sẽ dễ bị nứt hoặc vỡ.

- Khi dùng, bên trong phích thường bị bám bẩn, có thể lấy nước dấm lắc nhẹ, tráng cho sạch.

- Tránh va đập mạnh.

- Để xa tầm tay trẻ em.

\*Kết bài: Cảm nghĩ của em về cái phích nước.

Gv củng cố, dặn dò: Luyện viết bài, soạn buổi 13.

Ngày soạn T2/3/1/2022

Ngày dạy : T5/6/1/2022 Buổi 13

**ÔN LUYỆN CÂU GHÉP**

**I. MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Khắc sâu kiến thức về: nói quá, nói giảm, nói tránh, câu ghép.

- Rèn kĩ năng nhận diện các phép nói quá nói giảm, nói tránh và phân tích giá trị nghệ thuật.

- Rèn kĩ năng làm bài tập phân tích cấu tạo ngữ pháp, phân tích mối quan hệ giữa các vế của câu ghép.

- Vận dụng các biện pháp nghệ thuật , câu ghép vào tạo lập văn bản.

- Chủ động ôn tập kiến thức.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào việc tạo lập văn bản.

- Năng lực: tự chủ, tự học, năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo, năng lực nghe, nói, đọc viết.

- Phẩm chất: tự trọng, trung thực, chăm chỉ, tự tin, có tinh thần vượt khó.

**II. CHUẨN BỊ**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, giáo án, tài liệu.

- Học sinh: Sách, vở ghi, ôn tập kiến thức.

**III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

**b.Tổ chức thực hiện: Gv kiểm tra kiến thức: yêu cầu h/s thảo luận nhóm bàn**

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ. H/s dùng kĩ thuật động não, làm việc theo nhóm**

C1Khái niệm câu ghép:

C2.Các cách nối các vế câu ghép

C3.Vẽ sơ đồ tư duy các cách nối các vế câu ghép?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

h/s làm việc theo nhóm

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, đánh giá

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**1.Mục tiêu:** H/s nắm những kiến thức cơ bản về văn biểu cảm, các cách biểu cảm, đặc điểm, dạng đề văn biểu cảm và cách làm bài văn biểu cảm.

**2 .Tổ chức thực hiện**: H/s ghi những kiến thức cơ bản

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

**I/ Cấu tạo của câu**

*- Câu là sản phẩm được tạo ra trong quá trình giao tiếp. Câu là tập hợp những từ ngữ có sẵn. Câu được tạo ra một cách lâm thời trong từng ngữ cảnh. Vì thế câu có mối quan hệ mật thiết với ngữ cảnh.*

Ví dụ: GV lấy ví dụ và phân tích để hs hiểu.

Cô xin lỗi các em vì cô đã đến muộn khiến các em phải đợi.

Câu này được cô giáo nói ngay khi cô đến lớp và chỉ khi cô đến trễ giờ thì cô mới nói.

*- Câu thường có cấu tạo gồm 2 thành phần chính:*

+ chủ ngữ: nêu đối tượng

+ Vị ngữ: nêu đặc điểm, tính chất, hoạt động, trạng thái, ... của đối tượng được nêu ở chủ ngữ

**VD:**

Cả nhà/ mong con thế

Con/ chả biết được đâu

Mẹ/ ghi lại mai sau

Lớn lên rồi con/ đọc.

Chủ ngữ là những đối tượng : cả nhà, con, mẹ, con. Còn vị ngữ nêu những hoạt động( ghi, đọc), trạng thái( mong, chả biết) của những đối tượng đã nêu ở chủ ngữ.

II.Phân loại câu:

*- Câu được phân loại thành:*

+ Câu đơn: có 1 cụm c-v làm nòng cốt.

**VD:** Cô ấy/ hát.

**+ Câu ghép**: có từ 2 cụm c- v trở lên, trong đó các cụm c-v không bao chứa nhau. Mỗi cụm c-v được coi là 1 vế câu.

**VD**: Cô ấy/ hát rất hay// làm xua tan bao mệt nhọc của mọi người.

-> câu này có 1 cụm c-v làm nòng cốt, còn 1 cụm c-v làm thành phần chủ ngữ của cụm c-v làm nòng cốt đó.( các cụm c-v bao chứa nhau).

**VD**: Cô ấy/ hát rất hay,// bao nhiêu mệt nhọc của mọi người// được xua tan.

-> Câu có 2 cụm c-v tách rời nhau, các cụm c-v không bao chứa nhau.

-> câu ghép.

**VD**: Cô giáo giảng bài, học sinh chăm chú ghi chép.

***- Cách nối các vế trong câu ghép: 2 cách***

+ Dùng từ ngữ có tác dụng nối.

1. Nối bằng 1 quan hệ từ(và, nhưng, rồi, còn, vì, nên, giá như, tuy, để,...)

**VD:** Tôi đi học còn nó ở nhà.

2. Nối bằng 1 cặp qht( vì... nên, tuy...nhưng, nếu...thì,...)

**VD:** Bởi tôi muốn học giỏi nên tôi rất chăm chỉ.

3. Nối bằng cặp phó từ(vừa... vừa..., càng...càng..., không những...mà còn..., chưa...đã..., vừa mới... đã...)

**VD:** Mọi người chưa ăn nó đã ăn rồi.

Nó càng khóc to anh càng ra sức dỗ dành.

4. Nối bằng cặp đại từ( ai... nấy...,nào...ấy, sao...vậy, bao nhiêu... bấy nhiêu,...)

**VD:** Mẹ mua bao nhiêu thì bọn trẻ ăn hết bấy nhiêu.

Anh đi đâu tôi đi theo đó.

+ Không dùng từ nối: trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu 2 chấm hoặc dấu chấm phẩy để ngăn cách.

VD: Tôi im lặng cúi đầu xuống đất: lòng tôi càng thắt lại, khóe mắt tôi đã cay cay.

***- Các vế câu có quan hệ ý nghĩa với nhau khá chặt chẽ về cả ý nghĩa và về ngữ pháp( quan hệ ngữ nghĩa).***

1. Quan hệ bổ sung hoặc đồng thời( thường dùng qht "và")

VD: Nó cười và tôi cũng cười.

2. Quan hệ nối tiếp

VD: Mây đen kéo đến rồi trời đổ mưa như trút.

3. Quan hệ tương phản hay nghịch đối( mà, còn,...)

VD: Tôi đến mà anh đi vắng.

Mẹ nói thế con còn không nghe.

4. Qh nguyên nhân- kq( vì... nên..., bởi... nên..., tại... nên..., do... nên...,..)

VD:Vì cô giáo ốm nên cả lớp phải nghỉ học.

5. Qh điều kiện- kết quả( nếu, hễ, giá... thì...)

VD: Giá trời nắng thì đống thóc đã được phơi khô.

5. QH nhượng bộ( Tuy.... nhưng..., Mặc dầu... nhưng...,....)

VD: Tuy Nam học giỏi nhưng cậu ấy không hề tự mãn.

6. Qh tăng tiến( Chẳng những... mà còn(mà)..., không chỉ... mà còn(mà)...,...)

VD: Bạn Hoa không chỉ học giỏi mà bạn ấy còn rất ngoan ngoãn.

Chẳng những thái ấp của ta không còn mà bổng lộc các ngươi cũng mất.

***\* Với những câu không sử dụng qht để nối thì cần dựa vào hoàn cảnh gt cụ thể.***

VD: Mặt trời dần xuống thấp, từng đàn chim bay về tổ.

-> Qh nguyên nhân- kết quả.

1. **Dùng từ có tác dụng nối:**

-**Nối bằng một quan hệ từ** (Kiểu nối này quan hệ từ nằm giữa các vế câu)

+ Quan hệ từ “và” thường chỉ quan hệ bổ sung hoặc đồng thời. Quan hệ từ “rồi” thường chỉ quan hệ nối tiếp

**Ví dụ:**

*Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm.*

(Nam Cao)

*Cuối cùng, mây tan và mưa tạnh*

*Trời nổi gió rồi một cơn mưa ập đến*

+ Các từ *mà, còn, chứ, nhưng, song, …* chỉ quan hệ tương phản hay nghịch đối

**Ví dụ:**

*Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi* (Nam Cao)

*Mọi người đi hết cả còn tôi vẫn ở lại*

+ Các từ *hay, hay là, hoặc, hoặc là* thường dùng để chỉ quan hệ lựa chọn

**Ví dụ:**

*Mình đọc hay tôi đọc?* (Nam Cao)

**Nối bằng cặp quan hệ từ chỉ nguyên nhân (vì…nên), điều kiện (nếu…thì…), nhượng bộ (tuy…nhưng)…**

**Ví dụ:**

*-Nếu bà con đi làm thì thật con tôi chết oan.* (Võ Huy Tâm)

*-Vì trời mưa to nên đường ngập nước.*

**-Nối bằng cặp phó từ hay đại từ:**

Sự hô ứng giữa các vế trong câu ghép thương nhờ vào cặp phó từ hay đại từ như: *càng…càng, chưa…đã, có … mới, ai…nấy, bao nhiêu…bấy nhiêu…*

**Ví dụ**: *Người ta vừa mở miệng nói, anh đã cắt ngang.*

*Bạn Hoa càng nói mọi người càng chú ý.*

*-Mọi người đóng góp bao nhiêu tôi đóng góp bấy nhiêu.*

1. **Không dùng từ nối:**

Khi không sử dụng từ nối, các vế câu thường ngăn cách nhau bởi dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.

**Ví dụ:**

*Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.*

(Ngô Tất Tố)

*-Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào…* (Nam Cao)

-*Tôi lại im lặng cúi đầu xuống đất: lòng tôi càng thắt lại, khóe mắt tôi đã cay cay* (Nguyên Hồng)

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b) Tổ chức thực hiện:**

Bước **1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Bài tập 1:

**Đọc mẩu chuyện sau và thực hiện các yêu cầu:**

**CÂU CHUYỆN VỀ CHIM ÉN VÀ DẾ MÈN**  
 *Mùa xuân đến đất trời thật đẹp. Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang , hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời. Dế Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị : hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên.* ***Mây nồng nàn , đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi.*** *Dế Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man Mèn ta chợt nghĩ bụng: “Ơ hay, việc gì ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ . Sao ta không quẳng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không ?”. Nghĩ là làm, Mèn há mồm ra. Và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.* (Theo *Quà tặng cuộc sống*)

**Câu 1**: Xác định phương thức biểu đạt chính.

**Câu 2**: Xác định chủ ngữ, vị ngữ của câu in đậm.

**Câu 3:** Dựa vào đặc điểm cấu tạo, câu trên thuộc kiểu câu gì ?

**Câu 4:** Bài học rút ra từ câu chuyện trên.

BT2/ Các vế câu trong những câu ghép dưới đây được nối với nhau bằng cách nào và có quan hệ ý nghĩa ra sao?

a/ Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc.

b/ Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi.

c/ Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi.

d/ Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi , chửi mắng thôi à!

***3/ Trong các câu ghép sau đây, các vế liên kết với nhau bằng phương tiện gì? Trật tự các vế câu trong các câu ghép đó có thay đổi được không? Tại sao?***

a/ Sáng ngày người ta đánh trói thầy dần như thế, Dần có thương không?

b/ Nếu con chưa đi, cụ nghị chưa giao tiền cho, u chưa có tiền nộp sưu thì không khéo thầy con sẽ chết ở đình, chứ không sống được.

c/ Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên.

d./ Không những anh ấy làm nhiều mà anh ấy còn làm tốt nữa.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s làm bài

B3: Báo cáo, thảo luận

H/s trình bày

**B4.Kết luận, nhận định**

**BT1.**

|  |
| --- |
| Phương thức biểu đạt chính : Tự sự |
| ***Mây nồng nàn , đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi.***  *CN1 VN1 CN2 VN2 CN3 VN3* |
| Câu Ghép |
| Bài học: Không nên quá ảo tưởng về bản thân mình, nó sẽ khiến con người có cái nhìn sai lệch về vị trí của bản thân. Đồng thời không nên sống quá ích kỉ,toan tính. Hãy biết hợp tác và sẻ chia, nếu biết hợp tác và sẻ chia thì tất cả mọi người cùng có lợi. (HS có thể có cách diễn đạt khác nhưng hợp lí thì vẫn chấp nhận) |

Bt2.

-> **BL:**

a/ Các vế được nối với nhau bằng dấu phẩy.

Quan hệ ý nghĩa giữa các vế là quan hệ đồng thời.

b/ Các vế được nối với nhau bằng quan hệ từ.

Quan hệ ý nghĩa giữa các vế là quan hệ nguyên nhân.

c/ Các vế được nối với nhau bằng dấu phẩy.

Quan hệ ý nghĩa giữa các vế là quan hệ nối tiếp.

d/ Các vế được nối với nhau bằng dấu phẩy, qht.

Quan hệ ý nghĩa giữa các vế là quan hệ nối tiếp.

***3/ Trong các câu ghép sau đây, các vế liên kết với nhau bằng phương tiện gì? Trật tự các vế câu trong các câu ghép đó có thay đổi được không? Tại sao?***

a/ Sáng ngày người ta đánh trói thầy dần như thế, Dần có thương không?

b/ Nếu con chưa đi, cụ nghị chưa giao tiền cho, u chưa có tiền nộp sưu thì không khéo thầy con sẽ chết ở đình, chứ không sống được.

c/ Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên.

d./ Không những anh ấy làm nhiều mà anh ấy còn làm tốt nữa.

**-> BL:**

a/ Các vế được nối với nhau bằng dấu phẩy.

b/ Các vế được nối với nhau bằng cặp quan hệ từ.

c/ Các vế được nối với nhau bằng qht.

d/ Các vế được nối với nhau bằng cặp quan hệ từ chỉ ý tăng tiến.

\* Trật tự các vế câu trong các câu ghép đó không thay đổi được. Vì: Nội dung các sự việc nêu trong các vế câu được sắp xếp theo trình tự trước sau theo trình tự thời gian.

Xác định câu ghép và trong đoạn văn sau và cho biết các vế câu trong mỗi câu ghép đó được nối với nhau bằng cách nào?

(1) *Tôi lắng nghe tiếng hai cây phong rì rào, tim đập rộn ràng vì thảng thốt và vui sướng,****rồi****trong tiếng xào xạc không ngớt ấy, tôi cố tình hình dung ra những miền xa lạ kia. (2) Thuở ấy có một điều tôi chưa hề nghĩ đến: ai là người trồng hai cây phong trên đồi này?(3) Người vô danh ấy đã có ước mơ gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất, người ấy đã ấp ủ những niềm hi vọng gì khi vun xới chúng nơi đây, trên đỉnh đồi cao này?*

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Câu ghép có 3 vế câu và chúng được ngăn cách với nhau bằng dấu phẩy và quan hệ từ “rồi”.

**Câu 2:** Câu ghép có 2 vế được nối với nhau bởi dấu hai chấm.

**Câu 3:** Câu ghép với 2 vế câu và được phân cách với nhau bởi dấu phẩy.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (nếu k có thời gian gv có thể yêu cầu về nhà)**

Đọc kĩ đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*Giữa năm 2015, bà Lê Thị Thảo, mẹ của Hòa, quyết định tặng thận…*

*[…] Tháng 3-2016, Hòa lên bàn mổ để tặng một quả thận cho một người phụ nữ trạc tuổi mẹ mình. Người được nhận thận quê ở Hà Nam, đã bị suy thận nhiều năm và cần được ghép thận để tiếp tục được sống.*

*[…] Để tặng được quả thận, từ khi quyết định hiến tặng đến khi lên bàn mổ, bà Thảo đã phải hơn 10 lần một mình một xe máy từ Bắc Ninh ra bệnh viện Việt Đức ở Hà Nội để làm các xét nghiệm. Con gái bà Thảo cũng vậy, và cuối năm 2016 khi mẹ con bà được mời lên truyền hình để nói về ý nghĩa của việc hiến tặng mô tạng, hai mẹ con lại chở nhau bằng xe máy từ Bắc Ninh lên Hà Nội rồi vội vã trở về ngay trong đêm… Nếu có ai hỏi về chuyện hiến thận đã qua, bà chỉ phẩy tay cười: “Cứ nghĩ bình thường đi, bình thường với nhau đi, bây giờ tôi chẳng đang rất khỏe là gì…”*

*Và nhờ cái “bình thường” của mẹ con bà Thảo, giờ đây có thêm hai gia đình được hạnh phúc vì người thân của họ được khỏe mạnh trở lại. Ở Bắc Ninh, gia đình bà Thảo cũng đang rất vui vẻ. Nỗi đau đớn của ca đại phẫu thuật đã qua đi, giờ đây trên bụng hai mẹ con là hai vết sẹo dài, như chứng nhân về quyết định rất đỗi lạ lùng, về việc sẵn sàng cho đi mà không băn khoăn một phần thân thể của mình.*

*Có lẽ bạn đọc nghĩ rằng đó là hai con người kì lạ, nhưng khi gặp họ và trò chuyện, chúng tôi mới thấy mẹ con bà Thảo không kì lạ chút nào, họ chỉ muốn tặng quà một cách vô tư để nhận lại một thứ hạnh phúc tinh thần nào đó mà tôi không thể nào định danh được!*

(Trích ***Hai mẹ con cùng hiến thận***, Lan Anh, Báo *Tuổi trẻ*, ngày 31/5/2018)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

H/s thực hiện làm ở lớp (nếu k có thời gian thì về nhà)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

H/s trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

**Sản phẩm dự kiến**

**Câu 1:**

Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2:**

Chỉ ra lời dẫn trực tiếp được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 3:**

*Nỗi đau đớn của ca đại phẫu thuật đã qua đi, giờ đây trên bụng hai mẹ con là hai vết sẹo dài, như chứng nhân về quyết định rất đỗi lạ lùng, về việc sẵn sàng cho đi mà không băn khoăn một phần thân thể của mình.*

a. Xét về mặt cấu trúc, câu trên thuộc kiểu câu gì?

b. Xác định và nêu tác dụng của phép tu từ được sử dụng trong câu trên.

**Câu 1:**

Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2:**

Lời dẫn trực tiếp được sử dụng trong đoạn trích: *“Cứ nghĩ bình thường đi, bình thường với nhau đi, bây giờ tôi chẳng đang rất khỏe là gì…”*

**Câu 3:**

a. Câu ghép

b. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn trên là biện pháp so sánh. *Hai vết sẹo dài*trên bụng hai mẹ con (bà Thảo và Hòa) được so sánh*như chứng nhân về quyết định rất đỗi lạ lùng, về việc sẵn sàng cho đi mà không băn khoăn một phần thân thể của mình.*

- Tác dụng của biện pháp so sánh:

+ Khẳng định giá trị của những vết thương mà hai mẹ con phải chịu đựng.

+ Hai vết sẹo ấy là bằng chứng sáng rõ nhất của tinh thần làm việc thiện, sẵn sàng cho đi một phần thân thể của mình mà không cần đáp lại.

⟹ Khẳng định tinh thần hiến dâng, biết sống vì người khác của hai mẹ con.

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, em hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ theo cách lập luận tổng – phân – hợp bàn về tâm niệm của Trịnh Công Sơn “Sống trong đời sống cần có một tấm lòng”. Trong đó sử dụng ít nhất hai phép liên kết. (Gọi tên và xác định từ ngữ liên kết)

\* Yêu cầu về nội dung:

Đoạn văn đảm bảo các nội dung chính sau:

- Giải thích: “tấm lòng” là những tình cảm tốt đẹp, đáng trân trọng ở con người. Trịnh Công Sơn muốn khẳng định sống trong đời sống, mỗi người cần có một tấm lòng biết quan tâm, yêu thương, biết dành những điều tốt đẹp cho người khác.

- Vì mỗi người chỉ được sống có một lần trong cuộc đời, và “người với người sống để yêu nhau” nên phải dành tất cả những gì tốt đẹp cho mọi người xung quanh thì mới làm cho cuộc sống đẹp hơn, đáng sống hơn.

- Biểu hiện của việc sống có tấm lòng:

+ Tấm lòng trong cuộc sống để biết cảm thông và chia sẻ: biết sẻ chia, chúng ta nhân đôi niềm vui, chia vợi nửa nỗi buồn. Khi con người biết quan tâm đến nhau, thế giới sẽ không còn khổ đau và bất hạnh.

+ Tấm lòng trong cuộc sống để biết tha thứ và bao dung, để không có sự ích kỉ, hận thù, để xây dựng cuộc sống hòa bình, ấm êm.

+ Tấm lòng của sự dũng cảm, của đức hi sinh: Dũng cảm để xả thân vì lí tưởng cao đẹp, để biết hi sinh cho những điều xứng đáng.

- Tuy nhiên, trong cuộc sống ngày nay, vẫn không ít người thiếu những “tấm lòng”, sống nhỏ nhen, chỉ biết vun vén cho bản thân.

- Bài học hành động và liên hệ bản thân: không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức, nuôi dưỡng tâm hồn, tấm lòng để biết sống vì người khác, biết cho đi.

Gv dặn dò : về nhà học và làm bài, soạn B14.

Ngày soạn T7/8/1/2022

Ngày dạy T2/10/1/2022 Buổi 14

**ÔN TẬP VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

***1. Kiến thức*:**

- Thấy được ý nghĩa to lớn của việc bảo vệ môi trường. Từ đó có những suy nghĩ và hành động tích cực về vấn đề xử lí rác thải sinh hoạt.

- Thấy được tính thuyết phục trong cách thuyết minh và những kiến nghị mà tác giả đề xuất trong văn bản.

***2. Kĩ năng***:

- Tích hợp với phần tập làm văn để tập viết đoạn văn nghị luận, bài văn thuyết minh.

- Đọc – hiểu một văn bản nhật dụng đề cập đến một vấn đề xã hội bức thiết.

***3. Thái độ*:**

- Giúp học sinh có những suy nghĩ tích cực về các việc tương tự trong vấn đề xử lí rác thải sinh hoạt, một vấn đề vào loại khó giải quyết nhất trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

***4. Năng lực phát triển*.**

***a. Các năng lực chung***.

- Năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụngngôn ngữ, tư duy sáng tạo

***b. Các năng lực chuyên biệt.***

- Năng lực tìm kiếm,tổ chức, xử lí thông tin.

- Năng lực tiếp nhận văn bản

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Gv: Soạn bài, phiếu học tập**

**2.H/s: Ôn bài : Ôn dịch thuốc lá, Bài toán dân số**

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**Hoạt động 1: Khởi động**

a.Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

b. Tổ chức thực hiện: làm việc theo nhóm, mỗi nhóm một văn bản.

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv yêu cầu 2 nhóm trả lời câu hỏi .

**Nhóm 1 : Văn bản Ôn dịch thuốc lá**

C1.Nêu hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm (nêu hoàn cảnh sáng tác, kiểu văn bản, bố cục).

C2.Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản Ôn dịch thuốc lá?

**Nhóm 2: Văn bản Bài Toán dân số**

C1.Nêu hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm (nêu hoàn cảnh sáng tác, kiểu văn bản, bố cục).

C2.Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản Bài Toán dân số?

**Nhóm 3: Văn bản Thông tin về ngày trái đất năm 2000**

C1.Nêu hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm (nêu hoàn cảnh sáng tác, kiểu văn bản, bố cục).

C2.Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản Bài Toán dân số?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s nghe hướng dẫn, trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

H/s trả lời, giáo viên lắng nghe, gọi h/s khác bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Gv nhận xét, đánh giá , chốt.**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a.Mục tiêu:** Giúp h/s củng cố tác giả, tác phẩm, nội dung, nghệ thuật của 2 văn bản nhật dụng.

**b.Tổ chức thực hiện**

**Sản phẩm dự kiến.**

1. **Văn bản: Ôn dịch thuốc lá**

**1, Tác giả:**

- Nguyễn Khắc Viện : ông sinh năm 1913, mất năm 1997

- Quê quán : làng Gôi Vị, nay là xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác :

   + Là bác sĩ nhi khoa, một nhà nghiên cứu văn hóa và tâm lí- y học

   + Năm 1937, ông sang Pháp học tại Đại học Y khoa Pari, nhưng mắc bệnh lao nên phải điều trị

 + Năm 1947 ông hồi phục và trở lại Pari, ông là cầu nối quảng bá văn hóa Việt Namra thế giới.

   + Năm 1997, Nhà nước Việt Nam trao tặng cho ông Huân chương Độc lập hạng nhất

   + Những tác phẩm tiêu biểu : Lịch sử Việt Nam, Kinh nghiệm Việt Nam, Truyện Kiều (dịch ra tiếng Pháp)…

- Phong cách sáng tác: Ông thường xuyên viết những tác phẩm giới thiệu về Việt Nam, phê phán chủ nghĩa thực dân.

**2. Văn bản**

**a. Hoàn cảnh sáng tác:**  Ôn dịch, thuốc lá là bài viết của tác giả Nguyễn Khắc Viện trích trong Từ thuốc lá đến ma túy- Bệnh nghiện (NXB Giáo dục, Hà Nội, 1992)

**b. Kiểu văn bản:** Nhật dụng.

**c. Bố cục:**

- Phần 1: (Từ đầu đến “nặng hơn cả AIDS”): nêu lên vấn đề và sự nghiêm trọng của vấn đề: nạn nghiện thuốc lá

- Phần 2: (Từ tiếp đến “con đường phạm pháp”): Tác hại của thuốc lá

- Phần 3: Còn lại: Lời kêu gọi chống thuốc lá

**d. Giá trị nghệ thuật:**  Cách lập luận vô cùng chặt chẽ, cụ thể thuyết phục với lối văn viết giàu nhiệt huyết đã tạo nên hiệu quả cho văn bản.

**e. Giá trị nội dung:**   Văn bản đề cập tới nạn nghiện thuốc lá: Với những phân tích thấu đáo, tác giả đã chỉ ra nhiều tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe và tín mạng mỗi người. Nghiện thuốc lá còn ghê gớm hơn cả ôn dịch, muốn chống lại nó chúng ta phải quyết tâm bảo và có những biện pháp triệt để hơn là phòng chống ôn dịch tài liệu Thu Nguyễn

**II.Văn bản: Bài toán dân số**

**1, Tác giả: Thái An**

**2. Văn bản:**

**a. Hoàn cảnh sáng tác:** Trích từ báo Giáo dục và thời đại Chủ nhật,số 28

**b. Kiểu văn bản và phương thức biểu đạt:**

**- Kiểu văn bản:** Văn nhật dụng

- PTBĐ: Lập luận kết hợp với TS, TM, BC

**c. Bố cục:**

+ Phần 1 (từ đầu… sáng mắt ra): bài toán dân số được đặt ra từ thời cổ đại

   + Phần 2 (tiếp… sang ô thứ 34 của bàn cờ): tốc độ gia tăng nhanh chóng dân số thế giới

   + Phần 3 (còn lại): tìm kiếm lời giải cho bài toán dân số.

**d.Giá trị nghệ thuật:**

- Sử dụng kết hợp các phương pháp so sánh, dùng số liệu, phân tích

- Lập luận chặt chẽ

- Ngôn ngữ khoa học, giàu sức thuyết phục.

**e. Giá trị nội dung:**  Chủ đề bao trùm mà văn bản muốn làm nổi bật là thế giới đang đứng trước nguy cơ bùng nổ dân số quá nhanh. Đó là hiểm họa cần phải báo động vì đó là con đường “tồn tại hay không tồn tại” của chính loài người.

**III.Văn bản: Thông tin về ngày trái đất năm 2000**

**1, Tác giả: Thái An**

**2. Văn bản:**

**a. Hoàn cảnh sáng tác:** Ngày 22/4/2000, nhân lần đầu tiên Việt Nam tham gia Ngày Trái Đất.

**b.**

**- Kiểu văn bản:** Nhật dụng

**- Phương thức biểu đạt:** Nghị luận trình bày dưới dạng thuyết minh

**c. Bố cục:**

**+ Phần 1:**+ P1: Từ đầu...-> 1 ngày không sử dụng bao bì ni lông.

( Nguyên nhân ra đời của bản thông điệp)

**+ Phần 2: Tiếp theo-> “**Môi trường”.

( Tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông và 1 số giải pháp nhằm ngăn chặn nó).

**+ Phần 3:** Còn lại

( Lời kêu gọi: “1 ngày...ni lông”)

**d. Giá trị nghệ thuật:**

* Bố cục mạch lạc, chặt chẽ
* Lời lẽ ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ

**e. Giá trị nội dung:**

* Tác hại của việc dùng bao bì ni lông
* Ích lợi của việc giảm bớt chất thải ni lông.

**Hoạt động 3 : Luyện tập**

a) Mục tiêu: Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Luyện đề đọc hiểu :

**I.Văn bản Ôn dịch thuốc lá**

**Bài tập 1**: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

*Dịch hạch, thổ tả, hàng vạn, hàng chiệu người chết, nhờ tiến bộ y học, loài người hầu như đã diệt trừ được những dịch khủng khiếp ấy. Nhưng vào cuối thế kỉ này lại xuất hiện ôn dịch khác.*

*Cả thế giới đang đang lo âu về nạn AIDS, chưa tìm ra giải pháp, thì nhiều nhà bác học sau mấy chục năm và hơn năm vạn công trình nghiên cứu đã lớn tiếng báo động:*

*Ôn dịch thuốc lá đe dọa sức khỏe và tính mạng loài người còn nặng hơn cả AIDS. Ngày trước Trần Hưng Đạo căn dặn nhà vua: “Nếu giặc đánh như vũ bão thì không đáng sợ, đáng sợ là giặc gặm nhấm như tằm ăn dâu”.*

*Hẳn rằng người hút thuốc lá không lăn đùng ra chết, không say bê bết như người uống rượu.* tài liệu Thu Nguyễn

*Khói thuốc lá chứa nhiều chất độc, thấm vào cơ thể. Nạn nhân đầu tiên là những lông rung của những tế bào niêm mạc ở vòm họng, ở phế quản, ở nang phổi bị chất hắc ín trong khói thuốc lá làm tê liệt. Các lông mao này có chức năng quét dọn bụi bặm và các vi khuẩn theo luồng không khí tràn vào phế quản và phổi; khi các lông mao ngừng hoạt động, bụi và vi khuẩn không được đẩy ra ngoài, tích tụ lại gây ho hen và sau nhiều năm gây viêm phế quản.*

(Ngữ văn 8, tập Một, NXB Giáo dục - 2015, tr.118, 119).

**Câu 1.** Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào? Tác giả là ai? Phương thức biểu đạt của văn bản đó là gì?

**Câu 2.** Giải thích ý nghĩa nhan đề của văn bản?

**Câu 3.** Nêu nội dung chính của đoạn trích trên?

**Câu 4.** Chỉ ra và nêu tác dụng của phép so sánh trong đoạn văn trên?

**Câu 5.** Phân tích cấu trúc ngữ pháp và xác định kiểu câu sau:

*Các lông mao này có chức năng quét dọn bụi bặm và các vi khuẩn theo luồng không khí tràn vào phế quản và phổi; khi các lông mao ngừng hoạt động, bụi và vi khuẩn không được đẩy ra ngoài, tích tụ lại gây ho hen và sau nhiều năm gây viêm phế quản.* tài liệu Thu Nguyễn

**Câu 6.** Dựa vào đoạn trích trên, hãy viết đoạn văn ngắn khoảng 10-12 câu làm rõ những tác hại của thuốc lá đối với đời sống con người. Đoạn văn sử dụng *câu ghép* và *trợ từ* (gạch chân, chú thích)

**Câu 7.** Em hãy đề xuất một số giải pháp có tính khả thi để loại bỏ thuốc lá trong cộng đồng, đặc biệt là trong trường học ở nước ta.

**Bài tập 2**: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

*Tỉ lệ thanh thiếu niên hút thuốc lá ở các thành phố lớn nước ta ngang với tỉ lệ các thành phố Âu-Mĩ. Chỉ có khác là với một thanh niên Mĩ, 1 đô la mua được một bao thuốc lá là một khoản tiền nhỏ, còn đối với một thiếu niên Việt Nam, muốn có 15 000 mua một bao 555 – vì đã hút là phải hút thuốc sang – chỉ có một cách là trộm cắp. Trộm một lần, quen tay. Từ điếu thuốc sang cốc bia rồi đến ma túy, con đường phạm pháp thực ra đã mở đầu với điếu thuốc.*

(*Ôn dịch, thuốc lá –* Nguyễn Khắc Viện)

a. Vấn đề mà tác giả muốn đề cập đến trong đoạn văn trên là gì?

b. Chỉ ra câu chủ đề của đoạn văn?

c. Dấu gạch ngang trong câu sau có tác dụng gì: *Chỉ có khác là với một thanh niên Mĩ, 1 đô la mua được một bao thuốc lá là một khoản tiền nhỏ, còn đối với một thiếu niên Việt Nam, muốn có 15 000 mua một bao 555 – vì đã hút là phải hút thuốc sang – chỉ có một cách là trộm cắp.*

d. Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn ở câu hỏi (c) và cho biết câu văn đó thuộc kiểu câu nào?

e. Viết đoạn văn khoảng (5-7 câu) ghi lại suy nghĩ của em về hiện tượng hút thuốc lá ở một số bạn học hiện nay. Trong đoạn văn có sử dụng câu ghép

II.Văn bản Bài toán dân số:

Bài tập 1: Viết đoạn văn từ 15 đến 20 câu trình bày suy nghĩ của em về vấn đề gia tăng dân số ở nước ta hiện nay (thực trạng, hậu quả và giải pháp hạn chế sự gia tăng dân số).

Bài tập 2: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

*Có người cho rằng: Bài toán dân số đã được đặt ra từ thời cổ đại. Lúc đầu tôi không tin điều này. Bởi vì vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình chỉ mới được đặt ra vài chục năm nay. Còn nói từ thời cổ đại tức là chuyện của dăm bảy ngàn năm về trước. Độ chênh về thời gian ấy, ai mà tin được! Thế mà nghe xong câu chuyện này, qua một thoáng liên tưởng, tôi bỗng “sáng mắt ra”.*

*Đó là câu chuyện từ một bài toán cổ, kể về việc kén rể của nhà thông thái. Nhà thông thái nọ có một cô con gái rất đẹp. Đến tuổi cập kê, cô gái cần tuyển một đấng phu quân. Rất nhiều chàng trai đến dự thi. Được làm rể nhà thông thái là điều vô cùng hấp dẫn, nhất là đối với con cái của những nhà giàu có. Nhà thông thái đưa ra một bàn cờ tướng gồm 64 ô. Ông yêu cầu các chàng trai thực hiện theo điều kiện sau: đặt một hạt thóc vào ô thứ nhất; ô thứ hai đặt hai hạt thóc; và các ô tiếp theo số thóc cứ thế nhân đôi. Ai đủ số thóc theo yêu cầu của bài toán thì sẽ là chồng cô gái. Ban đầu ai cũng tưởng có gì mà không đủ. Nhưng rồi kết cục… không chàng trai nào đủ thóc để lấy được cô gái. Số thóc được tính ra theo bài toán cấp số nhân ấy, nhiều đến mức có thể phủ khắp bề mặt trái đất này. Một con số kinh khủng biết nhường nào!*

*[…] Đừng để cho mỗi con người trên trái đất này chỉ có diện tích bằng một hạt thóc. Muốn thế phải góp phần làm cho chặng đường đi đến ô thứ 64 càng dài lâu hơn, càng tốt. Đó là con đường “tồn tại hay không tồn tại” của chính loài người.*

(Ngữ văn 8, tập Một, NXB Giáo dục - 2015, tr.130).

**Câu 1**. Đoạn văn trích trong văn bản nào? Của ai? Văn bản đó thuộc kiểu văn bản gì?

**Câu 2**. Vấn đề chính mà tác giả muốn đặt ra trong văn bản này là gì? Điều gì đã làm tác giả “sáng mắt ra”?

**Câu 3**. Câu chuyện kén rể của nhà thông thái có vai trò và ý nghĩa thế nào trong việc làm nổi bật vấn đề chính mà tác giả muốn nói tới?

**Câu** **4.** Văn bản giúp em nhận thức gì về vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình? Theo em, con đường tốt nhất để hạn chế gia tăng dân số là gì?

**Câu 5**. Viết đoạn văn khoảng 15 câu theo phương thức *Tổng hợp – Phân tích – Tổng* *hợp* trình bày hiểu biết của em về thực trạng dân số Việt Nam hiện nay và hậu quả của việc gia tăng dân số quá nhanh. Đoạn văn sử dụng *câu ghép* và *thán từ* (gạch chân, chú thích). tài liệu Thu Nguyễn

**Câu 6.** Em hiểu gì về mong muốn của tác giả ở cuối đoạn trích? Theo em, những điều nhà văn muốn đề cập đến nay còn có giá trị nữa không? Vì sao?

III.Văn bản Thông tin về ngày trái đất năm 2000

**Bt1: Đọc đọan văn sau và trả lời câu hỏi:**

*Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất làm giảm quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn của các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tang khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dich bệnh. Bao bì ni long trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni long màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-đi-mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni long thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi-ô-xin có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, làm giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.*

(Ngữ văn 8, tập Một, NXB Giáo dục -2015, tr.105).

**Câu 1:** Xác định kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của văn bản trên?

**Câu 2:** Tìm các từ sắp xếp thành một trường từ vựng và đặt tên cho trường từ vựng đó?

**Câu 3:** Nêu nội dung của đoạn trích?

**Câu 4:** Hãy giải thích từ “ dị tật bẩm sinh”?

**Câu 5:** Theo em, nguyên nhân cơ bản nào làm cho việc sử dụng bao bì ni lông gây hại tới môi trường?

**Câu 6:** Ở địa phương em, trường em đã triển khai và thực hiện nội dung được đề cập trong đoạn văn như thế nào?

Bài tập 2: **Đọc đọan văn sau và trả lời câu hỏi:**

“ Vì vậy chúng ta cần phải:

- Thay đổi thói quen sử dụng bao bì ni lông, cùng nhau giảm thiểu chất thải ni lông bằng cách giặt khô để dùng lại......................................................................đối với môi trường.”

(Ngữ văn 8, tập Một, NXB Giáo dục -2015, tr.105).

**Câu 1:** Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Xác định kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của văn bản trên?

**Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn trích?

**Câu 3:** Trong đoạn trích tác giả chủ yếu sử dụng kiểu câu gì?

**Câu 4:** Viết đoạn văn khoảng 20 dòng nêu suy nghĩ của em về giải pháp bảo vệ môi trường

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Các nhóm làm bài

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Các nhóm cử đại diện báo cáo

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Sản phẩm dự kiến**

**I.Văn bản Ôn dịch thuốc lá**

**Bài tập 1:**

**Gợi ý:**

**Câu 1.** Đoạn trích trên nằm trong văn bản “ Ôn dịch, thuốc lá”. Tác giả Nguyễn Khắc Viện. Phương thức biểu đạt của văn bản đó thuyết minh.

**Câu 2.** ý nghĩa nhan đề của văn bản:

***Ôn dịch, thuốc lá***đã cho thấy tính chất nghiêm trọng và bức xúc của vấn đề. Thuốc lá ở đây là nói đến tệ nghiện thuốc lá. Nó được ví một cách rất thoả đáng với ôn dịch, xem như một thứ bệnh nguy hiểm đến tính mạng của con người và rất dễ lây lan. Hơn nữa, từ ôn dịch còn mang sắc thái biểu cảm. Nghiện thuốc lá được nói đến trong một cảnh báo gay gắt, đến mức nó đáng trở thành một đối tượng để nguyền rủa.

Ôn dịch trong tiếng Việt là từ được dùng để làm tiếng chửi rủa thể hiện thái độ căm ghét, ghê sợ - một loại bệnh nguy hiểm lây lan làm chết người.  Thuốc lá ở đây là nói đến tệ nghiện thuốc lá. Tác giả dùng dấu phẩy ngăn cách giữa hai từ “ôn dịch” và “thuốc lá”, là sử dụng theo lối tu từ để nhấn mạnh sắc thái biểu cảm (vừa căm tức vừa ghê sợ).

**Câu 3.** Nội dung chính của đoạn trích: Tác hại của thuốc lá.

**Câu 4.**

*“Nếu giặc đánh như vũ bão thì không đáng sợ, đáng sợ là giặc gặm nhấm như tằm ăn dâu”.*

- > Nhằm gây sự chú ý người đọc và cảnh báo với tất cả chúng ta thuốc lá còn nguy hại hơn cả giặc ngoại xâm vì giặc ngoại xâm chúng ta có thể nghe thấy, nhìn thấy để mà chống lại...

**Câu 5.** Phân tích cấu trúc ngữ pháp và xác định kiểu câu sau:

*Các lông mao này(CN1) // có chức năng quét dọn bụi bặm và các vi khuẩn theo luồng không khí tràn vào phế quản và phổi(VN1); khi các lông mao(CN2)// ngừng hoạt động, bụi và vi khuẩn không được đẩy ra ngoài, tích tụ lại gây ho hen và sau nhiều năm gây viêm phế quản(VN2).* ( câu ghép)

**Câu 6.**

**Yêu cầu viết đoạn văn :**

* **Hình thức:** Dung lượng 10- 12 câu, có sử dụng câu ghép và trợ từ.
* **Nội dung:** Làm rõ tác hại của thuốc lá

Thuốc lá gây ra những tác hại rất lớn đối với đời sống con người. Trước hết, nó huỷ hoại sức khoẻ của những người trực tiếp hút thuốc. Trong thuốc lá có chứa nhiều chất độc, đặc biệt là chất ni-cô-tin. **Chất ni-cô-tin có khả năng gây nghiện và nó cùng với những chất độc khác gặm nhấm sức khỏe con người gây bệnh viêm phế quản, ho lao, ung thư phổi.... ( câu ghép).** **Chính( trợ từ)** điều này lí giải tại sao phần lớn những người hút thuốc nhiều đều mắc ít nhất một bệnh nào đó về phổi. Hơn thế nữa, thuốc lá còn gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Khói thuốc lá, đầu thuốc lá, tàn thuốc lá, chúng đã cùng với rác rưởi góp phần tạo nên thảm hoạ ô nhiễm môi trường. Nguy hiểm hơn, khói thuốc lá còn gây bệnh cho những người không hút thuốc. **Những người xung quanh hít phải khói thuốc và khói thuốc khiến họ chịu độc gấp 4 lần người trực tiếp hút thuốc( câu ghép).** Việc hút thuốc lá thụ động này cũng khiến những người này mắc những bệnh nghiêm trọng về tim phổi. Nhận thức được tác hại của thuốc, chúng ta hãy cùng chung tay để ngăn chặn sản phẩm này.

**Câu 7.**

Một số giải pháp ở cộng đồng:

- Cần tuyên truyền cho mọi người biết về tác hại của thuốc lá.

- Cần xử lí mạnh tay những trường hợp hút thuốc lá ở nơi công cộng.

- Nâng cao ý thức của người dân.

- Mọi người cần có ý thức khuyên bảo nhau không nên hút thuốc lá ở nơi công cộng.

Một số giải pháp ở trường học:

- Nhà trường cần phải tổ chức nhiều buổi tuyên truyền với học sinh về tác hại của thuốc lá

- Nhà trường cần phối hợp với gia đình và cơ quan chức năng về kỉ luật những học sinh, sinh viên có hành vi hút thuốc lá ở trong trường học.

**Bài tập 2:**

**Gợi ý:**

1. Vấn đề chính mà tác giả muốn đề cập đến trong đoạn văn trên: Nguyên nhân dẫn đến nạn trộm cắp ở nước ta là nghiện thuốc lá.
2. Câu chủ đề: Câu cuối đoạn.
3. Tác dụng của dấu gạch ngang: để giải thích
4. Câu ghép
5. Đoạn văn tham khảo:

Hút thuốc lá ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe con người. Hút thuốc lá có thể gây ra bệnh về phổi, gan, tim, khoa học và thực tế đã chứng minh rằng nếu một người hút thuốc lá thường xuyên trong vòng nhiều năm thì tuổi thọ sẽ giảm đi rất nhiều so với những người không hút thuốc lá.  Trong thuốc lá có côcain dễ gây nghiện, khu hút có thể nó kích thích sự hưng phấn cho người hút nhưng nó lại gây ra tác hại rất lớn. Nó làm thành màng đen bao lấy phổi, hút càng nhiều thì diện tích màng đen càng lớn gây bệnh cho người hút.***Thuốc lá không chỉ gây hại cho cá nhân người hút mà hút thuốc có hại //mà nó còn ảnh hưởng tới cả sức khỏe của những người xung quanh***. Chính vì thế, thế hệ trẻ chúng ta, những người đang nắm giữ vận mệnh của đất nước cần phải nhận biết ra đâu là mặt lợi, mặt hại mà dừng những hành động hút thuốc lá độc hại này lại

**II.Bài toán dân số:**

**Đoạn văn BT1:**

*Văn bản “Bài toán dân số” bàn về thực trạng gia tăng dân số- một trong những vấn đề cấp thiết được toàn xã hội quan tâm. Gia tăng dân số dẫn đến hiện tượng bùng nổ dân số, kéo theo đó là nhiều hệ lụy nghiêm trọng. Gia tăng dân số dẫn đến cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, thiếu đất đai, lương thực, không đảm bảo việc làm.... Tóm lại, gia tăng dân số quá cao dẫn đến đời sống con người không được đảm bảo thậm chí bị đe dọa. Các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam hiện có tốc độ gia tăng dân số nhanh nhất trên thế giới. Để giảm thiểu tình trạng gia tăng dân số cao đòi hỏi sự đoàn kết, chung tay của cả cộng đồng. Người người, nhà nhà cần thực hiện nghiêm túc chính sách kế hoạch hóa gia đình. Bên cạnh đó, là thế hệ trẻ chúng ta cần đem hiểu biết của mình về dân số tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình. Hãy cùng chung sức, chung lòng khắc phục tình trạng bùng nổ dân số, bởi lẽ đó chính là vấn đề sống còn của nhân loại!*

**III.Văn bản Thông tin về ngày trái đất năm 2000**

Gợi ý: Bt1

**Gợi ý:**

**Câu 1:**

**- K**iểu văn bản: Nhật dụng.

- **Phương thức biểu đạt:** Nghị luận trình bày dưới dạng thuyết minh.

**Câu 2:** Trường từ vựng về bệnh tật: ung thư phổi, ngộ độc, ngất, khó thở, nôn ra máu, dị tật bẩm sinh.

**Câu 3:** Đoạn trích nêu lên tác hại của bao bì ni lông đối với con người và môi trường.

**Câu 4:**  “ dị tật bẩm sinh”: hiện tượng bất thường về hình dạng của bộ phận nào đó trong cơ thể( dị tật) đã có khi sinh ra( bẩm sinh)

**Câu 5:**  Nguyên nhân cơ bản đó là do ý thức của con người( sử dụng chỉ một lần) làm cho việc sử dụng bao bì ni lông gây hại tới môi trường.

**Câu 6:** Ở địa phương em, trường em đã triển khai và thực hiện nội dung được đề cập trong đoạn văn như sau:

- Bỏ rác đúng nơi qui định.

- Dọn vệ sinh đường thôn, ngõ xóm.

- Hạn chế dung bao bì ni lông.

- Thay thế bằng các nguyên liệu như lá chuối, lá sen, làn....

Bài tập 2: **Câu 1:**

- Đoạn trích trên trích trong văn bản “ Thông tin về ngày trái đất năm 2000”

**- K**iểu văn bản: Nhật dụng.

- **Phương thức biểu đạt:** Nghị luận trình bày dưới dạng thuyết minh.

**Câu 2:** Nội dung chính : Nêu biện pháp giảm thiểu túi ni lông ra môi trường.

**Câu 3:** Trong đoạn trích tác giả chủ yếu sử dụng kiểu câu cầu khiến.

**Câu 4: Hướng dẫn:**

- Vấn đề cần nghị luận: ô nhiễm môi trường.

- Dạng đề: Nghị luận về một hiện tượng đời sống/xã hội.

- Về kỹ năng và hình thức: Đoạn văn có dung lượng khoảng 150 chữ, không sai lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, bài viết cần mạch lạc rõ ràng, lập luận chặt chẽ…

- Về nội dung: Để viết đạt yêu cầu, học sinh cần giải thích được “ô nhiễm môi trường” là gì và nêu được biểu hiện, thực trạng của vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay. Đồng thời phân tích, chứng minh làm rõ nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm môi trường (đối với cuộc sống của mỗi con người, xã hội, kinh tế, chính trị…) rồi tiến đến đưa ra những giải pháp giải quyết vấn đề, để từ đó rút ra bài học cho bản thân.

**Phương thức**   
***a. Giải thích vấn đề***

- Môi trường bao gồm tất cả các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người.

- Ô nhiễm môi trường là hiện trạng môi trường xuất hiện những chất độc hại gây tác hại xấu đến cuộc sống con người.

***b. Thực trạng***

- Môi trường không khí: các nhà máy, khói bụi xe hơi và các loại động cơ khác,… đã và đang thải ra môi trường không khí một nguồn cacbonnic khổng lồ, các loại axit, các loại khí gây hiệu ứng nhà kính, …

- Ô nhiễm môi trường nước: nguồn nước bị nhiễm độc do nước thải, sự cố tràn dầu,…khiến cho số lượng nước sạch ngày càng khan hiếm.

- Ô nhiễm môi trường đất: đất đai ngày càng bị thoái hoá, bị rửa trôi, nhiễm chì, nhiễm độc do rác thải, thuốc trừ sâu, …

***c. Nguyên nhân:***

+ Vì lợi nhuận, một số doanh nghiệp bất chấp pháp luật cố ý xả chất thải chưa qua xử lý vào môi trường,…

+ Ý thức của người dân còn kém: vô trách nhiệm, chặt phá rừng, xả rác thải dẫn đến tình trạng ô nhiễm diện rộng không kiểm soát được.

+ Sự quản lý của nhà nước còn lỏng lẻo.

***d. Hậu quả:***

+ Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người (bệnh đường hô hấp, bệnh tim mạch, viêm họng, đau ngực, tức thở; khoảng 14.000 cái chết mỗi ngày do ô nhiễm nguồn nước…)

+ Cạn kiệt tài nguyên sinh vật, thiếu nước sinh hoạt, mất cân bằng đa dạng sinh học của môi trường sống.

+ Ảnh hưởng đến các nguồn lợi kinh tế, nông nghiệp, du lịch, ...

***e. Giải pháp***

- Cần có sự quản lý chặt chẽ của người nhà nước trong việc xứ lý những doạnh nghiệp cá nhân vi phạm.

- Tăng cường tuyên truyền để cho nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường. Đồng thời nêu rõ tác hại của ô nhiễm môi trường đối với hệ sinh thái, sức khỏe con người…

- Tiến hành áp dụng công nghệ khoa học để giải quyết hiện trạng ô nhiễm...

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (Làm theo nhóm), về nhà**

Đề: Tệ nạn xã hội “ Nghiện hút thuốc lá”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**H/s về nhà làm**

\* Yêu cầu : Viết đúng thể loại nghị luận

Có kết hợp được các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự vào bài.

Bố cục 3 phần rõ ràng, trình bày sạch đẹp, trình bày mỗi luận điểm thành một đoạn văn; chuyển đoạn, chuyển ý rõ ràng, linh hoạt; không sai chính tả, không sai từ … \* Dàn bài :

1, Mở bài : Hiện nay xã hội đang đối mặt với nhiều tệ nạn xã hội trong đó có tệ nạn nghiện hút thuốc lá

2, Thân bài : Trình bày được các ý chính sau :

Nguyên nhân dẫn tới nghiện hút thuốc lá : Hút nhiều thành thói quen, thích thể hiện, đua đòi, thói quen hút thuốc khi buồn hoặc vui..

Tác hại của việc hút thuốc lá : Do khói thuốc chứa nhiều chất độc, thấm vào cơ thể.

Đối với người hút : Là nguyên nhân của nhiều bệnh tật : viêm phế quản; cao huyết áp; tắc động mạch; nhồi máu cơ tim, ung thư phổi dẫn đến sức khoẻ giảm sút, có thể gây tử vong.

Hơi thở hôi, mọi người ngại giao tiếp

Mất thẩm mỹ, răng đen, tay vàng…

Đối với những người xung quanh : Trực tiếp hít phải khói thuốc cũng mắc bệnh giống người hút. Đặc biệt nguy hiểm đối với những phụ nữ mang thai và các em nhỏ

Thuốc lá gặm nhấm tâm hồn và lối sống của con người

Nêu gương xấu cho con em

Là nguyên nhân dẫn tới các tệ nạn xã hội khác ( trộm cướp, lừa lọc…) được 1 điểm

Hướng giải quyết

Bao bì thuốc lá nên in những hình ảnh xấu của việc hút thuốc lá; hàng chữ khuyến cáo mọi người không nên hút thuốc lá.

Quan trọng là người hút thuốc phải ý thức được tác hại của việc hút thuốc, có kế hoạch cai nghiện

Đẩy mạnh tuyên truyền về tác hại của việc hút thuốc lá.

**3, Kết bài :**

Lời kêu gọi mọi người không hút thuốc là vì một xã hội văn minh, giàu đẹp

Ngày soạn T4/12/1/2022

Ngày dạy T5/13/1/2022 Buổi 15

**ÔN LUYỆN VĂN THUYẾT MINH VỀ MỘT THỨ ĐỒ DÙNG**

**I. MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Khắc sâu các kiến thức về văn thuyết minh một thứ đồ dùng .

- Vận dụng kiến thức đã học viết đoạn văn, bài văn thuyết minh về một thứ đồ dùng.

- Năng lực: tự chủ, tự học, năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo, năng lực nghe, nói, đọc viết, năng lực tạo lập văn bản.

- Phẩm chất: tự trọng, trung thực, chăm chỉ, tự tin, có tinh thần vượt khó.

**II. CHUẨN BỊ:**

1.Giáo viên: Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy, tài liệu.

2. Học sinh: Sách, vở ghi, ôn tập kiến thức.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1 : Khởi động**

**a.Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

**b.Tổ chức thực hiện**: Gv yêu cầu h/s làm việc cá nhân, dùng kĩ thuật động não 1p

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ**

C1.Nêu khái niệm thuyết minh về một vật dụng (đồ dùng). Nêu đối tượng thuyết minh về những vật dụng (đồ dùng)?

C2.Khi thuyết minh về một vật dụng (đồ dùng) cần sử dụng những phương pháp nào? Nêu cách làm bài thuyết minh về một vật dụng (đồ dùng)?

**Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ**

H/s dùng kĩ thuật động não 1p trả lời

**Bước 3 : Báo cáo, thảo luận**

Lần lượt cá nhân trình bày, h/s khác nhận xét

**Bước 4 : Kết luận, nhận định**

Gv và h/s lắng nghe, Gv nhận xét, đánh giá, chốt

**Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức**

**a.Mục tiêu:** Giúp h/s: Củng cố khái niệm, đối tượng, phương pháp, cách làm thuyết minh về một vật dụng (đồ dùng)

**b.Tổ chức thực hiện: Gv yêu cầu h/s ghi bài**

**SẢN PHẨM DỰ KIẾN**

1. **Thuyết minh về một vật dụng (đồ.dùng):**
2. *Thuyết minh về một vật dụng* (đồ dùng): là cung cấp cho người đọc  
   (nghe) những tri thức về vật dụng đó, giúp họ hiểu được cấu tạo, đặc điểm, tính  
   chất, công dụng, ích lợi, cách sứ dụng, bảo quản, v.v. vật dụng đó. Để làm tốt  
   kiểu bài thuyết minh này, người viết cần trang bị cho mình những kiến thức về  
   cái mà mình thuyết minh.
3. *Đối tượng thuyết minh-là những vật dụng* (đồ dùng) gần gũi với chúng ta  
   trong cuộc sống thường ngày: quyển sách giáo khoa, chiếc bút bi, cái quạt máy,  
   chiếc xe đạp,mũ bảo hiểm

*Thuyết minh* ***vệ'****một vật dụng* (đồ dùng): thường sử dụng phương pháp  
phân loại, phấn tích, phương pháp định nghĩa, giải thích và có thể kết hợp với  
phương pháp so sánh, phương pháp nêu số.liệu. Để bài viết sinh động, hấp dẫn,  
người viết có thể nhân hoá các đồ vật, để chúng tự nói về mình, có thể kết hợp  
thêm yếu tố miêu tả.

\* Thuyết minh về một thứ đồ dùng, con vật, loài cây.

Dạng đề này yêu cầu người học thuyết minh một đồ dùng, vật dụng thường là gần gũi với ta. Khi thuyết minh về đồ dùng, vật dụng, người học phải làm sao cho người đọc hiểu được cấu tạo, đặc điểm, tính chất, công dụng, cách sử dụng, cách bảo quản,... Trong các phương pháp thuyết minh về đồ dùng, vật dụng, em có thể vận dụng phương pháp cho đồ dùng đó tự kể về bản thân mình hoặc sử dụng đối thoại, miêu tả nhằm tạo lên sự hấp dẫn cho bài thuyết minh.

**2 Dàn ý của bài thuyết minh về một vật dụng (đồ dùng)**

*\* Mở bài:*

- Giới thiệu đối tượng cần được thuyết minh (khi giới thiệu, chú ý giới thiệu khái quát vè tên gọi, vai trò, ứng dụng của nó trong đời sống hằng ngày như thế nào...)

*\* Thân bài*

- Đưa ra giải thích khái niệm về tên gọi cùa đồ dùng đó.

- Trình bày các tri thức liên quan đến đối tượng:

+ Nguồn gốc, xuất xứ.

+ Cẩu tạo, các loại của đồ dùng.

+ Sự thay đồi về các đặc điếm, tính chất của đồ dùng theo thời gian

+ Công dụng, lợi ích của nó trong cuộc sống hàng ngày.

+ Cách thức sử dụng.

+ Bảo quản.

Lưu ý: Những tri thức trên em có thể kết hợp một cách khéo léo theo trình tự (có sự lựa chọn, hoặc kết hợp các trình tự):

+ Trình tự không gian (Trong - Ngoài, Xa - Gần, Trên – Dưới....)

+ Trình tự thời gian (Trước - Sau. Sớm - Muộn,...)

*\* Kết bài:*

- Nêu lên giá trị, ý nghĩa của đồ dùng.

-  Sự phát triển của đồ dùng đó trong tương lai.

**Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Tổ chức thực hiện: H/s thảo luận cặp đôi (nhóm bàn)

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Thuyết minh về chiếc mũ bảo hiểm để qua đó nâng cao ý thức cho giới trẻ trong việc đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông .

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**H/s lập dàn ý (thảo luận cặp đôi)**

**Bước 3: báo cáo, thảo luận**

**H/s trình bày.**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Sản phẩm dự kiến**

1. Mở bài

Giới thiệu chiếc nón bảo hiểm: một trong những vật dụng không thể thiếu mỗi khi chúng ta ra đường tham gia giao thông chính là chiếc nón bảo hiểm.

2. Thân bài

a. Khái quát chung

Lịch sử hình thành: Lịch sử ghi nhận mũ bảo hiểm xuất hiện cùng thời với chiến tranh. Ban đầu, mũ được làm bằng da rồi dần dần được rèn sắt. Vào thế kỉ XVI-XVII, chiếc mũ được làm bằng thép nhẹ như thời trung cổ nhưng vành rộng hơn. Năm 1914, người Pháp chính thức coi mũ bảo hiểm là trang bị tiêu chuẩn của người lính. Lần lượt, Anh, Đức và các nước Châu Âu còn lại cũng theo gương. Ngày nay, mũ bảo hiểm dần dần thâm nhập vào đời sống.

b. Ý nghĩa, vai trò

Mũ bảo hiểm được sử dụng rộng rãi với những kết cấu và chức năng khác nhau: hàng không vũ trụ, quân đội, thể thao, công nhân và kĩ sư, các vận động viên nhiều môn thể thao như đấu kiếm, võ thuật, bóng bầu dục… và gần gũi nhất là người tham gia giao thông trên xe máy, xe đạp.

c. Thuyết minh cấu tạo chi tiết

Phần vỏ ngoài: được làm bằng lớp nhựa cứng, có khả năng chịu lực tốt. Sở dĩ mũ bảo hiểm làm bằng nhựa phổ biến hơn sắt vì nó nhẹ hơn, đỡ gây cảm giác nặng đầu hơn mũ bảo hiểm làm bằng sắt. Trên lớp vỏ đó có in những họa tiết khác nhau để tăng tính thẩm mĩ.

Phần bên trong: được làm bằng một lớp lót mềm mại khiến cho da đầu cảm thấy dễ chịu (thường bằng vải hoặc bông).

Phần quai: được gắn vào gần hai bên tai của mũ, có khóa chốt cài lại để cố định mũ vững chắc trên đầu tránh xê dịch hoặc rơi rớt.

Phân loại: có nhiều loại mũ khác nhau, người ta phân loại dựa vào công năng: mũ bảo hộ kĩ sư, mũ bảo hộ công an, mũ bảo hiểm cho người tham gia giao thông,…

d. Sử dụng và bảo quản

Mũ bảo hiểm dễ dàng sử dụng, chỉ cần đội lên đầu và cài quai là nó dã có thể bảo vệ đầu của bạn tối đa.

Bảo quản: bảo quản mũ bảo hiểm ở nơi râm mát, tránh nắng mưa tác động vào làm giảm chất lượng của mũ. Vệ sinh mũ thường xuyên.

3. Kết bài

Khái quát lại những công năng của chiếc mũ bảo hiểm.

H/s luyện viết

Tham khảo

**I. MỞ BÀI**

***Mở bài số 1***: Xin chào tất cả các bạn. Hôm nay tôi sẽ giới thiệu cho các bạn về họ hàng nhà mình nhé. Trước đó các bạn hãy thử đoán xem chúng tôi là ai nào. Tôi là một loại mũ, bên trong mềm, bên ngoài lại cứng, bảo vệ phần đầu của con người. Đúng rồi đấy, tôi chính là mũ bảo hiểm - người bạn đồng hành trên mỗi chặng đường giao thông hay một số hoạt động đặc biệt của con người.

***Mở bài số 2:*** Trong mỗi lĩnh vực đời sống, con người đều phải cần đến những công cụ, dụng cụ không thể nào thiếu được. Nếu trong hội họa là những hộp màu, cây chì, bút vẽ, tờ giấy; nếu trong thêu thùa là kim chỉ, vải vóc... thì trong khi tham gia giao thông hay tham gia một số hoạt động đặc biệt chính là chiếc mũ bảo hiểm.

HS có nhiều cách trình bày tuy nhiên bài làm cần đảm bảo các ý sau:

-Lịch sử : Mũ bảo hiểm xuất hiện từ hàng ngàn năm trước lúc đầu được làm bằng da ,rồi dần thay thế bằng kim loại được dùng chobinh lính trong chiến tranh và ngày nay mũ được thiết kế rất đẹp ,đa dạng về chủng loại và màu sắc .

-Cấu tạo : Có 3 lớp

+Lớp vỏ ngoài cùng : cứng được làm bằng nhựa siêu bền và thường được phủ một lớp bóng với nhiêu màu sắc ...

+Lớp lót giữa: thường được làm bằng vật liệu mềm ,xốp ..

+Lớp lót trong : làm bằng vải mềm

+Quai có khóa cài chắc chắn để cố định mũ .

-Hình dạng : thường có 2 loại mũ nửa đầu và mũ trùm đầu

-Cách thức và hoàn cảnh sử dụng :sử dụng khi tham gia giao thông,khi làm việc trên công trình

Đội mũ lên đầu ,mũ vừa phải ôm sát lấy đầu ,khi đội mũ phải cài khóa ,khóa quai phải vừa cằm không quá rộng hoặc quá chặt .

-Tác dụng : Để giảm chấn động do va đập bảo vệ vùng đầu đặc biệt là não

Dùng để chắn bụi ,mưa gió và bảo vệ mặt .

-Cách bảo quản

-Nhận xét bình luận một vài câu về mũ bảo hiểm nhập lậu ,hang nhái hàng kém chất lượng .

Cuộc sống của chúng ta ngày càng hiện đại và phát triển không ngừng, kéo theo đó là giao thông xe cộ đi lại trên đường ngày một đông đúc. Với một nước di chuyển chủ yếu bằng xe máy như Việt Nam chúng ta, thì mũ bảo hiểm là vật dụng không thể thiếu trong mỗi gia đình.

Mặc dù là một đồ dùng phổ biến, có lẽ ít ai biết được nguồn gốc của mũ bảo hiểm. Thực chất, mũ bảo hiểm đã xuất hiện từ rất lâu rồi, khoảng hơn 1000 năm trước. Chiếc mũ bảo hiểm ban đầu được làm bằng da, sau nhiều lần cải biến chuyển sang kim loại và sắt. Ngày trước, mũ bảo hiểm chủ yếu dùng cho những người lính, chiến sĩ. Năm 1200, mũ chuyển sang hoàn toàn làm bằng sắt, che kín cổ theo phong cách xưa. Sau nhiều quá trình thay đổi cho phù hợp, chiếc mũ bảo hiểm ngày nay được thiết kế nhỏ gọn và thích hợp hơn. Nó có cấu trúc khá đơn giản, phần vỏ ngoài được làm từ nhựa cứng siêu bền, hình bán cầu ôm sát đầu rất tiện lợi. Hơn nữa, mũ có rất nhiều màu sắc và kích thước khác nhau đa dạng phù hợp với từng đối tượng theo lứa tuổi và sở thích. Bên trong mũ thường có một lớp xốp, sau đó đến một lớp vải dày. Lớp vải này thường có những phần lưới để khi đội mũ trong thời gian dài, tóc sẽ không bị bí gây khó chịu. Quai mũ cũng là một chi tiết rất quan trọng, giúp cố định mũ với cơ thể thường đội. Quai mũ làm bằng dây vải bền và chắc, có khuy cài rất tiện lợi.

Nhìn chung, chiếc mũ bảo hiểm ngày nay rất nhỏ gọn mà vẫn giữ được đầy đủ tiêu chuẩn. Hiện tại, theo nhu cầu sử dụng, mũ bảo hiểm được thiết kế thêm nhiều phụ kiện khác đi kèm. Phổ biến nhất là chiếc mũ bảo hiểm thông thường với một lưỡi chai nhỏ ở đầu mũ. Ngoài ra, với những người đi xe đường dài thường có thêm kính đằng trước để chắn bụi, mưa gió chiếc kính này thiết kế linh hoạt, có thể đẩy lên gập xuống, cũng có thể tháo ra khi không cần thiết. Đối với một số người hay chơi xe mô tô, họ thường sử dụng những chiếc mũ có kính cỡ lớn hơn, bao phủ được cả tai xuống đến cổ. Mũ bảo hiểm rất dễ sử dụng, tháo quai cài, đội mũ lên đầu sao cho thật thoải mái, vừa vặn, rồi cài quai lại. Chú ý khi đeo nên chỉnh dây quai mũ sao cho phù hợp với mình, nếu quai mũ quá chặt sẽ gây cảm giác khó chịu, ngược lại nếu quá lỏng mũ sẽ dễ bị rơi. Mũ bảo hiểm tuy nhỏ nhưng lại là vật dụng hết sức quan trọng trong việc bảo vệ con người, thường được dùng cho công nhân công trường hoặc cho những ai tham gia giao thông. Mũ bảo hiểm vừa tránh nắng mưa, hơn hết là để giảm chấn động đầu, đặc biệt là vùng não nếu không may xảy ra va đập. Thời gian đầu khi mới được đưa vào sử dụng phổ biến thành luật giao thông, người dân rất ngại đội mũ bảo hiểm, tuy nhiên qua thời gian, mọi người đã ý thức được tầm quan trọng của vị cứu tinh này. Nhờ có mũ bảo hiểm, bao nhiêu tính mạng con người đã được bảo vệ an toàn.

Sự phát triển không ngừng như hiện tại của xã hội, các phương tiện giao thông cũng đa dạng hơn rất nhiều, ở nhiều nước ô tô là phương tiện di chuyển chủ yếu. Tuy nhiên, tầm quan trọng của mũ bảo hiểm chưa bao giờ bị mất đi, đây vẫn là một vật dụng cần thiết để mỗi chúng ta tự bảo vệ lấy chính mình và những người thân, để có một xã hội văn minh và tốt đẹp hơn.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Thuyết minh về chiếc kính đeo mắt

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (h/s về nhà làm)

Gv củng cố, dặn dò : Soạn B16

Ngày soạn T6/14/1/2022

Ngày dạy T7/15/1/2022 Buổi 16

ÔN TẬP VĂN BẢN ‘ĐẬP ĐÁ Ở CÔN LÔN’VÀ VĂN THUYẾT MINH VỀ MỘT THỂ LOẠI VĂN HỌC.

I.MỤC TIÊU

1.Kiến thức giúp h/s củng cố về tác giả , tác phẩm của văn bản Đập đá ở Côn Lôn và nắm vững phương pháp làm bài văn thuyết minh về thể loại văn học.

- Mở rộng, củng cố, nâng cao kiến thức về văn bản “Đập đá ở Côn Lôn”: hình tượng người chiến sĩ cách mạng oai phong, lẫm liệt, bản lĩnh và khát khao cứu nước lớn lao

- Biết thuyết minh các thể loại văn học

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng phân tích thơ thất ngôn bát cú Đường luật, thuyết minh thể thơ lục bát, thất ngôn bát cú Đường luật

**3. Thái độ:**

- Bồi dưỡng tình cảm trân trọng, cảm phục với nhà yêu nước, nhà cách mạng Phan Châu Trinh, Biết yêu thích các thể loại văn học

**4. Năng lực cần hình thành:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

1.Giáo viên: Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy, tài liệu.

2. Học sinh: Sách, vở ghi, ôn tập kiến thức.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1 : Khởi động**

**a.Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

**b.Tổ chức thực hiện**: Gv yêu cầu h/s làm việc cá nhân, dùng kĩ thuật động não 1p

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ**

? Nêu nghững nét cơ bản về tác giả tác phẩm (hoàn cảnh sáng tác, thể loại bố cục, giá trị nội dung và nghệ thuật, ý nghĩa nhan đề.)

? Nêu dàn ý làm bài thuyết minh về thể loại văn học và tác giả, tác phẩm.

**Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ**

H/s dùng kĩ thuật động não 1p trả lời

**Bước 3 : Báo cáo, thảo luận**

Lần lượt cá nhân trình bày, h/s khác nhận xét

**Bước 4 : Kết luận, nhận định**

Gv và h/s lắng nghe, Gv nhận xét, đánh giá, chốt

**Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức**

**a.Mục tiêu:** Giúp h/s: Củng cố Văn bản Đập đá ở côn Lôn, khái niệm, đối tượng, phương pháp làm bài thuyết minh về thể loại văn học

**b.Tổ chức thực hiện: Gv yêu cầu h/s ghi bài**

**SẢN PHẨM DỰ KIẾN**

**A.ÔN TẬP VĂN BẢN: ĐẬP ĐÁ Ở CÔN LÔN( PHAN CHÂU TRINH)**

**I, KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1, Tác giả:** Phan Châu Trinh(1872-1926) hiệu Tây Hồ;

quê ở Quảng Nam.

+ Tham gia hoạt động yêu nước sôi nổi đầu thế

kỉ XX.

+ Văn chương của ông thấm đẫm tinh thần

yêu nước và dân chủ.

+ Các tác phẩm chính: Tây Hồ thi tập, tỉnh quốc

hồn ca…

**2. Văn bản:**

**a. Hoàn cảnh sáng tác:** Trong thời gian Phan Châu Trinh bị tù đầy ngoài Côn Lôn -tức Côn Đảo từ tháng 4 năm 1908 đến tháng 6 năm 1910, do bị khép tội xúi giục nhân dân nổi loạn trong phong trào chống thuế ở Trung Kì.

**b. Thể loại và phương thức biểu đạt:**

Thể loại: Thất ngôn bát cú Đường luật

-Phương thức biểu đạt: biểu cảm

**c. Bố cục:** 2 phần

+ 4 câu đầu: Công việc đập đá và khí phách người tù

+ 4 câu cuối: Ý chí người tù

**d. Giá trị nghệ thuật:**

- Thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

* Ngôn ngữ hàm súc, độc đáo.
* Bút pháp lãng mạn, giọng điệu hào sảng.

- Kết hợp tả thực với tượng trưng, sử dụng phép đối, ẩn dụ, lối nói khoa trương.

**e. Giá trị nội dung:** Bài thơ thể hiện một hình tượng đẹp lẫm liệt, ngang tàng của người anh hùng cứu nước dù gặp gian nguy vẫn không sờn lòng đổi chí.

**G, Ý nghĩa nhan đề:**

- Nghĩa thực: Công vịêc đập đá ở Côn Lôn mà tác giả phải trải qua.

- Nghĩa biểu tượng: Hình ảnh con người làm việc trong tư thế chinh phục thiên nhiên, tư thế chinh phục thử thách.

**II, CÁC DẠNG ĐỀ LUYỆN TẬP**

**A, DẠNG ĐỀ ĐỌC- HIỂU**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:  **Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,**  **Lừng lẫy làm cho lở núi non.**  **Xách búa đánh tan năm bảy đống,**  **Ra tay đập bể mấy trăm hòn.**  **( Ngữ văn 8- tập 1)**  **Câu 1:** Đoạn trích trên trích từ văn bản nào? Của ai?  **Câu 2:** Nêu nội dung và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?  **Câu 3:** Chỉ ra từ ngữ, biện pháp nghệ thuậtđược sử dụng trong những câu thơ trên và nêu tác dụng?  **Câu 4:** Tư thế người tù cách mạng ta nên hiểu theo mấy nghĩa?  **Câu 5:** Có ý kiến cho rằng: Bốn câu thơ đầu đã dựng được bức tượng đài uy nghi về những tù nhân Côn Đảo, những anh hùng cứu nước giữa chốn địa ngục trần gian, với khí phách hiên ngang lẫm liệt giữa đất trời” ý kiến em như thế nào? |

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Đoạn trích trên trích từ văn Đập đá ở Côn Lôn của tác giả Phan Châu Trinh.

**Câu 2:**

**-** Nội dung: Tư thế của người tù cách mạng.

- Phương thức biểu đạt chính : Biểu cảm

**Câu 3:**

-Từ “đứng giữa”-> Nhấn mạnh vị trí tự chủ, sự chủ động đón nhận mọi khó khăn.

- Đảo từ “ lừng lẫy” vừa là từ láy vừa là tính từ-> Nhấn mạnh tư thế ngạo ngễ, lẫm liệt phải vang danh muôn đời.

- Phép đối câu 3-4

Xách búa- ra tay

Đánh tan- đập bể

Năm bảy đống- mấy trăm hòn-> Nhấn mạnh hành động mạnh mẽ, quyết liệt, với một sức mạnh phi thường

* Động từ+ danh từ: xách búa, ra tay, đánh tan, đập bể-> Nhấn mạnh tư thế chủ động, kiên quyết, kiên cường.

- Số từ và lượng từ: năm, bảy, mấy, trăm”-> Gợi thiên nhiên vũ trụ hùng vĩ to lớn.

-> Tư thế con người làm chủ thiên nhiên và chinh phục thiên nhiên

**Câu 4:** Tư thế người tù cách mạng ta nên hiểu theo 2 nghĩa:

+ Nghĩa thực: Người tù trong tư thế làm việc “đập đá”

+ Nghĩa ẩn dụ: Là hành động tiêu diệt bọn giặc cướp nước và bán nước

**Câu 5:** Em đồng ý với ý kiến đó vì 4 câu thơ đã làm hiện lên hình ảnh người chiến sĩ trong cảm xúc tự hào, tự do dù chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi, dù sao đập đá trên núi cũng còn hơn nhiều so với ngồi trong xà lim. Đây là khí thế vượt lên hoàn cảnh, làm chủ hoàn cảnh của người tù.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  **Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,**  **Mưa nắng càng bền dạ sắt son.**  **Những kẻ vá trời khi lỡ bước,**  **Gian nan chi kể việc con con!**  **( Ngữ văn 8- Tập 1)**  **Câu 1:** Đoạn trích trên trích từ văn bản nào? Của ai?  **Câu 2:** Nêu nội dung và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?  **Câu 3:** Chỉ ra từ ngữ, biện pháp nghệ thuậtđược sử dụng trong những câu thơ trên và nêu tác dụng?  **Câu 4:** Cụm từ “lỡ bước” cho em hiểu thêm điều gì về thái độ của người tù?  **Câu 5:** Em hiểu nghĩa câu thơ “Gian nan chi kể việc con con” là như thế nào? Nhận xét về giọng điệu 4 câu thơ cuối? |

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Đoạn trích trên trích từ văn bản “Đập đá ở Côn Lôn” của tác giả Phan Châu Trinh.

**Câu 2:**

**-** Nội dung: Ý chí của người tù cách mạng

- Phương thức biểu đạt chính : Biểu cảm

**Câu 3:**

- Phép đối giữa câu 5-6( tháng ngày- mưa nắng, thân sành sỏi- dạ sắt son, bao quản- càng bền)

- Đối lập giữa thời gian và công việc và khó khăn, thời tiết, giữa vật chất và tinh thần, sẵn sàng chấp nhận và vượt qua

->Tg muốn khẳng định cái chí lớn, cái quyết tâm cao của người tù yêu nước. Không có khó khăn nào, công việc gian khổ nặng nhọc nào có thể làm chùn bước làm thay đổi, lung lay quyết tâm và ý chí của người tù trên đảo. Càng khó khăn càng bền chí, càng gian khổ, càng son sắt một lòng.

- Nt Ẩn dụ

+ “Tháng ngày”|( thời gian), “nắng mưa”( hoàn cảnh) ->thời gian dài đằng đẵng với những khó khăn gian khổ của hoàn cảnh

+ “sành sỏi” -> dạn dày, từng trải, giàu kinh nghiệm.

+ “sắt son” -> thủy chung, thắm thiết không thay đổi.

+ “ Những kẻ vá trời khi lỡ bước” -> gợi đến hình ảnh kì vĩ Nữ Oa đội đá, vá trời trong thần thoại Trung Hoa- khiến hình ảnh người tù không hề nhỏ bé, tả tơi

khốn khổ mà vụt lớn bổng lên theo chiều kích, tầm vóc mới- tầm vóc thần thoại hào hùng, lãng mạn.

=> Ý chí kiên cường, không chịu khuất phục hoàn cảnh và niềm tin sắt son vào sự nghiệp của mình

**Câu 4:** -Khi làm việc lớn những gian khổ, khó khăn gặp phải là điều tất yếu, đón nhận gian khổ một cách vui vẻ, bản lĩnh, tự tin.

**Câu 5:**

- Gian nan: khó khăn thử thách khi lỡ bước

- Từ láy “con con”- nhấn mạnh sự ung dung ngạo nghễ, thản nhiên coi đó là điều tất yếu

=> Thái độ coi thường, coi khinh, ung dung, tư thế ngạo nghễ khi đối diện với thử thách này-> xem thường gian nan thử thách

- Giọng điệu ngang tàng, ngạo ngễ

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| Đọc lại bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” của tác giả Phan Châu Trinh và trả lời câu hỏi sau:.  **Câu 1:** Có ý kiến cho rằng “ Câu thơ cuối bài đã gửi đến cho người đọc một bức thông điệp về tinh thần kiên cường, ý chí sắt đá, tinh thần vượt mọi gian khổ truyền đến thế hệ mai sau” ý kiến em như thế nào?  **Câu 2:** Nhan đề bài thơ có ý nghĩa gì?  **Câu 3:** Viết một đoạn văn ngắn (7-10 câu) theo kiểu diễn dịch, nêu cảm nhận của em về hình ảnh người tù cách mạng trong bài thơ có sử dụng một câu ghép ( gạch chân và chỉ rõ mối quan hệ giữa các vế của câu ghép)? Tài liệu Thu Nguyễn |

*Gợi ý:*

**Câu 1:** Em đồng ý với ý kiến đó bởi vì cả bài thơ công việc đập đá chỉ là cái cớ để người tù bộc lộ cảm xúc, ý chí sắt đá, tinh thần vượt mọi gian khổ tin tưởng vào tương lai

**Câu 2:** Nhan đề bài thơ có ý nghĩa :

- Nghĩa thực: Công vịêc đập đá ở Côn Lôn mà tác giả phải trải qua.

- Nghĩa biểu tượng: Hình ảnh con người làm việc trong tư thế chinh phục thiên nhiên, tư thế chinh phục thử thách.

**Câu 3:** Viết một đoạn văn ngắn (5-7 câu) nêu cảm nhận của em về hình ảnh người tù cách mạng trong bài thơ?

**\*\*Mở đoạn( câu chủ đề): Gới thiêu tác giả, văn bản, nội dung đoạn trích.**

**Tham khảo:** Bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” của tác giả Phan Châu Trinh được ông sáng tác trong thời gian bị tù đầy ngoài Côn Lôn đã rất thành công trong việc thể hiện hình ảnh người tù cách mạng với vẻ đẹp lẫm liệt, ngang tàng của người anh hùng cứu nước dù gặp gian nguy vẫn không sờn lòng đổi chí.

**\*\*Thân đoạn:** Hình ảnh người tù hiện lên qua 2 phương diện:

- Tư thế (4 câu đầu): Tư thế con người làm chủ thiên nhiên và chinh phục thiên nhiên

+ Tư thế của một đấng nam nhi, không phỉa sóng trong cảnh “vợ bìu con ríu” hoặc khom lưng quì gối ở chốn quan trường mà là “đứng giữa đất Côn Lôn”, một nhà từ, một địa ngục.

**+ Đầu/ đội trời, chân/ đạp đất, tai nghe/ sóng vỗ suốt đêm.( Câu ghép có 3 vế chỉ quan hệ tăng tiến)**

+ Công việc đập đá, công việc lao động khổ sai là một thử thách vô cùng nặng nề, nhưng đối với kẻ làm trai càng thể hiện khí phách, uy dũng của mình “**Lừng lẫy làm cho lở núi non.”**

+ Một khẩu khí mạnh mẽ, một lối nói khoa trương đầy ấn tượng về chí nam nhi: sẵn sàng chấp nhận thử thách, sống ngang tàng, hiên ngang.

- Ý chí( 4 câu cuối): Ý chí kiên cường, không chịu khuất phục hoàn cảnh và niềm tin sắt son vào sự nghiệp của mình.

+ Tác giả đã sử dụng hình ảnh tượng trưng và ẩn dụ rất đặc sắc. “ Tháng ngày” chỉ thười gian bị tù đày, bị khổ sai kéo dài; “ mưa nắng” tượng trưng cho gian khổ, gian nan, cho mọi nhục hình đầy đọa. “ Thân sành sỏi”, “ dạ sắt son” laf hai ẩn dụ nói lên chí khí bền vững, lòng son sắt thủy chung đối với nước, với dân của một đấng nam nhi có chí lớn.

+ Tác giả đã mượn sự tích “ vá trời” của bà nữ Oa để nói lên ý chí lớn làm cách mạng, cứu nước, cứu dân.

**\*\*Câu kết( 1 câu):** Khẳng định lại một lần nữa hình ảnh người tù cách mạng.

**Tham khảo:** Có thể nói, với thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, với những hình ảnh tượng trưng và các ẩn dụ đặc sắc bài thơ đã khắc họa sâu sắc vẻ đẹp của người tù cách mạng hiên ngang, lạc quan, một tấm lòng thủy chung với nước, với dân, với sự nghiệp cách mạng của người chiến sĩ. Tài liệu Thu Nguyễn

**B. THUYẾT MINH VỀ THỂ LOẠI VĂN HỌC**

**DÀN Ý CHUNG THAM KHẢO CHO THỂ LOẠI VĂN HỌC**

*\* Mở bài:*  Giới thiệu khái quát về thể loại được thuyết minh.

*\* Thân bài*

- Đưa ra giải thích, khái niệm về tên gọi của thể loại đó.

-  Phạm vi thể loại này thường hay xuất hiện.

- Hình thức chủ yếu của thể loại đó bao gồm những đặc điểm nào: bằng, trắc, niêm, vần, ngắt nhịp...

\* Kết bài: Việc sử dụng thể loại văn học này có ý nghĩa gì trong việc thế hiện nội dung, tư tưởng của tác phẩm.

**DÀN Ý CHUNG THAM KHẢO CHO TÁC GIẢ, TÁC PHẨM**

*\* Mở bài:* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phấm (tên gọi, nội dung khái quát).

*\* Thân bài:*

+ TÁC GIẢ

- Tên gọi, năm sinh, năm mất, quê quán, xuất thân.

- Ọuá trình sáng tác văn học.

- Tác phẩm tiêu biểu.

- Những đóng góp cho nền văn học.

+ TẢC PHẮM

-  Sự ra đời của tác phẩm trong hoàn cảnh nào.

-  Nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

*\* Kết bài*

- Nêu suy nghĩ của em về tác giả, tác phẩm.

- Khẳng định lại giá trị. ý nghĩa của tác giả, tác phẩm trong nền văn học, nghệ thuật.

**I. Đề 1:** **Thuyết minh về thể thơ lục bát.**

**1.** **Mở bài:** Giới thiệu khái quát về thể thơ lục bát: do người Việt sáng tạo, dễ nhớ, dễ thuộc, dễ bộc lộ cảm xúc.

**2. Thân bài.**

**a. Các đặc điểm của thể thơ lục bát:**

\* Số câu, số tiếng:

- Số dòng: Một câu gồm hai dòng (một cặp) gồm: Một dòng có sáu tiếng và một dòng có tám tiếng.

- Số câu: Không giới hạn nhưng khi kết thúc phải dừng lại ở câu tám tiếng.

Một bài thơ lục bát: Có thể có một câu, hai câu, ba câu hay có thể có nhiều câu nối dài.

\* Cách gieo vần:

- Âm tiết cuối của dòng sáu tiếng hiệp vần với âm tiết thứ sáu cuả dòng tám tiếng theo từng cặp. Âm tiết cuối của dòng tám tiếng lại hiệp vần với âm tiết thứ sáu của dòng sáu tiếng nối tiếp. Cứ thế luân chuyển như vậy cho đến hết bài.

- Vần cuối dòng là vần chân, vần ở giữa dòng là vần lưng.

Ví dụ: *Ta về mình có nhớ ta*

*Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.*

*Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi*

*Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.*

*(Việt Bắc – Tố Hữu)*

\* Phối thanh:

- Chỉ bắt buộc: Các tiếng thứ tư phải là vần trắc; các tiếng thứ sáu, thứ tám phải là vần bằng.

- Nhưng câu tám tiếng thì tiếng thứ sáu và tiếng thứ tám phải khác dấu (nếu tiếng trước là dấu huyền thì tiếng sau phải không có dấu và ngược lại).

- Các tiếng thứ một, ba, năm, bảy của cả hai câu sáu tiếng, tám tiếng và âm tiết thứ hai (của cả hai câu) có thể linh động tuỳ ý về bằng trắc

Ví dụ:

Bần thần hương huệ thơm đêm

b t b

Khói nhang vẽ nẻo đường lên Niết Bàn

B t b b

Chân nhang lấm láp tro tàn

b t b

Xăm xăm bóng mẹ trần gian thuở nào.

b t b b

(Mẹ và em – Nguyễn Duy)

\* Nhịp và đối trong thơ lục bát:

- Cách ngắt nhịp khá uyển chuyển và phổ biến là nhịp chẵn: Nhịp 2 / 4, 4/4, 2/2/2/2

Ví dụ:

Vì mây / cho núi / lên trời,

Vì chưng / gió thổi / hoa cười/ với trăng.

Hay:

Gió sao / gió mát / sau lưng

Dạ sao / dạ nhớ / người dưng / thế này?

(Ca dao)

\* Đối: Thơ lục bát không nhất thiết phải sử dụng phép đối. Nhưng đôi khi để làm nổi bật một ý nào đó, người làm thơ có thể sử dụng tiểu đối trong từng cặp hoặc từng câu thơ.

**b. Trường hợp Ngoại lệ**:

\* Lục bát biến thể:

- Số chữ tăng lên: Vần lưng tất nhiên cũng xê dịch theo.

- Thanh: Tiếng thứ hai có thể là thanh trắc:

- Gieo vần: Có thể gieo vần trắc:

**c. Tác dụng của thơ lục bát:**

- Tiếng nói của tâm hồn người Việt, phản ánh đời sống nội tâm phong phú của người Việt.

- Là thể thơ giản dị nhưng biến hóa vô cùng linh hoạt.

- Dễ nhớ, dễ thuộc, chứa chan cảm xúc dễ dàng trở thành những câu hát ru quen thuộc đối với mọi lứa trẻ.

**3. Kết bài**: Đánh giá vị trí của thơ lục bát trong nền văn học Việt Nam.

- Bắt nguồn từ ca dao, dân ca, được phát triển qua các truyện thơ Nôm, các kịch bản ca kịch dân tộc và đạt đến mức hoàn thiện với các thiên tài như Nguyễn Du …

- Được tiếp tục phát huy qua các thế hệ sau như Tố Hữu …

-> Thơ lục bát có sức sống mãnh liệt trong nền thơ ca hiện đại Việt nam.

**II. Đề 2: Thuyết minh về thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu: Trong văn học Việt Nam, đặc biệt là văn học trung đại, thế thơ thất ngôn bát cú Đường luật chiếm một vị trí quan trọng.  
- Các nhà thơ lớn như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du và Chủ tịch Hồ Chí Minh đều có những bài thơ hay viết theo thể thơ này.

**2. Thân bài:**

**a. Giới thiệu xuất xứ của thể thơ:** Xuất hiện từ đời Đường - Trung Quốc và được thâm nhập vào Việt Nam từ rất lâu.

**b. Nêu đặc điểm của thể thơ:**

Cấu trúc bài thơ thất ngôn bát cú gồm 8 câu, mỗi câu 7 chữ. Bài thơ gồm bốn phần: Hai câu đề nêu cảm nghĩ chung về người, cảnh vật, hai câu thực miêu tả chi tiết về cảnh, việc, tình để làm rõ cho cảm xúc nêu ở hai câu đề; hai câu luận: bàn luận, mở rộng cảm xúc, thường nêu ý tưởng chính của nhà thơ; hai câu kết: khép lại bài thơ đồng thời nhấn mạnh những cảm xúc đã được giãi bày ở trên. Cấu trúc như vậy sẽ làm tác giả bộc lộ được tất cả nguồn cảm hứng sáng tác, ngạch cảm xúc mãnh liệt để viết lên những bài thơ bất hủ.

Luật bằng – trắc: Nếu tiếng thứ hai của câu 1 là vẫn bằng thì gọi là thể bằng, là vần trắc thì gọi là thể trắc. Thể thơ quy định rất nghiêm ngặt về luật bằng trắc. Luật bằng trắc này đã tạo nên một mạng âm thanh tinh xảo, uyển chuyển cân đối làm lời thơ cứ du dương như một bản tình ca. Người ta đã có những câu nối vấn đề về luật lệ của bằng trác trong từng tiếng ở mỗi câu thơ: các tiếng nhất - tam - ngũ bất luận còn các tiếng: nhị - tứ - lục phân minh. Tuy nhiên trong quá trình sáng tác bằng sự sáng tạo của mình, các tác giả đã làm giảm bớt tính gò bó, nghiêm ngặt của luật bằng - trắc để tâm hồn lãng mạn có thể bay bổng trong từng câu thơ. Ví dụ trong bài "Qua Đèo Ngang" được viết theo thể bằng:

*"Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà*

 t T b B t T B

*Cỏ cây chen đá lá chen hoa"*

 t B b T t B B

Chẳng hạn bài thơ viết theo luật bằng- trắc: Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác của Phan Bôị Châu như sau :

Vẫn(T) là(B) hào(B) kiệt(T), vẫn(T) là(B)phong(B) lưu(B),

Chạy(T) mỏi(T)chân(B) thì(B) hãy(T)ở(T) tù(B).

Đã(T) khách(T) không(B) nhà(B)trong(B) bốn(T)biển(T),

Lại(T) người(B) có(T) tội(T) giữa(T)năm(B) châu(B)  
- Vế đối, thể thơ có đối ngẫu tương hỗ hoặc đối ngẫu tương phản ở các câu: 3 - 4, 5 – 6. Ở bài thơ "Qua Đèo Ngang" câu 3 - 4 hỗ trợ nhau để bộc lộ sự sống thưa thớt, ít ỏi của con người giữa núi đèo hoang sơ, câu 5-6 cùng bộc lộ nỗi nhớ nước thương nhà của tác giả. Các câu đối cả về từ loại, âm thanh, ý nghĩa.

Ở bài thơ "Qua Đèo Ngang" câu 3 - 4 hỗ trợ nhau để bộc lộ sự sống thưa thớt, ít ỏi của con người giữa núi đèo hoang sơ, câu 5-6 cùng bộc lộ nỗi nhớ nước thương nhà của tác giả. Các câu đối cả về từ loại, âm thanh, ý nghĩa. tài liệu Thu Nguyễn  
- Còn về cách ngắt nhịp của thể thơ, phổ biến là 3 - 4 hoặc 4 - 3 (2 - 2 - 3; 3 - 2 - 2). Cách ngắt nhịp tạo nên một nhịp điệu êm đềm, trôi theo từng dòng cảm xúc của nhà thơ.

VD: Bước tới Đèo Ngang / bóng xế tà.(4/3)

- Về vần, thể thơ thường có vần bằng được gieo ở tiếng cuối các câu 1-2-4-6-8. Vần vừa tạo sự liên kết ý nghĩa vừa có tác dụng tạo nên tính nhạc cho thơ. Ví dụ trong bài "Qua Đèo Ngang”, vẫn được gieo là vần "a".

- Ưu - nhược điểm: Thơ thất ngôn bát cú Đường luật ngắn gọn; hàm súc, cô đọng; giàu nhạc điệu; lời ít, ý nhiều

Nhược điểm: khá gò bó, đòi hỏi niêm, luật chặt chẽ nên không dễ làm.

Tuy thế, thể thơ thất ngôn bát cú phải tuân thủ theo những quy tắc chặt ché, khó có thể làm được những bài thơ hay. Tuy nhiên, nhiều nhà thơ Việt Nam như: Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Khuyến, Tú Xương đã sử dụng thể thơ Đường luật để lại nhiều bài thơ có giá trị.

**3. Kết bài:** Nêu giá trị của thể thơ này.

Ngày soạn T7/15/1/2022

Ngày dạy T2/17/1/2022 Buổi 17

**ÔN TẬP CÁC VĂN BẢN THƠ MỚI**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

***1. Kiến thức:***

- Ôn tập lại kiến thức về thơ Mới, thơ cách mạng

- Ôn tập lại các kiến thức và rèn kĩ năng cảm thụ văn qua bài  *“*Nhớ rừng”

- Nắm được đặc điểm hình thức, chức năng của câu nghi vẫn

***2. Kĩ năng:***

- Kĩ năng huy động kiến thức liên môn

- Rèn kĩ năng đọc, hiểu VB trữ tình, phân tích tâm trạng của nhân vật .

- Tìm và phân tích được tác dụng của câu nghi vấn trong các vb nghệ thuật, sử dụng linh hoạt các kiểu câu trong giao tiếp.

***3. Thái độ:***

- Xác định đúng đắn động cơ học tập.

- Đồng cảm với số phận con người Việt trong những năm tháng lịch sử đen tối, yêu và tự hào về truyền thống yêu nước của dân tộc.

***4. Năng lực hướng tới:***

- Giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, giao tiếp, thưởng thức văn học.

**II. THIẾT BI VÀ HỌC LIỆU:**

1.Giáo viên: Soạn bài, tìm hiểu các tài liệu tham khảo.

2.Học sinh: ôn tập.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG LÊN LỚP:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

**b.Tổ chức thực hiện: Gv yêu cầu h/s thảo luận nhóm bàn**

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ**

? Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của phong trào Thơ mới?

? Thơ mới chính thức ra đời vào thời gian nào

? Thơ cũ do tầng lớp xã hội nào sáng tác, sáng tác theo thể loại nào?

**? Cuộc đấu tranh giữa “thơ cũ” và “Thơ mới” diễn ra nh­­ư thế nào?**

? Những mốc thời gian lịch sử đánh dấu cuộc đấu tranh giữa thơ cũ và Thơ mới

? Trình bày những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Thế Lữ?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s thảo luận theo 2 nhóm

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhân định**

**Gv nghe, nhận xét, đánh giá**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

1. **Mục tiêu:** Giúp h/s hiểu thơ mới, lịch sử phong trào thơ mới, phân biệt thơ mới và thơ cũ. Hiểu về thế Lữ và Nhớ Rừng
2. **Tổ chức thực hiện: H/s ghi nhớ các kiến thức cơ bản**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy - trò** | | **Nội dung kiến thức** |
| **? Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của phong trào Thơ mới**  Tại sao CN lãng mạn trong VH nói chung và Thơ mới nói riêng lại ra đời vào năm 1932  - Tầng lớp tiểu tư­­ sản lâm vào bế tắc, khủng hoảng trầm trọng: thất nghiệp, đời sống bấp bênh, ảnh hư­ởng của tư tưởng tiến bộ (chủ yếu là cuộc cách mạng tháng 10 Nga), phong trào cách mạng tạm thời lắng xuống-> nảy sinh tâm lý dao động.hoang mang=> Thơ mới ra đời. Nó là tiếng nói của giai cấp t­ư sản dân tộc và một bộ phận tiểu t­ư sản trí thức rút khỏi con đ­ường chính trị và quân sự chuyển sang đấu tranh bằng văn hóa. Con đ­ường thơ văn bấy giờ , đối với nhièu thi sĩ là lối thoát ly trong sạch là một nơi có thể gửi gắm nỗi niềm tâm sự: không đánh Pháp, không đi theo cách mạng, làm văn chương- bộc lộ lòng yêu n­­ước” Các tầng lớp t­ư sản trí thức, t­ư sản dân tộc đã tìm thấy trong chủ nghĩa lãng mạn một tiếng thở dài chống chế độ thuộc địa’  (Tr­ường Chinh)  **? Thơ mới chính thức ra đời vào thời gian nào**  **? Thơ cũ do tầng lớp xã hội nào sáng tác, sáng tác theo thể loại nào**  - Thơ cũ là tiếng nói của tầng lớp phong kiến đã thất bại,sáng tác theo thể thơ Đường luật ( Chủ yếu là thất ngôn bát cú), đăng trên Nam phong tạp chí,văn học tạp chí, ...; phản ánh tâm trạng của giai cấp phông kiến đã bị thất bại và đầu hàng đế quốc.Vì thế thơ cũ không bao gồm những sáng tác thơ ca cách mạng làm theo thể thơ Đường luật.  - Thơ mới lãng mạn vừa xuất hiện như một phong trào thì đã mở ngay ra một cuộc cách mạng chống thơ cũ sáo mòn  **? Cuộc đấu tranh giữa “thơ cũ” và “Thơ mới” diễn ra nh­­ư thế nào?**  -Lư­u Trọng Lư­­ giễu các nhà thơ cũ:  ***Đôi lời nhắn nhủ bạn làng Nho***  ***Thơ thẩn,thẩn thơ khéo thẫn thờ***  ***Nắn nót miễn sao nên bốn vế***  ***Chẳng thơ thì cũng cóc cần thơ***  **? Những mốc thời gian lịch sử đánh dấu cuộc đấu tranh giữa thơ cũ và Thơ mới**    - Ngay từ khi mới xuất hiên Thơ mới đã mang khuynh h­­ướng tiêu cực, thoát ly, buồn nản.Trong thời kỳ đầu, nó còn có nhiều yếu tố tích cực. Sang những năm 1936- 1939, văn thơ lãng mạn có sự phân hóa. Con đường đi của Thơ mới ngày càng có hiện t­ượng xuống dốc.  **? Trình bày những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Thế Lữ**  - Thơ mới vừa ra đời, Thế Lữ nh­­ vừng sao đột hiện sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam  **? Đặc điểm phong cách thơ Thế Lữ**  - Đọc những câu thơ: ***Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già*** không ai có thể bĩu môi tr­ước cuộc cách mạng về thi ca đang nổi dậy...Thế Lữ đã làm tan vỡ cái khuôn khổ ngàn năm không di dịch...Đọc bài thơ ***Nhớ rừng***, ta t­ưởng chừng những câu chữ bị xô đẩy, bị dằn vặt bởi một sức mạnh phi th­ường. Thế Lữ như­­ một viên t­ướng điều khiển đội quân Việt ngữ bằng những mệnh lệnh không thể c­ưỡng lại đ­ược.  -Thế Lữ có một số bài thơ ***Nhớ rừng, Tiếng hát bên sông, Giây* *phút chạnh lòn****g* là tiếng vọng của phong trào yêu n­ước những năm 20-30 đ­­ợc cảm nhận ở ph­­ương diện thất bại.  ? Vai trò, vị trí của Thế Lữ trong phong trào Thơ mới  ? Trình bày xuất xứ bài thơ  ? Vị trí của bài thơ trong sự nghiệp thơ ca của Thế Lữ  ? Thái độ tiếp nhận của công chúng thời đó với bài thơ  ? Vì sao bài thơ lại đ­ược tiếp nhận nồng nhiệt như­­ vậy  Gọi học sinh đọc thuộc lòng bài thơ . | **I.Lịch sử phong trào Thơ mới(1932-1945**)  ***1. Hoàn cảnh lịch sử làm xuất hiện phong trào Thơ mới***  - Sự xuất hiện của giai cấp t­­ư sản và tiểu t­ư sản thành thị với những t­­ư tưởng, tình cảm mới, những thị hiếu thẩm mỹ mới cùng sự giao l­ưu văn hóa Đông Tây là nguyên nhân chính làm phong trào Thơ mới ra đời  -Khái niệm "thơ mới" dùng để gọi thể thơ tự do có số chữ, số câu trong bài không hạn định. Nhớ rừng là một ví dụ sinh động  - Thơ mới lãng mạn xuất hiện từ tr­ớc 1930, thi sĩ Tản Đà chính là ng­ười dạo khúc nhạc đầu tiên cho cuộc hòa tấu lãng mạn sau này.  Thơ mới là phong trào thơ ca lãng mạn mang ý thức hệ t­­ư sản và quan điểm ***nghệ thuật vị nghệ thuật***  **2. Cuộc đấu tranh giữa “thơ cũ” và “Thơ mới”**  - Thơ mới chuyển dần từ Nam ra Bắc, lớn tiếng công kích thơ cũ sáo mòn, công thức, hô hào bỏ luật, niêm, đối, bỏ điển tích, sáo ngữ...Thơ mới lần l­ượt đăng trên các tạp chí ở Hà Nội  năm 1933,Lư­­u Trọng Lư­­ cho đăng một loạt thơ mới của mình trong tập “ Ngư­ời sơn nhân”. trong bài Một cuộc cải cách về thơ ca, LTL gọi những ngư­ời làm thơ cũ là “Thợ thơ’. Họ cũng như­­ những ng­ười thợ mộc chỉ lo chạm chìm, chạm nổi, trổ rồng, trổ phượng... nào hay khi chạm trổ xong, ch­­ưa biết dùng vào việc gì thì rồng ph­ượng đã bay về trời hết.  LTL đề nghị các nhà thơ phải mau đem những ý tư­­ởng mới những tình cảm mới thay vào những ý t­ưởng cũ, tình cảm cũ.  - Năm1934-1936 hàng loạt tác phẩm ra đời  - Năm 1936, có thể coi thơ mới thắng thế trong cuộc tranh luận về thể loại  - Từ 1936, tiếng tranh cãi yếu dần, Thơ mới chính thức đư­­ợc dạy trong các trư­­ờng học, đã chiếm ­ưu thế gần như­­ tuyệt đối trong các tạp chí từ Nam ra Bắc  **3. Các thời kỳ phát triển và suy thoái của Thơ mới**  a. Từ 1932- 1939  - Lớp nhà thơ đầu tiên: Thế Lữ, L­­ưu Trọng L­­ư, Huy Thông, Nguyễn Nh­­ược Pháp, Vũ Đình Liên....  - Lớp nhà thơ xuất hiện sau: Xuân Diệu, Huy Cận, Thanh Tịnh, Hàn mặc Tử, Chế Lan Viên, Anh Thơ, Nguyễn Bính,...  b.Từ 1940-1945  Do điều kiện lịch sử, văn chương tự lực văn đoàn cũng như­­ thơ mới sa vào bế tắc, cùng quẫn, xuất hiện nhiều khuynh h­ướng tiêu cực  **II. Thế Lữ- Nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ Mới**  ***1. Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp thơ ca***  a. Cuộc đời và phong cách thơ Thế Lữ  - Thế Lữ (1907 – 1989) – tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ – quê ở Bắc Ninh.  - Là nhà thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới (1932 – 1945).  - Nhà thơ chọn bút danh Thế Lữ ngoài ý nghĩa để chơi chữ còn ngụ ý tự nhận mình là ng­­ời khách tiên của trần thế, chỉ biết đi tìm cái đẹp:  ***Tôi là ng­­ười bộ hành phiêu lãng***  ***Đ­ường trần gian xuôi ng­ược để vui chơi...***  ***Tôi chỉ là người khách tình si***  ***Ham cái đẹp muôn hình muôn vẻ***  - Đặc điểm phong cách thơ Thế Lữ: Giọng thơ biễn hoá du dương, lôi cuốn. ý thơ rộng mở, giọng thơ mượt mà đầy màu sắc. hình tượng thơ đa dạng, chan hoà tình thơ, dạt dào về cái đẹp, cái đẹp của âm nhạc, mĩ thuật, vẻ đẹp của nhan sắc thiếu nữ và tình yêu…  - Một số tác phẩm tiêu biểu:  ***+ Tiếng trúc tuyệt vời***  ***+ Tiếng sáo thiên thai***  ***+ Bên sông đ­ưa khách***  ***+ Cây đàn muôn điệu***  ***b. Đóng góp của Thế Lữ cho phong trào thơ Mới***  - Thế Lữ không bàn về Thơ mới, không bênh vực Thơ mới, không bút chiến, không diễn thuyết. Thế Lữ chỉ lặng lẽ, điềm nhiên b­ước những b­ước vững vàng mà trong khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ x­a phải tan rã.  - Thơ Thế Lữ về thể cách mới không chút rụt rè, mới từ số câu, số chữ, cách bỏ vần cho đến tiết tấu âm thanh.  - Thơ Thế Lữ là nơi hẹn hò giữa hai nguồn thi cảm: nẻo về quá khứ mơ màng, nẻo tới t­ương lai và thực tế...Sau một hồi mơ mộng vẩn vơ, thơ TL như­­ một luồng gió lạ xui ng­ười ta biết say s­ưa với cái xán lạn của cuộc đời thực tế, biết c­ười cùng hoa nở chim kêu.  - Thơ ông mang nặng tâm sự thời thế đất n­ước.  -> Thế Lữ không những là ng­ười cắm ngọn cờ thắng lợi cho phong trào Thơ mới mà còn là nhà thơ tiêu biểu nhất cho phong trào Thơ mới thời kì đầu.  ***c. Tác phẩm “Nhớ rừng”***  - Là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Thế Lữ và là tác phẩm mở đ­­ường cho sự thắng lợi của Thơ mới  - Nhớ rừng là lời con hổ trong v­ườn bách thú.Tác giả m­ượn lời con hổ để nói lên tâm sự u uất của lớp thanh niên thế hệ 1930- đó là những thanh niên trí thức Tây học vừa thức tỉnh ý thức cá nhân cảm thấy bất hòa sâu sắc với thực tại xã hội tù túng, ngột ngạt đ­ương thời. Họ khao khát cái tôi cá nhân đ­ược khẳng định và phát triển trong một cuộc đời rộng lớn, tự do. Đó cũng đồng thời là tâm sự chung của ng­ười dân mất n­­ớc bấy giờ. Vì vậy*,* ***Nhớ* *rừng*** đã có đ­ược sự đồng cảm đặc biệt rộng rãi, có tiếng vang lớn. Có thể coi ***Nhớ rừng*** như­­ một áng văn thơ yêu n­ước tiếp nối mạch thơ trữ tình yêu n­ước hợp pháp đầu thế kỷ XX.  - Bài thơ tràn trề cảm hứng lãng mạn: thân tù hãm mà hồn vẫn sôi sục, khao khát tự do.Cảm thấy bất hòa sâu sắc với thực tại tầm th­ường tù túng như­­ng không có cách gì thoát ra đ­ược, nó chỉ biết buông mình trong mộng tưởng để thoát ly hẳn cái thực tại đó, tìm đến một thế giới khoáng đạt, mạnh mẽ, phi th­ường. |

**Hoạt động 3 : Luyện tập**

a) Mục tiêu: Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV đặt câu hỏi :** GV y/c HS luyện đề đọc hiểu

- G tổ chức cho H luyện đề đọc hiểu

**ĐỀ 1: Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

Nhà thơ phản ánh rất thành công nỗi bất bình sâu sắc và niềm khao khát tự do mãnh liệt của chúa sơn lâm trước thực tại tù túng, ngột ngạt. Bút pháp khoa trương của tác giả đã đạt tới độ thần diệu. Trong cảnh giam cầm, hổ chỉ còn biết gửi hồn về chốn nước non hùng vĩ, giang sơn của giống hầm thiêng ngự trị tự ngàn xưa. Bất bình với hiện tại nhưng không thể thoát khỏi xích xiềng nô lệ vị chúa tể sơn lâm đầy uy vũ ngày nào giờ đành buông xuôi, tự an ủi mình bằng những giấc mộng ngàn to lớn trong quãng đời tù túng còn lại. Một nỗi buồn tê tái thấm đẫm tâm hồn. Than ôi! Quá khứ hào hùng oanh liệt giờ chỉ còn hiện lên trong giấc mộng! Tự đáy lòng vị chúa tể rừng xanh bật thốt lên

tiếng than ai oán: Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!

Câu 1: Lời nhận xét viết về bài thơ nào? Tác giả là ai?

Câu 2: Em hãy chép nguyên văn bốn câu thơ mà em thích trong bài thơ ấy?

Câu 3: “Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!” thuộc kiểu câu gì? Nó được dùng để làm gì?

Câu 4: Vì sao nói bài thơ trên thể hiện được lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước thuở ấy? Theo em, thế hệ trẻ ngày nay phải làm gì để thể hiện lòng yêu nước của mình?

**GỢI Ý:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | -Bàithơ Nhớrừngcủa tácgiảThếLữ |
|  | Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt,  Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua.  Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,  Giương mắt bé diễu oai linh rừng thẳm |
|  | - Kiểu câu: cảm thán  - Chức năng: Bộc lộ cảm xúc |
|  | - Vì:  + tâm trạng ngột ngạt, uất ức, tù túng  + nỗi chán ghét thực tại  + niềm khát khao tự do  - HS thể hiện lòng yêu nước (bằng nhiều cách khác nhau): học tốt, tự hào dân tộc, bảo vệ chủ quyền của tổ quốc,.......... |

**ĐỀ 2:**

Cho câu thơ:

*"Đâu những bình minh cây xanh nắng gội"*

*(Ngữ văn 8- tập 2, trang 3)*

***Câu 1***: Chép tiếp 5 câu thơ để tạo thành một đoạn thơ hoàn chỉnh

***Câu 2***: Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm nào? Của ai?

***Câu 3:*** Xác định thể loại của tác phẩm em vừa tìm được. Ý nghĩa của đoạn thơ em vừa chép là gì?

***Câu 4***: Chỉ ra các câu nghi vấn trong đoạn thơ em vừa chép và nêu chức năng của các câu nghi vấn đó.

**GỢI Ý**

|  |  |
| --- | --- |
|  | Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,  Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?  Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng  Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,  Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?  – Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu? |
|  | - Đoạn thơ trích trong văn bản "Nhớ rừng" của Thế Lữ |
|  | - Thể loại: Thơ  - Ý nghĩa của đoạn thơ: Nỗi nhớ cảnh bình minh, hoàng hôn của con hổ trong quá khứ và tâm trạng của nó |
|  | + Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,  Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?  + Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng  Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,  Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?  + Thời oanh liệt nay còn đâu?  => Các câu cầu khiến này dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc |

**ĐỀ 3:**

Cho đoạn thơ sau:

“ *Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt,  
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua.  
Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,  
Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm.  
Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm,  
Để làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi,  
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,  
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự*”

*(Ngữ văn 8- tập 2, trang 3)*

***Câu 1:*** Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Do ai sáng tác? Trình bày hoàn cảnh sáng tác của văn bản ấy.

***Câu 2***: Đại từ: “ta” trong ngữ liệu để chỉ nhân vật nào?

***Câu 3***: Chỉ ra một biện pháp tu từ tiêu biểu được sử dụng trong đoạn thơ và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ đó.

***Câu 4:*** Câu:

“ *Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt,  
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua.  
Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,  
Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm*

thuộc kiểu câu nào theo mục đích nói và có chức năng gì?

***Câu 5:*** Xác định nội dung chính của đoạn thơ trên.

**GỢI Ý:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | - Đoạn thơ trích trong văn bản "Nhớ rừng" của Thế Lữ   * - Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác vào năm 1934, sau được in trong tập Mấy vần thơ- 1935 |
|  | - Đoạn thơ trích trong văn bản "Nhớ rừng" của Thế Lữ |
|  | - Biện pháp tu từ: Nhân hóa  - Tác dụng: Làm cho nhân vật trung tâm là con hổ như mang dáng dấp, tình cảm, suy nghĩ của con người, bởi vây mà nhà thơ có thể diễn đạt thầm kín tâm sự của mình |
|  | - Câu trên là câu trần thuật  - Chức năng: kể và bộc lộ tình cảm, cảm xúc |
|  | - Nội dung chính đoạn thơ: Hình ảnh và tâm trạng con hổ khi bị nhốt trong vườn bách thú |

**ĐỀ 4:**

**Cho câu thơ:**

*“Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu,”* (theo SGK Ngữ văn 8, tập 2)

**Câu 1:** Chép chính xác khổ thơ có câu thơ trên. Cho biết tên bài thơ và nêu ngắn gọn hiểu biết của em về tácgiả.

**Câu 2:** Chỉ rõ trình tự mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình - con hổ - trong bàithơ.

**Câu 3:** Viết một đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu, phân tích để làm rõ thân phận và tâmtrạng của con hổ được thể hiện qua khổ thơ nói trên,trong đoạn có sử dụng một câu cảm thán và một câu hỏi tu từ (gạch chân, chú thích).

**GỢI Ý:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | Chép thuộc thơ  - Tác phẩm : Nhớ rừng  - Hiều biết về tác giả: tác giả Thế Lữ tên thật là Nguyễn Thứ Lễ (1907-1989)  Vị trí: nhà thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới buổi đầu, người góp phần mở đường cho sự thắng lợi của Thơ mới. |
|  | Mạchcảmxúc:cămhờnthựctạitùtúng–hồitưởngquákhứtựdo,huy hoàng- trở về thực tại tầmthường. |
|  | ***a. Hình thức***  + Đoạn văn diễn dịch, đảm bảo số câu theo qui định.  + Trong đoạn có sử dụng một câu cảm thán, một câu hỏi tu từ, có chỉ rõ.  ***b. Về nội dung:*** chỉ rõ các yếu tố nghệ thuật: liệt kê, sử dụng hàng loạt tính từ với sắc thái rõ nét, thể hiện trực tiếp cảm xúc.  => Tái hiện không gian giả tạo, đối lập với không gian thiên tạo ở đoạn trước, là lí do dẫn tới tâm trạng con hổ.  ***Cần đảm bảo các ý sau:***  - Nêuthânphậnconhổ:bịgiamhãm,tùtúngtrongkhungcảnhtầmthường, giả dối, bị mất tựdo.  - Tâm trạng con hổ: nhớ cảnh sơn lâm, nuối tiếc quá khứ chúa tể muôn loài, nên càng khinh ghét những gì thuộc về thực tại, khát khao tựdo.  - Tâm sự thầm kín: nỗi buồn mất nước, lòng yêunước |

**ĐỀ 5:**

**Cho câu thơ:***Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*

**Câu 1:**Chép 9 câu tiếp theo để hoàn thành đoạn thơ.  
**Câu 2:**Trong đoạn thơ em vừa chép kiểu câu (phân theo mục đích nói) nào được sử dụng chủ yếu? Chúng được dùng trực tiếp hay gián tiếp? Nêu ngắn gọn hiệu quả của việc sử dụng kiểu câu ấy trong việc biểu đạt nội dung đoạn thơ.  
**Câu 3:**Câu thơ:"Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?" xét theo mục đích nói thuộc những kiểu câu gì?

**Câu 4:**Viết đoạn văn 15 câu trình bày theo cách diễn dịch làm rõ ý của câu chủ đề sau “Đoạn thơ là bộ tranh tứ bình lộng lẫy hiện ra giữa nỗi nhớ tiếc khôn nguôi và tâm trạng uất hận của con hổ khi sa cơ, thất thế. ” Trong đoạn văn, em sử dụng một câu nghi vấn để bộc lộ cảm xúc (gạch chân câu nghi vấn ấy)

**GỢI Ý:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,  Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?  Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn,  Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?  Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,  Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?  Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng.  Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,  Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?  Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu? |
|  | - Kiểu câu sử dụng chủ yếu là câu nghi vấn  - Cách dùng gián tiếp bộc lộ cảm xúc  - Hiệu quả: khắc họa thành công nỗi nhớ tiếc da diết đầy đau đớn về một quá khứ vàng son và sự bất lực của con hổ ở hiện tại |
|  | - “Than ôi!” là câu cảm thán (Vì có kết thúc là dấu chấm cảm và có từ cảm thán)  - “Thời oanh liệt nay còn đâu?” là câu nghi vấn |
|  | - Hình thức  Đúng đoạn diễn dịch đủ độ dài theo yêu cầu mạch lạc đúng chính tả và ngữ pháp  Có câu nghi vấn bộc lộ cảm xúc  - Nội dung  Vẻ đẹp thơ mộng và hùng vĩ của bốn bức tranh ở 4 thời điểm khác nhau  + Cảnh đêm trăng đẹp, thơ mộng, hổ như 1 thi sĩ…  + Cảnh ngày mưa rừng dữ dội…  + Cảnh bình minh tươi đẹp rực rỡ…  + Cảnh hoàng hôn đỏ rực màu máu, hổ như một bạo chúa…  Cuộc sống của con hổ trong từng cảnh khi thì lãng mạn, lúc thì trầm tư, khi thì là Đế Vương thanh thản, lúc lại là bạo chúa kiêu ung, nhưng tất cả đã là dĩ vãng. Giờ đây con hổ chỉ còn nỗi nhớ tiếc quá khứ |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giới thiệu về tác giả Thế Lữ và tác phẩm “[Nhớ rừng](https://doctailieu.com/nho-rung-c10509)”.

*Lập dàn ý cho đề sau: “Phân tích tâm trạng của con hổ trong bài “Nhớ rừng” của Thế Lữ*.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc cá nhân, trình bày

- GV lắng nghe

**Bước 3. Báo cáo thảo luận**

- GV gọi h/s trình bày

- Các h/s khác nhận xét bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- HS nhận xét

- GV chốt động viên khuyến khích bằng lời khen.

Hướng dẫn làm bài

- Thế Lữ (1907 -1989) là người hai lần tiên phong trong văn học Việt Nam: người mở đầu cho sự toàn thắng của phong trào Thơ mới và người xây dựng nền móng cho nền kịch nói nước nhà.

- Vai trò của Thế Lữ với thơ mới được Hoài Thanh xác nhận: “Độ ấy thơ mới vừa ra đời. Thế Lữ như vầng sao đột hiện ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam. Dẫu sau này danh vọng Thế Lữ có mờ đi ít nhiều, nhưng người ta không thể không nhìn nhận cái công Thế Lữ đã dựng thành nền Thơ mới ở xứ này. Thế Lữ không bàn về Thơ mới, không bênh vực Thơ mới, không bút chiến, không diễn thuyết. Thế Lữ chỉ lặng lẽ, chỉ điềm nhiên bước vững vàng mà trong khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ xưa phải tan vỡ”.

- Nhớ rừng được coi là thi phẩm tiêu biểu nhất của Thế Lữ . Mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn bách thú, nhà thơ đã diễn tả sâu sắc nỗi chán ghét thực tại giả dối, đọc bằng cảm xúc lãng mạn tràn đầy, bằng sự hoà điều giữa thơ - nhạc - hoạ. Thông qua tâm sự của chúa sơn lâm, tác giả đã khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước lúc bấy giờ. Là một trong những bài thơ hay nhất của Thơ mới chặng đầu (1932 - 1935) góp phần đem lại chiến thắng cho Thơ mới. “Nhớ Rừng” là một bài thơ 8 chữ …..vần liền, vần bằng, trắc hoán vị đều đặn.

*Lập dàn ý cho đề sau: “Phân tích tâm trạng của con hổ trong bài “Nhớ rừng” của Thế Lữ*.

**Hướng dẫn làm bài:**

Mở bài: giới thiệu về tác giả Thế Lữ  và bài thơ *Nhớ rừng* trong đó phải nêu được các điểm nổi bật sau:

* Nêu được Thế Lữ là nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới và tác phẩm *Nhớ rừng*là một trong những bài thơ làm nên tên tuổi của ông
* Nội dung bao trùm cả bài thơ Nhớ rừng là tâm trạng của con hổ khi bị giam tại vườn bách thú để làm trò cười cho người đời. Đồng thời mượn lời con hổ mà tác giả muốn gửi gắm nỗi lòng của mình.

Thân bài: Nêu được ba luận điểm chính sau đây:

* Tâm trạng tủi nhục, phẫn uất, chán ghét thực tại

Luận điểm này được thể hiện rất rõ trong từng lời thơ của tác giả.  Đặc biệt là thủ pháp sử dụng các động từ mạnh như:"gậm","khinh,"ngạo mạn","ngẩn ngơ","giương mắt"...

Chỉ bằng đó thôi tác giả cũng đã lột tả được hết tâm trạng chán ghét, phẫn uất đến tột độ khi đường đường là một chúa tể sơn lâm lại bị giam cầm trong song sắt để làm thú vui,  trò đùa cho người đời.

Tâm trạng của con hổ còn bị đẩy lên đến đỉnh điểm khi hàng ngày phải chứng kiến những cảnh tầm thường,  giả dối trước mắt.

Đó là những cảnh núi giả,  suối giả… mà loài người tạo ra ở vườn bách thú để làm cho sinh động chứ không chân thực như nơi ở trước đây của nó. Và cụm từ :" ghét những cảnh… " được Thế Lữ sử dụng rất tài tình và lột tả đúng tâm trạng của con hổ.

* Tâm trạng tiếc nuối nhớ nhung khi nhớ đến những năm tháng vàng son ở chốn sơn lâm.

Nêu  được tâm trạng của con hổ khi nó vọng tưởng về quá khứ chốn rừng thiêng nước độc. Đồng thời phải nhấn mạnh đến những cảnh vật mà tác giả nhắc đến như: " *thuở tung hoành hống hách, cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già, tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi"....*

Đặc biệt, đắt giá nhất trong đoạn thơ này chính là từ *"nhớ"*. Chỉ mỗi một từ đó thôi mà tác giả đã lột tả được hết tâm trạng của con hổ.  Một con vật hoang dã tưởng chừng như không có cảm xúc lại có thể nhớ về quá khứ hào hùng.

* Khao khát được tự do, được quay trở về chốn hùm thiêng của con hổ

Phải sống trong cũi sắt làm trò cười cho loài người khiến con hổ cảm thấy chán ghét tầm thường. Chính điều đó khiến nó khao khát mãnh liệt được quay trở về là chính nó, được sống thư thái như trước đây ở chốn hùng thiêng.

Nhưng khát khao đó của con hổ không thể thực hiện được bởi vậy mà câu cảm thán :" *than ôi! "* đã bày tỏ nỗi thất vọng của con hổ.

Thông qua tâm trạng của con hổ,  Thế Lữ cũng muốn bày tỏ nỗi lòng của  chính bản thân tác giả. Đồng thời khát khao mãnh liệt và ước mơ về ngày tự do của dân tộc để quay trở về những ngày tháng yên bình.

Kết bài :Khái quát tâm trạng của con hổ đồng thời liên hệ đến thực tiễn tâm trạng của tác giả.

Gv củng cố , dặn dò : về nhà học và soạn bài

Ngày soạn T6/21/1/2022

Ngày dạy T7/22/1/2022 Buổi 18

**ÔN TẬP THƠ MỚI (TT)**

**ÔNG ĐỒ – Vũ Đình Liên**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

- Hiểu sâu sắc hơn về Thơ mới và phong trào Thơ mới.

- Cảm nhận đ­­ược cái hay, cái đẹp về nội dung và nghệ thuật của hai bài thơ.

**II. THIẾT BI VÀ HỌC LIỆU:**

1.Giáo viên: Soạn bài, tìm hiểu các tài liệu tham khảo.

2.Học sinh: ôn tập.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG LÊN LỚP:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

**b.Tổ chức thực hiện: Gv yêu cầu h/s thảo luận nhóm bàn**

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ**

-Giới thiệu Vũ Đình Liên và bài thơ Ông Đồ

-Nêu hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, nghệ thuật , nội dung, ý nghĩa của bài thơ.

-Ý nghĩa của nhan đề bài thơ?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s thảo luận theo 2 nhóm

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhân định**

**Gv nghe, nhận xét, đánh giá**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

1. **Mục tiêu:** Giúp h/s hiểu những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm.hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa, nhan đề bài thơ Ông Đồ.
2. **Tổ chức thực hiện: H/s ghi nhớ các kiến thức cơ bản**

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

**Vũ Đình Liên và bài thơ “Ông đồ”**

1.Tác giả- Tác giả Vũ Đình Liên quê gốc ở thôn Châu Khê, xã Thúc Kháng, huyện [Bình Giang](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_Giang), tỉnh [Hải Dương](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_D%C6%B0%C6%A1ng).

- Ông đỗ [tú tài](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%BA_t%C3%A0i) năm [1932](https://vi.wikipedia.org/wiki/1932), từng dạy học ở các trường: Trường tư thục Thăng Long, Trường Gia Long, Trường nữ sinh Hoài Đức để kiếm sống. Ông học thêm trường Luật đỗ bằng [cử nhân](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%AD_nh%C3%A2n_(h%E1%BB%8Dc_v%E1%BB%8B)), về sau vào làm công chức ở Nha Thương chính (còn gọi là sở Đoan) Hà Nội. Năm [1936](https://vi.wikipedia.org/wiki/1936), ông được biết đến với bài thơ "Ông đồ" đăng trên báo *Tinh Hoa.*

**2. Tác phẩm**

**a.Hoàn cảnh sáng tác bài thơ Ông đồ?**

**Trả lời:** Từ đầu thế kỉ XX, nền văn Hán học và chữ Nho ngày càng suy vi trong đời sống văn hóa Việt Nam, khi mà Tây học du nhập vào Việt Nam, có lẽ vì đó mà hình ảnh những ông đồ đã bị xã hội bỏ quên và dần vắng bóng. Vũ Đình Liên đã viết bài thơ Ông đồ thể hiện niềm ngậm ngùi, day dứt về cảnh cũ, người xưa.

b.Thể thơ: Thơ ngũ ngôn

Đặc điểm: Một câu có 5 tiếng, 4 câu một khổ, bài thơ gồm nhiều khổ. Vần gieo vần chân, vần liền hoặc vần cách.

Tác dụng: Khả năng biểu hiên phong phú, giàu tính trữ tình

3.Nghệ thuật và nội dung

Theo em, bài thơ Ông đồ có những đặc sắc nghệ thuật gì?

* 1. Nghệ thuật

Thể thơ 5 chữ, kết hợp với ngôn ngữ bình dị và súc tích

Giọng thơ trầm lắng, ngậm ngùi

Kết cấu độc đáo, đầu cuối tương ứng

Sử dụng biện pháp nhân hóa kết hợp với việc lựa chọn hình ảnh giản dị nhưng mang tính biểu tượng

Ông đồ là một bài thơ hay. Lời thơ trong sáng, giản dị, nhưng rất hàm súc, “ý tại ngôn ngoại”. Hình ảnh thơ bình dị nhưng đầy gợi cảm, có sức khái quát cao, ví dụ như câu : “Lá vàng rơi trên giấy – Ngoài giời mưa bụi bay”. Bài thơ có kết cấu chặt chẽ theo lối đầu cuối tương ứng (mở đầu là “Mỗi năm hoa đào nỏ – Lại thấy ông đồ già” và kết thúc là “Năm nay đào lại nỏ – Không thấy ông đồ xưa”) tập trung làm nổi bật chủ đề mang tinh thần hoài cổ cảnh đó người đâu. Thể thơ ngũ ngôn đã được sử dụng, khai thác có hiệu quả nghệ thuật cao để diễn tả những tâm tình sâu lắng.

b.Nội dung, ý nghĩa

Giá trị nội dung

Bài thơ Ông đồ với hình cảnh đáng thương của ông đồ thời vắng bóng, thể hiện sâu sắc với tình cảnh đáng thương của ông đồ và niềm thương cảm, nuối tiếc của tác giả với nét văn hóa truyền thống của dân tộc.

Ý nghĩa văn bản Ông đồ?

Trả lời: Văn bản Ông đồ thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của ông đồ và niềm cảm thương, nuối tiếc của tác giả đối với một lớp người, một nét sinh hoạt văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

c.**Ý nghĩa nhan đề Ông đồ?**

**Trả lời**: Ông đồ là người theo học chữ nho nhưng không đỗ đạt, sống bằng nghề dạy học chữ nho, ngày tết thường viết chữ viết câu đối thuê.

Trả lời: Văn bản Ông đồ thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của ông đồ và niềm cảm thương, nuối tiếc của tác giả đối với một lớp người, một nét sinh hoạt văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

4) Từ nội dung bài thơ “Ông đồ”, em rút ra được những bài học gì trong cuộc sống? Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 dòng) nêu suy nghĩ của em về những bài học ấy.

Gợi ý: Bài học về lòng yêu thương con người, sự quan tâm đối với những người xung quanh ta.

- Sự trân trọng, gìn giữ và phát huy những nét đẹp văn hóa của dân tộc

Bài thơ " Ông đồ" đã gợi cho em bài học sâu sắc về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong cuộc sống ngày nay. TRong bài thơ, hiện lên là hình ảnh ông đồ ở hai thời kì khác nhau, giữa quá khứ và hiện tại. Nếu như trước đây, ông được quý trọng, những nét chữ của ông được " tấm tắc ngợi khen tài" bao nhiêu thì đến đây, ông lại bị người đời quay lưng, bị quên lãng. Ông đồ chính là hình ảnh về một nếp văn hóa mang bản sắc của dân tộc, đó là tục xin chữ ngày Tết. Có thể nói, công cuộc đổi mới đã đem lại một sự khởi sắc rõ rệt cho nền kinh tế Việt Nam, nhưng bên cạnh đó, nó cũng đặt ra nhiều vấn đề đáng suy nghĩ, đặc biệt là về văn hoá. Sự giao lưu với các nền văn hoá bên ngoài đã giúp chúng ta tiếp nhận được nhiều thành tựu mới của văn hoá thế giới nhưng cũng mở đường cho nguy cơ đánh mất bản sắc văn hoá dân tộc. Nguy cơ này đang lan tràn khắp mọi nơi, trong mọi tầng lớp nhân dân.Thực tế đã chứng tỏ, nếu chỉ chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt mà bỏ qua yếu tố văn hoá, nhất là văn hoá dân tộc sẽ dẫn đến hậu quả khó lường như băng hoại các giá trị tinh thần, phá huỷ các phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc... dẫn đến sự bất ổn sâu sắc trong xã hội. Cũng cần phải nhớ rằng " Hòa nhập chứ không hòa tan". Những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc vẫn nên được duy trì, phát huy. Để khi nhìn vào đó, ta thấy cả quá khứ một thời hiện về với những kí ức đẹp nhất.

Giới thiệu về tác giả Vũ Đình Liên và bài thơ Ông đồ

Phong trào Thơ mới ra đời đã thu hút sự quan tâm và chú ý của nhiều thi nhân. Mỗi người đến với văn đàn đã góp một tiếng nói riêng để làm nên bức tranh thi ca đầy màu sắc cho phong trào văn học lúc bấy giờ. Vũ Đình Liên là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới. Ông là nhà thơ sinh năm 1913 và mất năm 1996, quê gốc ở Hải Dương. Dù là nhà thơ của phong trào thơ Mới, có nhiều cách tân trong sáng tác nhưng ông là nhà thơ mang nặng lòng thương người và niềm hoài cổ. Những bài thơ hiếm hoi được biết đến của ông đều mang nặng nỗi niềm hoài cổ, về luỹ tre xưa, về thành quách cũ và "những người muôn năm cũ". Ngoài sáng tác, Vũ Đình Liên còn nghiên cứu, dịch thuật và giảng dạy văn học.

Tuy sáng tác không nhiều nhưng với bài thơ Ông đồ, tác giả đã có vị trí xứng đáng trong phong trào Thơ mới. Bài thơ được sáng tác trong bối cảnh những năm đầu thế kỉ XX, nền Hán học và chữ nho ngày càng mất vị thế quan trọng trong đời sống văn hóa Việt Nam. Chế độ khoa cử phong kiến bị bãi bố và các nhà nho, từ chỗ là nhân vật trung tâm của đời sống văn hoá dân tộc, được xã hội tôn vinh, bỗng trở nên lạc bước trong thời đại mới, bị cuộc đời bỏ quên và cuối cùng là vắng bóng. Bài thơ đã thể hiện sâu sắc niềm cảm thương chân thành trước một lớp người đang tàn tạ và nỗi tiếc nhớ cảnh cũ người xưa của nhà thơ. Ấn tượng với bài thơ còn là những tinh tế trong việc chắt lọc, khéo léo sử dụng ngôn từ và hình ảnh của tác giả, đã góp phần gợi cảm xúc và tâm tư trong người đọc. Bài thơ là tiếng lòng của một tri thức Tây học trẻ tuổi nhìn về quá khứ khi Nho học đi đến hồi kết . Đó cũng là cái nhìn nhân hậu với quá khứ và với những giá trị truyền thống của dân tộc dần bị xao lãng. Vì thế mà tiếng lòng ấy đã tìm được tiếng nói tri âm trong lòng khán giả như hai nhà nghiên cứu và phê bình Hoài Thanh, Hoài Chân đã đánh giá đây là “bài thơ kiệt tác”.

**Hoạt động 3 : Luyện tập**

a) Mục tiêu: Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

H/s làm việc cá nhân

-Viết đoạn văn ngắn cảm nhận về bài thơ Ông Đồ của Vũ Đình Liên  
Mở đoạn: giới thiệu tác giả Vũ Đình Liên, bài thơ Ông đồ (Vì viết đoạn văn nên học sinh lưu ý viết mở đoạn ngắn gọn): Mỗi dịp tết đến xuân về, trong mỗi chúng ta không khỏi thổn thức, có những tục lệ tốt đẹp đang dần bị mai một đi, trong đó phải kể đến tục cho chữ. Tác giả Vũ Đình Liên đã tái hiện thành công ý nghĩa này qua bài thơ Ông đồ.  
Thân đoạn: Khái quát nội dung bài thơ: bài thơ kể về câu chuyện ông đồ những năm tháng ngày xưa được xã hội và mọi người tôn trọng, kính mến, mỗi năm tết đến xuân về lại bày mực viết chữ với đường nét đẹp đẽ. Nhưng càng ngày khi xã hội càng phát triển, con người lãng quên đi ông và không còn tôn vinh tục xin chữ nữa, ông đồ bơ vơ giữa đất trời lúc xuân về.

Nêu cảm nghĩ về bài thơ qua nội dung: bài thơ nói về tục cho chữ trong bản sắc văn hóa dân gian, vốn là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta nhưng đang bị con người lãng quên và mai một đi. Sự mai một này là niềm tiếc nuối cho bao thế hệ con người không chỉ lúc đấy mà còn đến cả thế hệ sau này.

Bài học rút ra: hãy biết bảo vệ những tục lệ truyền thống tốt đẹp của đồng bào, dân tộc ta để dù cho đất nước, xã hội có phát triển thế nào cũng không bị mai một đi và con cháu thời sau cũng luôn nhớ về, biết đến những truyền thống đó.

Kết đoạn: khái quát lại tầm quan trọng của các truyền thống văn hóa đồng thời liên hệ đến trách nhiệm của bản thân: bài thơ đã cho chúng ta cái nhìn chân thực về một khía cạnh văn hóa trong đời sống. Từ đây, mỗi chúng ta cần tự nhìn nhận lại trách nhiệm của bản thân trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và đưa đất nước phát triển tích cực hơn.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Từ tinh thần bài thơ ông đồ hãy viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về việc giữ gìn , phát huy bản sắc dân tộc trong đó có sử dụng 1 câu nghi vấn

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

H/s làm việc cá nhân

Bước 3: báo cáo, thảo luận

H/s trình bày

Bước 4: kết luận, nhận định

Gv lắng nghe, nhận xét, bổ sung.h/s tham khảo.

Theo chiều dài lịch sử, đất nước ta trải qua hơn bốn ngàn năm và kho tàng văn hóa đã được cha ông luôn luôn gìn giữ và truyền lại cho đời sau. Những bản sắc ấy tạo nên sức mạnh dân tộc, gắn kết những người con đất Việt tạo nên bức trường thành đứng vững đến hôm nay.Bản sắc văn hóa dân tộc là tổng hòa những giá trị văn hóa bền vững, phản ánh diện mạo, sắc thái, cốt cách, tâm hồn, tâm lý… của một dân tộc, được thường xuyên hun đúc, bổ sung và lan tỏa trong lịch sử dân tộc, trở thành tài sản tinh thần đặc sắc, tạo nên sức mạnh gắn kết cộng đồng.Xin chữ đầu năm để cầu mong may mắn, sức khỏe, phúc lộc hay bình an là nét đẹp truyền thống của dân tộc ta mỗi khi tết đến xuân về. Cùng với bánh trưng xanh, đôi câu đối trên giấy đỏ thắm được treo trang trọng trong mỗi căn nhà. Hình ảnh ông đồ với bút nghiên và giấy mực, chăm chút và gửi hồn cho từng nét chữ trên phố đông người qua lại như biểu tượng cho một dân tộc hiếu học, đề cao con chữ. Thế nhưng, nét văn hóa ấy dần bị đổi thay theo năm tháng, các thầy đồ ngày cằng vắng bóng trong những ngày tết Nguyên đán. Chúng ta không khỏi ngậm ngùi, xót thương và suy ngẫm cho một phong tục văn hóa ngày một suy tàn. Bởi phong tục ấy gắn với cả một thời kì dài phát triển rực rỡ của nho học dân tộcKhông chỉ phong tục xin chữ ông đồ đầu năm ngày càng phai nhạt, hiện nay nhiều giá trị văn hóa truyền thống cũng đang đứng trước nguy cơ mai một. Có thể kể đến các loại hình sân khấu truyền thống như múa rối nước, cải lương… ngày càng vắng bóng khán giả hay các lễ hội dân gian ngày càng xa lạ với giới trẻ. Đó là những hồi chuông cảnh báo về tình trạng xa rời văn hóa truyền thống trong một bộ phận giới trẻ hiện nay. Nguyên nhân là bởi sự hấp dẫn của những văn hóa du nhập từ nước ngoài hay những trò chơi điện tử, mạng xã hội. Điều ấy khiến những người trẻ không còn hiểu và tự hào về một thời kì rực rỡ của lịch sử dân tộc, của bao công sức mà thế hệ cha ông đã gìn giữ và lưu truyền Một dân tộc không còn giữ được bản sắc văn hóa sẽ là một dân tộc dần suy tàn.Trong xu thế hiện đại, hội nhập về văn hóa là điều không tránh khỏi và góp phần làm đa dạng nền văn hóa của đất nước. Nhưng “hòa nhập mà không hòa tan” là điều chúng ta cần hướng đến. Học hỏi để làm đa dạng, giàu có nền văn hóa đất nước là điều cần thiết nhưng bảo tồn và phát huy truyền thống vẫn cần được chú trọng. Đưa các loại hình sân khấu truyền thống vào trường học, giữ gìn và giáo dục con cháu về các phong tục tập quán truyền thống trong mỗi gia đình vào dịp dễ tết… sẽ giúp thế hệ trẻ hiểu và yêu hơn những tinh hoa dân tộc.Như vậy việc bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống là nhiệm vụ và trách nhiệm của mỗi người trẻ chúng ta hiện nay. Việc tiếp thu có chọn lọc văn hóa ngoại quốc là điều rất cần thiết. Kho sử về văn hóa dân tộc được viết tiếp và phát triển đến đâu, chính là nhờ trái tim và khối óc của thế hệ trẻ chúng ta hôm nay cùng nhau vun đắp **.**Tham khảo 2:

Trong thời kì hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, vấn đề giữ gìn, bảo tồn di sản văn hóa dân tộc của thanh niên, học sinh là một trong những việc làm hết sức cần thiết và quan trọng. Vậy di sản văn học dân tộc là gì và tại sao chúng ta phải bảo vệ nó, coi nó như "của quý". Di sản văn hóa dân tộc chính là những giá trị văn hóa tốt đẹp, là tinh hoa của đất nước được đúc kết qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữa nước. Bảo vệ nó chính là bảo vệ cái cốt lõi, nền tảng của Tổ quốc. Thực tế trong cuộc sống hiện nay cho chúng ta thấy có rất nhiều bạn trẻ đang nỗ lực thực hiện trách nhiệm cao cả này. Các bạn không những gìn giữ nó mà còn tuyên truyền, giới thiệu di sản văn hóa dân tộc cho thế giới. Tuy nhiên, cạnh đó vẫn còn có những kẻ chà đạp lên giá trị của dân tộc. Đây là một hành động đáng bị xã hội lên án. Thật vậy, bảo vệ gìn giữ di sản văn hóa dân tộc là một trong những việc thiết yếu, nếu đánh mất đi nó thì nước ta sẽ không có điểm riêng biệt với nước bạn. Có lẽ vì vậy, hãy chung tay cùng nhau bảo vệ nó, hãy nhớ rằng "ta hòa nhập nhưng không hòa tan".

Tk3 Bài thơ " Ông đồ" đã gợi cho em bài học sâu sắc về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong cuộc sống ngày nay. TRong bài thơ, hiện lên là hình ảnh ông đồ ở hai thời kì khác nhau, giữa quá khứ và hiện tại. Nếu như trước đây, ông được quý trọng, những nét chữ của ông được " tấm tắc ngợi khen tài" bao nhiêu thì đến đây, ông lại bị người đời quay lưng, bị quên lãng. Ông đồ chính là hình ảnh về một nếp văn hóa mang bản sắc của dân tộc, đó là tục xin chữ ngày Tết. Có thể nói, công cuộc đổi mới đã đem lại một sự khởi sắc rõ rệt cho nền kinh tế Việt Nam, nhưng bên cạnh đó, nó cũng đặt ra nhiều vấn đề đáng suy nghĩ, đặc biệt là về văn hoá. Sự giao lưu với các nền văn hoá bên ngoài đã giúp chúng ta tiếp nhận được nhiều thành tựu mới của văn hoá thế giới nhưng cũng mở đường cho nguy cơ đánh mất bản sắc văn hoá dân tộc. Nguy cơ này đang lan tràn khắp mọi nơi, trong mọi tầng lớp nhân dân.Thực tế đã chứng tỏ, nếu chỉ chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt mà bỏ qua yếu tố văn hoá, nhất là văn hoá dân tộc sẽ dẫn đến hậu quả khó lường như băng hoại các giá trị tinh thần, phá huỷ các phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc... dẫn đến sự bất ổn sâu sắc trong xã hội. Cũng cần phải nhớ rằng " Hòa nhập chứ không hòa tan". Những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc vẫn nên được duy trì, phát huy. Để khi nhìn vào đó, ta thấy cả quá khứ một thời hiện về với những kí ức đẹp nhất.

Ngày soạn T7/5/2/2022

Ngày dạy T2/7/2/2022

Buổi 19

**ÔN TẬP VĂN BẢN THƠ MỚI (TT)**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Về kiến thức :**

- Ôn tập văn bản “Quê hương” (Tế Hanh). Qua đó cảm nhận được cái hay cái đẹp của bài thơ.

- Tích hợp về câu nghi vấn, những chức năng khác của câu nghi vấn; cách sử dụng

**2. Về kĩ năng:** Rèn các kĩ năng đọc diễn cảm, phân tích cảm thụ thơ mới – 8 chữ; rèn kĩ năng sử dụng câu nghi vấn trong cách tạo lập văn bản

+ Rèn kĩ năng suy nghĩ sáng tạo; Xác định giá trị bản thân; Kĩ năng giao tiếp.

**3. Về thái độ:** Bồi dưỡng giáo dục HS lòng yêu quê hương, yêu lao động; ý thức học tập bộ môn.

**4. Định hướng phát triển năng lực:**

+ NLC: Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân...

+ NLCB: Năng lực đọc – hiểu; năng lực cảm thụ thẩm mỹ; năng lực giao tiếp tiếng Việt; năng lực thưởng thức văn học; năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực phân tích,..

**II.THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU DẠY HỌC**

1.Gv: thiết kế bài dạy

2.H/s : ôn tập chuẩn bài Quê hương

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

**b.Tổ chức thực hiện: Gv yêu cầu h/s thảo luận nhóm bàn**

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ**

-Giới thiệu Tế Hanh và Quê Hương

-Nêu hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, nghệ thuật , nội dung, ý nghĩa của bài thơ.

-Ý nghĩa của nhan đề bài thơ?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s thảo luận theo 2 nhóm

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhân định**

**Gv nghe, nhận xét, đánh giá**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**SẢN PHẨM DỰ KIẾN**

**I.Tác giả, tác phẩm**

***1. Tác giả:***

+ Tế Hanh (1921-2009)

+ Ông có mặt ở chặng cuối của phong trào Thơ mới

+ Được biết đến nhiều nhất với những bài thơ thể hiện nỗi nhớ quê hương da diết và niềm khao khát đất nước được thống nhất.

***2. Tác phẩm:***

***\* Xuất xứ***

- Bài thơ được rút trong tập Nghẹn ngào (1939), sau in lại trong tập ”Hoa niên” (1945)

**\* Thể thơ**: Bài thơ được viết theo thể 8 chữ, kết hợp cả 2 kiểu gieo vần: liên tiếp và gián cách.

**\* Bố cục:**

+Phần 1: 8 câu đầu giới thiệu chung về "làng tôi" và cảnh dân chài ra khơi;

+ Phần 2: 8 câu tiếp theo là cảnh thuyền cá về bến;

+Phần 3: khổ cuối bộc lộ tình cảm của tác giả đối với quê hương.

**\*Chủ đề:** Nhà thơ đã viết “Quê hương” bằng cả tấm lòng yêu mến thiên nhiên thơ mộng và hùng tráng của quê hương, mến yêu những con người lao động tràn trề sức lực; bằng những kỉ niệm sâu đậm, nồng nàn của thời niên thiếu.

**3. Giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

**\* Nội dung:** Bài thơ “***Quê hương***” tái hiện phong cảnh, cuộc sống và con người làng chài trong nỗi nhớ của người xa quê. Tình yêu quê hương, sự gắn bó sâu sắc, thấu hiểu tinh tế người và cảnh quê hương đã giúp nhà thơ thổi hồn vào cảnh vật, làm cho hình ảnh quê vừa chân thực vừa có vẻ đẹp khoẻ khoắn đầy lãng mạn.

- Bức tranh làng chài tươi sáng, khoẻ mạnh.

**\* Những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ “*Quê hương*”:**

- Sự sáng tạo hình ảnh thơ: Những hình ảnh lãng mạn bay bổng nên thơ đã đưa người đọc vào những cảm xúc chân thành về quê hương. Sự sáng tạo đó không chỉ thể hiện tài năng mà còn là tấm lòng của nhà thơ với quê hương.

Luyện t

**.** Hình ảnh chiếc thuyền – đặc trưng của làng quê biển là hình ảnh trở đi trở lại trong nỗi nhớ quê hương da diết của Tế Hanh.

**Hoạt động 3: Luyện Tập**

**Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

BT1:a. Chép chính xác những câu thơ miêu tả chiếc thuyền trong bài “Quê hương”

b Nêu cảm nhận về câu thơ trên.

**BT2.Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

“Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ

Màu nước xanh cá bạc chiếc buồm vôi

Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá” (NV 8 –HK II)

a. Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b.Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong đoạn thơ trên?

c.Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ và nêu cảm nhận về đoạn thơ trên

BT3.Qua bài thơ Quê Hương của tác giả Tế Hanh. Em hãy viết bài văn nghị luận ngắn nêu cảm nhận của mình về tình yêu quê hương đất nước

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s làm việc cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

H/s báo cáo

**Bước 4: kết luận, nhận định**

**BT1. Bài tập 1**

**a. Những câu thơ miêu tả chiếc thuyền:**

**+ *“****Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã  
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang”*

***+*** *“Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vở”*

*+ “Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi  
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá”*

**b.Cảm nhận**

- Mở đầu bài thơ là hình ảnh con thuyền hiện lên trong buổi dân trai tráng đi đánh cá, giữa một không gian bình minh rực rỡ. Bằng biện pháp so sánh “*chiếc thuyền như con tuấn mã*” và một loạt các động từ, tính từ gợi tả *“hăng”, “phăng”, “vượt”* đã vẽ ra trước mắt ta hình ảnh một con thuyền dũng mãnh, khỏe khoắn đang băng mình lướt sóng ra khơi. Con thuyền ấy, như mang theo sức sống, cái khí thế hăng hái, phấn chấn của dân làng chài yêu lao động. Đây là hình ảnh thơ mang đậm màu sắc hùng tráng. Con thuyền vốn bình dị, quen thuộc nhưng qua ngòi bút tạo hình của nhà thơ bỗng trở nên lớn lao, thơ mộng vô cùng.

- Nếu như những câu thơ mở đầu có nhịp điệu nhanh, giọng điệu sôi nổi thì khi con thuyền trở về bến, giọng điệu thơ như lắng lại, thư thái, nhẹ nhàng.

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về năm  
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

+ Biện pháp nhân hóa: “*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*” diễn tả trạng thái nghỉ ngơi sau một ngày vật lộn trên biển của con thuyền. Cũng giống như những ngư dân vừa trở về sau chuyến đi xa, dù mỏi mệt nhưng con thuyền vẫn hài lòng, say sưa với kết quả của chuyến đi biển. Bên cạnh đó nhà thơ còn sử dụng khéo léo nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác với sự kết hợp hài hòa của ba giác quan: Thính giác, vị giác, xúc giác khiến hình ảnh con thuyền hiện lên rõ nét. Nó như nằm yên lặng trầm ngâm, suy tư để cảm nhận vị mặn mòi của đại dương như thấm dần trong từng thớ gỗ của mình.

- Kết thúc bài thơ, nhà thơ đã trực tiếp nói về nỗi nhớ làng quê khôn nguôi của mình. Nỗi nhớ chân thành, tha thiết nên lời thơ thật giản dị, tự nhiên như thốt ra từ trái tim:

-Hình ảnh con thuyền còn là hình ảnh ẩn dụ đặc sắc, một biểu tượng bình dị mà thiêng liêng về làng quê biển. Vẻ đẹp khoẻ khoắn của nó cũng chính là nét đẹp của người dân chài được sinh ra, lớn lên và tôi luyện qua bao mùa sóng ở đây.

. Nêu cảm nhận của em về những câu thơ trên.

**BT2.Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

“Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ

Màu nước xanh cá bạc chiếc buồm vôi

Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá” (NV 8 –HK II)

a. Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b.Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong đoạn thơ trên?

c.Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ và nêu cảm nhận về đoạn thơ trên

**2.Bài tập 2**

**Gợi ý**

**a.** - Đoạn thơ trên trích trong bài thơ: “Quê hương”

- Tác giả: Tế Hanh

**b.**-Thể thơ: 8 chữ

-Phương thức biểu đạt: Biểu cảm

**c. \*. Biện pháp tư từ:**

+Liệt kê: màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi, con thuyền đặc biệt là cái mùi nồng mặn

+Điệp từ “nhớ”

**\*.Cảm nhận nội dung đoạn thơ:**

- Bài thơ “*Quê hương*” của TH là bức tranh thiên nhiên tươi sáng, thơ mộng và hùng tráng từ đời sống lao động hàng ngày của người dân biển. Bài thơ được viết từ nỗi nhớ da diết của người con xa quê. Điều đó được thể hiện tập trung trong những câu thơ cuối bài:

“*Nay xa cách lòng....nồng mặn quá*!”

- Với nghệ thuật liệt kê, nhà thơ đã miêu tả một cách trực tiếp về quê hương làng chài ven biển miền trung trong những cảm xúc sâu lắng, tha thiết: màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi, con thuyền đặc biệt là cái mùi nồng mặn mang hương vị mặn mòi của biển cả, cái ấm nồng của gió cát miền duyên hải. Những hình ảnh, hương vị đặc trưng này được cảm nhận qua tình yêu quê hương tha thiết của nhà thơ.

- Điệp từ “*Nhớ*” xuất hiện ở câu thơ đầu và kết thúc khổ thơ khẳng định nỗi nhớ quê hương, tình yêu quê hương trong sáng, đậm đà của nhà thơ, một người con xa quê hương.

- Ngôn ngữ thơ giản dị, hình ảnh thơ giàu sức biểu cảm, giọng điệu thơ chứa chan cảm xúc là những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn cho đoạn thơ cũng như cả bài thơ. Đọc “*Quê hương*” của Tế Hanh trong lòng mỗi người đọc càng khắc sâu thêm tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước.

BT3.Qua bài thơ Quê Hương của tác giả Tế Hanh. Em hãy viết bài văn nghị luận ngắn nêu cảm nhận của mình về tình yêu quê hương đất nước

Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu về tình yêu quê hương của Tế Hanh và bài thơ Quê hương.

Thân bài:

- Tình yêu quê hương được thể hiện qua niềm tự hào khi giới thiệu về quê hương:

+ Lời giới thiệu giản dị, mang nét riêng của người miền biển: lấy thời gian để đo chiều dài của không gian.

+ Lời thơ tha thiết, bồi hồi, chan chứa niềm tự hào về quê hương.

- Tình yêu quê hương còn được thể hiện trong nỗi nhớ về cảnh sinh hoạt, cảnh lao động của người dân chài lưới:

+ Sáu câu thơ tiếp theo là cảnh “dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá” trong một “sớm mai hồng”. Đây vừa là phong cảnh thiên nhiên tươi sáng, vừa là bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống.

Học sinh phân tích những hình ảnh thơ tiêu biểu, độc đáo trong đoạn thơ.

+ Đoạn thơ thứ ba là cảnh dân làng đón đoàn thuyền cá trở về. Bốn câu đầu là một bức tranh lao động náo nhiệt, đầy ắp niềm vui và sự sống, toát ra từ không khí ồn ào, tấp nập, đông vui, từ những chiếc ghe đầy cá, từ những con cá tươi ngon, từ lời cảm tạ chân thành đất trời đã sóng yên bể lặng để đoàn thuyền trở về bình yên. Bốn câu sau miêu tả người dân chài và con thuyền nằm nghỉ trên bến sau chuyến ra khơi. Qua các biện pháp nghệ thuật, sự sáng tạo độc đáo của tác giả, hình ảnh người dân chài vừa chân thực vừa lãng mạn với tầm vóc phi thường… Qua đó thể hiện tâm hồn tinh tế, tài hoa và tình yêu quê hương tha thiết, sâu nặng của Tế Hanh.

- Tình yêu quê hương được thể hiện trực tiếp trong nỗi nhớ khôn nguôi về quê hương của người con khi xa cách:

+ Nỗi nhớ chân thành, tha thiết nên lời thơ giản dị; cách bộc lộ cảm xúc trực tiếp “Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”

+ Hương vị lao động làng chài chính là hương vị riêng đầy quyến rũ của quê hương. Nhà thơ đã cảm nhận được chất thơ trong cuộc sống lao động hàng ngày của người dân nên hình ảnh thơ tươi sáng, khỏe khoắn, mang hơi thở nồng ấm của lao động, của sự sống.

- Tế Hanh đã sáng tạo được nhiều hình ảnh thơ chân thực nhưng cũng rất đẹp, bay bổng lãng mạn. Nhà thơ đã thổi linh hồn vào những sự vật gần gũi, giản dị khiến cho các sự vật mang một vẻ đẹp, một tầm vó bất ngờ. Từ đó, tình yêu quê hương của Tế Hanh càng trở nên tha thiết, sâu nặng hơn.

Kết bài: Khái quát, khẳng định lại vấn đề.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (Làm theo nhóm), về nhà**

Tham khảo cách thể hiện tình yêu quê hương trong bài thơ Quê hương của Tế Hanh để viết đoạn văn nói về tình yêu quê hương của em.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Chi 3 nhóm làm 3 phần : mở bài, thân bài, kết bài**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Đại diện báo cáo.**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Gv nghe, nhận xét, chốt, kết luận**

Không khí ngày tết đang rộn ràng khắp phố phường, những cánh hoa mai hoa đào đang gọi xuân về. Tôi háo hức chờ đợi ngày được về quê thăm ông bà và ăn Tết. Chuyển lên thành phố từ khi học cấp 2, tôi nhớ quê mình da diết, chỉ mong đến dịp nghỉ hè và tết để được trở về quê nhà. Quê hương tôi là miền quê yên bình với đồng lúa thẳng cánh cò bay, con sông dài trong vắt mà tuổi thơ tôi tắm với lũ bạn sau mỗi buổi chiều. Tôi thích nhất là những mùa khoai, lũ trẻ chúng tôi cùng ông bà đi thu hoạch. Cảm giác ngồi chờ khoai nướng và hít hà mùi thơm của rơm mới, xuýt xoa củ khoai nóng hổi, ngọt bùi đã trở thành kí ức đẹp đẽ và quý giá, ghi dấu trong tôi mãi mãi về sau. Quê hương là bến đỗ bình yên nhất, là nơi luôn sẵn sàng dang tay chào đón ta dù bạn ở đâu, làm gì. Quê hương chính  là nơi để nhớ, để thương, và để trở về...

Ngày soạn T4/16/2/2022

Ngày dạy T5/17/2/2022

Buổi 20

**ÔN TẬP THƠ CÁCH MẠNG VIỆT NAM 30-45**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Về kiến thức :**

- Giới thiệu những nét cơ bản về Tố Hữu và thơ của ông.

- Củng cố kiến thức về văn bản Khi con tu hú

**2. Về kĩ năng:** Rèn các kĩ năng đọc diễn cảm, phân tích cảm thụ thơ CM.

+ Rèn kĩ năng suy nghĩ sáng tạo; Xác định giá trị bản thân; Kĩ năng giao tiếp.

**3. Về thái độ:** Bồi dưỡng giáo dục HS lòng yêu quê hương, yêu lao động; ý thức học tập bộ môn.

**4. Định hướng phát triển năng lực:**

+ NLC: Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân...

+ NLCB: Năng lực đọc – hiểu; năng lực cảm thụ thẩm mỹ; năng lực giao tiếp tiếng Việt; năng lực thưởng thức văn học; năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực phân tích,..

**II.THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU DẠY HỌC**

1.Gv: thiết kế bài dạy

2.H/s : ôn tập chuẩn bài Khi con Tu hú

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

**b.Tổ chức thực hiện: Gv yêu cầu h/s thảo luận nhóm bàn**

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ**

-Giới thiệu Tố Hữu và Khi con Tu hú

-Nêu hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, nghệ thuật , nội dung, ý nghĩa của bài thơ.

-Ý nghĩa của nhan đề bài thơ?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

H/s thảo luận theo 2 nhóm

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhân định**

**Gv nghe, nhận xét, đánh giá**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**SẢN PHẨM DỰ KIẾN**

**I.Vài nét về tác giả, tác phẩm**

***1. Tác giả:***

-Tố Hữu (1920 -2002)

- Ông được coi là lá cờ đầu của thơ ca Cách mạng và kháng chiến. Tố Hữu có sự thống nhất đẹp đẽ giữa cuộc đời cách mạng và cuộc đời thơ

**2.Tác phẩm**

**\*Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ “*Khi con tu hú*” được Tố Hữu sáng tác tháng 7/1939, khi tác giả bị bắt giam tại nhà lao Thừa Phủ (Huế). Lúc này, Tố Hữu mới 19 tuổi, đang say sưa với hoạt động CM thì bị thực dân Pháp bắt giam.

**\*Nhan đề bài thơ**

-« *Khi con tu hú* » là nhan đề độc đáo. « *Khi con tu hú*» chỉ là vế phụ của câu, chưa trọn nghĩa.

- Đặt tên bài thơ như vậy có tác dụng gợi mở, gây ấn tượng cho người đọc cũng như mở đầu cho mạch cảm xúc của toàn bài.

**\*Mạch cảm xúc:**

Tiếng chim tu hú kêu tác động mạnh mẽ đến tâm hồn nhà thơ bởi nhiều lí do:

- Tố Hữu bị địch bắt giữa lúc đang hăng hái tham gia hoạt động cách mạng. Trong hoàn cảnh bị giam cầm, tách khỏi cuộc sống bên ngoài, âm thanh của cuộc sống tự do vọng vào nhà giam càng khơi dậy trong ý thức người tù niềm khao khát tự do.

- Tiếng chim tu hú là âm thanh báo hiệu mùa hè. Nghe âm thanh quen thuộc đó những cảm xúc tinh tế, mãnh liệt với mùa hè tự do bên ngoài xà lim được sống dậy. Nhà thơ - chiến sĩ đó đã hình dung một bức tranh mùa hè đầy sức sống, rất sinh động. Và cũng vì thế nên cái ngột ngạt chốn lao tù càng thấm thía hơn với người tù cộng sản.

**\*Nội dung và nghệ thuật của bài**

**-Nghệ thuật**

+Bài thơ có 2 đoạn: Đoạn 1 tập trung tả cảnh trời đất vào hè còn đoạn 2 tập trung tả tâm trạng người tù cộng sản. Hai đoạn có mối quan hệ chặt chẽ, tạo nên ý nghĩa của bài thơ.

+ Thể thơ lục bát và những hình ảnh quen thuộc, rất gợi cảm, nhịp thơ sáng tạo đã khiến cảnh đẹp, có hồn, còn tình lúc thì sôi nổi, tha thiết, lúc u uất, phẫn nộ.

***- Nội dung chính:***

\* Ghi nhớ (sgk).

**-** Ở những câu thơ đầu: âm thanh tiếng chim tu hú là tiếng gọi hè tha thiết, say mê. Tâm trạng người tù khi nghe tiếng tu hú kêu là tâm trạng hoà hợp với sự sống mùa hè, tràn đầy niềm say mê cuộc sống.

-Ở những câu thơ cuối tiếng tu hú gợi cảm xúc u uất, đau khổ, bức bối, thôi thúc người tù muốn tung phá xiềng xích để thoát khỏi giam cầm trở về cuộc sống tự do

=>Có sự khác nhau đó là vì hai tâm trạng được khơi dậy từ hai không gian hoàn toàn khác nhau: không gian tự do và không gian mất tự do.

**Hoạt động 3 : Luyện tập**

a) Mục tiêu: Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Tổ chức thực hiện:

**BT1. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

**“**Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đang chín trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...”

(Ngữ văn 8-Tập 2)

a. Cho biết đoạn thơ vừa chép trích trong bài thơ nào? Tác giả là ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?

b. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ trên?

c. Nêu tác dụng của dấu ba chấm trong câu thơ cuối khổ.

d**.** Cảm nhậnvẻ đẹp của đoạn thơ trên.

**Gợi ý**

***a.*** *Đoạn thơ vừa chép trích trong bài thơ : « Khi con tu hú »*

*-Tác giả : Tố Hữu*

*-Hoàn cảnh sáng tác :* Bài thơ “*Khi con tu hú*” được Tố Hữu sáng tác tháng 7/1939, khi tác giả bị bắt giam tại nhà lao Thừa Phủ (Huế). Lúc này, Tố Hữu mới 19 tuổi, đang say sưa với hoạt động CM thì bị thực dân Pháp bắt giam.

**b.Thể thơ***: Lục bát*

*-Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm*

**c***.*Dấu ba chấm (...) : thể hiện những sự vật chưa được liệt kê hết. Qua đó gợi ra một không gian dài, rộng đến vô cùng vô tận, không có điểm dừng.

**d. Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên trong bài thơ**

- Bức tranh thiên nhiên mùa hè được khơi dậy bắt đầu từ âm thanh tiếng chim tu hú.

*“Khi con tu hú...ngọt dần”*

- Tiếng chim tu hú đã đánh thức nỗi nhớ sâu xa trong lòng người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi. Nhà thơ đã huy động mọi giác quan để hình dung, tưởng tượng một mùa hè tràn đầy sức sống ở bên ngoài nhà tù. Các động từ “*đang chín”, “ngọt dần*” vẻ ra những hình ảnh, sự vật trong thế vận động, sinh sôi nảy nở, rạo rực thân cành. Hương vị của mùa hè ngọt ngào, đầy quyến rũ vẫy gọi người chiến sĩ CM

- “*Vườn râm...nắng đào*”

Âm thanh tiếng ve – đặc trưng của mùa hè được tác giả lắng tai để cảm nhận. Động từ “*ngân*” khiến tiếng ve vang lên như những khúc nhạc tưng bừng, rộn rã. Cùng với đó là những hình ảnh tươi mới, rực rỡ, tràn đầy sức sống mùa hè: bắp vàng, nắng đào,... Có thể nói cảnh mùa hè được tái hiện trong cảm nhận của người tù thật náo nức, tươi vui.

- “*Trời xanh càng rộng...từng không*”

Trí tưởng tượng của nhà thơ được chắp cánh đến với một không gian bao la, khoáng đạt. Đó là không gian rộng lớn của bầu trời được diễn tả qua cặp từ tăng tiến “*càng – càng*” và các tính từ “*rộng, cao*”. Giữa khoảng trời bát ngát đó, cánh diều sao bay lượn vi vu vừa góp thêm khúc nhạc đồng quê vừa là biểu tượng của tự do vẫy gọi nhà thơ – người chiến sĩ trẻ đang bị giam cầm.

**BT 2.** a. Chép lại chính xác theo trí nhớ 4 câu cuối của bài thơ “*Khi con tu hú*”.

b. Cho biết đoạn thơ vừa chép trích trong bài thơ nào? Tác giả là ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?

c. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ trên?

d.Trình bày cảm nhận của em về những câu thơ đó.

**2.Bài tập 2**

**Gợi ý**

**a.** *Ta nghe hè dậy bên lòng*

*Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!*

*Ngột làm sao, chết uất thôi*

*Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!*

***b.*** *Đoạn thơ vừa chép trích trong bài thơ : « Khi con tu hú »*

*-Tác giả : Tố Hữu*

*-Hoàn cảnh sáng tác :* Bài thơ “*Khi con tu hú*” được Tố Hữu sáng tác tháng 7/1939, khi tác giả bị bắt giam tại nhà lao Thừa Phủ (Huế). Lúc này, Tố Hữu mới 19 tuổi, đang say sưa với hoạt động CM thì bị thực dân Pháp bắt giam.

**c.Thể thơ***: Lục bát*

*-Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm*

**d. Cảm nhận về 4 câu cuối**

+ Trong trí tưởng tượng của nhà thơ, cảnh mùa hè hiện lên đầy ắp sự sống, sự vật nào cũng có đôi có lứa: “*tu hú gọi bầy”, “đôi diều sáo bay lượn”*,...vậy mà riêng con người lại rơi vào nỗi cô đơn khủng khiếp vì mất tự do.

+ Nếu như ở 6 câu đầu, giọng thơ tha thiết say mê, náo nức thì ở bốn câu kết, giọng điệu chuyển sang uất hận, sục sôi. Dường như không kìm nổi lòng mình, người tù CM đã sử dụng lối biểu cảm trực tiếp:

“*Ta nghe...cứ kêu!”*

+ Không còn cách ngắt nhịp thông thường theo nhịp chẵn của thể thơ lục bát, các câu thơ có lối ngắt nhịp nhanh, mạnh, đặc biệt là câu “*Ngột làm sao/chết uất thôi*”. Với cách ngắt nhịp 3/3 kết hợp với các động từ mạnh “*đạp tan”, “ngột”, “chết uất”* cùng với hình thức kiểu câu cảm thán thể hiện trực tiếp tâm trạng uất ức, ngột ngạt và niềm khao khát tự do cháy bỏng muốn phá tung xiềng xích dưới chân và đập tan cánh cửa tù ngục để trở về với cuộc sống tự do.

+ Nét độc đáo của bài thơ còn ở kết cấu đầu cuối tương ứng. Tiếng chim tu hú trở đi trở lại,ở những câu đầu là tiếng gọi hè tha thiết, say mê và ở những câu cuối là tiếng thôi thúc người tù tung phá xiềng xích để thoát khỏi giam cầm. Có lẽ vì thế mà 3 năm sau, nhà thơ đã vượt ngục và quay về với đội ngũ, làm tròn ước nguyện cống hiến cho cuộc đời CM.

Qua bài thơ Khi con tu hú, ta như cảm nhận được tâm trạng của người chiến sĩ cách mạng trong ngục giam tăm tối. Tâm trạng xuyên suốt cả bài thơ là sự khát khao tự do, tiếng tu hú chính là tiếng gọi tha thiết của tự do đối với người tù trẻ tuổi. Tiếng tu hú kêu ở đầu bài thơ đã gợi ra cho người tù sự sống tưng bừng của mùa hè, khao khát hòa nhập với mùa hè và cuộc sống bên ngoài, đến kết thức bài thơ tiếng chim ấy khiến cho người chiến sĩ đang bị giam cảm thấy đau khổ, bực bội vì mất tự do. Thanh âm của tiếng chim tu hú đã gợi dẫn tác giả về miền liên tưởng những ngày hạ tháng bảy. Những thanh âm của mùa hạ rộn rã và khung cảnh thiên nhiên vui tươi như giục giã, gọi mời người tù cách mạng hướng tâm hồn ra bên ngoài song sắt. Sự đối lập của không gian nhà tù và không gian tự do, giữa quá khứ và hiện tại khiến nhà thơ cảm thấy sự ngột ngạt, tù túng, niềm uất hận, bế tắc khi chưa ra khỏi chốn lao tù. Tiếng chim tu hú vừa báo hiệu sự chuyển dịch của thời gian, mặt khác vừa như thúc bách, giục giã người thanh niên cách mạng trẻ tuổi đang bị giam hãm trong nhà lao đế quốc phải nhanh chóng thoát ra ngoài để trở về với phong trào, để cùng với nhân dân đấu tranh cho tự do, độc lập.

**BT3.**Giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhà thơ Tố Hữu

Nhà thơ Tố Hữu (1920 - 2002), tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, quê gốc ở làng Phù Lai, nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo, từ sáu, bảy tuổi Tố Hữu đã học và tập làm thơ. Ông giác ngộ cách mạng trong thời kì Mặt trận Dân chủ và trở thành nguời lãnh đạo Đoàn Thanh niên Dân chủ ở Huế. Những bài thơ đầu tiên đuợc ông sáng tác từ nhũng năm 1937 -1938. Tháng 4 -1939, Tố Hữu bị thực dân Pháp bắt, giam giữ ở các nhà lao miền Trung và Tây Nguyên, tháng 3 - 1942, vuợt ngục Đắc Lay, tiếp tục hoạt động cách mạng, tham gia lãnh đạo Tổng khởi nghĩa tháng 8 - 1945 ở Huế. Sau Cách mạng, Tố Hữu đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng trong Đảng và chính quyền (từng là uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thu Ban Chấp hành Trung uơng Đảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ truởng).

Tác phẩm đã xuất bản : Từ ấy (thơ, 1946) ; Việt Bắc (thơ, 1954) ; Gió lộng (thơ, 1961) ; Ra trận (thơ, 1971) ; Máu và hoa (thơ, 1977) ; Một tiếng đờn (thơ, 1992)... Xây dựng một nền văn nghệ lớn xứng đáng với nhân dân ta, thời đại ta (tiểu luận, 1973) ; Cuộc sống cách mạng và văn học nghệ thuật (tiểu luận, 1981).

Nhà thơ đã đuợc nhận : Giải nhất Giải thuởng văn học Hội Nhà văn Việt Nam 1954 -1955 (tập thơ Việt Bắc) ; Giải thuởng văn học ASEAN (1996) ; Giải thuởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996).

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**:

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Tổ chức thực hiện**: Viết đoạn văn diễn dịch trình bày cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên mùa hè trong tâm tưởng người tù cách mạng , trog đoạn có dùng trường từ vựng thiên nhiên và thán từ.

Tham khảo  
Trong bài thơ "Khi con tu hú" của nhà thơ Tố Hữu, 6 câu thơ đầu đã thể hiện được bức tranh thiên nhiên mùa hè tươi đẹp và rực rỡ. Thật vậy, trái ngược với hoàn cảnh tù đày khốn khổ của người tù cách mạng, bức tranh thiên nhiên tươi đẹp hiện lên chân thực bằng sự lắng nghe hiện tại và hồi tưởng quá khứ của người tù cách mạng. Bức tranh thiên nhiên bắt đầu bắng câu thơ:"Khi con tu hú gọi bầy". Tương tự như trong thơ xưa, các nhà thơ, nhà văn thường dùng những hình ảnh chọn lọc để tạo được nét chấm phá, gợi tả vô cùng đặc sắc trong tác phẩm của mình ("Một tiếng chim kêu sáng cả rừng, Tiếng hát trong như tiếng hát xa"). Nhà thơ Tố Hữu đã bắt đầu bằng tiếng chim tu hút gọi bầy gây ấn tượng cho người đọc và đây là dấu hiệu của mùa hè đã đến. Những hình ảnh thiên nhiên được tác giả chọn lọc vô cùng đẹp như: lúa chiêm, trái cây và chúng đều đang ở trạng thái "đang chín, ngọt dần". Những hình ảnh thơ tiếp theo như "vườn râm, ve ngân, bắp rây, nắng đào, trời xanh và sáo diều bay bổng". Bức tranh thiên nhiên được vẽ nên là bức tranh hoàn hảo, tuyệt đẹp,có sự hòa quyện giữa âm thanh và màu sắc của thiên nhiên tươi đẹp. **Ôi**! Người đọc như cảm tưởng được âm thanh của tiếng chim tu hú, và tiếng ve ngân cũng như thấy được màu sắc của lúa chiêm đang chín vàng, trái cây đang chín dần, màu xanh tươi tốt của vườn râm, màu đào của nắng và màu vàng rực của ngô. Hình ảnh sáo diều trên trời dường như là hình ảnh tượng trưng cho sự tự do và hạnh phúc, nó trái ngược hoàn toàn với hoàn cảnh của nhà thơ lúc bấy giờ. Hơn nữa, bức tranh thiên nhiên này có thể là bức tranh thiên trong tưởng tượng hoặc là hồi tưởng những ngày còn được tự do của nhà thơ. Bức tranh thiên nhiên chính là bản lề của khát khao được tự do, thoát khỏi chốn ngục tù của nhà thơ. Tóm lại, bức tranh thiên nhiên mùa hè đã được tái hiện vô cùng chân thực và sinh động trong 6 câu thơ đầu bài thơ "Khi con tu hú".

\*\*\*Trường từ vựng thiên nhiên: lúa chiêm, trái cây, vườn, ve, sáo diều, bắp, nắng, trời,

Tham khảo

Trong những năm tháng nô lệ đau thương của đất nước, rất nhiều những chiến sĩ trung kiên của cách mạng Việt Nam đã bị bắt giam trong những nhà tù thực dân. Nhưng từ bóng đêm căm hờn vẫn vút lên những tiếng thơ bày tỏ niềm say mê, khao khát với cuộc đời. Bài thơ “Khi con tu hú” của Tố Hữu là một trong số ấy. Sáu câu thơ đầu của bài thơ là bức tranh phong cảnh thiên nhiên rực rỡ thể hiện sự phong phú, sôi nổi và niềm yêu đời tha thiết của người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi.Bài thơ "Khi con tu hú" sáng tác tháng 7 năm 1939, khi nhà thơ trên bước đường hoạt động cách mạng bị địch bắt giam tại lao Thừa Thiên - Huế (Tố Hữu bị địch bắt tháng 4-1939 - khi nhà thơ mới 19 tuổi). Bài thơ thể hiện tâm trạng ngột ngạt của người cộng sản trẻ tuổi sôi nổi yêu đời bị giam cầm giữa bốn bức tường vôi lạnh. Tâm trạng ấy càng trở nên bức bối khi nhà thơ hướng tâm hồn mình đến với bầu trời tự do ở bên ngoài.Giữa tháng hè nắng lửa, giữa cái im lìm đáng sợ của chốn lao tù chợt vang lên tiếng tu hú gọi bầy.Trong tiềm thức của con người Việt Nam, tiếng tu hú là tiếng gọi mùa: 'Tu hú kêu, tu hú kêu, hoa phượng nở, hoa gạo đỏ đầy ước mơ hi vọng...". Đó là mùa hạ chói chang ánh nắng và đi cùng với đó là những sắc màu rực rỡ của thiên nhiên. Tiếng tu hú thân quen bất chợt vang vọng gợi lên trong tâm hồn người thanh niên trẻ tuổi đang sục sôi ước mơ, khát vọng nhưng bị mất tự do ấy bao suy tưởng về một mùa hè ngập tràn màu sắc và niềm vui.Mùa hè được tái hiện trong tâm trí người tù rất chân thực, màu sắc hài hòa với những âm thanh sống động. Đó là màu rộm vàng của lúa chín, sắc đỏ lấp ló của quả ngọt, màu vàng tươi của ngô, sắc đào tươi của nắng, màu xanh thẳm của trời cao... tiếng ve ngân râm ran, tiếng sáo diều vi vút... Chao ôi! Đẹp đẽ quá! Rạo rực quá! Mới hồi tưởng thôi đã đủ cồn cào khao khát lao ra trời cao mà nhảy nhót hát ca. Tác giả đã vẽ lên bức tranh mùa hè sông động và tươi tắn bằng những từ ngữ giản dị, nhưng đầy sức gợi hình, gợi cảm. Nếu không có niềm gắn bó tha thiết với cuộc đời, không có niềm khao khát tự do mãnh liệt, không có một tâm hồn tinh tế nhạy cảm và một trí tưởng tượng vô cùng phong phú thì nhà thơ không thế viết được những câu thơ tuyệt vời đến thế....Đoạn thơ sử dụng nghệ thuật tả cảnh rất sinh động, cụ thể và gợi cảm, các từ ngữ lựa chọn có giá trị tạo hình. Đặc biệt, phép liệt kê được vận dụng tạo ra những ấn tượng huy hoàng về một mùa hè phong phú, sôi động đong đầy ước mơ và khát vọng tuổi trẻ.Hình ảnh thiên nhiên mùa hè hiện lên trong tâm hồn nhà thơ trong cánh lao tù ấy đã thể hiện niềm khát vọng tự do cháy bỏng không thể kìm nén nổi. Đoạn thơ đã cho ta hiểu thêm nét đẹp trong tâm hồn người cộng sản trẻ tuổi. Người chiến sĩ xả thân vì lí tưởng cao đẹp đó có một thế giới nội tâm rất mực phong phú, rung động mãnh liệt với nhịp đập của cuộc sống, gắn bó thiết tha với quê hương ruộng đồng.

**thán từ:** Chao ôi!

**trường từ vựng:**hoa phượng nở,hoa gạo đỏ

Ngày soạn: T5/17/2/2022 Buổi 21

Ngày dạy ÔN LUYỆN CÂU CHIA THEO MỤC ĐÍCH NÓI

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | ***Kiểu câu*** | ***Dấu hiệu nhận biết*** | ***Chức năng*** | ***Ví dụ*** |
| 1. | **Câu nghi vấn** | - Câu nghi vấn là câu có những từ nghi vấn (ai, gì, nào, sao, tại sao...) hoặc có từ **hay (** nối các vế có quan hệ lựa chọn).  - Khi viết câu nghi vấn kết thúc bằng dấu chấm hỏi. Một số trường hợp kết thức bằng dấu (!), (.) | - Có chức năng chính là dùng để hỏi.  - Trong nhiều trường hợp câu nghi vấn không dùng để hỏi mà để cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ tình cảm, cảm xúc... và không yêu cầu người đối thoại trả lời | 1. Cậu đi hay tớ đi ?  2. Nào đâu những  … trăng tan ? |
| 2. | **Câu cầu khiến** | - Câu cầu khiến là câu có những từ cầu khiến như : *hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào,... hay ngữ điệu cầu khiến.*  - Khi viết câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than, nhưng khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng dấu chấm. | - Dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo... | 1. Đi ra khỏi đây mau!  2. Thôi con ăn cơm đi.  3. Ra ngoài! |
| 3. | **Câu cảm thán** | - Là câu có những từ cảm thán như: ôi, than ôi, hỡi ơi...  - Khi viết câu cảm thán thường kết thúc bằng dấu chấm than. | - Dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói hoặc người viết.  - Xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hàng ngày hay ngôn ngữ văn chương. | 1. Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!  2. Hỡi ơi súng giặc đất rền! |
| 4. | **Câu trần thuật** | - Câu trần thuật không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán;  - Khi viết câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm, nhưng đôi khi nó có thể kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.  - Đây là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến trong giao tiếp. | - Thường dùng để kể, thông báo, nhận đinh, miêu tả,..  - Ngoài những chức năng trên đây câu trần thuật còn dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc...( vốn là chức năng chính của những kiểu câu khác). | 1. Ngày mai lớp 8A đi lao động |
| 5. | **Câu phủ định** | - Câu phủ định là câu có những từ ngữ phủ định như: không, chưa, chẳng, đâu..... | - Câu phủ định dùng để :  - Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (Câu phủ định miêu tả)  - Phản bác một ý kiến, một nhận định.(Câu phủ định bác bỏ). | - Tôi không đi chơi.  - Tôi chưa đi chơi.  - Tôi chẳng đi chơi.  - Đâu có! Nó là của tôi. |

**A. Câu cầu khiến**

**I. Đặc điểm hình thức và chức năng**

* Câu cầu khiến là câu có những từ cầu khiến: hãy, đừng, chớ.. đi, thôi… đứng sau từ có biểu hiện nội dung cầu khiến. Đôi khi cầu cầu khiến không có những từ này, mà chỉ có kiểu ngữ điệu đặc trưng: phát âm với giọng đc nhấn mạnh, chủ yếu là nhấn mạnh ở những từ biểu hiện nội dung cầu khiến….dung để ra lệnh, yêu cầu, khuyên bảo.
* Những từ cầu khiến có thể đứng trước hoặc sau động từ.Và cũng có thể từ cầu khiến đứng cả trước và sau động từ: Ví dụ “Thôi, hãy về đi”
* Khi viết, câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm.

**II. Lưu ý**

* Câu cầu khiến thường có CN chỉ người đối thoại hoặc một nhóm người trong đó có người đối thoại.

Ví dụ 1: *“Tôi yêu cầu cả lớp trật tự”* 🡪 Đối tượng đc nói đến là cả lớp.

Ví dụ 2: “*Cấm hút thuốc”* 🡪 Đối tượng chung

* Có trường hợp câu cầu khiến được rút gọn CN.

**III. Bài tập**

**1. Điền các từ, cụm từ (mệnh lệnh, yêu cầu, mời mọc, thúc giục, khuyên bảo) vào cột A cho phù hợp với cột B**

|  |  |
| --- | --- |
| Nội dung cầu khiến | Từ thường dùng |
| Yêu cầu, mời mọc | Yêu cầu, mời, xin mời, cho phép, đề nghị… |
| Mệnh lệnh | Hãy, chớ, đừng, không nên, không được, cấm, phải… |
| Khuyên bảo, khuyên răn | Hãy, cứ… |
| Thúc giục | Nào, đi,… |

**2. Xác định câu cầu khiến trong các câu sau và chỉ ra những dấu hiệu hình thức của câu cầu khiến đó**

a. Tôi muốn thử sức nên nhìn mẹ tôi:

* + Mẹ đưa bút thước *cho* con cầm. 🡪*có từ cầu khiến* ***“cho”*** *mang ý nghĩa xin*

Mẹ tôi cúi đầu nhìn tôi với cặp mắt thật âu yếm:

* + *Thôi* để mẹ cầm cũng được. 🡪 *có từ cầu khiến* *“****thôi”***

b. Các em *đừng* khóc. Trưa nay các em được về nhà cơ mà và ngày mai lại được nghỉ cả ngày nữa. *🡪 có từ cầu khiến* ***“đừng”*** *🡪 khuyên bảo*

*(Thanh Tịnh)*

*c. U nó không được thế!* Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì phải tù, phải tội. 🡪 *Có dấu chấm than và có từ không 🡪 yếu cầu, can ngăn.*

*(Ngô Tất Tố)*

**3. Những câu cầu khiến sau vì sao không có chủ ngữ. Nếu thêm chủ ngữ vào câu thì thì câu có nội dung và giá trị biểu cảm có gì thay đổi?**

a. Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy ah? *Nộp tiền sưu! Mau!*

b. Chị Dậu vẫn tha thiết xin:

* Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, dẫu ông có chửi mắng cũng đến thế thôi. *Xin ông trông lại!*

c. Rồi hắn quay ra bảo anh người nhà lí trưởng:

* Không hơi đâu mà lôi thôi với nó, trói cổ thằng chồng nó lại, điệu ra đình kia.

***Gợi ý:***

* Những câu đó không có chủ ngữ vì là những câu rút gọn và có người đối thoại trong ngữ cảnh nên dễ dàng hiểu đối tượng được nhận cầu khiến là ai

**3. Viết đoạn văn ngắn với câu chủ đề** ***“Sách là ngọn đèn sáng bất* *diệt của trí tuệ con******người”*** *(Trong đoạn văn có sử dụng câu nghi vấn, câu cầu khiến)*

**Gợi ý:**

* *Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ*

+ Sách chứa đựng những tư tưởng nhân văn, ý nghĩa sâu sa khiến người ta phải ngẫm nghĩ.

+ Sách còn là món ăn tinh thần trong cuộc sống, tô điểm chút thi vị cho đời thường. + Là chiếc chìa khoá trước hết là mở ra cánh cổng tri thức và sau đó là mở ra cánh cổng của thành công, thăng hoa.

+ Sách là một kho tàng về tri thức. Trải qua hàng trăm năm con người đã biết ghi chép lại những hình ảnh, sự việc, vấn đề để tích luỹ, ghi nhớ và dạy dỗ con người.

+ Khi chưa biết, sách là người thầy của chúng ta, khi căng thẳng, sách là nguồn đông viên an ủi giúp ta tiến bước. Khi buồn bã, giận hờn thì sách là liều thuốc xoa dịu vết thương.

+ Sách còn là nguồn thông tin, trao đổi kiến thức, giao lưu giữa hàng nghìn vùng miền xa lạ, kho tàng kiến thức cho nhân loại.

* *Thế giới không có sách là thế giới nghèo nàn lạc hậu. Những cuốn sách đã dạy chúng ta biết bao điều kì diệu trong cuộc sống, tu dưỡng đạo đức cho ta ngày một văn minh.*

**B. CÂU CẢM THÁN**

**I. Lí thuyết**

***1. Đặc điểm hính thức:*** Câu cảm thán là câu có những từ ngữ cảm thán (từ ngữ chuyện biệt để bộ lộ những cảm xúc mạnh, đột ngột, có tính chất bộc phát tức thì của người nói…) như ôi, than ôi, hỡi ôi, chao ơi (ôi), trời ơi, thay, biết bao, xiết bao, biết chừng nào

- Khi viết câu cảm thán thường kết thúc bằng dấu chấm than.

***2. Chức năng:***

- Dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói (người viết)

***3. Lưu ý:***

* Câu cảm thán gồm 2 phần: phần cảm thán và phần nêu lí do cảm cảm thán. Trong đó, phần cảm thán được coi là phần trung tâm biểu thị hành vi cảm thán, phần nêu lí do cảm thán là phần mở rộng, giải thích cho lí do cảm thán

Ví dụ: Chao ôi, trời nắng đẹp quá!

* Những từ cảm thán như ôi, than ôi, hỡi ơi, chao ôi, trời ơi,… có thể tự tạo thành một câu đặc biệt mà cũng có thể là một phận biệt lập trong câu và thường đứng ở đầu câu.
* Những từ *thay, xiết bao, biết bao, biết chừng nào…* đứng sau những từ mà nó bổ ngữ (làm phụ ngữ)
* Riêng từ *biết bao* đặt trong câu cảm thán, từ *biết bao* đứng sau tính từ khác với từ *biết bao* trong câu trần thuật (đứng trước Dt) có nghĩa như lượng từ chỉ rất nhiều.

**II. Luyện tập.**

***Bài 1. Cho đoạn văn:***

*Cảm ơn Trinh quá. Món quà ngày sinh nhật Trinh mang đến cho mình mới quý giá làm sao! Nó không phải là món quà mua vội vàng trên vỉa hè, trong cửa hiệu, chỉ cốt bỏ tiền ra là mua được mà nó là cả một tấm long trân trọng của Trinh; Trinh ấp ủ, nâng niu, hằng nghĩ đến suốt bao ngày nay. …*

1. Câu nào trong đoạn văn là câu cảm thán ? Vì sao ?
2. Câu *“Cảm ơn Trinh quá”* có phải là câu cảm thán không ? Vì sao ? Nếu thay dấu chấm của câu bằng dấu chấm cảm thì câu có sự thay đổi khổng ? vì sao ?

**Gợi ý**

1. Câu cảm thán *“Món quà ngày sinh nhật Trinh mang đến cho mình mới quý giá làm sao!”*
2. Câu *“Cảm ơn Trinh quá”* có thể được coi là câu cảm thán, được dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc. Nếu thay dấu chấm bằng dấu chấm than thì ý cảm ơn được nhấn mạnh hơn.

**Bài 2.** Đặt 5 câu cảm thán với nội dung và hình thức khác nhau.

**Bài 3.** Viết đoạn văn khoảng 10 câu trong đó có 2 câu cảm thán ở dạng:

* Câu cảm thán là câu đặc biệt
* Câu cảm thán có từ cảm thán làm thành phần biệt lập đứng ở đầu câu.

**Bài 4:** Các câu sau đây có phải là câu cảm thán không ? Vì sao ?

a. Lan ơi! Về mà đi học!

b. Thôi rồi, Lượm ơi! *( Tố Hữu)*

**Gợi ý**:

a. Đây là 2 câu, câu sau có ý nhấn mạnh nên đặt dấu chấm than. Câu đầu( Lan ơi! ) có hình thức cảm thán nhưng không phải là câu cảm thán vì mục đích là gọi đáp.

b. Đây là câu cảm thán, nhằm biểu thị cảm xúc, không có mục đích gọi

**Bài 5:** Đặt các câu cám thán có các từ: *Trời ơi, hỡi ôi, chao ôi, biết bao, thay.*

**Bài 6:** Tại sao 2 kiểu câu sau đây lại khác nhau ?

a. Biết bao người lính đã xả thân cho Tổ quốc!

b. Vinh quang biết bao người lính xả thân cho Tổ quốc

***Gợi ý:***

*a. Biết bao là từ chỉ số lượng.*

*b. biết bao là từ chỉ sự cảm thán.*

*Do vậy câu (b) là câu cảm thán.*

Ngày soạn: 19/3/2022

Ngày dạy 20/3/2022 **BUỔI 22: ÔN TẬP THƠ CÁCH MẠNG VN**

**1930 -1945 (TT)**

**THƠ HỒ CHÍ MINH**

**I**. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:** - Hiểu và cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ Hồ Chí Minh

**2. Kỹ năng:** - Nhận biết mối quan hệ giữa tình và cảnh, một vài đặc điểm thể loại 2 bài thơ trữ tình trung đại .

**3. Thái độ :** Ý thức học tập nghiêm túc.

**4. Năng lực:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực vấn đáp, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIÊU:**

**1.** Giáo viên: Nghiên cứu, soạn bài, phiếu học tập

2.Học sinh: đọc, xem lại trong sgk.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

**b.Tổ chức thực hiện:** Gv yêu cầu h/s thảo luận nhóm bàn

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ : H/s làm việc theo nhóm**

Đế 1:

Đọc bài thơ sau đây và trả lời câu hỏi:

Sáng ra bờ suối, tối vào hang,

Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.

Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng,

Cuộc đời cách mạng thật là sang

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai? Trình bày hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

Câu 2: Xác định thể thơ và PTBĐ của bài thơ.

Câu 3: Câu thơ “ Sáng ra bờ suối, tối vào hang,

Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.”

thuộc kiểu câu nào?

Câu 4: Qua bài thơ, con người tác giả được bộ lộ như thế nào?

Câu 5: Khái quát giá trị nội dung – nghệ thuật của bài thơ.

Gợi ý:

Câu 1:

- Đoạn trích trên trích trong văn bản: Tức cảnh Pác Bó

- Tác giả: Hồ Chí Minh

- Hoàn cảnh sáng tác: Sau ba mươi năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, tháng 2-1941 Bác Hồ trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở trong nước. Khi đó, Người sống và làm việc trong một điều kiện hết sức gian khổ nhưng Bác vẫn vui vẻ lạc quan. Bài thơ Tức cảnh Pác Bó là một trong những tác phẩm Người sáng tác trong thời gian này.

Câu 2:

Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

Phương thức biểu đạt: Nghị luận kết hợp tự sự và miêu tả, biểu cảm.

Câu 3: Câu thơ “ Sáng ra bờ suối, tối vào hang - Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.”

thuộc kiểu câu trần thuật.

Câu 4: Qua bài thơ, ta thấy Bác Hồ hiện lên là người luôn yêu quý, sống gần gũi, hòa hợp với thiên nhiên, có một phong thái ung dung, hiên ngang, chủ động, lạc quan và luôn yêu cuộc sống

Câu 5: Giá trị nội dung

- Bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác trong cuộc sống cách mạng gian khổ

• Giá trị nghệ thuật

- Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

- Giọng thơ trong sáng, sâu sắc, thể hiện sự lạc quan trong hoàn cảnh khó khăn

- Ngôn từ sử dụng giản dị, đời thường.

Đề 2:

Cho câu thơ:

"Ngục trung vô tửu diệc vô hoa"

(Ngữ văn 8- tập 2)

Câu 1: Chép tiếp để tạo thành một bài thơ hoàn chỉnh

Câu 2: Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Thuộc tập thơ nào? Tác giả là ai?

Câu 3: Chọn và giải thích hai yếu tố Hán Việt trong bài thơ em vừa chép.

Câu 4: Chỉ ra câu nghi vấn trong đoạn thơ em vừa chép và cho biết tác dụng của câu nghi vấn đó.

Câu 5: Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ em vừa chép.

Câu 1:

Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,

Đối thử lương tiêu nại nhược hà?

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,

Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

Câu 2:

- Bài thơ được sáng tác theo thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

- Thuộc tập thơ: Nhật kí trong tù

- Tác giả: Hồ Chí Minh

Câu 3:

- HS chọn 2 yếu tố Hán Việt: “vọng nguyệt: ngắm trăng” ; “tửu”: rượu

Câu 4:

- Câu nghi vấn: Đối thử lương tiêu nại nhược hà

=> Các nghi vấn này dùng để hỏi xen lẫn bộc lộ tình cảm, cảm xúc

Câu 5:

• Giá trị nội dung

- Bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên say mê và phong thái ung dung của Bác ngay cả trong cảnh tù đày.

• Giá trị nghệ thuật

- Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt giản dị

- Hình ảnh thơ trong sáng, đẹp đẽ

- Ngôn ngữ lãng mạn

- Màu sắc cổ điển và hiện đại song hành

Luyện đề bài Đi đường.

Cho câu thơ:

"Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan"

(Ngữ văn 8- tập 2, trang 39)

Câu 1: Chép tiếp để tạo thành một bài thơ hoàn chỉnh

Câu 2: Nêu và giải thích tên nhan đề tiếng Hán của bài thơ trên. Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Tác giả là ai?

Câu 3: Câu thơ Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan thể hiện hành động nói nào?

Câu 4: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật tiêu biểu được sử dụng trong bài thơ trên.

Câu 5: Khái quát nội dung tư tưởng của bài thơ em vừa chép.

Câu 1: Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan

Trùng san chi ngoại hựu trùng san

Trùng san đăng đáo cao phong hậu

Vạn lý dư đồ cố miện gian.

Câu 2: Nhan đề: Tẩu lộ - nghĩa: Đi đường

- Bài thơ được sáng tác theo thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

- Tác giả: Hồ Chí Minh

Câu 3: Câu thơ Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan thể hiện hành động nói: trình bày

Câu 4: Biện pháp nghệ thuật tiêu biểu trong bài thơ trên: Ẩn dụ và điệp ngữ

Câu 5: Giá trị nội dung tư tưởng: Bài thơ khắc họa chân thực những gian khổ mà người tù gặp phải, đồng thời thể hiện thể hiện chân dung tinh thần người chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh, nói lên ý nghĩa triết lí cao cả: từ việc đi đường núi mà hiểu được đường đời: Vượt qua gian lao thử thách sẽ đi được tới thắng lợi vẻ vang

BT4: So sánh hình ảnh của Bác ở Pác Bó với hình ảnh Nguyễn Trãi ở Côn Sơn , em thấy có gì khác?

- Người xưa thường tìm đến thú lâm tuyền vì cảm thấy bất lực trước thực tế xã hội, muốn ''lánh đục về trong'', tự an ủi bằng lối sống ''An bần lạc đạo''. Tuy đó là lối sống thanh cao nhưng có phần tiêu cực.

Còn với Bác Hồ sống hoà nhịp với lâm tuyền nhưng vẫn giữ trọn vẹn cốt cách chiến sĩ. Vì vậy nhân vật trữ tình của bài thơ tuy có dáng vẻ ẩn sĩ nhưng thực chất vẫn là chiến sĩ.

**Ngắm trăng - Hồ Chí Minh.**

**1. Tác giả Hồ Chí Minh:**

- Hồ Chí Minh (tên gọi khác Nguyễn Ái Quốc, Bác Hồ, ...) sinh ngày 19-5-1890, tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Cha là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, một danh sĩ yêu nước. Mẹ là cụ bà Hoàng Thị Loan, một người phụ nữ hiền hậu, thuộc nhiều ca dao và các làn điệu dân gian.

- Thời trẻ, Người học chữ Hán ở nhà, học tại trường Quốc học Huế. Khi trưởng thành, Người có thời gian dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết).

- Năm 1911, tại bến Nhà Rồng, Người ra nước ngoài tìm đường cứu nước trên một con tàu của Pháp.

- Năm 1919, Người gửi tới Hội nghị Véc-xây “Bản yêu sách của nhân dân An Nam” về quyền bình đẳng, tự do của các dân tộc.

- Năm 1920, Người dự đại hội Tua, đồng thời tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp. Năm 1923 - 1941, Người chủ yếu hoạt động ở Liên Xô trong Quốc tế Cộng sản.

- Năm 1925, Người thành lập tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Trung Quốc. Năm 1930, Người chủ trì hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước tại Hương Cảng, thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.

- Tháng 8/1942, Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt.

- Tháng 8/1943, Người được tự do và trở về nước, lãnh đạo cách mạng tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công. Ngày 2 - 9 - 1945, Người đọc bản Tuyên ngôn độc lập. Sau cuộc tổng tuyển cử đầu tiên năm 1946, Người được bầu làm chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Từ đấy, Người luôn đảm nhận những chức vụ cao nhất của Đảng và Nhà nước, lãnh đạo toàn dân kháng chiến chống Pháp và Mĩ cho đến khi qua đời năm 1969 tại Hà Nội.

- Người là vị lãnh tụ vĩ đại đồng thời là nhà văn, nhà thơ lớn với di sản văn học quí giá. Người được tổ chức UNESSCO công nhận là danh nhân văn hóa thế giới.

**2. Văn bản Ngắm trăng:**

**a. Hoàn cảnh sáng tác:**

- Tháng 8/1942 Hồ Chí Minh lên đường sang Trung Quốc để tranh thủ sự ủng hộ quốc tế với cách mạng Việt Nam. Đến thị trấn Túc Vinh thì Người bị chính quyền địa phương bắt giữ, giải đi 30 nhà giam của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây.

- Nhật ký trong tù được viết bằng thơ chữ Hán, gồm 133 bài. Thể hiện tài năng thơ xuất sắc của người. Tác phẩm như viên ngọc quý trong kho tàng văn học Việt Nam.

- Bài “Ngắm trăng” rút ra từ tập thơ trên.

**b. Thể thơ, phương thức biểu đạt:**

- Bài thơ “Ngắm trăng” gồm 4 câu thơ, mỗi câu có 7 chữ. Như vậy, có thể nói bài thơ được sáng tác theo thể thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm

**c. Bố cục: 2 phần**

- Phần 1: 2 câu thơ đầu: Hoàn cảnh ngắm trăng

- Phần 2: 2 câu thơ cuối: Thi nhân và trăng

Gv củng cố, dặn dò : Chuẩn bị B23-24

Ngày soạn 24/3/2022

Ngày dạy 25/3/2022 Buổi 23

**ÔN TẬP THUYẾT MINH DANH LAM THẮNG CẢNH**

**Dàn bài của bài văn thuyết minh**

**I**. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:** - Hiểu và biết cách làm bài thuyết minh về danh lam thắng cảnh

**2. Kỹ năng:** - Nhận biết văn thuyết minh về danh lam thắng cảnh

**3. Thái độ :** Ý thức học tập nghiêm túc.

**4. Năng lực:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực vấn đáp, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIÊU:**

**1.** Giáo viên: Nghiên cứu, soạn bài, phiếu học tập

2.Học sinh: đọc, xem lại trong sgk.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

**b.Tổ chức thực hiện:** Gv yêu cầu h/s thảo luận nhóm bàn

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ : H/s làm việc theo nhóm**

**Nêu cách làm bài văn thuyết minh và thuyết minh về danh lam thắng cảnh**

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: báo cáo, thảo luận

Bước 4: kết luận nhận định

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Gv chốt:

\* Cách làm bài văn thuyết minh

- Mở bài : Giới thiệu đối tượng thuyết minh

Thân bài : Trình bày lịch sử hình thành, cấu tạo,các đặc điểm,lợi ích,cách sử dụng…của đối tượng.

Kết bài: Bày tỏ thái độ đối với đối tượng.

\* Cách làm bài văn thuyết minh về danh lam thắng cảnh

1. Mở bài

- Giới thiệu đối tượng thuyết minh: Danh lam thắng cảnh mà em định giới thiệu.

* Cảm nghĩ khái quát của em về danh lam thắng cảnh đó.

2. Thân bài

a) Giới thiệu khái quát:

- Vị trí địa lí, địa chỉ

- Diện tích

- Phương tiện di chuyển đến đó

- Khung cảnh xung quanh

b) Giới thiệu về lịch sử hình thành:

- Thời gian xây dựng, nguồn gốc hình thành

- Ý nghĩa tên gọi hoặc tên gọi khác (nếu có)

c) Giới thiệu về kiến trúc, cảnh vật

- Cấu trúc khi nhìn từ xa...

- Chi tiết...

d) Ý nghĩa về lịch sử, văn hóa của danh lam thắng cảnh đó đối với:

- Địa phương...

- Đất nước...

3. Kết bài

- Khẳng định lại một lần nữa giá trị, ý nghĩa của đối tượng thuyết minh.

- Nêu cảm nghĩ của bản thân

Ví dụ:

Nắng vàng, biển xanh, cát trắng, sự bình yên là những gì du khách có thể nhìn thấy và cảm nhận ngay khi vừa đặt chân đến Diễn Châu.

Không những sở hữu bãi biển đẹp, vùng đất này cũng mang trong mình 6 trong số 8 cảnh đẹp của "Đông Yên Nhị Châu". Đó là Dạ Sơn linh tích (Dấu thiêng núi Mộ Dạ), Cao Xá long cương (Gò rồng Cao Xá), Bùng Giang thu nguyệt (Trăng thu trên sông Bùng), Bích Hải quy phàm (Cánh buồm về cửa Bích), Thiên uy thiết cảng (Kênh sắt oai trời), Diễn Thành Thạch bảo (Thành đá phủ Diễn Châu).

Cửa Hiền thuộc xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Tương truyền, đây là nơi An Dương Vương đã chém Công Chúa Mỵ Châu rồi theo Thần Kim Quy xuống biển.

Bãi biển vùng Cửa Hiền bằng phẳng, cát mịn. Trên bãi biển nhô lên hàng vạn hòn đá có hình thù giống như con cá biển, trong đó có một phiến đá rất cao, to, bằng phẳng được lưu truyền là bàn cờ tiên. Ngoài tắm biển, Đền Công thờ An Dương Vương cổ kính và linh thiêng là một thắng cảnh du khách không nên bỏ qua.

Bãi biển Cửa Hội nằm giữa bãi biển Cửa Lò(Nghệ An) và bãi biển Xuân Thành (Hà Tĩnh). Biển Cửa Hội trong xanh và yên bình với những ghềnh đá nhỏ, sóng biển nhẹ.

Biển Cửa Hội chưa được đưa vào khai thác du lịch, nên ngoài các dịp lễ hay cuối tuần, có một số ít du khách “tạt ngang” trong hành trình khám phá các thăm các thắng cảnh di tích lịch sử của 2 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh như làng cá Hội Thống, bến Giang Đình, đền Củi trên núi Ngũ Mã thì hình ảnh thường thấy vào mỗi chiều là các phụ nữ địa phương hướng mắt ra biển chờ tàu thuyền về.

Gv giới thiệu một số biển khác.

Bãi Lữ nằm trên địa phận 2 xã Nghi Yên và Nghi Tiến, thuộc phía Đông Bắc huyện Nghi Lộc trong vòng cung biển Đông Nam Lạch Vạn – Cửa Hiền – Cửa Xá. Tên gọi của bãi biển này xuất phát từ núi Lữ (Lữ Sơn) đứng cạnh bải biển gắn với nhiều truyền thuyết kỳ bí về một chàng lữ khách.

Đứng trên ngọn núi Lữ, du khách có thể ngắm trọn vẹn cảnh quan một vùng rộng lớn. Phía biển khơi là các đảo Song Ngư, Đảo Mắt... Gần hơn nữa vào đất liền là núi Hùng Lĩnh, Lan Châu, Núi Rồng, Núi Lò, Núi Cờ, Núi Kiếm…. Phía Bắc, dọc theo biển là núi Đầu Rồng, Hòn Thè, Hòn Câu…. Phía Tây là Đại Vạc, Thần Vũ, Lèn Hai Vai, Đại Hải, Đại Bàn... Và sông Cấm nước xanh một dải xuôi về biển Cửa Lò. Với cảnh quan thiên nhiên tuyệt diệu này, nơi đây được ví như "Đà Lạt trên biển".

LUYỆN TẬP: Thuyết minh một danh lam thắng cảnh ở địa phương mà em biết hoặc đã từng đến tham quan.

Tham khảo:

Một trong những danh lam thắng cảnh nổi tiếng nhất ở vùng đất Nghệ An chắc chắn phải kể đến bãi biển Cửa Lò. Bãi biển Cửa Lò dường như là biểu tượng du lịch mà bất cứ du khách nào khi đến đây cũng phải ghé thăm dù chỉ một lần. Bãi biển trong xanh, mát rượi chính là điều lưu lại trong tâm trí của mọi người khi đến đây.

Bãi biển Cửa Lò nằm trong top danh sách những bãi biển đẹp nhất miền Bắc. Biển Cửa Lò cách thành phố Vinh khoảng 16km và cách trung tâm thành phố Hà Nội khoảng 340km đường bộ. Có thể đến Cửa Lò đi bằng các phương tiện như ô tô, tàu thuỷ, tàu hoả hay máy bay.

Với khí hậu ôn hòa, biển Cửa Lò được mệnh danh là thỏi nam châm hút khách của Nghệ An. Vào mùa hè, du khách đến biển vô cùng đông đúc và tấp nập. Mùa du lịch tại nơi đây thường là từ khoảng đầu tháng 7 đến nửa tháng 9. Thiên nhiên ưu đãi cho biển Cửa Lò một bãi biển dài khoảng 8-12km, cát trắng và mịn, biển sạch và êm. Đến với biển Cửa Lò, du khách sẽ được hòa mình trong làn nước biển trong xanh, nằm tắm nắng và thư giãn dưới tán dừa xanh mát. Có muôn vàn loại hình vui chơi giải trí được khai thác tại đây.

Bãi tắm Cửa Lò dài trên 10km, có độ dốc thoai thoải cát mịn, nước trong và sạch, không pha lẫn bùn như một số bãi biển khác. Nơi đây có rất nhiều đặc trưng thu hút du khách như loại hoa cúc biển đẹp kỳ lạ do vua Bảo Đại trồng. Đảo Lan Châu ngày thường chia bãi tắm Cửa Lò thành hai khu vực riêng biệt, lúc triều dâng, dầm chân trong nước biển. Nhưng thú vị nhất là cảm giác lênh đênh trên những chiếc thuyền thúng, cảm nhận cái vít nhẹ của mực khi cắn câu, cái thú của việc dùng vợt hứng chú mực tươi rói óng ánh sắc bạc hay thưởng thức món mực nướng hay hấp chín tươi rói giữa cái bao la của biển của gió và những đợt sóng.

Du khách có thể chơi những trò chơi mạo hiểm, hoặc đi ca nô, đi du thuyền chơi, trải nghiệm làm ngư dân,.... Đồ ăn đồ uống và các dịch vụ được cung cấp với giá khá phải chăng và hợp lí. Những đặc sản của biển Cửa Lò bao gồm các loại hải sản, các loại thực phẩm khô,... Đường sá giao thông vô cùng thuận tiện cho nhân dân. Quy hoạch của hệ thống nghỉ dưỡng quanh biển Cửa Lò cũng vô cùng đẹp và khang trang.

Tóm lại, biển Cửa Lò chính là một trong những địa điểm du lịch mà không thể nào không đến khi đặt chân đến vùng đất Nghệ An. Nơi đây chính là thiên đường của nghỉ dưỡng và chính là điểm hẹn lý tưởng của kỳ nghỉ của mọi gia đình.

Đề 2: Thuyết minh về dòng Sông Lam

Trải dài trên không gian địa lý của xứ Nghệ từ thuở khai thiên lập địa, sông Lam chảy mãi trong tâm tưởng của người dân xứ sở gió Lào và kết đọng thành dòng chảy lịch sử của một vùng quê văn hiến.

Sông Lam bắt nguồn trên lãnh thổ nước bạn Lào, chảy qua nội địa nước ta với chiều dài hơn 360 km. “Nhập tịch” vào Việt Nam, hai dòng Nậm Nơn và Nậm Mộ gặp nhau ở ngã ba Cửa Rào thuộc xã Xá Lượng (Tương Dương) để khai sinh nên sông Cả (tên gọi khác của sông Lam). Qua hàng nghìn năm, dòng Lam là huyết mạch của xứ Nghệ, góp phần hình thành, vun đắp truyền thống lịch sử và văn hóa vùng quê giàu bản sắc. Vì thế, nó gắn liền với số phận và từng bước đi thăng trầm của quê hương xứ Nghệ suốt dòng chảy thời gian. Mỗi khúc sông, bến nước đều chứa đựng một câu chuyện lịch sử và số phận của một làng quê.

Dòng sông Lam đã ghi dấu bao chiến công của người xưa trong công cuộc đánh đuổi ngoại xâm, giữ yên bờ cõi. Từ Uy Minh Vương Lý Nhật Quang đến triều Trần với chiến công của Thượng hoàng Trần Minh Tông, Đốc tướng Đoàn Nhữ Hài và Hoàng giáp Nguyễn Trung Ngạn trong cuộc chiến chống giặc Ai Lao. Dấu tích chiến công vẫn còn được lưu dấu bằng “Ma Nhai kỷ công bi văn” (bia Ma Nhai) ở trên núi Trầm Hương thuộc xã Chi Khê (Con Cuông). Dọc đôi bờ vẫn còn dấu vết của thành quách năm nào, là những điểm diễn ra bao trận chiến khốc liệt, vừa có chiến công, vừa có đau thương, mất mát.

Đó là thành Vạn An (nay thuộc xã Vân Diên – Nam Đàn) – kinh thành của đất nước Vạn Xuân do Mai Hắc Đế dựng nên sau cuộc khởi nghĩa chống ách đô hộ của nhà Đường. Đặc biệt là thành Trà Lân ở huyện Con Cuông và thành Nghệ An (Lam Thành) ở huyện Hưng Nguyên do quân xâm lược nhà Minh dựng nên bị nghĩa quân Lam Sơn đánh cho tan tác, mở đường cho những thắng lợi quyết định về sau Hoàn thành sự nghiệp bình Ngô, nhà Hậu Lê ra sức củng cố nền độc lập cho quốc gia Đại Việt, phong Thái úy – Quận công Nguyễn Sư Hồi làm Trấn thủ thập nhị hải môn (cai quản 12 cửa biển từ Sầm Sơn đến Cửa Tùng). Nguyễn Sư Hồi đã chọn Cửa Hội – nơi dòng Lam đổ ra biển lớn, cũng là chốn quê cha đất tổ để lập đại bản doanh thủy quân, đề phòng những mối nguy đến từ phía biển…

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, dòng sông Lam cũng ghi dấu những chiến công với những địa danh nổi tiếng một thời: Bến Thủy (thị xã Vinh), Vạn Rú (Nam Đàn), bến phà Đô Lương… Dưới làn mưa bom, bão đạn của kẻ thù, từng đoàn quân trùng trùng điệp điệp vượt sông để vào tuyến lửa, những con đò vẫn kiên cường, nhẫn nại qua sông vì chiến trường miền Nam đang vẫy gọi.

Với hành trình hơn 360 cây số dọc mảnh đất xứ Nghệ, dòng Lam giang đã bồi đắp phù sa, tưới tắm cho những cánh đồng thêm màu mỡ, cho ngô lúa xanh tươi, làng mạc thêm trù phú. Nếu dòng sông Cầu cho vùng Kinh Bắc (Bắc Ninh) làn Quan Họ; sông Hương cho kinh thành Huế điệu Nam Ai, Nam Bình; dòng Cửu Long cho vùng miền Tây làn điệu cải lương thì dòng Lam cho xứ Nghệ câu hò Ví, Giặm.

Các làn điệu dân ca xứ Nghệ không mượt mà, bay bổng mà mộc mạc, chân chất nhưng không kém phần sâu lắng, thiết tha như khí chất của con người nơi đây. Nói cách khác, làn điệu ấy đã phản ánh đậm nét đời sống tâm hồn và tính cách của cư dân xứ Nghệ, một vùng quê thiên nhiên khắc nghiệt, con người nơi đây phải gồng mình lên để chống chọi và mưu sinh. Vì thế, người xứ Nghệ đã không giấu được niềm tự hào khi làn điệu dân ca quê hương được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện cho nhân loại.

Ngày soạn 27-3-2022

Ngày dạy 28-3-2022 Buổi 24

ÔN TẬP CÁc VĂN BẢN NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI

Văn bản Chiếu dờ đô

**I**. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:** - Hiểu và cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài văn nghị luận Trung đại

**2. Kỹ năng:** - Nhận biết mối quan hệ giữa tình và cảnh, một vài đặc điểm thể loại 2 bài nghị luận trung đại .

**3. Thái độ :** Ý thức học tập nghiêm túc.

**4. Năng lực:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực vấn đáp, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIÊU:**

**1.** Giáo viên: Nghiên cứu, soạn bài, phiếu học tập

2.Học sinh: đọc, xem lại trong sgk.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS và tạo tình huống để học sinh suy nghĩ học tập và thâm nhập bài mới tốt hơn.

**b.Tổ chức thực hiện:** Gv yêu cầu h/s thảo luận nhóm bàn

**Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ : H/s làm việc theo nhóm**

**Phân 2 nhóm, mỗi nhóm lam nhiệm vụ nêu những nét chính về tác giả và tác phẩm**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Gv yêu cầu các nhóm thực hiện

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đại diện các nhóm trình bày

Bước 4; kết luận, nhận định

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

H/s ghi nhớ

**I. Tác giả -tác phẩm**

1. Tác giả: Lý Công Uẩn (974-1028) – tức Lý Thái Tổ, người châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang – Nay là xã Đình Bảng – Từ Sơn – Bắc Ninh. Thuở nhỏ ông được học chữ, học võ nghệ ở các chùa nổi tiếng vùng Kinh Bắc. Sau đó ông trở thành võ tướng của triều Lê, từng lập được nhiều chiến công, làm đến chức Tả thận vệ Điện tiền chỉ huy sứ. Ông là người tài trí, đức độ, kín đáo, nhiều uy vọng, được quân sĩ và tầng lớp sư sãi tín phục.

Năm 1009, Lê Ngoạ Triều chết, ông được quần thần và nhiều vị Thiền sư ủng hộ, tôn lên làm vua, mở đầu triều đại nhà Lý (1009-1225)

2. Tác phẩm: \*Chiếu: là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh cho thần dân biết về 1 chủ trương lớn, chính sách lớn của nhà vua và triều đình. Chiếu có ngôn từ trang trọng, tôn nghiêm, được viết bằng thể văn xuôi cổ, thường có đối và có vần (văn biền ngẫu).

\* Chiếu dời đô (viết bằng chữ Hán – Bản dịch của Nguyễn Đức Vân):

Năm 1010, Lý Công Uẩn – tức vua Lý Thái Tổ, viết Thiên đô chiếu trong h/c đất nước thái bình thể hiên mong muốn dời đô từ Hoa Lư – Ninh Bình ra thành Đại La rộng lớn, thuận tiện cho việc mở mang và củng cố, bảo vệ đất nước, sau đổi tên là Thăng Long.

Chiếu dời đô là 1 văn kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn. Nó đánh dấu sự vươn dậy, ý chí tự cường của dt ta. Nó thể hiện sự lớn mạnh của đất nước ta, nhân dân ta trên con đường xây dựng 1 chế độ phong kiến tập quyền hùng mạnh để bảo vệ nền độc lập, tự chủ của Đại Việt. Nó mở ra 1 kỉ nguyên mới, kỉ nguyên Thăng Long huy hoàng.Tuy là 1 bài chiếu có ý nghĩa ban bố mệnh lệnh nhưng Chiếu dời đô lại có sức thuyết phục bởi nó hợp với lẽ trời, lòng dân. Tác giả đã sử dụng 1 hệ thống lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, giọng điệu mạnh mẽ, khoẻ khắn để thuyết phục dân chúng tin và ủng hộ kế hoạch dời đô của mình.

**II.Luyện tập**

**Bài 1:** Các văn bản *Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Nước Đại Việt ta* gắn liền với những sự kiện lịch sử:

*Gợi ý’*

*- Chiếu dời đô*: Năm Canh Tuất, niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1010), Lí Công Uẩn tức vua Lí Thái Tổ viết bài chiếu này bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư (nay thuộc Ninh Bình) về Đại La (tức Hà Nội ngày nay).

*- Hịch tướng sĩ*: Được viết trước cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên lần 2 (1285)

Gợi ý: Cả ba văn bản *Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, NƯớc Đại Việt ta* đều thể hiện những khát vọng cao cả, mãnh liệt của người viết

+ Qua tác phẩm *Chiếu dời đô*, vua Lí Công Uẩn thể hiện khát vọng về một đất nước thống nhất, độc lập, thu về một mối, khát vọng cùng nhân dân xây dựng và phát triển một đất nước Đại Việt lớn mạnh, khí phách và hùng cường.

+ Qua tác phẩm *Hịch tướng sĩ*, tác giả Trần Quốc Tuấn cũng thể hiện khát vọng mãnh liệt về một dân tộc thống nhất và khí phách. Khát vọng ấy được biểu lộ qua tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù. Cả bài hịch sục sôi một tinh thần sẵn sàng xả thân vì nước: " Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.“

**⇒ Chính khát vọng độc lập và khí phách Đại Việt đã làm nên vẻ đẹp tinh thần hiếm có của ba áng văn chương kiệt tác này.**

Bài tập 2. Lí Công Uẩn là vị vua anh minh, tài đức, là người có công khai mở một triều đại chói lọi trong lịch sử Đại Việt. Trong "Chiếu dời đô", ông viết: “Huống gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương: Ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi phải chịu cảnh khốn khổ ngập lụt, muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.”

a. Giải thích nghĩa của từ: Thắng địa, trọng yếu.

1. Lịch sử hơn một ngàn năm qua đã chứng tỏ quyết định của Lí Công Uẩn là vô cùng đúng đắn và sáng suốt. Nếu phải viết một đoạn văn nghị luận phát triển luận điểm: “Đại La là nơi thắng địa, xứng đáng là kinh đô bậc nhất của muôn đời” thì em sẽ sử

dụng những luận cứ nào?

Gợi ý: a,

- Thắng địa: Vùng đất có phong cảnh và địa thế đẹp

- Trọng yếu: Hết sức quan trọng có tính chất cơ bản mẫu chốt

b. Các luận cứ cần có để chứng tỏ ưu thế của Đại La

- Lịch sử: Là kinh đô cũ của Cao Vương - Vị trí địa lí: Ở gần nơi trung tâm trời đất, có thế rồng cuộn hổ ngồi, đúng ngôi nam bắc đông tây, tiện hướng nhìn sông dựa núi, địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng ,dân cư không phải chịu cảnh ngập lụt, muôn vật phong phú tốt tươi.

Bt3: Viết một đoạn văn ngắn chứng minh Chiếu dời dô có sức thuyết phục lớn bởi có sự kết hợp giữa lí lẽ và tình cảm.

Viết đoạn văn phải đầy đủ các ý sau:

- Đoạn mở đầu tác giả viện dẫn sử sách nói về việc dời đô của hai nhà Thương – Chu làm tiền đề, làm chỗ dựa ở những phần sau.

- Dời đô là tuân theo mệnh trời thuận theo ý dân nên đem lại kết quả tốt đẹp. Hai nhà Đinh – Lê không dời đô nên mang lại hậu quả.

- Lý công Uẩn viện dẫn sử sách làm cơ sở để khẳng định việc dời đô của mình không có gì khác thường trái qui luật.

- Lý công Uẩn đã nêu lên các lợi thế của thành Đại La để khẳng định Đại la là nơi tốt nhất để chọn làm kinh đô.

- Việc dời đô về thành Đại La là việc cần thiết nên làm.

- Ngoài lí bài chiếu còn thể hiện cái tình bởi những bài văn bày tỏ nỗi lòng “Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi”. Lời văn cất lên từ trái tim, từ tấm lòng của người lãnh đạo tha thiết yêu dân đã có tác động lớn tới người đọc.

- Ý nguyện dời dô của Lí Công Uẩn chính là khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập thống nhất mãi mãi bền vững. Kết thúc bài chiếu bằng những lời có tính chất đối thoại tâm tình “Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?”. Những lời đối thoại tâm tình ấy tạo sự đồng cảm giữa bậc quân vương và muôn dân trăm họ tạo sự đồng thuận của thần dân với mệnh lệnh của vua .

- Chiếu dời đô có sức thuyết phục người đọc vừa bằng lí lẽ hợp lí chặt chẽ, vừa bằng tình cảm thiết tha chân thành.

Trong bài CHiếu dời đô của Lí Công Uẩn Có ý kiến cho rằng :“ Chiếu dời đô” là văn bản nghị luận có sự kết hợp giữa lý và tình. Quả thật là không sai vì trong tiền đề lịch sử thì đã có 2 lần triều đại Trung Hoa đã dời đô. Đó là ở nhà Trương và nhà Chu. Dời đô là để mưu nghiệp liwns, xây dựng đất nước phồn thình, lâu năm theo ý dân. Những dẫn chứng trong bài thể hiện đặc điểm tâm lí của con người Trung Đại. Vì thế chúng ta cần phải noi gương tiền nhân. Còn trong tình hình thực tế của đất nước thì nhà Đinh Lê họ dời đô chỉ theo ý của riêng mình mà không bàn bạc, hỏi han nhân dân. Đồng thời thể hiện khinh thường mệnh trời. Dễ đấn triều đình không bền lâu số vận ngắn ngủi. trăm họ hao tốn muôn vật không được phát triển. Còn về Lí và Tình tác giả đã sử dụng câu nói "Trầm rất đau xót về việc đó" khiến người đọc có lòng xao xuyến. Đồng thời còn tăng lên sức thuyết phục cho bài văn. Và lần nữa nó khẳng định việc doeif đô là rất cần thiết. Tác giải định đô ở Thăng Long cũng bởi vì về vị thế địa lí: Ở nơi trung tâm của đất trời, mở ra bốn hướng Nam, bắc, đông, tây. Có núi có sông, đất rộng mà bằng cao mà thoáng. Tránh được nạn lụt lội, chật chội. Còn về vị thế chính trị văn hóa thì đây là nơi có đầu mối giao lưu chốn hội tụ trọng hiếu của bốn phương đất trời. Là mảnh đất hưng thịnh "Muôn vật cũng rất mừng phong phú tốt tươi. Và đồng thời chiếu dời đô ra đời để phản ánh ý chí độc lập Đại Việt tự cường phát triển lớn mạnh của dân tộc. Chiếu dời đô ra đời chứng tỏ triều đình nhà lí đủ sức mạnh để chấm dứt nạn phong kiến cát cử. Thống nhất đất nước, thế và lực của dân tộc ĐV đủ súc mạnh ngang hàng với đất nước phong kiến phương Bắc.. Và định đô ở Thăng Long là thực hiện nguyện vọng của nhân dân ta thu giang sơn về 1 mối, nguyện vọng xây dựng đất nước độc lập tự cường. Qua đó cho ta thấy khát vọng của một vị vua về một đất nước phồn thịnh lâu dài.

Hoạt động 3: Vận dụng: Gv yêu cầu về nahf làm bài tập vận dụng, soạn B25

Ngày soạn 3/4/2022

Ngày dạy 4/4/2022 Buổi 25

ÔN LUYỆN VỀ CÂU PHỦ ĐỊNH, HÀNH ĐỘNG NÓI, HỘI THOẠI

**I. MỤC TIÊU**

HS nắm chắc:

***1. Kiến thức***

- Khái niệm câu phủ định, hành động nói, các kiểu hành động nói thường gặp, và các cách thực hiện hành động nói. Hội thoại

***2. Kĩ năng***

- Xác định được câu phủ định, hành động nói trong các văn bản đã học và trong giao tiếp. Biết cách tham gia hội thoại

- Tạo lập được câu phủ định, hành động nói, hội thoại phù hợp với mục đích giao tiếp.

***3. Thái độ***

- Có ý thức tự giác học tập.

***4. Năng lực***

- Năng lực giải quyết vấn đề, tự học, năng lực xác định đúng vai trong cuộc hội thoại, năng lực giao tiếp Tiếng Việt ( lựa chọn, dùng từ, sử dụng ngôn ngữ), biết cách thực hiện hành động nói để đạt được mục đích giao tiếp.

II.CHUẨN BỊ

1.Gv: Tập hợp tư liệu soạn bài, phương tiện máy tính, tivi

2. H/s : Ôn bài

**III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**Hoạt động 1: Khởi động**

-Mục tiêu : giúp h/s nắm vững khái niệm, chức năng của câu phủ định

-Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

H/s nêu k/n; chức năng của câu phủ định

B2: Thực hiện nhiệm vụ

H/s làm việc kĩ thuật động não, cá nhân suy nghĩ trả lời

B3.Báo cáo thảo luận

H/s trình bày

B4.Kết luận, nhận định

- Khái niệm: Câu phủ định là câu có những từ ngữ phủ định như: không, chẳng, chả, chưa, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải (là), đâu (có) …

- Chức năng Câu phủ định dùng để:

+ Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (Câu phủ định miêu tả)

+ Phản bác 1 ý kiến, 1 nhận định (Câu phủ định bác bỏ)

Mô hình: Phủ định + Phủ định = Khẳng định

Vd: Trẫm rất đau xót vì điều đó, không thể không dời đổi

Từ nghi vấn + Phủ định = Khẳng định

Câu chuyện ấy ai chẳng biết.

Hoạt động 3: Luyện tập

-mục tiêu: Giúp h/s củng cố, nhận biết được câu phủ định

-Tổ chức thực hiện

H/s làm việc cá nhân

**Bài 1. Chỉ ra dấu hiệu nhận biết câu phủ định trong các ví dụ sau:**

a. Trong thời thơ ấu tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này.

(Thanh Tịnh)

b. Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng.

(Nguyên Hồng)

c. Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông giáo ạ!

🡪 Có từ ngữ phủ định: chẳng

d. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền. 🡪 Có từ ngữ phủ định: không

e. Con nhà người ta bảy, tám tuổi đã đi ở chăn bò. Còn mày thì chẳng được tích sự gì.

🡪 Có từ ngữ phủ định: chẳng

f. Gần đến ngày giỗ đầu thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hóa vẫn chưa về.

🡪 Có từ ngữ phủ định: chưa

**Bài 2. Chuyển các câu sau thành câu phủ định mà vẫn giữ nguyên ý nghĩa**

a. Bạn Nam học kém 🡪 Bạn Nam học không tốt.

b. Hôm qua, bạn ấy ở nhà 🡪 Cả ngày hôm qua bạn ấy chẳng đi đâu cả

c. Bạn Mai rất xinh đẹp 🡪 Bạn Mai chẳng xấu bao giờ.

d. Trời vẫn còn tối mà 🡪 Bạn Nam học không tốt.

e. Bạn Quỳnh học bài rất chăm chỉ 🡪 Bạn Quỳnh không bao giờ sao nhãng việc học tập

f. Bạn Thắng đi xe rất ẩu 🡪 Bạn Thắng đi xe không được an toàn

**Bài 3. Các câu sau có ý phủ định không? Phủ định miêu tả hay bác bỏ? Hãy diễn đạt ý nghĩa của các câu đó bằng các câu phủ định tương ứng?**

- Ai lại bán vườn đi mà cưới vợ?

- Vả lại bán vườn đi, thì cưới vợ về, ở đâu?

(Nam Cao)

🡪 Các câu đã cho có ý phủ định (phủ định bác bỏ) – Phủ định ý kiến “bán vườn đi để cưới vợ”.

🡪 Có thể diễn đạt ý nghĩa của các câu đó bằng các câu phủ định sau:

(1)Không ai lại bán vườn đi mà cưới vợ.

(2) Vả lại bán vườn đi, thì cưới vợ về, làm gì có chỗ mà ở.

**Bài 4. Chỉ ra sự khác nhau về ý nghĩa của hai câu:**

a. Tôi chưa ăn cơm.

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁC HÀNH ĐỘNG NÓI** | **KIỂU CÂU** |
| **Trình bày (kể, tả, nêu ý kiến, nhận xét, xác nhận, khẳng định, dự báo, thông báo, báo cáo, giới thiệu…)** | Câu trần thuật |
| **Nghi vấn** | Câu nghi vấn |
| **Điều khiển (yêu cầu, đề nghị, ra lệnh, khuyên bảo, mời gọi, thách thức, nhờ vả…)** | Câu cầu khiến |
| **Hứa hẹn (hứa, đảm bảo, đe dọa…)** | Câu trần thuật |
| **Bộc lộ cảm xúc (cám ơn, xin lỗi, than phiền, khen ngợi, chê bai, than thở, ân hận…)** | Câu cảm thán |

b. Tôi không ăn cơm.

🡪 a. Chưa: Phủ định đến thời điểm hiện tại (thời điểm đang nói) người nói “chưa ăn cơm”. Nhưng có thể sau đó một thời gian ngắn thì sự việc ăn cơm sẽ diễn ra.

🡪 b. Không: Dùng để phủ định toàn bộ sự việc “ăn cơm” không diễn ra trong thực tế. Hoặc không có sự việc ăn cơm trong thực tế mà sẽ thay thế bằng sự việc khác (ăn phở, ăn bánh, ăn mì…)

***Bài 2. Xác định hành động nói cho những câu in đậm sau. Cho biết chúng thuộc nhóm hành động nào?***

a. Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm:

-Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.

b. Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên cười hỏi:

– Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?

🡪 Hành động mời- thuộc nhóm điều khiển

🡪 Hành động hỏi

***Bài 2. Xác định hành động nói cho những câu in đậm sau. Cho biết chúng thuộc nhóm hành động nào?***

c. Chị Dậu nghiến hai hàm răng:

– (1) Mày trói ngay chồng bà đi, (2) bà cho mày xem!

d. Thấy thế, tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Dế Choắt lên mà than rằng:

– Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nỗi này!

🡪 (1) Hành động thách thức- thuộc nhóm điều khiển

🡪 (2) Hành động đe dọa, thuộc nhóm hứa hẹn

🡪 Hành động ân hận, thuộc nhóm bộc lộ cảm xúc

***Bài 3. Những câu sau đây dùng để thực hiện hành động nói nào?***

a. Em cam đoan những điều trên là đúng sự thật.

b. (1) Kính chào nữ hoàng. (2) Chắc bây giờ nữ hoàng đã thoả lòng rồi chứ?

🡪 Hành động nói: hứa hẹn, cam đoan

🡪 Cách thực hiện: dùng câu trần thuật có động từ chỉ hành động nói

🡪 (1) Hành động nói: bộc lộ cảm xúc (chào)

🡪 Cách thực hiện: dùng câu trần thuật có động từ chỉ hành động nói

🡪 (2) Hành động nói: hỏi

🡪 Cách thực hiện: dùng câu nghi vấn trực tiếp

c. Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!

🡪 Hành động nói: điều khiển (van)

🡪 Cách thực hiện: dùng câu trần thuật có động từ chỉ hành động nói

🡪 Hành động nói: bộc lộ cảm xúc (cảm ơn)

🡪 Cách thực hiện: dùng câu trần thuật có động từ chỉ hành động nói

***Bài 4. Các hành động nói ở những câu sau được thực hiện trực tiếp hay gián tiếp?***

a. (Thằng kia!) (1) Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? (2) Nộp tiền sưu! (3) Mau!

b. (1) Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dậy các con.(2) Lệnh từ Béc-lin là từ nay chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An- dát và Lo-ren… (3) Thầy giáo mới ngày mai sẽ đến. (4) Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con. (5) Thầy mong các con hết sức chú ý.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Hành động nói** |
| Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dậy các con | Trình bày |
| Lệnh từ Béc-lin là từ nay chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An- dát và Lo-ren… | Trình bày |
| Thầy giáo mới ngày mai sẽ đến. | Trình bày |

I.Hội thoại

1.Khái niệm

Hội thoại là hình thức giao tiếp rất phổ biến. Hằng ngày, mỗi người tham gia hội thoại rất nhiều lần với những đối tượng khác nhau. Nếu không nắm được các đặc điểm về vai xã hội, người tham gia hội thoại có thể không thành công.

**2. Vai xã hội**

***a. Khái niệm*:** là vị trí của người tham gia hội thoại với (những) người khác trong hội thoại.

***b. Xác định vai xã hội*** bằng 2 kiểu quan hệ xã hội giữa những người tham gia hội thoại:

- ***Quan hệ trên – dưới*** hay ngang hàng: xét theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình, chức vụ trong xã hội…

- ***Quan hệ thân – sơ***: Xét theo mức độ tình cảm quen biết của các mối quan hệ xã hội.

**2. Vai xã hội**

**c.** ***Vai xã hội được thể hiện rất rõ thông qua cách xưng hô giữa những người tham gia hội thoại và có thể được thay đổi trong quá trình hội thoại.***

Ví dụ:

*Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn:*

*-* ***Cháu*** *van* ***ông****, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!*

*[…] Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:*

*- Chồng* ***tôi*** *đau ốm,* ***ông*** *không được phép hành hạ!*

*[…] Chị Dậu nghiến hàm răng:*

*-* ***Mày*** *trói ngay chồng* ***bà*** *đi, bà cho mày xem!*

(Ngô Tất Tố)

**3. Lượt lời trong hội thoại**

**a.** Trong hội thoại, những người tham gia lần lượt nói. Mỗi lần người này hay người kia nói được gọi là một lượt lời. Ví dụ:

Lượt lời (1) của lão Hạc: - Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!

Lượt lời (1) của ông giáo: - Cụ bán rồi?

Lượt lời (2) của lão Hạc: - Bán rồi! Họ vừa bắt xong.

Lượt lời (2) của ông giáo: - Thế nó cho bắt à?

**b**. Để đảm bảo lịch sự và để hội thoại diễn ra bình thường, những người tham gia hội thoại phải tôn trọng lượt lời của nhau: tránh ngắt lời người khác. Mặt khác, những người hội thoại cũng cần biết bắt lời kịp thời khi người khác dừng lời, tránh để khoảng im lặng quá dài.

**c.** Người nói khi nói hết, cần sử dụng các dấu hiệu nhất định để người hội thoại với mình thấy được lời nói đã hết, đã ngừng mà bắt cho kịp lời.

Những dấu hiệu thường gặp khi kết thúc lượt lời là:

- Các từ ngữ dứt câu: à, ư, nhỉ, nhé…

- Ngữ điệu

- Im lặng

Luyện tập

**Bài 1. Trong đoạn hội thoại sau có bao nhiêu lượt lời của vua, bao nhiêu lượt lời của em bé? Chỉ ra những dấu hiệu dừng lời trong mỗi lượt lời.**

*- Thằng bé kia, mày có việc gì? Sao lại đến đây mà khóc?*

*- Tâu đức vua, […] mẹ con chết sớm mà cha con thì không chịu đẻ em bé để chơi với con cho có bạn, cho nên con khóc. Dám mong đức vua phán bảo cha con cho con được nhờ.*

*[…] – Mày muốn có em thì phải kiếm vợ khác cho cha mày, chứ cha mày là giống đực, làm sao mà đẻ được!*

*[…] – Thế sao làng chúng con lại có lệnh trên bắt nuối ba con trâu đực cho đẻ thành chín con để nộp đức vua? Giống đực thì làm sao mà đẻ được ạ!*

*[…] – Ta thử đấy thôi mà! Thế làng chúng mày không biết đem trâu ấy ra thịt mà ăn với nhau à?*

*- Tâu đức vua, làng chúng con sau khi nhận được trâu và gạo nếp, biết là lộc của đức vua, cho nên đã làm cỗ ăn mừng với nhau rồi.*

(Em bé thông minh)

**Bài 2. Trong đoạn hội thoại sau có bao nhiêu lượt lời của vua, bao nhiêu lượt lời của em bé? Chỉ ra những dấu hiệu dừng lời trong mỗi lượt lời.**

🡪Đoạn hội thoại có 3 lượt lời của vua, 3 lượt lời của em bé

- Dấu hiệu dừng lời:

+ Lượt 1 của vua: kết thúc bằng ngữ điệu hỏi

+ Lượt 1 của em bé: Kết thúc bằng ngữ điệu nói.

+ Lượt 2 của vua: Kết thúc bằng ngữ điệu

+ Lượt 2 của em bé: kết thúc bằng từ ạ

+ Lượt 3 của vua: kết thúc bằng từ à

+ Lượt 3 của em bé: Kết thúc bằng ngữ điệu

**Bài 2. Cho đoạn trích sau và trả lời câu hỏi**

*- Bẩm…quan lớn…đê vỡ mất rồi!*

*- Đê vỡ rồi!...Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày! Có biết không? Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à?*

*- Dạ, bẩm…*

*- Đuổi cổ nó ra!*

*Ngài quay mặt vào, lại hỏi thầy đề:*

*- Thầy bốc quân gì thế?*

*- Dạ, bẩm, con chưa bốc.*

*- Thì bốc đi chứ!*

***a.*** Xác định vai vế của quan lớn và người nhà quê? Nhận xét cách xưng hô đó.

***b.*** Xác định vai vế của quan lớn và binh lính? Nhận xét cách xưng hô đó.

***c.*** Xác định vai vế của quan lớn và các thầy đề? Nhận xét cách xưng hô đó

***.*** Xác định vai vế của quan lớn và người nhà quê? Nhận xét cách xưng hô đó.

🡺 Cách xưng hô của quan lớn và người nhà quê: chúng mày – quan lớn

⇒ Quan lớn cậy quyền cậy thế áp bức nhân dân. Quan hệ trên – dưới

***b.*** Xác định vai vế của quan lớn và binh lính? Nhận xét cách xưng hô đó.

🡺 Cách xưng hô của quan lớn và binh lính: bay- quan lớn

⇒ Quan hệ trên – dưới, thể hiện thái độ đe dọa, cậy quyền.

***c.*** Xác định vai vế của quan lớn và các thầy đề? Nhận xét cách xưng hô đó

🡺 Cách xưng hô của quan lớn và các thầy đề: Thấy – con

⇒ Quan hệ trên – dưới, thể hiện thái độ phục tùng quan lớn

Bài 4. Sáng tạo và viết ra một cuộc nói chuyện (đoạn hội thoại) trong đó có chứa hành động nói thuộc nhóm điều khiển (dùng cách gián tiếp) và hành động nói thuộc nhóm bộc lộ cảm xúc (dùng cách gián tiếp). Gạch chân và chú thích dưới mỗi câu chứa các hành động nói đó.

Đoạn hội thoại**: Hôm nay là buổi tổng kết năm học , vừa đọc điểm xong ,**

**Minh-lớp trưởng đã quay xuống khoe:**

**-Các cậu ơi ! Ngày mai nhà trường tổ chức cho các**

**lớp 3 ngày đi nghỉ ở Vũng Tàu đó !**

**Cả lớp nhao nhao lên kháo nhau:**

**- Thật hả ? Thật hả ?**

**- Lớp trưởng ơi ! Cậu nói rõ kết hoạch cho bọn mình nghe nào !**

* **Thế này nhé : Vê phí xe và phòng trọ nhà trường đã chi hết rồi !**
* **Còn chuyện ăn uống thì đã có hội phụ huynh lớp mình lo !**
* **Sáng mai la ngày chủ nhật 5 giờ có mặt đầy đủ !**
* **Thầy hiệu trưởng vừa phổ biến là đi sớm .. cho nó mát ') .**
* **Các cậu nhớ là phải mang đầy đủ quần áo tư tranh cần thiết nhé !**
* **Nội dung chỉ có vậy thôi ! Lớp nghỉ !**

**Thế la cả bọn nhao lên :**

**-Ôi thích thế ! Nhà trương muôn năm !.. ')**

\* Câu nghi vấn: Thật hả? Thật hả?

\* Câu cảm thán: Ôi thích thế ! Nhà trương muôn năm !

\* Câu trần thuật: Hôm nay là buổi tổng kết năm học , vừa đọc điểm xong , Minh-lớp trưởng đã quay xuống khoe

\* Câu cầu khiến: Lớp trưởng ơi ! Cậu nói rõ kết hoạch cho bọn mình nghe nào !

Gv củng cố, dặn dò: soạn B26

Ngày soạn T4/13/4/2022

Ngày dạy T5/14/4/2022 Buổi 26

**ÔN TẬP CÁC VĂN BẢN NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI**

**I.Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức:** Năm được thể cáo,.hoàn cảnh lịch sử liên quan đến sự ra đời của Bình Ngô đại cáo.

- ND tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi về đất nước, dân tộc.

- Đặc điểm văn chính luận của Bình Ngô đại cáo ở 1 đoạn trích.

**2.Kỹ năng:** đọc hiểu văn bản chính luận thuộc thể cáo

. **3.Thái độ, phẩm chất:** tự hào về truyền thống yêu nước bất khuất của ông cha ta .

-Tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh:

-Tinh thần chiến đấu dũng cảm của tướng sĩ trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm

**4.Năng lực:**

- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để hiểu nội dung văn bản về chủ đề yêu nước

- Năng lực giải quyết vấn đề, tự học

**-** Năng lực tiếp nhận: đọc -hiểu văn bản

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ để trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vấn đề yêu nước

II.CHUẨN BỊ

1.Gv: Tập hợp tư liệu soạn bài, phương tiện máy tính, tivi

2. H/s : Ôn bài

**III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**Hoạt động 1: Khởi động**

-Mục tiêu : giúp h/s nắm vững các văn bản nghị luận trung đại

-Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

H/s nêu tác giả, tác phẩm, thể loại, bố cục, nội dung và ý nghĩa của từng văn bản

B2: Thực hiện nhiệm vụ

H/s làm việc kĩ thuật động não, cá nhân suy nghĩ trả lời

B3.Báo cáo thảo luận

H/s trình bày

B4.Kết luận, nhận định

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

Văn bản : Nước Đại Việt ta của Nguyễn Trãi

I.Kiến thức cần nhớ

**1.Tác giả:**

- Nguyễn Trãi (1380 -1442) hiệu là Ức Trai, con của Nguyễn Phi Khanh, quê gốc ở Chí Linh, tỉnh Hải Dương,

- Ông là nhà yêu nước anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.

**2.Tác phẩm**

**a, Hoàn cảnh sáng tác: *Tác phẩm*** “***Bình Ngô đại cáo***”: ra đời trong không khí hào hùng của ngày vui đại thắng (1428), sau 10 năm k/c chống quân Minh xâm lược. Tác phẩm có ý nghĩa trọng đại như một bản tuyên ngôn.

\* ***Đoạn trích***: Nằm trong phần mở đầu của t/phẩm.

**b, Phương thức biểu đạt:** Nghị luận

**c, Bố cục:**

+ Hai câu đầu: Tư tưởng nhân nghĩa

+ Tám câu tiếp: Chân lý chủ quyền, độc lập dân tộc Đại Việt

+ Sáu câu còn lại: Sức mạnh của nhân nghĩa, của chủ quyền dân tộc.

**d, Giá trị nghệ thuật:**

- Sử dụng từ ngữ thể hiện tính chất hiển nhiên, vốn có, lâu đời của nước Đại Việt độc lập tự chủ

- Sử dụng phép so sánh, đối lập, đặt Đại Việt ngang hàng với Trung Quốc.

- Câu văn biền ngẫu ngắn, mạnh như lời hùng biện đanh thép.

- Biện pháp liệt kê các dẫn chứng cụ thể, các yếu tố xác định tư cách độc lập của dân tộc Đại Việt.

- Kết hợp giữa lí lẽ và thực tế

**e, Giá trị nội dung:** *Nước Đại Việt ta* thể hiện quan niệm, tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi về Tổ Quốc, đất nước và có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập.

II.Luyện tập

**I. ĐỌC HIỂU(5,0đ)**

Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới.

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*

*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo*

*Như nước Đại việt ta từ trước*

*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu…*

(Trích *“Nước Đại Việt ta”*, Ngữ văn 8, tập 2, tr66, NXB giáo dục Việt Nam).

**Câu 1:** Đoạn trích trên tác giả sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Đoạn trích trên viết theo thể loại gì? ( 1,0 đ)

**Câu 2**: Hoàn cảnh ra đời của đoạn trích? (1,0 đ)

**Câu 3:** Nêu cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của tác giả được thể hiện trong đoạn trích? (1,0đ)

**Câu 4.** Câu *“quân điếu phạt trước lo trừ bạo”* thuộc kiểu câu gì? Dùng để làm gì? Hành động nói gì? Thuộc kiểu hành động nói nào?

**Câu 5:** Từ lòng yêu nước, tự hào về truyền thống dân tộc trong văn bản *Bình Ngô đại cáo,* em hãy viết đoạn văn ngắn khoảng 10 dòng trình bày cảm nhận của em về lòng yêu nước trong bình của tuổi trẻ nước ta? (1,0 đ)

**II. Tạo lập văn bản: (5 điểm)**

Hãy viết bài văn nghị luận về lòng yêu nước

Gợi ý:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính : Nghị luận

- Đoạn trích trên viết theo thể loại : cáo

Câu 2: Hoàn cảnh ra đời của văn bản trên: 1428, cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi. Bình ngô đại cáo được Nguyễn Trãi soạn thảo và công bố ngày 17 tháng Chạp năm Đinh Mùi, đầu năm 1428.

Câu 3: Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của tác giả được thể hiện trong đoạn trích:

- Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là “yên dân”, “trừ bạo”. Muốn yên dân thì phải diệt trừ mọi thế lực tàn bạo. Trong hoàn cảnh của đất nước ta thì nhân nghĩa gắn với yêu nước, chống giặc ngoại xâm.

Câu 4: Câu “quân điếu phạt trước lo trừ bạo” thuộc kiểu câu : Câu trần thuật.

Dùng để trình bày

Hành động nói : trình bày

Kiểu hành động nói: trực tiếp

Câu 5: Hs viết đoạn văn hoàn chỉnh dựa trên các ý sau

Thế hệ trẻ hiện nay, thể hiện lòng yêu nước bằng thái độ và nhiều việc làm thiết thực, ý nghĩa…

- Tự hào về truyền thống dân tộc

- Học tập thật tốt, trau dồi kiến thức, kĩ năng, phẩm chất…

- Đem tài năng, sức trẻ phục vụ đất nước…

- Yêu gia đình, quê hương

Phần 2: Tạo lập văn bản.

**\*Mở bài**

- Lòng yêu nước là một trong những phẩm chất cao quý của con người đối với đất nước mà chúng ta đang sinh sống.

- Vậy lòng yêu nước đóng vai trò quan trọng như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?

**\*Thân bài**

**1. Giải thích:**

- Lòng yêu nước là gì? => Đó là thứ tình cảm thiêng liêng, là sự tôn trọng, tôn thờ, ghi khắc trong tim đối với đất nước mà mình đang sinh sống.

**2. Biểu hiện của lòng yêu nước:**

- Tại sao chúng ta phải có lòng yêu nước?

+ Một con người có lòng yêu nước là người có những tình cảm cao đẹp, trong sáng và luôn vì sự phát triển của đất nước mà cống hiến hết mình.

+ Là thước đo để đánh giá phẩm chất, đạo đức một con người.

+ Người có lòng yêu nước thì dù đi đâu, làm gì, ở bất cứ nơi nào thì trong tim vẫn luôn hướng về cội nguồn, đất nước.

**Trong chiến đấu:**

+ Lòng yêu nước là tiền đề cho những phẩm chất quý giá khác ra đời đó là lòng tự tôn dân tộc, tinh thần hy sinh, kiên cường bất khuất, lòng căm thù quân giặc đến tột cùng, và nhiều phẩm chất khác.

+ Lòng yêu nước luôn đi kèm với tấm lòng hy sinh cao cả, quên mình vì Tổ quốc

Dẫn chứng:

**- Lòng yêu nước của thế hệ trẻ hiện nay:**

+ Phải luôn có ý thức về trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, sẵn lòng hi sinh cho Tổ quốc khi đất nước gọi tên. “ Khi tổ quốc cần họ biết sống xa nhau”

+ Nhắc nhở bản thân phải ghi nhớ công lao của các thế hệ cha anh đi trước, luôn bồi dưỡng và củng cố tấm lòng yêu nước, lòng yêu hòa bình

+ Cảnh giác và đề phòng với các thế lực thù địch

+ Chăm ngoan học hành, tu dưỡng và rèn luyện đạo đức để tương lai trở thành những cá nhân ưu tú đóng góp vào sự phát triển của đất nước

+ Tham gia vào các công tác phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực học đường, đặc biệt là nuôi dưỡng tâm hồn một cách tích cực, hướng thiện,...

Dẫn chứng:

**3. Bàn bạc, mở rộng vấn đề**

- Phê phán những hành động đi ngược lại lợi ích của đất nước.

**\* Kết bài**

Lòng yêu nước là một truyền thống quý báu ngày càng được phát huy một cách mạnh mẽ hơn, đặc biệt là trong xã hội hiện nay.

- Lòng yêu nước là phẩm chất đạo đức cần thiết của con người.

- Là học sinh, em sẽ luôn trau dồi học tập thật tốt để trong tương lai xây dựng nước nhà ngày càng đẹp đẽ và giàu mạnh hơn.

Đề : Đọc đoạn thơ trả lời câu hỏi :

**“Vậy nên:**

**.................................còn ghi”.**

**Câu 1:** Nêu nội dung chính của đoạn văn trên? Em có nhận xét gì về các dẫn chứng mà tác giả đưa ra trong đoạn thơ ?

**Câu 2:** Em có nhận xét gì về cách gọi của tác giả khi nhắc đến tướng giặc? Tư thế thất bại của chúng có giống nhau không?

**Câu 3:** Tác giả nói chứng cớ còn ghi, đó là những chứng cớ gì?

C**âu 4:** Từ nội dung văn bản “Nước Đại Việt ta”, em hiểu được điều gì về tác giả Nguyễn Trãi?

**Câu 5:** Nêu ý nghĩa của đoạn trích “Nước Đại Việt ta”?

**Câu 6:** Từ văn bản, em hãy nêu suy nghĩ về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với đất nước bằng một đoạn văn khoảng 7-10 câu ?

**Câu 1:**

* Nội dung: Sức mạnh của nhân nghĩa và độc lập dân tộc.
* Tác giả đã lấy các sự kiện lịch sử vẻ vang của dân tộc trong cuộc kháng chiến của Ngô Quyền với quân Nam Hán, của vua Lí Thường Kiệt với nhà Tống , của nhà Trần với quân Mông -Nguyên lần thứ 2.

**Câu 2:** Tác giả gọi thẳng tên của chúng, thể hiện thái độ coi thường. Những tư thế thất bại khác nhau được liệt kê đầy đủ một cách hả hê

**Câu 3:** Đó là dấu tích trên sông Bạch Đằng; là sự tháo chạy tán loạn của giặc. Là lịch sử chiến thắng quân Nam Hán, giặc Tống, quân Mông Nguyên lẫy lừng.

**Câu 4:** Là người yêu nước; có tư tưởng nhân nghĩa, tiến bộ; giàu tình cảm và lòng tự hào dân tộc...

**Câu 5:** Ý nghĩa: Nước ta là đất nước có nhiều nền văn hiến lâu đời, có chủ quyền riêng, có phong tục riêng, lịch sử riêng, kẻ xâm lược là kẻ phản nhân nghĩa nhất định sẽ thất bại.

**Câu 6:**

* **Mở đoạn:** Được sống trong hòa bình, tự do thế hệ trẻ cần có trách nhiệm gì với đất nước hôm nay?

**\* Thân đoạn:**

**-** Chúng ta cần khắc sâu công ơn của các thế hệ đi trước, bảo vệ, giữ gìn nền hòa bình, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ.

**-** Đưa nước ta sánh ngang tầm các nước phát triển trên thế giới, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

**-** Học tập trau dồi kiến thức, kĩ năng, ( nhất là học ngoại ngữ), rèn luyện thể chất để có sức khỏe trí tuệ.

**-** Sống chủ động, tự lập phát huy thế mạnh của người Việt: cần cù, chăm chỉ, đoàn kết, nhân ái, ham học hỏi, ...tránh xa sự lười biếng ỷ nại ích kỉ, đố kị.

**-** Đề cao cảnh giác và tỉnh táo trước những âm mưu chống phá nhà nước của các thế lực thù địch; tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; sẵn sàng chiến đấu khi Tổ Quốc cần...

**-** Không nên ăn chơi sa đọa, tham gia vào các tệ nạn xã hội, chìm trong sự hưởng thụ mà sống một cuộc đời mờ nhạt, không có mục tiêu.

- Cần rèn luyện thể chất, bồi dưỡng kiến thức, kí năng, nâng cao trình độ để thực hiện sứ mệnh cao cả của tuổi trẻ đối với đất nước.

**\* Kết đoạn:** Tóm lại, mỗi chúng ta , đặc biệt là tuổi tẻ cần phảicó trách nhiệm với đất nước để góp phần giữ vững nền hòa bình và xây dựng đất nước phát triển.

Nước Đại Việt ta là áng văn tràn đầy lòng tự hào dân tộc. Hãy viết bài giới thiệu về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm và làm sáng tỏ nội dung nhận xét trên.

***Gợi ý làm bài***

– Bài viết này kết hợp cả văn giới thiệu (thuyết minh) và văn nghị luận (chứng minh). Có hai nội dung cần thuyết minh là : về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, về văn nghị luận, cần làm sáng tỏ nội dung bao trùm lên đoạn trích Nước Đại Việt ta là lòng tự hào dân tộc.

a) Nêu được tác giả bài văn này là Nguyễn Trãi (1380 – 1442) – người đã từng sát cánh cùng Lê Lợi lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Minh ; người có công lao to lớn với cuộc kháng chiến chống giặc Minh, nhưng sau này bị chết một cách oan nghiệt. Nguyễn Trãi là người anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hoá thế giới, đồng thời là nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc.

b) Nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm Bình Ngô đại cáo, trong đó có đoạn trích Nước Đại Việt ta. Bài đại cáo này là do Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi soạn thảo sau khi cuộc kháng chiến chống quân Minh vừa kết thúc (năm 1428) để tuyên bố chiến thắng vừa giành được.

c) Về nội dung nhận xét cần làm sáng tỏ, cần nêu được các ý sau :

– Tự hào về dân tộc đã có một nền văn hiến, một truyền thông văn hoá tốt đẹp, lâu đời (Như nước Đại Việt ta từ trước – Vốn xưng nền văn hiến đã lâu).

– Tự hào về một đất nước có lãnh thổ riêng, phong tục tập quán riêng (Núi sông bờ cõi đã chia – Phong tục Bắc Nam cũng khác).

– Tự hào về một dân tộc luôn có truyền thống lịch sử vẻ vang ( Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gầy nền độc lập- Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyền, mỗi bên xưng đế một phương).

– Tự hào về một dân tộc luôn có người tài giỏi, thao lược (Tuy manh yếu từng lúc khác nhau – Song hào kiệt đời nào cũng có).

– Tự hào về một đất nước có nhiều chiến công vang lừng đã được lưu danh sử sách (Lưu Cung tham công nên thất bại … Việc xưa xem xét – Chứng cớ còn ghi).

Bài 7:

**\*Mở bài**

- Lòng yêu nước là một trong những phẩm chất cao quý của con người đối với đất nước mà chúng ta đang sinh sống.

- Vậy lòng yêu nước đóng vai trò quan trọng như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?

2. Biểu hiện của lòng yêu nước:

- Tại sao chúng ta phải có lòng yêu nước?

+ Một con người có lòng yêu nước là người có những tình cảm cao đẹp, trong sáng và luôn vì sự phát triển của đất nước mà cống hiến hết mình.

+ Là thước đo để đánh giá phẩm chất, đạo đức một con người.

+ Người có lòng yêu nước thì dù đi đâu, làm gì, ở bất cứ nơi nào thì trong tim vẫn luôn hướng về cội nguồn, đất nước.

Trong chiến đấu:

+ Lòng yêu nước là tiền đề cho những phẩm chất quý giá khác ra đời đó là lòng tự tôn dân tộc, tinh thần hy sinh, kiên cường bất khuất, lòng căm thù quân giặc đến tột cùng, và nhiều phẩm chất khác.

+ Lòng yêu nước luôn đi kèm với tấm lòng hy sinh cao cả, quên mình vì Tổ quốc

Dẫn chứng:

- Lòng yêu nước của thế hệ trẻ hiện nay:

+ Phải luôn có ý thức về trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, sẵn lòng hi sinh cho Tổ quốc khi đất nước gọi tên. “ Khi tổ quốc cần họ biết sống xa nhau”

+ Nhắc nhở bản thân phải ghi nhớ công lao của các thế hệ cha anh đi trước, luôn bồi dưỡng và củng cố tấm lòng yêu nước, lòng yêu hòa bình

+ Cảnh giác và đề phòng với các thế lực thù địch

+ Chăm ngoan học hành, tu dưỡng và rèn luyện đạo đức để tương lai trở thành những cá nhân ưu tú đóng góp vào sự phát triển của đất nước

+ Tham gia vào các công tác phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực học đường, đặc biệt là nuôi dưỡng tâm hồn một cách tích cực, hướng thiện,...

Dẫn chứng:

3. Bàn bạc, mở rộng vấn đề

- Phê phán những hành động đi ngược lại lợi ích của đất nước.

\* Kết bài

Lòng yêu nước là một truyền thống quý báu ngày càng được phát huy một cách mạnh mẽ hơn, đặc biệt là trong xã hội hiện nay.

- Lòng yêu nước là phẩm chất đạo đức cần thiết của con người.

- Là học sinh, em sẽ luôn trau dồi học tập thật tốt để trong tương lai xây dựng nước nhà ngày càng đẹp đẽ và giàu mạnh hơn.

Văn bản: Bàn Luận về phép học của La sơn phu tử Nguyễn Thiếp

I.Tác giả:

- Nguyễn Thiếp (1723 – 1804), tự là Khải Xuyên, hiệu là Lạp Phong cư sĩ, La Sơn Phu Tử, quê ở Hà Tĩnh.

- Là người thông minh, học rộng hiểu sâu

Được người đời kính trọng, vua Quang Trung trọng dụng.

II. Văn bản:

* a. Hoàn cảnh sáng tác: Là phần trích từ bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung tháng 8/1791.
* b. Thể loại: Văn bản nghị luận (luận văn – tiểu thuyết.

III. TỔNG KẾT

1. **Nghệ thuật**

**-** Trình tự lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.

- So sánh cụ thể, dễ hiểu .

**2. Nội dung**

- Mục đích của việc học là để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần làm hưng thịnh đất nước, chứ không phải để cầu danh lợi .

- Muốn học tốt phải có phương pháp: học từ thấp đến cao, học rộng nhưng phải nắm cho gọn**, đặc** biệt, học phải đi đôi với hành.

IV.Luyện tập

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi: “ Đạo là lẽ đối xử hằng ngày..tệ nạn ấy.”

Câu 1: Nêu nội dung và phương thức biểu đạt của đoạn trích trên là gì?

Câu 2: Câu “ Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền.” Thuộc kiểu câu gì? Thực hiện hành động nói nào?

Câu 3: Câu văn “ Ngọc không mài không thành đồ vật, người không học, không biết rõ đạo.” Thuộc kiểu câu gì? Tác giả muốn bày tỏ suy nghĩ gì về việc học qua câu văn này?

Câu 4 :Em hiểu thế nào là học hình thức? Thế nào là học cầu danh lợi?

Câu 5:Trong đoạn trích trên, Nguyễn Thiếp đã đưa ra ý kiến " Học đi đôi với hành ". Hãy nêu suy nghĩ của em về vấn đề đó bằng một đoạn văn ngắn khoảng 7 câu.

Câu 6: Viết một đoạn văn ngắn từ 7-10 câu nói về sự cần thiết của việc học trong thời đại ngày nay.

Gợi ý

Câu 1: Nội dung chính là nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học; khẳng định mục đích và tác dụng của việc học - học để làm người có ích, có giá trị. Đó mới là việc học chân chính. Ngoài ra còn khẳng định quan điểm đúng đắn về nội dung, phương pháp học tập; phê phán những quan điểm lệch lạc, sai trái trong việc học của một số bộ phận trong xã hội để thấy được ý nghĩa tích cực của việc học tập chân chính.

-Phương thức biểu đạt của đoạn trích trên là nghị luận.

Câu 2: Câu “ Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền.” Thuộc kiểu câu trần thuật, thực hiện hành động nói trình bày.

Câu 3: Câu văn “ Ngọc không mài không thành đồ vật, người không học, không biết rõ đạo.” thuộc kiểu câu phủ định.

-+ Chỉ có học tập, con người mới tốt đẹp. Không thể không học mà tự trở thành người tốt. Do vậy, học tập là quy luật của cuộc sống con người.

- Tác giả cho rằng: đạo học của kẻ đi học là luân thường đạo lí. Em hiểu đạo học này ntn?

-Đạo học ngày trước: mục đích là hình thành đạo đức, nhân cách. Đó là đạo tam cương, ngũ thường.

-Tác giả dùng câu châm ngôn vừa dễ hiểu, vừa tăng sức mạnh thuyết phục. Khái niệm học được giả thích bằng hành ảnh so sánh cụ thể, dễ hiểu. Khái niệm đạo vốn trừu tượng, phức tạp được giả thích ngắn gọn, rõ ràng: Đạo là lí lẽ đối xử hành ngày giữa con người với con người.

Câu 4 : Học hình thức: Học thuộc lòng câu chữ mà không hiểu nội dung, chỉ có danh mà không có thực chất.

- Học cầu danh lợi: Học để có danh tiếng, được trọng vọng, được nhàn nhã và nhiều lợi lộc.

Tác giả xem thường lối học chuộng hình thức. Coi trọng lối học lấy mục đích thành người tốt đẹp làm đất nước bền vững.

Câu 5:

• Mở đoạn: “ Học” và “hành” là hai quá trình có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

• Thân đoạn:

- Học là sự hiểu biết, là vốn kiến thức của mỗi con người. Con người có học là con người biết suy nghĩ, có nhận thức, có sự hiểu biết.

- Hành là thực hành, thực hiện, vận dụng những lý thuyết đã học bằng việc làm thực tế.

- Học kết hợp với hành không phải là vừa học vừa làm. Cho giả dụ, nếu bạn vừa ngồi ăn cơm hay rữa chén vừa học bài thì thử hỏi bạn có thuộc nỗi không? Sự kết hợp ta nói đến ở đây là việc thực hiện những lý thuyết đã học nhầm hiểu rõ, nắm vững những vấn đề mà phần lý thuyết đó đề cặp đến để có thể vận dụng chúng một nhanh chóng, chính xác trong thực tế sau này. Như khi ta học lý thuyết môn toán Lượng giác ở trường, ta thực hành những lý thuyết đó bằng cách làm thật nhiều bài tập để có thể nắm vững những lý thuyết ấy.

• Kết đoạn: Tóm lại, “ học” và “hành” một công việc rất cần thiết đối với mỗi con người đặc biệt là người học sinh.

Đề;

Câu 1: Đoạn văn được trích trong văn bản nào ? Của ai ?

Câu 2: Xác định kiểu câu và hành động nói của câu“Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm”? Em hiểu như thế nào về câu văn nàỳ?

Câu 3: Câu văn “Xin chớ bỏ qua.” thuộc kiểu câu gì ? Thực hiện hành động nói nào ?

Câu 4: Trong đoạn văn trên, Nguyễn Thiếp đã bàn luận đến các phép học nào? Tác dụng mà ông nêu lên là gì?

Câu 5: Từ thực tế học tập của bản thân em, em thấy phương pháp học tập nào là tốt nhất?

Câu 6: Tìm câu tục ngữ có nghĩa tương ứng với câu của tác giả Nguyễn Thiếp: “Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm”

Câu 7: Theo Nguyễn Thiếp, việc học không chỉ liên quan đến mỗi người mà còn quan hệ đến cả quốc gia, xã hội. Quan hệ ấy được hiểu như thế nào?

Câu 8: Nguyễn Thiếp nêu mục đích của việc học là làm người. Em có đồng ý với quan niệm đó không? Theo em, học để làm người trong thời đại ngày nay thì cần học những gì và học như thế nào?

Câu 9: Từ bài “ Bàn luận về phép học” của Nguyễn Thiếp, viết đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ về mục đích và phương pháp học của bản thân?

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Đoạn văn trên trích từ văn bản “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp.

**Câu 2:**

- Kiểu câu: Cầu khiến

- Hành động nói: Điều khiển

- Học rộng rồi tóm lược cho gọn: học rộng, nghĩ sâu, viết tóm lược những điều cơ bản, cốt yếu; theo điều học mà làm: học phải biết kết hợp với hành. Học không phải chỉ để biết mà còn để làm. Muốn học tốt phải có phương pháp: Học cho rộng nhưng phải làm cho gọn, đặc biệt học phải biết áp dụng vào thực tế.

**Câu 3:** Câu văn “Xin chớ bỏ qua.” thuộc kiểu câu rút gọn. Thực hiện hành động nói cầu khiến.

**Câu 4:** Phương pháp học của tác giả được thể hiện như thế nào trong đoạn trích?

+ Học từ những kiến thức cơ bản, có tính chất nền tảng:

• Từ thấp đến cao.

• Học rộng nghĩ sâu, biết tóm lược những điều cơ bản, cốt yếu nhất.

• Học kết hợp với hành, học để làm.

* Tác dụng: Đào tạo được nhân tài, nhờ thế mà nhà nước vững yên. Người tốt nhiều, triều đình ngay ngắn, thiên hạ thịnh trị.

**Câu 5:** Từ thực tế học tập của bản thân em, em thấy phương pháp học tập học đi đôi với hành là tốt nhất vì phương pháp ấy có thể giúp em biết kiến thức học trên lớp thành bài thực hành trong cuộc sống một cách chủ động.

**Câu 6: Học ăn, học nói, học gói, học mở.**

**Câu 6:** Tìm câu tục ngữ có nghĩa tương ứng với câu của tác giả Nguyễn Thiếp: *“Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm”*

**Câu 7:** Quan hệ ấy được hiểu :

* Chỉ có học tập mới giúp mỗi người có thêm tri thức.
* - Có tri thức mà mưu cầu danh lợi thì mối nguy hại mà nó đưa đến cho đất nước là rất to lớn.
* Có tri thức mà phát triển đúng hướng, đúng mục đích để làm người thì đất nước sẽ vững yên và phát triển.

**Câu 8:** Nguyễn Thiếp nêu mục đích của việc học là làm người. Đó là một quan niệm đúng đắn. Theo em, học để làm người trong thời đại ngày nay cần:

+ Học tri thức cơ bản và hiện đại về nhiều lĩnh vực cả tự nhiên và xã hội.

+ Phát huy năng lực tư duy, sáng tạo, kĩ năng sống, kĩ năng giao tiếp.

Về phương pháp học tập: Học đi đôi với hành, học gắn liền với thực tiễn.

**Câu 9:**

Gợi ý: Liên hệ về mục đích, phương pháp học tập của bản thân. Trình bày luận điểm theo phương pháp diễn dịch hoặc quy nạp. Viết thành đoạn văn chặt chẽ, rõ ràng về ý, chính xác về dùng từ, đặt câu.

**\* Mở đoạn:** Trong cuộc sống tất cả mọi người đều mong muốn thành đạt, có vị trí trong xã hội, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Để vươn tới được mục đích ấy, ai cũng phải học tập để có kiến thức sau đó vận dụng vào cuộc sống. Trong cuộc sống tất cả mọi người đều mong muốn thành đạt thì chúng ta cần phải kết hợp giữa mục đích và phương pháp học tập của bản thân.

**\* Thân đoạn:**

- Trong bài “Bàn luận về phép học”của La Sơn Phu Tử, tác giả đã chỉ rõ học chân chính là học làm người, học từ dưới lên cao, từ dễ đến khó, hoặc để áp dụng vào cuộc sống, giúp cuộc sống nhân dân ấm no, hạnh phúc. Điều đó là rất đúng, vì vậy để học và hành có ý nghĩa, chúng ta thử bàn bạc nếu học mà không hành thì sao?Nếu chỉ học vì mục đích lấy danh thơm để chứng tỏ với mọi người vậy ta có học chỉ uổng phí và mấy thời gian. Hoặc nhiều người đi học để lấy điểm, lấy bằng cấp, theo đuổi chức vụ là những người phục vụ cá nhân, ích kỉ mà không vận dụng kiến thức để làm sao cho có sản phẩm quả là đáng trách. Hành mà không học đôi khi cũng có kết quả nhưng không chắc chắn, kết quả không cao bởi vì quá trình thực hiện công việc chưa có cơ hội kế thừa thế hệ trước bằng kinh nghiệm cũng như lý thuyết. Thậm chí hành mà không học có thể dẫn đến thất bại, phá sản,….

- Chính vì những vấn đề đã nêu ra ở phần trên, học không hành là vô ích, hành không học thì không có hiệu quả.

- Vì vậy, chúng ta phải kết hợp học đi đôi với hành. Sự kết hợp này chắc chắn đạt được kết quả cao. Sau khi nghiên cứu, tìm hiểu lý thuyết, chúng ta vận dụng ngày vào thực tế sẽ có kinh nghiệm để sáng tạo, sửa đổi cho phù hợp, từ đó chúng ta sẻ rút ra được không ít những kinh nghiệm đẻ sáng tạo, sửa đổi cho phù hợp thì tiến độ làm vào sản phẩm sẽ nhanh, hiệu quả, có giá trị kinh tế. Vậy mỗi chúng ta hãy hiệu và thực hiện 2 yếu tố học và hành sẽ góp phần tạo ra của cải vật chất để xây dựng đất nước. Từ đó đưa dân tộc vượt đói, vượt nghèo, đứng ngang bằng với các nước trên thế giới vì trong quá trình học chúng ta đã tiếp thu được những kiến thức, văn minh của nhân loại.

- Từ đó ta hãy hiểu lối học chân chính của La Sơn Phu Tử, nếu học không chân chính sẽ dẫn đến mất nước quả là rất đúng. Riêng em, em sẽ vận dụng vào việc học và hành để có kiến thức trở thành một người công dân có đạo đức, hoàn thành trọng trách mà nhà nước giao phó cho mình.

**\* Kết đoạn:** Tóm lại, mỗi chúng ta cần xác định đúng đắn mục đích và phương pháp học sao cho đúng đắn và hiệu quả.

Ngày soạn : 26-4-2022

Ngày dạy : 4/5/2022

**Buổi 27 LUYỆN VIẾT BÀI VĂN VĂN NGHỊ LUẬN CÓ YẾU TỐ MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM**

**I.Mục tiêu:**

**1.Kiến thức**

- Củng cố cho học sinh kiến thức về văn nghị luận, tác dụng của các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả trong văn nghị luận.

- Rèn kĩ năng viết đoạn văn có yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả trong văn nghị luận.

**2.Năng lực:**

- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để hiểu nội dung văn bản về chủ đề yêu nước

- Năng lực giải quyết vấn đề, tự học

**-** Năng lực tiếp nhận: đọc -hiểu văn bản

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ để trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vấn đề yêu nước

**II.CHUẨN BỊ**

1.Gv: Tập hợp tư liệu soạn bài, phương tiện máy tính, tivi

2. H/s : Ôn bài

**III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**Hoạt động 1: Khởi động**

-Mục tiêu : giúp h/s nắm vững các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn nghị

-Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

H/s nêu tác giả, tác phẩm, thể loại, bố cục, nội dung và ý nghĩa của từng văn bản

B2: Thực hiện nhiệm vụ

H/s làm việc kĩ thuật động não, cá nhân suy nghĩ trả lời

B3.Báo cáo thảo luận

H/s trình bày

B4.Kết luận, nhận định

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**I. YẾU TỐ BIỂU CẢM TRONG VĂN NGHỊ LUẬN.**

**1. Tại sao cần phải đưa yếu tố biểu cảm vào văn nghị luận ?**

* Trong mỗi con người, lí trí thường có mối quan hệ chặt chẽ với tình cảm. Lí trí có vai trò định hướng cho tình cảm thâm bền vững và sâu sắc, còn tình cảm góp phần điều chỉnh lí trí, giúp cho tiếng nói của lí trí có sức cảm hóa, dễ đi vào lòng người.
* Một bài văn nghị luận hay luôn là bài bài văn được viết ra không chỉ bằng sự sáng suốt, chặt chẽ của trí tuệ, mà còn bằng tất cả sự nhiệt tình, sự tha thiết của tâm hồn; và một bài văn nghị luận hay không chỉ làm cho người đọc hiểu, mà còn làm trái tim người đọc rung động.

**2. Một số lưu ý khi sử dụng yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận.**

1. *Thứ nhất:* yếu tố biểu cảm phải là sản phẩm trực tiếp hình thành bởi những cảm xúc thật sự của người làm văn nghị luận. Tình cảm càng chân thành thì sức thuyết phục càng lớn. Ví dụ: *Hịch tướng sĩ của TQT…*
2. *Thứ 2:* yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận phải đc thể hiện thông qua những hình thức diễn đat nhất định.

* Sử dụng từ ngữ có sức biểu cảm lớn. Đó là những thán từ, những từ đóng vai trò phủ định, khẳng định để bày bỏ thái độ dứt khoát, rõ ràng: *ơi, hỡi, vần, rõ ràng là, chao ôi, chẳng lẽ, điều ấy đã rõ…* từ ngữ biểu cảm phải độc đáo, linh hoạt, đúng lúc, đúng chỗ.

***Ví dụ:*** *Hỡi đồng bào cả nước!*

* Thông qua việc sử dụng linh hoạt các kiểu câu có tác dụng biểu cảm cao: *câu cảm* *thán, câu cầu khiến, câu hỏi tu từ*.
* Ví dụ: trong văn bản “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của HCM đã sử dụng các kiểu câu: **câu cầu khiến** (*chúng ta phải đứng lên!),* **câu cảm thán** (*VN độc lập và* *thống nhất muôn năm!),* **câu khẳng định** (*Không! Chúng ta thà hi sinh….nô lệ*). Trong bài Hịch tướng sĩ tác giả sử dụng nhiều câu hỏi tu từ: *Lúc bấy giờ… có được không ?...*
* Biểu cảm thông qua các biện pháp tu từ như cách nói ẩn dụ, so sánh, điệp ngữ, thậm xưng…

Ví dụ: *chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong bể máu.*

* *Lưu ý:* yếu tố biểu cảm không chỉ thể hiện qua từ ngữ, câu cú, giọng điệu (bc trự tiếp) mà còn nằm ngay trong nội dung; vì vậy, cần tránh đưa những câu văn sáo rỗng vào bài.

1. Thứ 3: yếu tố biểu cảm chỉ đóng vai trò bổ trợ. Sử dụng không nên quá mức độ, lần án vai trò chủ đạo của yếu tố nghị luận hoặc phá vỡ mạch nghị luận của vb.

**II. Các yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận**

1. Mục đích: làm cho bài văn nghị luận tăng hiệu quả biểu đạt và thuyết phục
2. Một số lưu ý khi sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả trong quá trình nghị luận.

* Yếu tố tự sự và miêu tả thường đc sử dụng trong trường hợp nội dung nghị luận cần có sự minh họa hoặc những dẫn chứng cụ thể, sinh động. Người viết có thể tự sư để kể lại một sự việc, một chi tiết; dùng miêu tả để tái hiện hình ảnh, hành động.
* Lựa chọn và sử dụng yếu tố tự sự, mt phải thực sự xuất phát từ nhu cầu nghị luận, phục vụ cho nội dung nghị luận, phải phù hợp và gắn liền với từng luận điểm, luấn cứ cụ thể trong bài.
* Cần phân biệt rõ khái niện *yếu tố tự sự, miêu tả sử dụng trong văn nghị luận với khái niệm kiểu văn bản tự sự và miêu tả*

Cụ thể là yếu tố tự sự, miêu tả chỉ dừng lại ở giói hạn mô tả hình ảnh, một động tác, thái độ của nhân vật theo yêu cầu của bài văn nghị luận.

1. **Luyện tập đưa yếu tố tự sự, miêu tả vào văn nghị luận**

**1. Chỉ ra yếu tố tự sự, miêu tả trong đoạn văn sau. Nêu tác dụng cụ thể.**

*. … Có kẻ cãi rằng: Vậy không học thì không làm người được sao? Kìa không học như ông Hán Cao Tổ mà làm một ông vua anh hùng; ông Hoắc Quang không học mà làm được công nghiệp lớn. Bên Âu Tây, nhiều nhà đại chính trị, đại sáng tạo, hoặc trọn đời ở trong các mỏ, các công xưởng mà được công việc to thì sao? Còn ở trên đời biết bao người vào trường nọ, đậu trường kia, đào mãi trong trăm ngàn bộ sách, miệng nói ra là thành chuyện văn hào đông tây, mà xét đến phẩm cách tình chất, có điều mất cả tư cách làm người nữa. Thế thì câu nói “học để làm người” không phải không đúng sao?*

***(Theo Phan Kế Bính)***

**Gợi ý:**

* Yếu tố tự sự: dẫn ra tên tuổi của các nhân vật trong lịch sử

**2. Viết lại đoạn văn sau bằng cách dùng thêm yếu tốt biểu cảm nhằm tăng thêm giá trị thuyết phục.**

*Môi trường sống của loài người hiện nay đang bị hủy hoại ngày càng nghiêm trọng. một số nhà khoa học cho rằng nguyên nhân gây nên sự hủy hoại này là do con người không có ý thức giữ gìn môi trường: Các nhà máy thải khí độc vào bầu khí quyển, hay thải rác thải xuống sông; con người phun thuốc trừ sâu, thải chất độc hóa học vào môi trường đất, môi trường nước; khai thác rừng bừa bãi, đốt rừng để làm nương rẫy, dẫn tới hậu quả làm cho nhiều loài thú mất nơi sinh sống có thể dẫn đến tuyệt chủng, cây cối chết dần dẫn đến hiện tượng hạn hán, lũ lụt thất thường gây thiệt hại nghiêm trọng về người và của.*

**Gợi ý:**

Có thể đưa thêm yếu tố biểu cảm vào đoạn văn thông qua việc sử dụng một số từ ngữ có giá trị biểu cảm kết hợp với sự thay đổi linh hoạt các kiểu câu: câu có từ khẳng định, phủ định để nhấn mạnh thái độ, câu hỏi tu từ để thể hiện thái đô day dứt, trăn trở

*Ví dụ:* ***Thật đáng buồn khi chứng kiến các hành ci thiếu ý thức của con người:*** *Các nhà máy, các cơ sở sản xuất* ***ngang nhiên*** *thải khí độc vào bầu khí quyển, hay thải rác thải xuống sông; con người* ***vô tư*** *phun thuốc trừ sau, thải chất độc hóa học vào môi trường đất, môi trường nước; khai thác rừng bừa bãi, đốt rừng để làm nương rẫy dẫn tới hậu quả làm cho nhiều loài thú mất nơi sinh sống có thể dẫn đến tuyệt chủng, cây cối chết dần dẫn đến hiện tượng hạn hán, lũ lụt thất thường gây thiệt hại nghiêm trọng về người và của.*

**3. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Thực tế cuộc sống, có nhiều người ý thức được về lòng tự trọng, về giá trị, nhân cách, danh dự của bản thân mình. Thế nhưng, nếu họ chỉ có ý thức mà không đi kèm với hành động, không thực hiện hóa những gì mình suy nghĩ thì có phải đã biết tự trọng? Lòng tự trọng là sự song hành giữa nhận thức và hành động, giữa lời nói và việc làm. Đó mới là bản chất đích thực của lòng tự trọng. Lòng tư trọng đâu chỉ gói gọn trong vấn đề mỗi cá nhân mà nó còn là vấn đề của cả một dân tộc. Một dân tộc có lòng tự trọng sẽ khẳng định được chỗ đứng của mình trên trường quốc tế, vị thế và tầm vóc của dân tộc đó cũng được nâng cao cùng với thời gian.*

***Gợi ý:***

a. Cách lập luận còn mắc lỗi chưa nêu rõ luận điểm chính vì các câu trong đoạn văn tập trung vào 2 khí cạnh:

+ Câu 1 – 4: Bản chất của lòng tự trọng.

+ Câu 5, 6: lòng tự trọng không chỉ giới hạn là vấn đề của cá nhân mà còn là vấn đề của một đất nước, một dân tộc.

1. Cách sửa lỗi. Viết một câu chưa luận điểm chung cho tất cả các ý, hoặc lược bỏ bớt thông tin để tập trung làm rõ một luận điểm cụ thể.

🡪 Đoạn văn chưa có câu chứa luận điểm.

4.Nghị luận về trang phục và văn hóa

**Më bµi:** Cã thÓ chän 1 trong 2 c¸ch sau:

Nªu vai trß cña trang phôc vµ v¨n hãa, cña mèt ®èi víi x· héi, con ngư­êi nãi chung.

- Nªu thùc tr¹ng trong líp hiÖn nay vÒ vÊn ®Ò mèt, trang phôc vµ v¨n hãa ®Ó tõ ®ã gi¶i thÝch vÒ trang phôc ®èi víi häc sinh.

**Thân bài**;

- Gi¶i thÝch: Trang phôc lµ mét trong nh÷ng yÕu tè quan träng thÓ hiÖn v¨n hãa cña con ngư­êi nãi chung, cña häc sinh trong nhµ trư­êng nãi riªng.

- Mèt trang phôc lµ nh÷ng trang phôc theo kiÓu c¸ch, h×nh thøc míi, hiÖn ®¹i tiªn tiÕn nhÊt. Mèt thÓ hiÖn tr×nh ®é ph¸t triÓn vµ ®æi míi cña trang phôc. Trang phôc theo mèt thêi ®¹i mét phÇn chøng tá con ng­ưêi cã hiÓu biÕt, lÞch sù, v¨n hãa.

- T×nh h×nh ¨n mÆc hiÖn nay: §a sè c¸c b¹n ¨n mÆc ®øng ®¾n, cã v¨n hãa. Tuy nhiªn vÉn cßn mét sè b¹n cho r»ng ch¹y theo mèt míi lµ ng­ưêi hiÖn ®¹i, v¨n minh, cã v¨n hãa.

- T¸c h¹i cña viÖc ch¹y theo mèt: MÊt nhiÒu thêi gian, hao tèn tiÒn b¹c, ¶nh hư­ëng ®Õn

häc tËp, dÔ m¾c khuyÕt ®iÓm, ¶nh h­ưëng ®Õn nh©n c¸ch.

- ¡n mÆc như­ thÕ nµo lµ cã v¨n hãa: Häc sinh cã v¨n hãa kh«ng chØ lµ häc sinh ch¨m ngoan, häc giái. Mµ trong trang phôc cßn ph¶i gän gµng, ®Ñp, phï hîp víi løa tuæi, h×nh d¸ng, c¬ thÓ, phï hîp víi ®iÒu kiÖn gia ®×nh vµ truyÒn thèng d©n téc.

CÇn suy nghÜ, lùa chän trang phôc sao cho phï hîp, kh«ng ®ua ®ßi, ch¹y theo mèt trang phôc thêi th­îng.

Câu 2: Em hãy viết đoạn văn ngắn nghị luận về hiện tượng sống ảo của giới trẻ (trong đó có sử dụng yếu tố biểu cảm).

Thực trạng hiện nay cho thấy một bộ phận lớn giới trẻ hiện nay có thái độ sống ảo rất nhiều, những cách sống ảo này mang lại rất nhiều hậu quả nghiêm trọng và cần phải ngăn chặn kịp thời. Chẳng ai có thể lường trước những hậu quả khi một người sống quá ảo. Sống xa rời thực tế, họ ngại bắt chuyện với cộng đồng, lúc nào cũng bó mình nơi bốn bức tường với máy tính, smartphone có kết nối internet. Họ tìm đến những người xa lạ chưa gặp mặt bao giờ để trút bầu tâm sự. Điều đó không những đánh mất đi chính con người thật của họ mà còn là nguyên nhân gây nên chứng bệnh trầm cảm ở giới trẻ hiện nay. Thế giới ảo đầy rẫy những nút like, nút share, là thế giới mà con người kết bạn bốn phương nhưng nói chuyện để rồi quên mà chẳng bao giờ gặp gỡ. Thế giới của những tâm tư, tình cảm, thế giới của những điều huyễn hoặc mà khi con người đắm chìm vào sẽ rất khó để thoát ra, nó như có ma lực khiến con người mê mệt với các trang mạng xã hội. Nguyên nhân sâu xa hơn bắt nguồn từ chính bản thân mỗi người trẻ. Họ dễ bị cám dỗ, không làm chủ được mình, không có ý thức sắp xếp thời gian hợp lí, vì vậy vô tình để thế giới ảo điều khiển con người mình. Cuộc sống này ngắn ngủi lắm, chúng ta cần gấp máy tính lại, tắt màn hình để cũng tận hưởng không khí trong lành của cuộc sống thực, của tình người và của hạnh phúc.

Gv củng cố, dặn dò; Học và soạn B28

Ngày soạn: 5/5/2022

Ngày dạy: T6/6/5/2022 Buổi 28-29

ÔN TẬP CUỐI NĂM (LUYỆN ĐỀ)

Câu 1: (2 điểm) Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

**Chiến thắng thứ hai**

Kenneth là một học sinh lớp 6. Cậu rất vui và hồi hộp khi được chọn tham dự ngày hội thao của trường. Cậu bé đã vượt qua các bạn và về nhất trong lần thi chạy đầu tiên. Phần thưởng là dải ruy băng choàng chéo vai và sự hoan hô của khán giả khiến cậu rất hãnh diện – với bố mẹ và với các bạn cùng lớp.

Cậu bé tiếp tục thi lần chạy thứ hai. Ngay khi gần đến đích, chỉ cần thêm vài bước nữa thì Kenneth sẽ lại là người chiến thắng, nhưng cậu bé bỗng chạy chậm lại và bước ra khỏi đường đua. Bố mẹ cậu vô cùng thắc mắc:

- Tại sao con lại làm như vậy, Kenneth? Nếu con tiếp tục chạy, chắc chắn con sẽ giành chiến thắng nữa đấy.

Kenneth ngước đôi mắt trong veo nhìn bố mẹ và trả lời:

- Nhưng, mẹ ơi, con đã có một dải ruy băng rồi, còn bạn Bill lại chưa có.

( Hạt giống tâm hồn, tập 4)

a: Nêu nội dung của văn bản trên? (0,5điểm)

b: Xác định hành động nói và cách thực hiện hành động đó trong câu trả lời của cậu với mẹ ở kết truyện: (0,5 điểm)

c: Vì sao ngay khi gần tới đích, sắp là người chiến thắng, cậu bé Kenneth bỗng chạy chậm lại và bước ra khỏi đường đua trước sự ngạc nhiên của bố mẹ? (1 điểm)

d: Câu chuyện là một lời khuyên nhẹ nhàng về tình bạn. Với bản thân em, tình bạn có ý nghĩa như thế nào trong cuộc đời con người? (Hãy trình bày bằng một đoạn văn khoảng 7 đến 10 dòng) điểm)

Gợi ý:

**Câu 1: (5 điểm)**

**a. Nội dung: Cậu bé là người có tấm lòng cao thượng.**

**b. - Hành động nói: Trình bày ( kể) (0,5đ)**

**- Cách thực hiện: Trực tiếp (0,5đ)**

**c. (1điểm) Khi gần tới đích, sắp là người chiến thắng, cậu bé Kenneth bỗng chạy chậm lại và bước ra khỏi đường đua vì cậu muốn nhường chiến thắng cho bạn.**

d. Nội dung:

-Tình bạn là một thứ tình cảm đáng quý và cần có trong cuộc sống của mỗi người, bởi lẽ không có ai có thể sống mà thiếu tình bạn được. (0,5 đ)

-Tình bạn đẹp bởi chính sự chân thành, tôn trọng, và ý thức sẻ chia, đồng cảm giữa những người bạn ấy. (0,5 đ)

- Cuộc sống của chúng ta cũng sẽ trở nên ý nghĩa hơn khi có những người bạn, cùng ta sẻ chia những vui buồn trong cuộc sống. (0,5 đ)

-Liên hệ bản thân. (0,5 đ)

Tình bạn có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống của mỗi con người. Trong cuộc sống hiện nay, tình bạn càng trở nên quý giá và đáng trân trọng. Ta hiểu tình bạn là tình cảm gắn bó giữa hai hoặc nhiều người thông qua một sợi dây liên kết, một điểm chung tương đồng nào đó. Tình cảm đó có thể không quá gắn kết, thân thiết nhưng luôn xuất hiện ở bất kì đâu trong cuộc sống của con người. Khi chúng ta đi học, đi làm, ta đều có bạn, bạn là người cùng ta trải qua những giờ phút đặc biệt trong cuộc đời và có ý nghĩa lớn trong cuộc sống của ta. Biểu hiện của tình bạn không phải một điều gì xa vời mà giản đơn như một cuộc điện thoại hỏi thăm nhau hay đôi khi là sự nhớ về nhau, câu hỏi thăm chân tình chứ không phải vì thỏa mãn cái tò mò nhất thời. Ngày nay, khi cuộc sống ngày một xô bồ, tình bạn giữa người với người cũng biến chất dần. Biến chất theo những lợi dụng và thủ đoạn, nhưng chắc chắn rằng, đó chỉ là một bộ phận rất nhỏ những người biến tình cảm ấy xấu đi. Tình bạn vẫn sẽ luôn đẹp và là đôi cánh nâng con người lên khỏi những khó khăn, những phút giây u tối và làm ta mạnh mẽ hơn trong đời. Đừng để tình bạn của ta biến chất và chỉ còn là hai màn hình độc thoại. Tình bạn- câu chuyện của sẽ chia, câu chuyện của hi sinh như hình ảnh hai người bạn ở Thanh Hóa trogn hành trình cõng bạn mười năm vẫn ở đó và làm ta xúc động khôn nguôi. Chúng ta hãy mãi trân trọng, hãy mãi gìn giữ tình bạn và là một người bạn tốt!

Câu 2: (5điểm)

“Trò chơi điện tử đang trở thành trò chơi tiêu khiển hấp dẫn, nhất là đối với các bạn học sinh. Nhiều bạn vì mãi chơi nên sức học ngày càng giảm sút và còn phạm những sai lầm khác”. Hãy viết một bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của em về hiện tượng đó.

Mở bài:

- Khái quát về tác hại của trò chơi điện tử.

- Nêu vấn đề cần nghị luận.

Thân bài:

a. Giải thích khái niệm trò chơi điện tử:

- Trò chơi điện tử là những trò chơi giải trí được ra đời dựa trên sự phát triển của công nghệ thông tin và các thiết bị điện tử.

b. Hiện trạng:

- Số lượng cửa hàng dịch vụ trò chơi điện tử nhiều và ngày càng gia tăng.

- Nó đã thu hút rất nhiều đối tượng, mọi lứa tuổi, đặc biệt là học sinh ở độ tuổi mới lớn, ưa thích khám phá cái mới.

- Nhiều bạn học sinh ngồi hàng giờ, hàng ngày trước màn hình máy tính, mê mẩn với những trò chơi trên máy mà sao nhãng học hành và còn phạm nhiều sai lầm khác nữa…

c. Nguyên nhân:

- Trò chơi điện tử hiện nay đang thu hút mọi người bởi tính đa dạng và phong phú của nó.

- Đây là một thú vui tiêu khiển rẻ tiền, dễ chơi với những âm thanh, đồ họa rất sống động, bắt mắt, mới lạ, hợp với tính cách của giới trẻ.

- Do bản thân chưa có ý thức tự giác, còn mãi chơi; do gia đình, bố mẹ còn lỏng lẻo trong việc quản lí con cái…

d. Tác hại:

- Đam mê trò chơi điện tử: tốn thời gian dễ khiến học sinh sao nhãng việc học tập, dẫn đến kết quả thấp kém, trốn học, bỏ học…

- Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người: cận thị, đầu óc mệt mỏi…

- Chơi game nhiều, sống với thế giới ảo sẽ làm đầu óc mụ mẫm, ảo giác, thiếu vốn sống thực tế…

- Để có tiền chơi điện tử, người chơi có thể trở thành kẻ trộm cắp, cướp giật, thậm chí gây nhiều tội ác khác…

- Bị ảnh hưởng bởi những nội dung không lành mạnh hoặc bị bạn bè xấu rủ rê, lôi kéo dễ mắc vào các tệ nạn xã hội…

(Nêu một vài dẫn chứng cụ thể).

e. Giải pháp khắc phục, lời khuyên:

Việc mải chơi điện tử rất nguy hại với lứa tuổi học sinh. Vì vậy:

- Mỗi học sinh cần phải có ý thức tự giác, thực hiện qui định về thời gian, không ảnh hưởng đến học tập…

- Các bậc phụ huynh cần quản lí con em mình chặt chẽ

- Nhà trường và các tổ chức xã hội cần tổ chức các sân chơi bổ ích và lành mạnh nhằm thu hút các em.

- Các cơ quan chức năng cần quản lí và kiểm soát chặt chẽ các dịch vụ điện tử, cần có hình thức xử phạt nghiêm đối với các đối tượng vi phạm

(Học sinh có thể nêu những giải pháp hợp lý khác)

- Liên hệ thực tế, đưa ra lời khuyên thiết thực.

Kết bài:

- Khái quát nhận định của cá nhân về vấn đề nghị luận.

- Hơn ai hết, bản thân mỗi bạn trẻ cần ý thức rõ ràng những mặt lợi, mặt hại của trò chơi điện tử để tự điều chỉnh mình, tự rèn luyện ý thức tự giác.

- Chỉ nên xem đây là thú tiêu khiển mang tính giải trí để không quá lạm dụng nó, phụ thuộc vào nó.

- Liên hệ bản thân.

Đề 2:

Câu 1(5 điểm): Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

“Chúng ta đều biết: rừng núi có vai trò vô cùng quan trọng đối với hệ sinh thái tự nhiên trên Trái Đất cũng như sự sống của toàn nhân loại và các loài động vật, thực vật trên thế giới. Ngày nay, các ngọn núi phải đối mặt với những nguy cơ bị sạt lở. Các nhà khoa học chỉ ra rằng: ngoại trừ yếu tố tự nhiên thì nhũng tác động của con người gây ảnh hưởng rất lớn: nạn chặt phá rừng tràn lan là một nhân tố quan trọng, sau khi chặt phá rừng, sườn núi bị phá hoại nghiêm trọng, mưa lớn dễ gây xói mòn đất và lũ lụt, nếu bị động đất còn có thể xuất hiện thêm các hiện tượng như lở núi, sạt núi…

Trên thế giới, mỗi năm xảy ra rất nhiều vụ sạt lở núi nghiêm trọng, làm thương vong rất nhiều người.Trong khí đó, con người vẫn chưa hoàn toàn có ý thức bảo vệ rừng núi và môi trường. Do đó, các bạn nhỏ, chúng ta hãy cùng nhau cố gắng trau dồi thật nhiều kiến thức và phổ biến cho mọi người, góp sức mình bằng những hành động bảo vệ môi trường, bảo vệ Trái Đất!”

(Theo Ôn Gia Thắng, Những điều kì thú về Trái Đất, Hoàng Thùy Linh dịch,Nxb Dân trí, 2017)

a.(1 đ) Cho biết nội dung chính của văn bản?

b.(1đ) Tìm 1 câu câu cầu khiến có trong văn bản trên và cho biết câu cầu khiến đấy dùng để làm gì?

c. (1đ) Dựa vào văn bản hãy cho biết các nhà khoa học đã chỉ ra những nguyên nhân nào dẫn đến nguy cơ sạt lở núi.

d. ( 2đ) Qua văn bản trên muốn nhắc nhở chúng ta về thông điệp gì? Hãy viết một đoạn văn từ 7 đến 10 dòng nêu suy nghĩ của em về thông điệp đó.

Câu 2: (5điểm)

Nhà văn Nguyễn Bá Học từng nói: "Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông". Trong cuộc sống, chúng ta sẽ gặp rất nhiều những khó khăn, thử thách nếu như chúng ta không có ý chí và nghị lực để vượt qua thì mãi mãi chúng ta sẽ không thoát khỏi cái hố sâu đó.

Em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý chí, nghị lực trong cuộc sống.

Câu 1: (5 điểm)

a.(1điểm)Nội dung chính của văn bản: Nói về hiện tượng sạt lở núi và khuyên bảo các bạn nhỏ cùng nhau bảo vệ môi trường, bảo vệ trái đất.

-Nếu HS chỉ nói được: Nói về hiện tượng sạt lở núi (ghi điểm 0,5 đ)

b.(1 điểm)

- Câu cầu khiến (0,5đ): Do đó, các bạn nhỏ, chúng ta hãy cùng nhau cố gắng trau dồi thật nhiều kiến thức và phổ biến cho mọi người, góp sức mình bằng những hành động bảo vệ môi trường, bảo vệ Trái Đất!”

- Chức năng (0,5đ): khuyên bảo, đề nghị.

c. (1đ) Các nhà khoa học đã chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến nguy cơ sạt lở núi:

- Yếu tố tự nhiên. ( 0,5đ)

- Những tác động của con người gây ảnh hưởng rất lớn: nạn chặt phá rừng tràn lan là một nhân tố quan trọng. (0,5đ)

d.Nội dung: (1,75đ)

- Môi trường đất đang bị ảnh hưởng ngày càng nghiêm trọng, 0,5đ)

- Bảo vệ môi trường đất cần có sự chung tay góp sức của nhân loại toàn cầu. (0,5đ)

- Học sinh cần đóng góp bằng những hành động nhỏ nhưng thiết thực như: vẽ tranh cổ động, tuyên truyền tới mọi người…. (0,5đ)

Liên hệ bản thân: Bản thân em sẽ cô gắng học tập để có kiến thức, tham gia cùng mọi người vào các phong trào cổ động bảo vệ môi trường... . (0,25đ)

Vd: Ô nhiễm môi trường đang là ᴠấn đề thu hút ѕự quan tâm của toàn хã hội. Vậу, bản chất của ô nhiễm môi trường là gì? Đó là ѕự thaу đổi tính chất của môi trường, khiến một hoặc nhiều chỉ ѕố ᴠật lí, hóa học ᴠượt ngưỡng cho phép. Nguуên nhân chủ уếu dẫn đến hiện tượng nàу là do các hoạt động thiếu ý thức của con người: không хử lí rác thải đúng cách, ѕử dụng quá nhiều hóa chất bảo ᴠệ thực ᴠật haу đơn giản hơn là ᴠứt rác bừa bãi… Ô nhiễm môi trường đã trở thành một ᴠấn nạn toàn cầu, để lại những hậu quả khôn lường cả trước mắt ᴠà lâu dài. Sự can thiệp thô bạo của con người ᴠào tự nhiên đã hủу hoại cân bằng ѕinh thái, cướp đi môi trường ѕống ᴠà đẩу nhiều loài động, thực ᴠật tới nguу cơ tuуệt chủng. Đồng thời, hiệu ứng nhà kính đang хảу ra ᴠới cường độ ngàу càng mạnh, khiến nhiệt độ Trái Đất tăng ở mức kỉ lục, kéo theo một loạt hệ lụу: biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đất đai bị nhấn chìm… Nhưng có lẽ, đối tượng chịu tác động lớn nhất từ hiện tượng nàу chính là ѕức khỏe con người ᴠới ѕự gia tăng chóng mặt của các căn bệnh liên quan trực tiếp tới уếu tố môi trường: ung thư, lao phổi, ᴠà dị tật ở trẻ ѕơ ѕinh. Đã đến lúc, chúng ta cần chung taу chống lại ô nhiễm môi trường bằng các hành động cụ thể: ѕử dụng tiết kiệm tài nguуên thiên nhiên, ưu tiên các ѕản phẩm thân thiện ᴠới môi trường, tích cực tham gia ᴠào hoạt động của các tổ chức quốc tế, lên án gaу gắt những hành ᴠi hủу hoại môi trường… Bảo ᴠệ môi trường không chỉ là công ᴠiệc của chính phủ haу các nhà khoa học. Đó là nghĩa ᴠụ, trách nhiệm ᴠà quуền lợi của tất cả chúng ta.

1. Mở bài

Giới thiệu vấn đề nghị luận

2. Thân bài

\* Giải thích:

- Thế nào là ý chí, nghị lực trong cuộc sống: lối sống, dũng cảm, dám đối mặt với khó khăn thử thách, sẵn sàng vượt qua.

\* Biểu hiện:

- Người có ý chí, nghị lực, sống là người dù trong hoàn cảnh nào cũng kiên cường, nỗ lực hết sức mình để chèo lái con thuyền của đời mình đi đúng hướng.

- Dám nghĩ, dám làm.

- Khi chúng ta có ước mơ hoài bão, chúng ta có thể nỗ lực theo đuổi ước mơ của chính mình để hiện thực hóa ước mơ của mình đó cũng chính là người có ý chí, nghị lực.

\* Vai trò, ý nghĩa:

- Nghị lực giúp con người đối chọi với khó khăn, vượt qua thử thách của cuộc sống một cách dễ dàng hơn.

- Có niềm tin vào bản thân, tinh thần lạc quan để theo đuổi đến cùng mục đích, lí tưởng sống.

- Đạt được thành công trong công việc và cuộc sống.

- Người có ý chí nghị lực sẽ luôn được mọi người ngưỡng mộ, cảm phục, đồng thời tạo được lòng tin ở người khác.

\* Mở rộng:

- Ý chí, nghị lực sống của chúng ta cần phải được phát huy đúng lúc.

- Phê phán những người không có nghị lực, luôn chán nản và tự tin trong cuộc sống.

\* Bài học nhận thức và hành động:

- Là một học sinh cần phải có ý chí, nghị lực trong cuộc sống nhất là trong học tập.

- Chúng ta rèn luyện bản thân để có một ý chí, nghị lực kiên cường, vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

3. Kết Bài

-Khẳng định lại vai trò của vấn đề nghị luận.

Ý chí, nghị lực sống là nguồn nội lực diệu kì giúp con người vượt qua mọi nghịch cảnh, chinh phục cuộc sống. Nhà văn Nguyễn Bá Học từng nói: "Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông” Trong cuộc sống, chúng ta sẽ gặp rất nhiều những khó khăn, thử thách nếu như chúng ta không có ý chí và nghị lực để vượt qua thì mãi mãi chúng ta sẽ không thoát khỏi cái hố sâu đó. nghĩa là ai có ý chí vượt qua gian khó, thử thách thì người đó sẽ thành công. Bởi chỉ những ai có ý chí, nghị lực thì mới tiến tới tương lai tốt đẹp. Ý chí nghị lực đóng vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của chúng ta, tạo nên tinh thần, lòng dũng cảm đương đầu mọi thử thách để thúc đẩy ta tiến lên phía trước và vững lòng tin hướng về một cuộc sống tốt đẹp

Nếu chẳng may ai sinh ra trong hoàn cảnh bất hạnh, kém may mắn, gặp rủi ro trong cuộc sống thì đừng đem so sánh, so bì với những người có hoàn cảnh may mắn, hạnh phúc hơn mình và mình tự cảm thấy cuộc sống không công bằng và có những suy nghĩ tiêu cực. Chúng ta thường hay đổ lỗi do số phận mình không màu hồng như người khác. Trong cuộc sống để đạt được thành công như ta mong đợi thì phải trải qua nhiều gian nan, thử thách. Không ai sinh ra đều có cuộc sống trải đầy màu hồng, mỗi người một hoàn cảnh khác nhau. Để đạt được ước mơ con người phải có ý chí, nghị lực sống kiên trì, nhẫn nại vượt qua những khó khăn, chông gai trong cuộc sống để đạt được kế hoạch mục tiêu mình đặt ra. Con đường dẫn đến sự thành công không có dấu chân của người không có ý chí nghị lực, vì nó mang giá trị cốt lõi để quyết định sự thành công của bạn.

Đề 3: Câu 1 ( 5,0 điểm): Đọc hiểu

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

Lòng biết ơn là thái độ rung cảm chân thành trước một sự hiến tặng, được ghi khắc sâu đậm trong tâm và có ý muốn đền đáp bằng cách này hay cách khác trong tương lai. Năng lượng biết ơn khi được phát sinh không những tạo nên sự hòa điệu trong các mối quan hệ mà còn có công năng đánh thức những hạt giống cao quý trong tâm hồn và đốt cháy những năng lượng độc hại do ta vô tình lầm lỡ gây ra trong quá khứ. Chỉ cần duy trì ý niệm biết ơn là ta đã thừa hưởng rất nhiều rồi. Huống chi, khi ta biến nó thành hành động cảm ơn hay tạ ơn thì năng lượng ấy sẽ lớn mạnh gấp bội. Nó khiến kẻ đền đáp và người tiếp nhận đều được an vui và hạnh phúc.

Vậy trước khi cảm ơn một người nào, ta cần phải có ý niệm biết ơn sâu sắc trong lòng. Đừng tập thói quen nói ra lời cảm ơn một cách dễ dãi như một phong cách lịch sự, để mưu cầu người khác có thiện cảm hay đánh giá cao về mình. Ít nhất, ta phải chọn được nơi trang nghiêm và thể hiện được lòng thành khẩn của mình qua cách cẩn trọng trong từng lời nói. Một cái chắp tay, một cái cúi đầu, một nụ cười rạng rỡ, một món quà tình ý đều góp phần tạo nên năng lượng cảm ứng cho đối phương.

(Trích Hiểu về trái tim, Minh Niệm)

(1,0 điểm) Nội dung của đoạn trích trên là gì?

b. (1,0 điểm). Em hãy xác định kiểu câu và chức năng của câu văn sau: Đừng tập thói quen nói ra lời cảm ơn một cách dễ dãi như một phong cách lịch sự, để mưu cầu người khác có thiện cảm hay đánh giá cao về mình.

c. (1,0 điểm) Theo tác giả, trước khi cảm ơn một người nào đó, ta cần phải làm gì?

d. (2,0 điểm) Từ đoạn trích trên, em rút ra được bài học gì? Em hãy viết đoạn văn 7 - 10 dòng nêu suy nghĩ của mình.

Câu 2: (5,0 điểm) LÀM VĂN

Trí tuệ minh mẫn, tầm hiểu biết sâu rộng của Chủ tịch Hồ Chí Minh phần lớn đều do Bác đã suốt đời say mê tự học tập, tự nghiên cứu, làm giàu kiến thức cho mình. Tinh thần tự học, tự nghiên cứu của Bác mãi mãi là tấm gương sáng cho mọi người noi theo.

Từ tấm gương tự học của Bác, em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về giá trị của việc tự học.

Gợi ý;

CÂU 1: (5,0 điểm) ĐỌC – HIỂU

a. (1,0 điểm) Nêu nội dung đoạn trích trên.

- Lòng biết ơn mang đến cho con người những năng lượng tích cực, khiến người đền đáp và người tiếp nhận đều hạnh phúc. (0.5 điểm)

- Cách thể hiện lòng biết ơn với người khác. (0.5 điểm)

(Học sinh có thể diễn đạt khác miễn nêu được nội dung chính của đoạn trích.)

b. (1,0 điểm). Em hãy xác định kiểu câu và chức năng của câu văn sau: Đừng tập thói quen nói ra lời cảm ơn một cách dễ dãi như một phong cách lịch sự, để mưu cầu người khác có thiện cảm hay đánh giá cao về mình.

- Câu cầu khiến; (0.5 điểm)

- Chức năng: Khuyên bảo (0.5 điểm)

c. (1,0 điểm) Trước khi cảm ơn một người nào đó, ta cần phải làm gì?

Ta cần phải có ý niệm biết ơn sâu sắc trong lòng.

d. (2,0 điểm) Từ đoạn trích trên, em rút ra được bài học gì? Em hãy viết đoạn văn 7 – 10 dòng nêu suy nghĩ của mình.

Gợi ý:

- Biết ơn là tình cảm biết trân trọng, ghi nhớ công ơn của người khác dành cho mình, đã giúp đỡ mình.

- Mỗi người đều sống với lòng biết ơn thì xã hội sẽ trở nên tốt đẹp hơn, con người sẽ giàu tình cảm hơn và gắn bó với nhau nhiều hơn.

- Lòng biết ơn giúp con người có những định hướng và hành động đúng đắn, giúp chúng ta rèn luyện những đức tính tốt đẹp khác như: sống có ích, yêu thương,…

- Diễn đạt bằng 7 đến 10 dòng

+ Đúng nội dung: (1.0 điểm)

+ Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, câu đúng ngữ pháp, không sai chính tả, dùng đúng từ ngữ: (0.5 điểm)

+ Liên hệ bản thân(0.5 điểm)

+ Không trả lời hoặc lạc đề: (0 điểm)

(Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, miễn sao hợp lý.)

2. Yêu cầu về nội dung:

a. Mở bài:

- Giới thiệụ vấn đề nghị luận: giá trị của việc tự học.

- Dẫn dắt.

b. Thân bài: Trình bày theo trình tự:

- Giải thích: Tự học là gì ?

Tinh thần tự học là ý thức tự rèn luyện, trau dồi bản thân, thu nhận kiến thức và hình thành kỹ sống. Tự học là một ý thức tự giác vô cùng tích cực mà mỗi người cần rèn luyện.

- Biểu hiện của người có tinh thần tự học:

• Luôn cố gắng, nỗ lực học tập, tìm tòi những cái hay, cái mới, không ngừng học hỏi ở mọi lúc mọi nơi.

• Có ý thức tự giác, không để người khác phải nhắc nhở về việc học tập của mình.

• Học đến nơi đến chốn, không bỏ dở giữa chừng, có hệ thống lại bài học, rút ra bài học, kinh nghiệm cho bản thân từ lí thuyết, sách vở.

- Vai trò, ý nghĩa của việc tự học:

• Tự học giúp ta nhớ lâu và vận dụng những kiến thức đã học một cách hữu ích hơn trong cuộc sống.

• Tự học còn giúp con người trở nên năng động, sáng tạo, không ỷ lại, không phụ thuộc vào người khác.

• Người biết tự học là người có ý thức cao, chủ động trong cuộc sống của chính mình, những người này sẽ đi nhanh đến thành công hơn.

- Phê phán những kẻ học hành lười biếng, thụ động.

Bên cạnh những tấm gương tốt về tinh thần tự học, chúng ta cần phê phán những tư tưởng sai lệch. Đó là những người không thấy được tầm quan trọng của việc học dẫn đến không có tinh thần chủ động học tập. Luôn ỷ lại, lười nhác, không có ý chí, nghị lực, học tới đâu hay tới đó.

c. Kết bài:

- Khẳng định lại ý nghĩa của tự học.

- Cảm nghĩ của bản thân, liên hệ bản thân

Gv củng cố, dặn dò: chuẩn bị B30

**A. Lý thuyết**

**1. Bố cục của bài văn nghị luận gồm 3 phần**

- Mở bài( đặt vấn đề): giới thiệu vấn đề, tầm quan trọng của vấn đề, nêu được luận điểm cơ bản cần giải quyết.

- Thân bài( giải quyết vấn đề): triển khai các luận điểm, dùng lí lẽ, dẫn chứng, lập luận để thuyết phục người nghe theo quan điểm đã trình bày.

- Kết bài( kết thúc vấn đề): khẳng định tầm quan trọng, ý nghĩa của vấn đề n ghị luận.

**2. Các bước làm bài văn nghị luận gồm 4 bước:**

*a. Bước 1. Tìm hiểu đề văn nghị luận*

Cần đọc kỹ đề bài, từ đó tìm hiểu luận đề, kiểu bài và phạm vi nghị luận:

- *Luận đề*: là vấn đề đặt ra trong bài, vấn đề đó đòi hỏi người viết phải huy động kiến thức để giải quyết trong bài văn nghị luận.

- *Kiểu bài*: Xác định kiểu bài nghị luận sẽ phải thực hiện( giải thích, chứng minh, bình luận…)

*- Phạm vi nghị luận*: là giới hạn mà luận đề nêu ra, có thể rộng hay hẹp, nghị luận xã hội hay nghị luận văn chương

*b, Bước 2. Lập ý cho bài văn nghị luận*

Lập ý phải theo một quy trình: xac định luận điểm, tìm luận cứ, xây dựng lập luận.

*- Xác định luận điểm:* mồi luận đề đặt ratrong đề bài phải được xác định bằng một hệ thống luận điểm. Có thể xác định luận điểm bằng cách trả lời câu hỏi: luận đề đã nêu có thể chi tiết hóa bằng những nội dun g cụ thể nào? Ngoài racos thể căn cứ vào kiến thức văn chương, xã hội hoặc căn cứ vào kiểu bài mà đề yêu cầu để xác định luận điểm cho phù hợp.

-*Tìm luận cứ(* lí lẽ, dẫn chứng*):*văn nghị luận được hình thành ở lí lẽ và dẫn chứng. Lí lẽ phái sắc bén, đanh thép, hùng hồn( đảm bảo tính khách quan, hợp lý). Dẫn chứng phải xác thực, chọn lọc, giàu sức thuyết phục.

*c, Bước 3: Xây dựng luận điểm thành đoạn văn*

Phải tổ chức, sắp xếp các lí lẽ, dẫn chứng theo một trình tự nhất định( quy nạp, diễn dịch, song hành, móc xích, tam đoạn luận…) để luận điểm của người viết có sức thuyết phục.

*d, Bước 4: Liên kết đoạn thành bài văn*

**KIỂU BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**

**I- LÝ THUYẾT**

**1. Khái niệm**

Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống xã hội là bàn về một sự việc, hiệ tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê hay có vấn đề đáng phải suy nghĩ.

**2. Yêu cầu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống**

*- Yêu cầu về nội dung:*

+ Nêu rõ về sự việc hiện tượng có vấn đề về đời sống.

+ Phân tích mặt đúng- sai, lợi- hại của hiện tượng.

+ Phân tích nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đời sống đó.

+ Chỉ ra các giải pháp khắc phục hiện tượng đời sống đó.

*- Yêu cầu về hình thức:*

Bố cục phải mạch lạc, luận điểm phải rõ ràng, luận cứ phải xác thực, lập luận phù hợp, lời văn chính xác, sống động.

**3. Dàn ý của bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống gồm 3 phần**

*- Mở bài:* Giới thiệu sự việc, hiện tượng đời sống cần bàn.

*- Thân bài*:

+ Giải thích- Khái quát

+ Thực trạng

+ Hậu quả

+ Nguyên nhân

+ Biện pháp khắc phục

*- Kết bài:* Bày tỏ ý kiến đánh giá khái quát về sự việc, hiện tượng vừa bàn, nêu bài học rút ra đối với bản thân, xã hội.

*Lưu ý:* Khuyến khích người viết đưa ra những quan điểm cá nhân, những kiến giải hợp lý, thuyết phục.

**KIỂU BÀI NGHỊ LUẬN VỀ VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ**

**I- LÝ THUYẾT**

**1. Khái niệm**

Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống… của con người.

**2. Yêu cầu bài nghị luận về một về một vấn đề tư tưởng, đạo lí**

*- Về nội dung:*

Phải làm sáng tỏ các vấn đề tư tưởng, đạo lí bằng cách giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu, phân tích…để chỉ ra chỗ hay, chỗ sai của một tư tưởng nào đó, nhằm khẳng định tư tưởng của người viết.

*- Về hình thức:*

Bài viết phải có bố cục 3 phần, có luận điểm đúng đắn, mạch lạc; lời văn chính xác sống động, lí lẽ sắc sảo, thuyết phục, những dẫn chứng minh họa phải chọn lọc, tiêu biểu, phong phú cả mặt tốt, mặt xấu, mặt đúng, mặt sai. Biết lập luận, xem xét vấn đề ở nhiều chiều, nhiều góc độ khác nhau( xưa- nay, lý thuyết- thực tiễn,…)

*- Về mục đích:* Cần xác nhận được các vấn đề tư tưởng, đạo lý ấy đung- sai, phù hợp hoặc chưa phù hợp đồng thời phải hướng người đọc, người nghe đến nhận thức và hành động theo chuẩn mực, đạo lý đó.

*- Về thái độ:* Người viết cần phải có thái độ, quan điểm, lập trường rõ ràng khi nhìn nhận, xem xét, đánh giá một vấn đề thuộc tư tưởng, đạo lý, phải hiểu những chuẩn mực về tư tưởng, đao đức của xã hội mà mọi người chấp nhận, biết liên hệ thực tế cuộc sống để xem xét, bàn bạc.

**3. Bố cục**

*- Mở bài:* Giới thiệu vấn đề tư tưởng, đạo lí đề yêu cầu( Trích câu danh ngôn, ca dao, tục ngữ hoặc tên câu chuyện…).

*- Thân bài*:

**+** Hiểu bản chất tư tưởng, đạo lí cần bàn là gì( giải thích): làm rõ khái niệm, giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng, nghĩa văn bản của từ ngữ, khái niệm; rút ra ý nghĩa khái quát.

+ Bày tỏ thái độ( bàn luận):

* Vì sao?
* Biểu hiện
* Ý nghĩa
* Phê phán, bác bỏ những biểu hiện sai lệch liên quan đến vấn đề ; lật lại vấn đề nghị luận để xem xét những mặt sai trái của nó( lí lẽ và dẫn chứng).
* Mở rộng, nâng cao

*- Kết bài:*

*+* Khẳng định lại ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề vừa bàn: vấn đề đó có ý nghĩa như thế nào trong đời sống, xã hội, liên hệ thực tế cuộc soongstuwf vấn đề vừa bàn rồi mở rộng vấn đề.

+ Liên hệ bản thân, rút ra bài học: Từ vấn đề nghị luận, người viết rút ra được bài học gì về nhận thức và hành động cho bản thân.

**MỘT SỐ KỸ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VỀ XÃ HỘI**

**I. Xác định đề, huy động kiến thức**

– Xác định yêu cầu của đề bài thuộc dạng nghị luận về sự việc hiện tượng đời sống hoặc nghị luận về tư tưởng đạo lý , từ đó vận dụng kỹ năng, phương pháp làm kiểu bài đó để giải quyết đề bài.

- Vận dụng những thông tin trong phần đọc hiểu để có định hướng giải quyết đề bài: xác định câu chủ đề , các từ ngữ lặp lại, các cấu trúc ngữ pháp, biện pháp tu từ…để xác định ý chính, thông điệp chính…của văn bản đọc hiểu. Từ đó có cách lý giải, lập luận, vận dụng dẫn chứng phù hợp trong khi bàn luận về vấn đề cần nghị luận.

**II. Yêu cầu về hình thức**

- Đảm bảo hình thức của một đoạn văn nghị luận: có đủ mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn, được bắt đầu từ chữ viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng. Có thể trình bày theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.

- Biết cách lựa chọn các thao tác lập luận phù hợpđể triển khai vấn đề nghị luận, trình bày cần mạch lạc, rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, cô đúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, diễn đạt…

**III. Yêu cầu về nội dung**

Đoạn văn cần tập trung làm rõ vấn đề cần nghị luaanjmootj cách tương đối hoàn chỉnh; trình bày đủ ý, thể hiện sự suy nghĩ sâu sắc về vấn đề n ghị luận. Cụ thể:

- Mở đoạn: giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

- Thân đoạn: tạo lập một số câu văn triển khai vấn đề nghị luận theo yêu cầu của đề bài; có thể bám sát các bước giải quyết của bài văn nghị luận xã hội về hiện tượng đời sống hoặc về một tư tưởng đạo lí( tham khảo: *giải thích ngắn gọn vấn đề; phân tích tính đúng đắn hoặc sự cần thiết của vấn đề, bàn luận, liên hệ vấn đề với cuộc soongshieenj nay hoặc với bản thân…*)., nên *tập trung bàn luận về một khía cạnh, một phương diện của vấn đề có sự suy nghĩ sâu sắc*. *Dẫn chứng chọn lọc, tiêu biểu, ngắn gọn.*

- Kết đoạn: khái quát lại vấn đề, có thể nêu lên bài học về nhận thức và hành động của bản thân.

**B. Ví dụ**

**1. Kiểu bài nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống**

- Vấn đề môi trường

- Vấn đề tai nạn giao thông

- Vấn đề bạo lực học đường

- Vấn đề lạm dụng mạng xã hội

- Học tủ, học vẹt

- Thể hiện mình là một nhu cầu của lứa tuổi học sinh…

**2. Kiểu bài nghị luận về tư tưởng đạo lí**

- Sức mạnh của tình yêu thương

- Suy nghĩ về tình mẫu tử

- Suy nghĩ về tình bà cháu

- Suy nghĩ về tình yêu quê hương

- Bàn về sống có ích

- Suy nghĩ về lòng yêu nước

- Bàn về lòng dũng cảm

- Suy nghĩ về tình bạn

- Đức tính khiêm tốn

- Tinh thần trách nhiệm

- Bệnh vô cảm

- Lòng biết ơn…

Hoạt động 3: Luyện tập

-Mục tiêu: Giúp h/s nắm vững phương pháp làm các kiểu bài nghị luận xã hội

-Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

C1.Suy nghĩ về rác thải hiện nay.

C2.Suy nghĩ về vấn đề tai nạn giao thông hiện nay.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

H/s làm bài

Bước 3: báo cáo, thảo luận

H/s trình bày bài làm

Bước 4: Kết luận, nhận định

**Đề 1: SUY NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ RÁC THẢI HIỆN NAY**

***Gợi ý:***

**A. Mở bài**

- Dẫn dắt, khái quát thực trạng rác thải hiện nay.

- Nêu quan điểm của em về vấn đề này.

**B.Thân bài**  
*\*Giải thích khái niệm rác thải:* Rác thải là gì?

+ Rác thải là những sản phẩm mà người tiêu dùng không còn muốn sử dụng nữa, đem vứt ra nơi công cộng làm ảnh hưởng xấu đến môi trường

+ Rác thải là những phế thải nên nó được chia làm hai loại: rác thải công nghiệp và rác thải sinh hoạt… gồm đủ loại và đủ các chất liệu khác nhau như vỏ hoa quả, vỏ chai, bai bì nilon, giấy rác, con vật, nước thải

\*Biểu hiện:

+ Rác thải xuất hiện ở mọi nơi, mọi lúc, ngoài đường, công cộng, trong gia đình, trong mọi ngõ ngách cảu cuộc sống rác đều xuất hiện

+ Rác thải công nghiệp thải ra chủ yếu là nước, các chất hóa học chưa thông qua xử lý, ảnh hưởng xấu đến môi trường

+ Rác thải sinh hoạt gồm rất nhiều loại như: vỏ đồ hộp, giấy rác, mảnh chai, tất cả những thứ mà chúng ta không dùng được khi vứt ra ngoài thì nó đều là rác thải

+ Rác thải cũng có nhiều kích thước khác nhau tùy theo mức độ của người sử dụng

\* Nguyên nhân:

+ Do con người thiếu ý thức trong quá trình sử dụng, thói quen xấu, lười biếng, lối sống lạc hậu, ích kỉ, chỉ nghĩ đến quyền lợi cá nhân

+ Ý thức bảo vệ môi trường không cao do trình độ dân trí thấp

+ Cơ sở vật chất nghèo nàn, dụng cụ chưa đứng rác quá ít, người dân ít tuân theo những quy định nơi công cộng

+ Xử phạt không nghiêm minh, quá nể nang hoặc bao che, cũng có những trường hợp không thể xử lý được

\*Tác hại.

+ Ảnh hưởng đến sức khỏe con người

+ Ảnh hưởng đến môi trường, gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước

+ Do môi trường sinh thái bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người không phải một thế hệ mà nhiều thế hệ

Ảnh hưởng xấu đến môi trường, mất mĩ quan nơi công cộng

\*Biện pháp:

+ Mỗi chúng ta cần có ý thức không xả rác bừa bãi, đề ra những quy định chung cần phải đổ rác đúng nơi quy định

+ Cần tuyên truyền cho những người xung quanh ta ý thứ bảo vệ môi trường nhất là những nơi công cộng

+ Cần phải đầu tư cơ sở vật chất, đặt thùng rác đúng nơi quy định

+ Cần có những hình thức xử phạt nghiêm khắc đối với những người vứt rác bừa bãi, đặc biệt là những nơi công cộng

+ Học sinh chúng ta khi còn ngồi trên ghế nhà trường hãy rèn luyện cho mình ý thức bảo vệ môi trường thật tốt, không chỉ bảo vệ ở gia đình mà còn ở nhà trường, xã hội

**C. Kết bài**

- Khái quát lại suy nghĩ, nhận định về vấn đề rác thải: Bảo vệ môi trường là bảo vệ sự sống của mỗi người, vì vậy tất cả chúng ta cần có ý thức bảo vệ môi trường, để môi trường xanh- sạch- đẹp- văn minh.

**Đề 2: SUY NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ TAI NẠN GIAO THÔNG HIỆN NAY**

***Gợi ý:***

**I. Mở bài:**

- Trong nhiều năm trở lại đây, vấn đề tai nạn giao thông đang là điểm nóng thu hút nhiều sự quan tâm của dư luận bởi mức độ thiệt hại mà vấn đề này gây ra.

- Tuổi trẻ học đường – những công dân tương lai của đất nước – cũng phải có những suy nghĩ và hành động để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông.

**II. Thân bài:**

1. Thực trạng tai nạn giao thông ở Việt Nam hiện nay:

– Đang diễn ra hàng ngày hàng giờ trên cả nước, (33 – 34 người chết và bị thương / 1 ngày)

– Trong số đó, có không ít các bạn học sinh, sinh viên là nạn nhân hoặc là thủ phạm gây ra các vụ tai nạn giao thông.

2. Hậu quả của vấn đề:

– Thiệt hại lớn về người và của, để lại những thương tật vĩnh viễn cho các cá nhân và hậu quả nặng nề cho cả cộng đồng.

– Gây đau đớn, mất mát, thương tâm cho người thân, xã hội.

3. Nguyên nhân của vấn đề:

– Chủ quan:

+ Ý thức tham gia giao thông của người dân còn hạn chế, thiếu hiểu biết và không chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông (lạng lách, đánh võng, vượt đèn đỏ, coi thường việc đội mũ bảo hiểm…)

+Thiếu hiểu biết về các quy định an toàn giao thông (lấy trộm ốc vít đường ray, chiếm dụng đường…)

– Khách quan:

+ Sự hạn chế về cơ sở vật chất (chất lượng đường thấp, xe cộ không đảm bảo an toàn…)

+ Việc xử lí của cảnh sát giao thông chưa nghiêm, chưa có sức dăn đe, chưa đồng đều.

+ Người dân hai bên đường lấn chiếm vỉa hè, lòng đường phơi dơm thóc cản trở giao thông.

+ Thời tiết xấu.

+ Đáng tiếc rằng, góp phần gây ra nhiều tai nạn giao thông, còn có những bạn học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường.

4. Hành động của tuổi trẻ học đường góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông:

– Tham gia học tập luật giao thông đường bộ ở trường lớp. Ngoài ra, bản thân mỗi người phải tìm hiểu, nắm vững thêm các luật lệ và quy định đảm bảo an toàn giao thông.

– Chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn giao thông: không lạng lách, đánh võng trên đường đi, không đi xe máy khi chưa có bằng lái, không vượt đèn đỏ, đi đúng phần đường, dừng đỗ đúng quy định, khi rẽ ngang hoặc dừng phải quan sát cẩn thận và có tín hiệu báo hiệu cho người sau biết, đi chậm và quan sát cẩn thận khi qua ngã tư…

– Đi bộ sang đường đúng quy định, tham gia giúp đỡ người già yếu, người tàn tật và trẻ em qua đường đúng quy định.

– Tuyên truyền luật giao thông: trao đổi với người thân trong gia đình, tham gia các hoạt động tuyên truyền xung kích về an toàn giao thông để góp phần phổ biến luật giao thông đến tất cả mọi người, tham gia các đội thanh niên tình nguyện đảm bảo an toàn giao thông…

**III. Kết bài:**

– An toàn giao thông là hạnh phúc của mỗi người mỗi gia đình và toàn xã hội.

– Tuổi trẻ học đường với tư cách là chủ nhân tương lai của đất nước, là thế hệ tiên phong trong nhiều lĩnh vực, có sức khoẻ, có tri thức… cần có những suy nghĩ đúng đắn và gương mẫu thực hiện những giải pháp thiết thực để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông…

Gv củng cố, dặn dò: về nhà ôn luyện.